CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/2024/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 03/5/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 03/5/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.
- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 03/5/2024: Trước 16h30' ngày 30/4/2024 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 30/4/2024).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- TK9 - Bộ Công an (Để B/c);
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 41 - C.T.H.D - CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM - Q.THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 03/5/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 30/4/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	30K-891.11	Hà Nội	1501	43A-886.86	Đà Nẵng	3001	15K-333.38	Hải Phòng	4501	74A-266.66	Quảng Trị
2	63A-303.33	Tiền Giang	1502	15K-313.68	Hải Phòng	3002	15K-258.86	Hải Phòng	4502	14A-799.39	Quảng Ninh
3	15K-312.22	Hải Phòng	1503	20A-798.99	Thái Nguyên	3003	15K-319.99	Hải Phòng	4503	15K-329.97	Hải Phòng
4	19A-668.28	Phú Thọ	1504	24A-294.44	Lào Cai	3004	15K-333.57	Hải Phòng	4504	15K-333.44	Hải Phòng
5	20A-799.79	Thái Nguyên	1505	30K-464.79	Hà Nội	3005	17A-395.79	Thái Bình	4505	15K-333.45	Hải Phòng
6	26A-222.28	Sơn La	1506	30L-488.82	Hà Nội	3006	17A-466.86	Thái Bình	4506	15K-334.56	Hải Phòng
7	30L-488.95	Hà Nội	1507	30L-488.98	Hà Nội	3007	19A-666.06	Phú Thọ	4507	17A-466.65	Thái Bình
8	30L-537.79	Hà Nội	1508	30L-509.89	Hà Nội	3008	19A-666.45	Phú Thọ	4508	19A-666.34	Phú Thọ
9	30L-538.38	Hà Nội	1509	30L-522.27	Hà Nội	3009	26A-222.39	Sơn La	4509	20A-785.55	Thái Nguyên
10	30L-546.66	Hà Nội	1510	30L-522.29	Hà Nội	3010	30L-127.66	Hà Nội	4510	20A-794.44	Thái Nguyên
11	34A-838.89	Hải Dương	1511	30L-534.44	Hà Nội	3011	30L-488.96	Hà Nội	4511	20A-810.00	Thái Nguyên
12	34A-842.22	Hải Dương	1512	35A-434.44	Ninh Bình	3012	30L-500.00	Hà Nội	4512	28A-226.89	Hòa Bình
13	36K-088.68	Thanh Hóa	1513	36K-099.89	Thanh Hóa	3013	30L-501.11	Hà Nội	4513	30K-688.19	Hà Nội
14	36K-111.19	Thanh Hóa	1514	36K-108.88	Thanh Hóa	3014	30L-503.33	Hà Nội	4514	30K-826.36	Hà Nội
15	37K-345.55	Nghệ An	1515	36K-111.14	Thanh Hóa	3015	30L-516.68	Hà Nội	4515	30K-923.39	Hà Nội
16	37K-345.66	Nghệ An	1516	36K-116.68	Thanh Hóa	3016	30L-518.18	Hà Nội	4516	30L-101.68	Hà Nội
17	37K-345.88	Nghệ An	1517	36K-119.96	Thanh Hóa	3017	30L-519.79	Hà Nội	4517	30L-488.90	Hà Nội
18	37K-349.99	Nghệ An	1518	36K-135.55	Thanh Hóa	3018	30L-520.88	Hà Nội	4518	30L-512.22	Hà Nội
19	37K-356.89	Nghệ An	1519	37K-344.45	Nghệ An	3019	30L-527.79	Hà Nội	4519	30L-519.02	Hà Nội
20	37K-369.98	Nghệ An	1520	37K-345.68	Nghệ An	3020	36K-088.69	Thanh Hóa	4520	30L-536.68	Hà Nội
21	37K-370.00	Nghệ An	1521	37K-353.33	Nghệ An	3021	36K-134.44	Thanh Hóa	4521	34A-823.33	Hải Dương
22	37K-381.11	Nghệ An	1522	37K-380.00	Nghệ An	3022	37K-366.63	Nghệ An	4522	36K-094.44	Thanh Hóa
23	38A-558.85	Hà Tĩnh	1523	38A-633.39	Hà Tĩnh	3023	37K-368.66	Nghệ An	4523	36K-133.31	Thanh Hóa
24	38A-626.69	Hà Tĩnh	1524	43A-888.90	Đà Nẵng	3024	43A-879.97	Đà Nẵng	4524	37K-355.99	Nghệ An
25	47A-758.88	Đắk Lắk	1525	43A-889.77	Đà Nẵng	3025	43A-888.48	Đà Nẵng	4525	37K-373.33	Nghệ An
26	49A-699.89	Lâm Đồng	1526	47A-739.96	Đắk Lắk	3026	43A-889.76	Đà Nẵng	4526	43A-877.99	Đà Nẵng
27	49A-699.95	Lâm Đồng	1527	51D-999.86	Hồ Chí Minh	3027	47A-748.88	Đắk Lắk	4527	43A-885.55	Đà Nẵng
28	51K-908.66	Hồ Chí Minh	1528	51L-245.99	Hồ Chí Minh	3028	47C-363.33	Đắk Lắk	4528	43A-886.67	Đà Nẵng
29	51L-183.33	Hồ Chí Minh	1529	60K-510.00	Đồng Nai	3029	49A-708.09	Lâm Đồng	4529	43A-888.39	Đà Nẵng
30	60K-516.66	Đồng Nai	1530	60K-519.19	Đồng Nai	3030	51L-337.11	Hồ Chí Minh	4530	47A-728.88	Đắk Lắk
31	60K-519.79	Đồng Nai	1531	62A-444.79	Long An	3031	60K-523.33	Đồng Nai	4531	49A-701.11	Lâm Đồng
32	61K-315.55	Bình Dương	1532	65A-457.77	Cần Thơ	3032	62A-444.43	Long An	4532	60K-506.66	Đồng Nai
33	61K-379.88	Bình Dương	1533	65A-457.79	Cần Thơ	3033	65A-471.11	Cần Thơ	4533	60K-511.88	Đồng Nai
34	62A-444.22	Long An	1534	70A-547.77	Tây Ninh	3034	72A-799.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	4534	60K-527.77	Đồng Nai
35	65A-482.22	Cần Thơ	1535	70A-555.25	Tây Ninh	3035	72A-799.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	4535	61K-419.99	Bình Dương
36	67C-179.97	An Giang	1536	74A-266.62	Quảng Trị	3036	77A-333.00	Bình Định	4536	62A-379.88	Long An
37	68A-350.00	Kiên Giang	1537	77A-333.07	Bình Định	3037	77A-333.03	Bình Định	4537	62A-444.68	Long An
38	69C-099.97	Cà Mau	1538	79A-533.39	Khánh Hòa	3038	79A-539.99	Khánh Hòa	4538	66A-278.88	Đồng Tháp
39	71A-199.80	Bến Tre	1539	81A-415.55	Gia Lai	3039	82A-149.99	Kon Tum	4539	70A-555.33	Tây Ninh
40	72A-789.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1540	81A-422.24	Gia Lai	3040	85A-139.99	Ninh Thuận	4540	72A-792.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
41	72A-798.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1541	88A-733.37	Vĩnh Phúc	3041	86A-301.11	Bình Thuận	4541	72C-228.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
42	72A-800.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	1542	90A-271.11	Hà Nam	3042	92A-408.88	Quảng Nam	4542	76A-308.88	Quảng Ngãi
43	73A-355.53	Quảng Bình	1543	98A-777.39	Bắc Giang	3043	98A-771.11	Bắc Giang	4543	77A-333.13	Bình Định
44	74A-264.44	Quảng Trị	1544	98A-777.87	Bắc Giang	3044	98A-777.11	Bắc Giang	4544	98A-790.00	Bắc Giang
45	77A-333.08	Bình Định	1545	98A-779.69	Bắc Giang	3045	98A-792.22	Bắc Giang	4545	99A-777.86	Bắc Ninh
46	89A-488.68	Hưng Yên	1546	99A-775.75	Bắc Ninh	3046	99A-779.55	Bắc Ninh	4546	99A-779.96	Bắc Ninh
47	98A-779.86	Bắc Giang	1547	30L-487.83	Hà Nội	3047	30L-486.88	Hà Nội	4547	30L-486.87	Hà Nội
48	30L-488.08	Hà Nội	1548	30L-488.85	Hà Nội	3048	30L-487.15	Hà Nội	4548	30L-487.35	Hà Nội
49	30L-488.65	Hà Nội	1549	30L-490.25	Hà Nội	3049	30L-489.16	Hà Nội	4549	30L-488.44	Hà Nội
50	30L-489.25	Hà Nội	1550	30L-491.69	Hà Nội	3050	30L-489.39	Hà Nội	4550	30L-491.16	Hà Nội
51	30L-489.68	Hà Nội	1551	30L-493.18	Hà Nội	3051	30L-489.79	Hà Nội	4551	30L-491.25	Hà Nội
52	30L-491.89	Hà Nội	1552	30L-494.22	Hà Nội	3052	30L-490.69	Hà Nội	4552	30L-491.66	Hà Nội
53	30L-492.66	Hà Nội	1553	30L-494.25	Hà Nội	3053	30L-490.89	Hà Nội	4553	30L-492.15	Hà Nội
54	30L-493.16	Hà Nội	1554	30L-494.69	Hà Nội	3054	30L-491.49	Hà Nội	4554	30L-495.65	Hà Nội
55	30L-494.56	Hà Nội	1555	30L-494.86	Hà Nội	3055	30L-491.56	Hà Nội	4555	30L-496.83	Hà Nội
56	30L-495.16	Hà Nội	1556	30L-497.16	Hà Nội	3056	30L-492.11	Hà Nội	4556	30L-498.11	Hà Nội
57	30L-495.28	Hà Nội	1557	30L-497.55	Hà Nội	3057	30L-493.09	Hà Nội	4557	30L-498.18	Hà Nội
58	30L-496.36	Hà Nội	1558	30L-500.58	Hà Nội	3058	30L-494.15	Hà Nội	4558	30L-499.55	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
59	30L-498.29	Hà Nội	1559	30L-500.59	Hà Nội	3059	30L-494.35	Hà Nội	4559	30L-500.06	Hà Nội
60	30L-498.55	Hà Nội	1560	30L-500.86	Hà Nội	3060	30L-494.36	Hà Nội	4560	30L-500.26	Hà Nội
61	30L-498.69	Hà Nội	1561	30L-501.58	Hà Nội	3061	30L-495.35	Hà Nội	4561	30L-502.09	Hà Nội
62	30L-499.06	Hà Nội	1562	30L-501.83	Hà Nội	3062	30L-495.39	Hà Nội	4562	30L-503.59	Hà Nội
63	30L-499.38	Hà Nội	1563	30L-501.86	Hà Nội	3063	30L-496.11	Hà Nội	4563	30L-503.98	Hà Nội
64	30L-499.39	Hà Nội	1564	30L-502.68	Hà Nội	3064	30L-496.96	Hà Nội	4564	30L-504.33	Hà Nội
65	30L-500.98	Hà Nội	1565	30L-503.26	Hà Nội	3065	30L-497.09	Hà Nội	4565	30L-504.56	Hà Nội
66	30L-500.99	Hà Nội	1566	30L-503.38	Hà Nội	3066	30L-498.65	Hà Nội	4566	30L-505.18	Hà Nội
67	30L-502.02	Hà Nội	1567	30L-504.58	Hà Nội	3067	30L-498.83	Hà Nội	4567	30L-505.25	Hà Nội
68	30L-502.15	Hà Nội	1568	30L-505.58	Hà Nội	3068	30L-499.11	Hà Nội	4568	30L-505.50	Hà Nội
69	30L-502.25	Hà Nội	1569	30L-506.36	Hà Nội	3069	30L-499.29	Hà Nội	4569	30L-508.50	Hà Nội
70	30L-502.89	Hà Nội	1570	30L-507.08	Hà Nội	3070	30L-499.33	Hà Nội	4570	30L-509.65	Hà Nội
71	30L-503.85	Hà Nội	1571	30L-507.28	Hà Nội	3071	30L-501.26	Hà Nội	4571	30L-511.58	Hà Nội
72	30L-503.95	Hà Nội	1572	30L-508.69	Hà Nội	3072	30L-501.36	Hà Nội	4572	30L-511.65	Hà Nội
73	30L-505.28	Hà Nội	1573	30L-510.15	Hà Nội	3073	30L-501.38	Hà Nội	4573	30L-511.85	Hà Nội
74	30L-506.38	Hà Nội	1574	30L-510.58	Hà Nội	3074	30L-501.65	Hà Nội	4574	30L-513.36	Hà Nội
75	30L-506.39	Hà Nội	1575	30L-510.83	Hà Nội	3075	30L-502.35	Hà Nội	4575	30L-513.85	Hà Nội
76	30L-506.95	Hà Nội	1576	30L-511.66	Hà Nội	3076	30L-504.39	Hà Nội	4576	30L-514.28	Hà Nội
77	30L-507.89	Hà Nội	1577	30L-512.35	Hà Nội	3077	30L-505.00	Hà Nội	4577	30L-517.28	Hà Nội
78	30L-508.68	Hà Nội	1578	30L-512.99	Hà Nội	3078	30L-505.22	Hà Nội	4578	30L-517.36	Hà Nội
79	30L-509.55	Hà Nội	1579	30L-513.16	Hà Nội	3079	30L-505.65	Hà Nội	4579	30L-517.96	Hà Nội
80	30L-510.59	Hà Nội	1580	30L-516.39	Hà Nội	3080	30L-506.88	Hà Nội	4580	30L-520.19	Hà Nội
81	30L-510.79	Hà Nội	1581	30L-516.99	Hà Nội	3081	30L-507.44	Hà Nội	4581	30L-520.26	Hà Nội
82	30L-510.98	Hà Nội	1582	30L-517.09	Hà Nội	3082	30L-507.79	Hà Nội	4582	30L-520.52	Hà Nội
83	30L-512.56	Hà Nội	1583	30L-517.17	Hà Nội	3083	30L-508.09	Hà Nội	4583	30L-521.55	Hà Nội
84	30L-512.59	Hà Nội	1584	30L-517.95	Hà Nội	3084	30L-509.15	Hà Nội	4584	30L-521.77	Hà Nội
85	30L-513.96	Hà Nội	1585	30L-520.21	Hà Nội	3085	30L-509.68	Hà Nội	4585	30L-522.79	Hà Nội
86	30L-514.25	Hà Nội	1586	30L-520.66	Hà Nội	3086	30L-510.11	Hà Nội	4586	30L-523.89	Hà Nội
87	30L-516.06	Hà Nội	1587	30L-520.96	Hà Nội	3087	30L-511.29	Hà Nội	4587	30L-523.98	Hà Nội
88	30L-516.08	Hà Nội	1588	30L-521.86	Hà Nội	3088	30L-511.59	Hà Nội	4588	30L-525.35	Hà Nội
89	30L-516.35	Hà Nội	1589	30L-522.44	Hà Nội	3089	30L-511.95	Hà Nội	4589	30L-525.52	Hà Nội
90	30L-516.83	Hà Nội	1590	30L-522.86	Hà Nội	3090	30L-512.88	Hà Nội	4590	30L-525.89	Hà Nội
91	30L-517.51	Hà Nội	1591	30L-523.18	Hà Nội	3091	30L-513.08	Hà Nội	4591	30L-525.95	Hà Nội
92	30L-518.26	Hà Nội	1592	30L-523.39	Hà Nội	3092	30L-513.44	Hà Nội	4592	30L-527.52	Hà Nội
93	30L-519.69	Hà Nội	1593	30L-524.26	Hà Nội	3093	30L-514.09	Hà Nội	4593	30L-528.09	Hà Nội
94	30L-523.32	Hà Nội	1594	30L-524.89	Hà Nội	3094	30L-514.41	Hà Nội	4594	30L-529.44	Hà Nội
95	30L-523.68	Hà Nội	1595	30L-526.79	Hà Nội	3095	30L-514.69	Hà Nội	4595	30L-530.55	Hà Nội
96	30L-525.98	Hà Nội	1596	30L-527.59	Hà Nội	3096	30L-515.33	Hà Nội	4596	30L-532.29	Hà Nội
97	30L-526.89	Hà Nội	1597	30L-528.96	Hà Nội	3097	30L-516.18	Hà Nội	4597	30L-534.28	Hà Nội
98	30L-527.09	Hà Nội	1598	30L-529.18	Hà Nội	3098	30L-516.19	Hà Nội	4598	30L-534.58	Hà Nội
99	30L-530.53	Hà Nội	1599	30L-529.77	Hà Nội	3099	30L-516.33	Hà Nội	4599	30L-534.99	Hà Nội
100	30L-531.19	Hà Nội	1600	30L-530.58	Hà Nội	3100	30L-516.51	Hà Nội	4600	30L-535.66	Hà Nội
101	30L-531.25	Hà Nội	1601	30L-531.36	Hà Nội	3101	30L-516.58	Hà Nội	4601	30L-539.95	Hà Nội
102	30L-531.96	Hà Nội	1602	30L-531.99	Hà Nội	3102	30L-518.11	Hà Nội	4602	30L-540.16	Hà Nội
103	30L-533.22	Hà Nội	1603	30L-532.09	Hà Nội	3103	30L-518.44	Hà Nội	4603	30L-540.38	Hà Nội
104	30L-533.95	Hà Nội	1604	30L-534.79	Hà Nội	3104	30L-518.69	Hà Nội	4604	30L-541.55	Hà Nội
105	30L-534.00	Hà Nội	1605	30L-534.88	Hà Nội	3105	30L-518.83	Hà Nội	4605	30L-541.68	Hà Nội
106	30L-534.25	Hà Nội	1606	30L-536.39	Hà Nội	3106	30L-519.06	Hà Nội	4606	30L-543.00	Hà Nội
107	30L-534.86	Hà Nội	1607	30L-536.59	Hà Nội	3107	30L-519.83	Hà Nội	4607	30L-543.36	Hà Nội
108	30L-535.69	Hà Nội	1608	30L-537.36	Hà Nội	3108	30L-520.02	Hà Nội	4608	30L-543.99	Hà Nội
109	30L-537.19	Hà Nội	1609	30L-537.44	Hà Nội	3109	30L-520.85	Hà Nội	4609	30L-544.15	Hà Nội
110	30L-537.89	Hà Nội	1610	30L-537.99	Hà Nội	3110	30L-521.85	Hà Nội	4610	30L-544.19	Hà Nội
111	30L-538.19	Hà Nội	1611	30L-539.86	Hà Nội	3111	30L-522.19	Hà Nội	4611	30L-544.66	Hà Nội
112	30L-538.28	Hà Nội	1612	30L-539.93	Hà Nội	3112	30L-522.58	Hà Nội	4612	30L-544.79	Hà Nội
113	30L-538.29	Hà Nội	1613	30L-540.41	Hà Nội	3113	30L-523.23	Hà Nội	4613	30L-544.86	Hà Nội
114	30L-538.99	Hà Nội	1614	30L-541.42	Hà Nội	3114	30L-524.33	Hà Nội	4614	30L-545.79	Hà Nội
115	30L-543.44	Hà Nội	1615	30L-542.11	Hà Nội	3115	30L-524.55	Hà Nội	4615	30L-546.58	Hà Nội
116	30L-543.66	Hà Nội	1616	30L-542.56	Hà Nội	3116	30L-526.44	Hà Nội	4616	12A-252.16	Lạng Sơn
117	30L-544.83	Hà Nội	1617	30L-542.98	Hà Nội	3117	30L-527.98	Hà Nội	4617	12D-004.28	Lạng Sơn
118	30L-546.09	Hà Nội	1618	30L-543.69	Hà Nội	3118	30L-529.16	Hà Nội	4618	14A-913.18	Quảng Ninh
119	30L-546.59	Hà Nội	1619	30L-544.33	Hà Nội	3119	30L-530.83	Hà Nội	4619	14A-914.09	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
120	30L-546.98	Hà Nội	1620	30L-546.45	Hà Nội	3120	30L-531.35	Hà Nội	4620	14A-914.11	Quảng Ninh
121	14A-913.25	Quảng Ninh	1621	30L-546.96	Hà Nội	3121	30L-531.88	Hà Nội	4621	14A-914.59	Quảng Ninh
122	14A-913.36	Quảng Ninh	1622	12A-251.56	Lạng Sơn	3122	30L-532.55	Hà Nội	4622	14A-916.58	Quảng Ninh
123	14A-913.77	Quảng Ninh	1623	12A-252.55	Lạng Sơn	3123	30L-532.56	Hà Nội	4623	14A-918.06	Quảng Ninh
124	14A-914.96	Quảng Ninh	1624	14A-889.82	Quảng Ninh	3124	30L-535.88	Hà Nội	4624	14A-919.55	Quảng Ninh
125	14A-915.29	Quảng Ninh	1625	14A-913.14	Quảng Ninh	3125	30L-536.65	Hà Nội	4625	14A-919.95	Quảng Ninh
126	14A-917.15	Quảng Ninh	1626	14A-913.99	Quảng Ninh	3126	30L-537.09	Hà Nội	4626	14A-920.44	Quảng Ninh
127	14A-918.08	Quảng Ninh	1627	14A-914.18	Quảng Ninh	3127	30L-537.11	Hà Nội	4627	14A-921.33	Quảng Ninh
128	14A-918.58	Quảng Ninh	1628	14A-914.33	Quảng Ninh	3128	30L-537.22	Hà Nội	4628	14A-922.06	Quảng Ninh
129	14A-918.96	Quảng Ninh	1629	14A-915.26	Quảng Ninh	3129	30L-537.68	Hà Nội	4629	14A-922.16	Quảng Ninh
130	14A-919.83	Quảng Ninh	1630	14A-916.79	Quảng Ninh	3130	30L-538.09	Hà Nội	4630	14A-922.55	Quảng Ninh
131	14A-920.98	Quảng Ninh	1631	14A-916.83	Quảng Ninh	3131	30L-538.53	Hà Nội	4631	14A-922.65	Quảng Ninh
132	14A-922.09	Quảng Ninh	1632	14A-916.85	Quảng Ninh	3132	30L-539.55	Hà Nội	4632	14A-925.15	Quảng Ninh
133	14A-922.69	Quảng Ninh	1633	14A-916.98	Quảng Ninh	3133	30L-539.89	Hà Nội	4633	14A-926.06	Quảng Ninh
134	14A-923.86	Quảng Ninh	1634	14A-918.99	Quảng Ninh	3134	30L-541.41	Hà Nội	4634	14A-927.15	Quảng Ninh
135	14A-923.98	Quảng Ninh	1635	14A-921.38	Quảng Ninh	3135	30L-542.86	Hà Nội	4635	14A-927.96	Quảng Ninh
136	14A-924.77	Quảng Ninh	1636	14A-921.92	Quảng Ninh	3136	30L-544.69	Hà Nội	4636	14A-928.39	Quảng Ninh
137	14A-925.38	Quảng Ninh	1637	14A-922.44	Quảng Ninh	3137	30L-545.86	Hà Nội	4637	14A-928.55	Quảng Ninh
138	14A-925.44	Quảng Ninh	1638	14A-923.79	Quảng Ninh	3138	30L-546.26	Hà Nội	4638	14A-929.65	Quảng Ninh
139	14A-925.89	Quảng Ninh	1639	14A-924.39	Quảng Ninh	3139	30L-546.86	Hà Nội	4639	15K-305.55	Hải Phòng
140	14A-926.65	Quảng Ninh	1640	14A-925.26	Quảng Ninh	3140	30L-547.06	Hà Nội	4640	15K-305.58	Hải Phòng
141	14A-927.39	Quảng Ninh	1641	14A-925.69	Quảng Ninh	3141	30L-547.09	Hà Nội	4641	15K-306.88	Hải Phòng
142	14A-928.11	Quảng Ninh	1642	14A-925.86	Quảng Ninh	3142	12A-251.59	Lạng Sơn	4642	15K-307.83	Hải Phòng
143	14A-929.00	Quảng Ninh	1643	14A-926.29	Quảng Ninh	3143	12A-252.18	Lạng Sơn	4643	15K-307.96	Hải Phòng
144	15K-306.77	Hải Phòng	1644	14A-927.36	Quảng Ninh	3144	12D-004.25	Lạng Sơn	4644	15K-309.25	Hải Phòng
145	15K-307.28	Hải Phòng	1645	14A-928.00	Quảng Ninh	3145	14A-913.11	Quảng Ninh	4645	15K-309.59	Hải Phòng
146	15K-311.00	Hải Phòng	1646	14A-928.26	Quảng Ninh	3146	14A-914.19	Quảng Ninh	4646	15K-309.90	Hải Phòng
147	15K-311.35	Hải Phòng	1647	14A-929.83	Quảng Ninh	3147	14A-914.39	Quảng Ninh	4647	15K-310.11	Hải Phòng
148	15K-311.38	Hải Phòng	1648	15K-306.59	Hải Phòng	3148	14A-914.41	Quảng Ninh	4648	15K-310.18	Hải Phòng
149	15K-311.44	Hải Phòng	1649	15K-308.15	Hải Phòng	3149	14A-916.08	Quảng Ninh	4649	15K-310.69	Hải Phòng
150	15K-312.35	Hải Phòng	1650	15K-308.44	Hải Phòng	3150	14A-918.59	Quảng Ninh	4650	15K-313.13	Hải Phòng
151	15K-312.69	Hải Phòng	1651	15K-308.56	Hải Phòng	3151	14A-919.00	Quảng Ninh	4651	15K-313.19	Hải Phòng
152	15K-313.18	Hải Phòng	1652	15K-309.08	Hải Phòng	3152	14A-919.11	Quảng Ninh	4652	15K-315.77	Hải Phòng
153	15K-314.66	Hải Phòng	1653	15K-309.56	Hải Phòng	3153	14A-919.82	Quảng Ninh	4653	15K-318.81	Hải Phòng
154	15K-316.18	Hải Phòng	1654	15K-312.13	Hải Phòng	3154	14A-921.29	Quảng Ninh	4654	15K-319.00	Hải Phòng
155	15K-317.33	Hải Phòng	1655	15K-313.58	Hải Phòng	3155	14A-921.65	Quảng Ninh	4655	15K-319.25	Hải Phòng
156	15K-317.55	Hải Phòng	1656	15K-314.18	Hải Phòng	3156	14A-922.88	Quảng Ninh	4656	15K-321.88	Hải Phòng
157	15K-317.65	Hải Phòng	1657	15K-314.22	Hải Phòng	3157	14A-922.95	Quảng Ninh	4657	15K-322.06	Hải Phòng
158	15K-318.99	Hải Phòng	1658	15K-315.65	Hải Phòng	3158	14A-923.24	Quảng Ninh	4658	15K-323.06	Hải Phòng
159	15K-320.98	Hải Phòng	1659	15K-316.08	Hải Phòng	3159	14A-923.95	Quảng Ninh	4659	15K-323.55	Hải Phòng
160	15K-321.55	Hải Phòng	1660	15K-316.44	Hải Phòng	3160	14A-924.55	Quảng Ninh	4660	15K-324.32	Hải Phòng
161	15K-322.25	Hải Phòng	1661	15K-317.11	Hải Phòng	3161	14A-926.35	Quảng Ninh	4661	15K-324.33	Hải Phòng
162	15K-322.26	Hải Phòng	1662	15K-317.39	Hải Phòng	3162	14A-928.08	Quảng Ninh	4662	15K-324.35	Hải Phòng
163	15K-325.23	Hải Phòng	1663	15K-317.85	Hải Phòng	3163	14A-928.18	Quảng Ninh	4663	15K-325.25	Hải Phòng
164	15K-325.89	Hải Phòng	1664	15K-317.86	Hải Phòng	3164	14A-929.95	Quảng Ninh	4664	15K-325.28	Hải Phòng
165	15K-326.65	Hải Phòng	1665	15K-318.33	Hải Phòng	3165	15K-305.50	Hải Phòng	4665	15K-326.00	Hải Phòng
166	15K-326.79	Hải Phòng	1666	15K-318.65	Hải Phòng	3166	15K-305.83	Hải Phòng	4666	15K-329.33	Hải Phòng
167	15K-327.15	Hải Phòng	1667	15K-318.85	Hải Phòng	3167	15K-305.98	Hải Phòng	4667	15K-329.38	Hải Phòng
168	15K-331.31	Hải Phòng	1668	15K-319.56	Hải Phòng	3168	15K-306.39	Hải Phòng	4668	15K-329.55	Hải Phòng
169	15K-331.79	Hải Phòng	1669	15K-319.65	Hải Phòng	3169	15K-306.68	Hải Phòng	4669	15K-330.44	Hải Phòng
170	15K-332.66	Hải Phòng	1670	15K-319.83	Hải Phòng	3170	15K-306.79	Hải Phòng	4670	15K-331.13	Hải Phòng
171	15K-334.09	Hải Phòng	1671	15K-320.88	Hải Phòng	3171	15K-307.11	Hải Phòng	4671	15K-333.17	Hải Phòng
172	15K-336.09	Hải Phòng	1672	15K-322.85	Hải Phòng	3172	15K-307.22	Hải Phòng	4672	15K-335.86	Hải Phòng
173	15K-336.28	Hải Phòng	1673	15K-324.36	Hải Phòng	3173	15K-307.35	Hải Phòng	4673	15K-336.26	Hải Phòng
174	17A-465.65	Thái Bình	1674	15K-324.98	Hải Phòng	3174	15K-308.11	Hải Phòng	4674	17A-465.99	Thái Bình
175	17A-466.26	Thái Bình	1675	15K-325.00	Hải Phòng	3175	15K-308.30	Hải Phòng	4675	17A-467.15	Thái Bình
176	17A-466.95	Thái Bình	1676	15K-325.38	Hải Phòng	3176	15K-309.29	Hải Phòng	4676	17A-467.22	Thái Bình
177	17A-467.06	Thái Bình	1677	15K-327.06	Hải Phòng	3177	15K-309.35	Hải Phòng	4677	17A-467.64	Thái Bình
178	17A-467.25	Thái Bình	1678	15K-327.99	Hải Phòng	3178	15K-310.77	Hải Phòng	4678	18A-458.59	Nam Định
179	17A-467.35	Thái Bình	1679	15K-328.25	Hải Phòng	3179	15K-310.86	Hải Phòng	4679	18A-459.18	Nam Định
180	17A-468.38	Thái Bình	1680	15K-330.16	Hải Phòng	3180	15K-313.26	Hải Phòng	4680	18A-459.79	Nam Định

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
181	18A-457.59	Nam Định	1681	15K-330.39	Hải Phòng	3181	15K-314.89	Hải Phòng	4681	18A-459.86	Nam Định
182	18A-458.11	Nam Định	1682	15K-332.35	Hải Phòng	3182	15K-316.09	Hải Phòng	4682	18A-461.96	Nam Định
183	18A-458.79	Nam Định	1683	15K-332.86	Hải Phòng	3183	15K-316.11	Hải Phòng	4683	18A-462.29	Nam Định
184	18A-458.95	Nam Định	1684	15K-334.35	Hải Phòng	3184	15K-316.88	Hải Phòng	4684	18A-463.19	Nam Định
185	18A-459.85	Nam Định	1685	15K-334.43	Hải Phòng	3185	15K-320.55	Hải Phòng	4685	18A-464.28	Nam Định
186	18A-460.08	Nam Định	1686	17A-466.58	Thái Bình	3186	15K-321.44	Hải Phòng	4686	18A-466.29	Nam Định
187	18A-460.35	Nam Định	1687	17A-467.44	Thái Bình	3187	15K-321.96	Hải Phòng	4687	19A-656.19	Phú Thọ
188	18A-461.08	Nam Định	1688	17A-468.33	Thái Bình	3188	15K-322.44	Hải Phòng	4688	19A-657.58	Phú Thọ
189	18A-461.36	Nam Định	1689	17A-468.46	Thái Bình	3189	15K-325.11	Hải Phòng	4689	19A-657.59	Phú Thọ
190	18A-462.18	Nam Định	1690	18A-458.09	Nam Định	3190	15K-327.58	Hải Phòng	4690	19A-658.39	Phú Thọ
191	18A-462.19	Nam Định	1691	18A-458.54	Nam Định	3191	15K-329.69	Hải Phòng	4691	19A-661.36	Phú Thọ
192	18A-462.88	Nam Định	1692	18A-459.35	Nam Định	3192	15K-330.06	Hải Phòng	4692	19A-662.08	Phú Thọ
193	18A-463.22	Nam Định	1693	18A-459.77	Nam Định	3193	15K-330.55	Hải Phòng	4693	19A-662.86	Phú Thọ
194	18A-463.59	Nam Định	1694	18A-461.55	Nam Định	3194	15K-330.88	Hải Phòng	4694	19A-663.08	Phú Thọ
195	18A-464.26	Nam Định	1695	18A-462.25	Nam Định	3195	15K-331.09	Hải Phòng	4695	19A-663.88	Phú Thọ
196	18A-464.58	Nam Định	1696	18A-462.33	Nam Định	3196	15K-331.86	Hải Phòng	4696	19A-664.15	Phú Thọ
197	18A-464.79	Nam Định	1697	18A-463.11	Nam Định	3197	15K-332.08	Hải Phòng	4697	19A-664.16	Phú Thọ
198	18A-465.28	Nam Định	1698	18A-463.65	Nam Định	3198	15K-332.77	Hải Phòng	4698	19A-664.19	Phú Thọ
199	18A-466.56	Nam Định	1699	18A-464.25	Nam Định	3199	15K-332.98	Hải Phòng	4699	19A-665.33	Phú Thọ
200	18A-467.29	Nam Định	1700	18A-464.89	Nam Định	3200	15K-333.07	Hải Phòng	4700	19A-665.44	Phú Thọ
201	18C-166.67	Nam Định	1701	18A-464.96	Nam Định	3201	15K-334.29	Hải Phòng	4701	19A-665.66	Phú Thọ
202	19A-657.15	Phú Thọ	1702	18A-464.98	Nam Định	3202	15K-335.77	Hải Phòng	4702	19A-665.79	Phú Thọ
203	19A-660.29	Phú Thọ	1703	18A-465.33	Nam Định	3203	15K-335.83	Hải Phòng	4703	19A-668.58	Phú Thọ
204	19A-663.38	Phú Thọ	1704	19A-656.09	Phú Thọ	3204	17A-466.59	Thái Bình	4704	19A-670.56	Phú Thọ
205	19A-663.89	Phú Thọ	1705	19A-658.95	Phú Thọ	3205	17A-467.96	Thái Bình	4705	19A-670.66	Phú Thọ
206	19A-664.88	Phú Thọ	1706	19A-659.11	Phú Thọ	3206	17A-468.06	Thái Bình	4706	19C-246.36	Phú Thọ
207	19A-668.36	Phú Thọ	1707	19A-660.68	Phú Thọ	3207	18A-458.16	Nam Định	4707	19C-246.47	Phú Thọ
208	19A-668.56	Phú Thọ	1708	19A-665.56	Phú Thọ	3208	18A-459.89	Nam Định	4708	19C-247.09	Phú Thọ
209	19A-669.19	Phú Thọ	1709	19A-665.68	Phú Thọ	3209	18A-461.66	Nam Định	4709	20A-783.88	Thái Nguyên
210	19A-671.15	Phú Thọ	1710	19A-667.19	Phú Thọ	3210	18A-462.46	Nam Định	4710	20A-784.68	Thái Nguyên
211	19C-246.33	Phú Thọ	1711	19A-667.88	Phú Thọ	3211	18A-462.65	Nam Định	4711	20A-787.08	Thái Nguyên
212	19C-247.06	Phú Thọ	1712	19A-669.06	Phú Thọ	3212	18A-463.15	Nam Định	4712	20A-791.58	Thái Nguyên
213	19C-247.08	Phú Thọ	1713	19A-669.66	Phú Thọ	3213	18A-467.09	Nam Định	4713	20A-791.98	Thái Nguyên
214	19C-248.35	Phú Thọ	1714	19A-670.33	Phú Thọ	3214	18A-467.22	Nam Định	4714	20A-795.26	Thái Nguyên
215	20A-783.36	Thái Nguyên	1715	19A-670.76	Phú Thọ	3215	19A-652.98	Phú Thọ	4715	20A-795.55	Thái Nguyên
216	20A-783.39	Thái Nguyên	1716	19A-671.25	Phú Thọ	3216	19A-653.08	Phú Thọ	4716	20A-797.22	Thái Nguyên
217	20A-785.56	Thái Nguyên	1717	19C-246.15	Phú Thọ	3217	19A-653.66	Phú Thọ	4717	20A-797.33	Thái Nguyên
218	20A-786.36	Thái Nguyên	1718	19C-246.64	Phú Thọ	3218	19A-653.69	Phú Thọ	4718	20A-798.96	Thái Nguyên
219	20A-787.58	Thái Nguyên	1719	19C-247.26	Phú Thọ	3219	19A-654.22	Phú Thọ	4719	20A-798.98	Thái Nguyên
220	20A-787.86	Thái Nguyên	1720	19C-248.69	Phú Thọ	3220	19A-656.15	Phú Thọ	4720	20A-799.25	Thái Nguyên
221	20A-788.16	Thái Nguyên	1721	20A-782.89	Thái Nguyên	3221	19A-657.26	Phú Thọ	4721	20A-801.69	Thái Nguyên
222	20A-790.69	Thái Nguyên	1722	20A-789.55	Thái Nguyên	3222	19A-657.28	Phú Thọ	4722	20A-801.89	Thái Nguyên
223	20A-791.39	Thái Nguyên	1723	20A-789.69	Thái Nguyên	3223	19A-657.75	Phú Thọ	4723	20A-802.68	Thái Nguyên
224	20A-792.28	Thái Nguyên	1724	20A-790.36	Thái Nguyên	3224	19A-657.86	Phú Thọ	4724	20A-803.22	Thái Nguyên
225	20A-793.09	Thái Nguyên	1725	20A-791.56	Thái Nguyên	3225	19A-658.85	Phú Thọ	4725	20A-804.09	Thái Nguyên
226	20A-793.69	Thái Nguyên	1726	20A-791.59	Thái Nguyên	3226	19A-659.16	Phú Thọ	4726	20A-804.29	Thái Nguyên
227	20A-793.88	Thái Nguyên	1727	20A-793.83	Thái Nguyên	3227	19A-660.08	Phú Thọ	4727	20A-805.19	Thái Nguyên
228	20A-794.89	Thái Nguyên	1728	20A-794.35	Thái Nguyên	3228	19A-660.28	Phú Thọ	4728	20A-805.59	Thái Nguyên
229	20A-795.44	Thái Nguyên	1729	20A-795.28	Thái Nguyên	3229	19A-661.38	Phú Thọ	4729	20A-806.36	Thái Nguyên
230	20A-795.77	Thái Nguyên	1730	20A-795.38	Thái Nguyên	3230	19A-662.25	Phú Thọ	4730	20A-807.79	Thái Nguyên
231	20A-795.98	Thái Nguyên	1731	20A-796.25	Thái Nguyên	3231	19A-662.77	Phú Thọ	4731	20A-807.86	Thái Nguyên
232	20A-796.00	Thái Nguyên	1732	20A-796.59	Thái Nguyên	3232	19A-664.96	Phú Thọ	4732	20A-809.79	Thái Nguyên
233	20A-796.15	Thái Nguyên	1733	20A-801.85	Thái Nguyên	3233	19A-665.11	Phú Thọ	4733	20C-288.08	Thái Nguyên
234	20A-796.22	Thái Nguyên	1734	20A-802.85	Thái Nguyên	3234	19A-665.77	Phú Thọ	4734	20C-290.68	Thái Nguyên
235	20A-796.58	Thái Nguyên	1735	20A-803.03	Thái Nguyên	3235	19A-665.99	Phú Thọ	4735	20C-290.92	Thái Nguyên
236	20A-796.96	Thái Nguyên	1736	20A-803.33	Thái Nguyên	3236	19A-667.38	Phú Thọ	4736	20C-291.22	Thái Nguyên
237	20A-798.08	Thái Nguyên	1737	20A-803.88	Thái Nguyên	3237	19A-667.56	Phú Thọ	4737	20C-291.28	Thái Nguyên
238	20A-798.29	Thái Nguyên	1738	20A-804.59	Thái Nguyên	3238	19A-667.66	Phú Thọ	4738	20C-293.00	Thái Nguyên
239	20A-799.83	Thái Nguyên	1739	20A-804.66	Thái Nguyên	3239	19A-668.00	Phú Thọ	4739	20C-293.68	Thái Nguyên
240	20A-802.80	Thái Nguyên	1740	20A-804.89	Thái Nguyên	3240	19A-668.26	Phú Thọ	4740	20C-294.56	Thái Nguyên
241	20A-802.98	Thái Nguyên	1741	20A-805.33	Thái Nguyên	3241	19A-669.22	Phú Thọ	4741	20C-294.77	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
242	20A-804.77	Thái Nguyên	1742	20A-806.60	Thái Nguyên	3242	19A-669.28	Phú Thọ	4742	20C-294.95	Thái Nguyên
243	20A-804.99	Thái Nguyên	1743	20A-807.69	Thái Nguyên	3243	19A-670.25	Phú Thọ	4743	20C-295.69	Thái Nguyên
244	20A-805.66	Thái Nguyên	1744	20A-808.59	Thái Nguyên	3244	19C-246.56	Phú Thọ	4744	21A-206.95	Yên Bái
245	20A-806.29	Thái Nguyên	1745	20A-808.85	Thái Nguyên	3245	19C-246.68	Phú Thọ	4745	21A-207.09	Yên Bái
246	20A-806.98	Thái Nguyên	1746	20A-809.85	Thái Nguyên	3246	19C-246.95	Phú Thọ	4746	21A-207.20	Yên Bái
247	20A-807.22	Thái Nguyên	1747	20B-032.23	Thái Nguyên	3247	19C-247.18	Phú Thọ	4747	21A-207.88	Yên Bái
248	20A-808.18	Thái Nguyên	1748	20C-287.99	Thái Nguyên	3248	19C-247.66	Phú Thọ	4748	21A-207.98	Yên Bái
249	20A-808.22	Thái Nguyên	1749	20C-288.38	Thái Nguyên	3249	19C-248.84	Phú Thọ	4749	21A-208.00	Yên Bái
250	20A-809.66	Thái Nguyên	1750	20C-289.56	Thái Nguyên	3250	20A-782.99	Thái Nguyên	4750	21A-208.38	Yên Bái
251	20C-287.77	Thái Nguyên	1751	20C-290.29	Thái Nguyên	3251	20A-784.58	Thái Nguyên	4751	21A-209.09	Yên Bái
252	20C-288.66	Thái Nguyên	1752	20C-290.90	Thái Nguyên	3252	20A-784.89	Thái Nguyên	4752	21A-209.20	Yên Bái
253	20C-289.69	Thái Nguyên	1753	20C-292.86	Thái Nguyên	3253	20A-784.99	Thái Nguyên	4753	21A-210.21	Yên Bái
254	20C-295.11	Thái Nguyên	1754	20C-293.09	Thái Nguyên	3254	20A-785.26	Thái Nguyên	4754	21A-210.36	Yên Bái
255	20C-295.16	Thái Nguyên	1755	20C-293.19	Thái Nguyên	3255	20A-786.33	Thái Nguyên	4755	21A-210.58	Yên Bái
256	20C-295.83	Thái Nguyên	1756	20C-293.35	Thái Nguyên	3256	20A-786.69	Thái Nguyên	4756	21C-105.33	Yên Bái
257	20C-296.00	Thái Nguyên	1757	20C-293.93	Thái Nguyên	3257	20A-787.11	Thái Nguyên	4757	21C-107.58	Yên Bái
258	21A-207.15	Yên Bái	1758	20D-027.95	Thái Nguyên	3258	20A-790.58	Thái Nguyên	4758	21C-108.11	Yên Bái
259	21A-207.26	Yên Bái	1759	20D-028.02	Thái Nguyên	3259	20A-790.89	Thái Nguyên	4759	21D-003.79	Yên Bái
260	21A-208.66	Yên Bái	1760	20D-028.16	Thái Nguyên	3260	20A-792.93	Thái Nguyên	4760	22A-251.29	Tuyên Quang
261	21A-208.77	Yên Bái	1761	21A-208.25	Yên Bái	3261	20A-793.98	Thái Nguyên	4761	22A-252.11	Tuyên Quang
262	21A-208.88	Yên Bái	1762	21A-209.86	Yên Bái	3262	20A-794.56	Thái Nguyên	4762	22A-252.38	Tuyên Quang
263	21A-209.02	Yên Bái	1763	21A-210.44	Yên Bái	3263	20A-795.06	Thái Nguyên	4763	22A-252.53	Tuyên Quang
264	21A-209.38	Yên Bái	1764	21A-210.69	Yên Bái	3264	20A-795.16	Thái Nguyên	4764	22A-252.99	Tuyên Quang
265	21A-209.65	Yên Bái	1765	21A-210.85	Yên Bái	3265	20A-798.09	Thái Nguyên	4765	22A-253.56	Tuyên Quang
266	21A-210.29	Yên Bái	1766	21C-105.19	Yên Bái	3266	20A-798.36	Thái Nguyên	4766	22A-253.88	Tuyên Quang
267	21C-103.39	Yên Bái	1767	21C-105.88	Yên Bái	3267	20A-799.15	Thái Nguyên	4767	22A-254.45	Tuyên Quang
268	21C-104.00	Yên Bái	1768	21C-106.59	Yên Bái	3268	20A-800.36	Thái Nguyên	4768	22A-254.86	Tuyên Quang
269	21C-104.56	Yên Bái	1769	21C-108.15	Yên Bái	3269	20A-800.65	Thái Nguyên	4769	22C-108.25	Tuyên Quang
270	21C-105.85	Yên Bái	1770	22A-253.16	Tuyên Quang	3270	20A-803.56	Thái Nguyên	4770	22C-108.88	Tuyên Quang
271	21C-106.33	Yên Bái	1771	22A-253.44	Tuyên Quang	3271	20A-804.28	Thái Nguyên	4771	23C-082.79	Hà Giang
272	21C-106.56	Yên Bái	1772	22A-253.53	Tuyên Quang	3272	20A-805.05	Thái Nguyên	4772	23C-083.22	Hà Giang
273	21C-108.00	Yên Bái	1773	22A-253.85	Tuyên Quang	3273	20A-805.68	Thái Nguyên	4773	23C-083.55	Hà Giang
274	22A-250.89	Tuyên Quang	1774	22A-254.98	Tuyên Quang	3274	20A-806.68	Thái Nguyên	4774	23C-084.08	Hà Giang
275	22A-251.15	Tuyên Quang	1775	22C-106.06	Tuyên Quang	3275	20A-806.79	Thái Nguyên	4775	23C-085.99	Hà Giang
276	22A-252.29	Tuyên Quang	1776	22C-107.07	Tuyên Quang	3276	20A-807.16	Thái Nguyên	4776	23C-086.58	Hà Giang
277	22A-252.59	Tuyên Quang	1777	22C-109.00	Tuyên Quang	3277	20A-808.66	Thái Nguyên	4777	24A-290.99	Lào Cai
278	22A-253.79	Tuyên Quang	1778	22C-109.44	Tuyên Quang	3278	20A-810.55	Thái Nguyên	4778	24A-291.18	Lào Cai
279	22A-253.99	Tuyên Quang	1779	23C-082.69	Hà Giang	3279	20B-032.09	Thái Nguyên	4779	24A-292.69	Lào Cai
280	22A-254.56	Tuyên Quang	1780	23C-083.83	Hà Giang	3280	20C-288.59	Thái Nguyên	4780	24A-294.94	Lào Cai
281	22A-255.39	Tuyên Quang	1781	23C-083.89	Hà Giang	3281	20C-290.26	Thái Nguyên	4781	24A-295.22	Lào Cai
282	22C-105.08	Tuyên Quang	1782	23C-084.48	Hà Giang	3282	20C-291.09	Thái Nguyên	4782	24A-296.38	Lào Cai
283	22C-107.56	Tuyên Quang	1783	23C-085.88	Hà Giang	3283	20C-291.59	Thái Nguyên	4783	24A-301.35	Lào Cai
284	22C-108.19	Tuyên Quang	1784	23C-086.44	Hà Giang	3284	20C-291.91	Thái Nguyên	4784	24A-301.44	Lào Cai
285	22C-108.22	Tuyên Quang	1785	24A-290.86	Lào Cai	3285	20C-293.08	Thái Nguyên	4785	24A-302.00	Lào Cai
286	22D-006.58	Tuyên Quang	1786	24A-292.66	Lào Cai	3286	20C-293.56	Thái Nguyên	4786	24A-302.19	Lào Cai
287	23C-083.79	Hà Giang	1787	24A-292.88	Lào Cai	3287	20C-294.06	Thái Nguyên	4787	24A-302.44	Lào Cai
288	24A-291.56	Lào Cai	1788	24A-294.11	Lào Cai	3288	20C-296.19	Thái Nguyên	4788	24C-154.69	Lào Cai
289	24A-291.91	Lào Cai	1789	24A-294.58	Lào Cai	3289	20D-028.38	Thái Nguyên	4789	24C-154.83	Lào Cai
290	24A-293.18	Lào Cai	1790	24A-295.16	Lào Cai	3290	21A-209.00	Yên Bái	4790	24C-155.09	Lào Cai
291	24A-294.18	Lào Cai	1791	24A-296.36	Lào Cai	3291	21A-209.15	Yên Bái	4791	24C-155.16	Lào Cai
292	24A-294.19	Lào Cai	1792	24A-297.00	Lào Cai	3292	21A-209.28	Yên Bái	4792	24C-155.83	Lào Cai
293	24A-296.44	Lào Cai	1793	24A-297.88	Lào Cai	3293	21A-209.77	Yên Bái	4793	24C-156.28	Lào Cai
294	24A-297.66	Lào Cai	1794	24A-297.89	Lào Cai	3294	21A-209.88	Yên Bái	4794	24C-157.06	Lào Cai
295	24A-299.09	Lào Cai	1795	24A-300.99	Lào Cai	3295	21A-210.89	Yên Bái	4795	26A-218.18	Sơn La
296	24A-300.15	Lào Cai	1796	24A-301.00	Lào Cai	3296	21C-102.79	Yên Bái	4796	26A-218.77	Sơn La
297	24A-300.83	Lào Cai	1797	24A-302.77	Lào Cai	3297	21C-104.06	Yên Bái	4797	26A-219.55	Sơn La
298	24A-301.16	Lào Cai	1798	24A-302.83	Lào Cai	3298	21C-104.86	Yên Bái	4798	26A-219.65	Sơn La
299	24A-301.58	Lào Cai	1799	24A-303.56	Lào Cai	3299	21C-105.38	Yên Bái	4799	26A-219.85	Sơn La
300	24A-302.16	Lào Cai	1800	24A-303.59	Lào Cai	3300	21C-105.39	Yên Bái	4800	26A-221.00	Sơn La
301	24A-302.30	Lào Cai	1801	24A-303.95	Lào Cai	3301	21C-105.50	Yên Bái	4801	26A-221.09	Sơn La
302	24A-303.86	Lào Cai	1802	24C-155.06	Lào Cai	3302	21C-107.19	Yên Bái	4802	26A-221.59	Sơn La

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
303	24C-155.26	Lào Cai	1803	24C-155.11	Lào Cai	3303	21D-003.59	Yên Bái	4803	26B-015.85	Sơn La
304	24C-156.38	Lào Cai	1804	24C-155.39	Lào Cai	3304	22A-250.55	Tuyên Quang	4804	26C-148.00	Sơn La
305	24C-156.95	Lào Cai	1805	24C-155.44	Lào Cai	3305	22A-250.77	Tuyên Quang	4805	26C-151.00	Sơn La
306	24C-157.25	Lào Cai	1806	24C-155.59	Lào Cai	3306	22A-251.00	Tuyên Quang	4806	26C-151.11	Sơn La
307	24C-157.36	Lào Cai	1807	24D-006.25	Lào Cai	3307	22A-252.09	Tuyên Quang	4807	26C-153.38	Sơn La
308	26A-218.22	Sơn La	1808	26A-219.38	Sơn La	3308	22A-255.33	Tuyên Quang	4808	26C-154.18	Sơn La
309	26A-218.89	Sơn La	1809	26A-221.69	Sơn La	3309	22C-105.56	Tuyên Quang	4809	26C-155.08	Sơn La
310	26A-219.09	Sơn La	1810	26C-150.16	Sơn La	3310	22C-108.68	Tuyên Quang	4810	26D-010.39	Sơn La
311	26A-221.21	Sơn La	1811	26C-150.44	Sơn La	3311	23C-084.06	Hà Giang	4811	27C-067.22	Điện Biên
312	26A-221.83	Sơn La	1812	26C-150.56	Sơn La	3312	23C-084.26	Hà Giang	4812	27C-070.29	Điện Biên
313	26A-221.89	Sơn La	1813	26C-151.86	Sơn La	3313	23C-084.59	Hà Giang	4813	27C-070.69	Điện Biên
314	26A-222.83	Sơn La	1814	26C-152.16	Sơn La	3314	23D-004.29	Hà Giang	4814	27D-003.04	Điện Biên
315	26A-223.16	Sơn La	1815	26C-152.58	Sơn La	3315	24A-290.69	Lào Cai	4815	28A-242.55	Hòa Bình
316	26B-015.88	Sơn La	1816	26C-152.83	Sơn La	3316	24A-291.44	Lào Cai	4816	28A-242.68	Hòa Bình
317	26C-147.44	Sơn La	1817	26C-152.95	Sơn La	3317	24A-291.59	Lào Cai	4817	28A-243.00	Hòa Bình
318	26C-147.86	Sơn La	1818	26C-153.56	Sơn La	3318	24A-292.18	Lào Cai	4818	28A-243.38	Hòa Bình
319	26C-148.19	Sơn La	1819	26C-154.08	Sơn La	3319	24A-292.85	Lào Cai	4819	28A-243.95	Hòa Bình
320	26C-149.89	Sơn La	1820	26C-154.88	Sơn La	3320	24A-293.89	Lào Cai	4820	28A-244.16	Hòa Bình
321	26C-149.94	Sơn La	1821	26C-155.15	Sơn La	3321	24A-296.16	Lào Cai	4821	28A-245.22	Hòa Bình
322	26C-151.09	Sơn La	1822	26C-155.19	Sơn La	3322	24A-297.08	Lào Cai	4822	28A-246.77	Hòa Bình
323	26C-151.22	Sơn La	1823	27C-066.19	Điện Biên	3323	24A-298.11	Lào Cai	4823	28A-247.28	Hòa Bình
324	26C-152.18	Sơn La	1824	27C-068.79	Điện Biên	3324	24A-298.19	Lào Cai	4824	28C-109.22	Hòa Bình
325	26C-152.36	Sơn La	1825	28A-242.65	Hòa Bình	3325	24A-298.33	Lào Cai	4825	28C-109.44	Hòa Bình
326	26C-153.18	Sơn La	1826	28A-242.95	Hòa Bình	3326	24A-298.55	Lào Cai	4826	28C-111.26	Hòa Bình
327	26C-153.33	Sơn La	1827	28A-243.24	Hòa Bình	3327	24A-299.39	Lào Cai	4827	28C-113.33	Hòa Bình
328	26C-153.59	Sơn La	1828	28A-244.98	Hòa Bình	3328	24A-301.09	Lào Cai	4828	28C-115.18	Hòa Bình
329	26C-154.89	Sơn La	1829	28A-247.15	Hòa Bình	3329	24A-301.59	Lào Cai	4829	28C-115.29	Hòa Bình
330	26C-155.79	Sơn La	1830	28A-247.26	Hòa Bình	3330	24A-302.18	Lào Cai	4830	28C-115.96	Hòa Bình
331	27C-066.22	Điện Biên	1831	28B-014.10	Hòa Bình	3331	24A-302.56	Lào Cai	4831	28D-004.58	Hòa Bình
332	27C-067.06	Điện Biên	1832	28C-108.55	Hòa Bình	3332	24A-302.95	Lào Cai	4832	29K-193.16	Hà Nội
333	27C-067.68	Điện Biên	1833	28C-109.33	Hòa Bình	3333	24A-303.06	Lào Cai	4833	29K-195.79	Hà Nội
334	27C-069.09	Điện Biên	1834	28C-110.11	Hòa Bình	3334	24A-303.08	Lào Cai	4834	29K-200.00	Hà Nội
335	27C-069.19	Điện Biên	1835	28C-110.18	Hòa Bình	3335	24A-303.68	Lào Cai	4835	29K-200.44	Hà Nội
336	27C-070.07	Điện Biên	1836	28C-112.56	Hòa Bình	3336	24A-303.77	Lào Cai	4836	29K-201.79	Hà Nội
337	27C-070.33	Điện Biên	1837	28C-113.68	Hòa Bình	3337	24A-303.98	Lào Cai	4837	29K-202.35	Hà Nội
338	27C-070.39	Điện Biên	1838	28C-113.86	Hòa Bình	3338	24C-154.51	Lào Cai	4838	29K-202.79	Hà Nội
339	27C-070.68	Điện Biên	1839	28C-114.06	Hòa Bình	3339	24C-154.79	Lào Cai	4839	29K-203.55	Hà Nội
340	27D-003.06	Điện Biên	1840	28C-114.44	Hòa Bình	3340	24C-154.98	Lào Cai	4840	29K-204.02	Hà Nội
341	27D-003.22	Điện Biên	1841	28C-114.79	Hòa Bình	3341	24D-006.39	Lào Cai	4841	29K-205.36	Hà Nội
342	28A-242.59	Hòa Bình	1842	28C-115.35	Hòa Bình	3342	26A-218.81	Sơn La	4842	29K-205.55	Hà Nội
343	28A-244.56	Hòa Bình	1843	28C-116.36	Hòa Bình	3343	26A-218.96	Sơn La	4843	29K-207.25	Hà Nội
344	28A-244.59	Hòa Bình	1844	30L-211.94	Hà Nội	3344	26A-219.77	Sơn La	4844	29K-208.29	Hà Nội
345	28A-245.06	Hòa Bình	1845	30L-336.38	Hà Nội	3345	26A-219.96	Sơn La	4845	29K-209.59	Hà Nội
346	28A-245.36	Hòa Bình	1846	29K-193.79	Hà Nội	3346	26A-220.39	Sơn La	4846	29K-210.98	Hà Nội
347	28A-245.38	Hòa Bình	1847	29K-194.11	Hà Nội	3347	26A-220.68	Sơn La	4847	29K-211.21	Hà Nội
348	28A-245.56	Hòa Bình	1848	29K-196.56	Hà Nội	3348	26A-221.18	Sơn La	4848	29K-212.15	Hà Nội
349	28A-245.83	Hòa Bình	1849	29K-197.56	Hà Nội	3349	26A-221.22	Sơn La	4849	29K-213.68	Hà Nội
350	28A-246.28	Hòa Bình	1850	29K-197.89	Hà Nội	3350	26A-221.33	Sơn La	4850	29K-214.06	Hà Nội
351	28A-246.83	Hòa Bình	1851	29K-198.19	Hà Nội	3351	26A-221.39	Sơn La	4851	29K-215.11	Hà Nội
352	28B-014.08	Hòa Bình	1852	29K-198.22	Hà Nội	3352	26A-221.96	Sơn La	4852	29K-216.00	Hà Nội
353	28C-110.89	Hòa Bình	1853	29K-201.10	Hà Nội	3353	26C-147.58	Sơn La	4853	29K-218.26	Hà Nội
354	28C-111.35	Hòa Bình	1854	29K-201.25	Hà Nội	3354	26C-148.56	Sơn La	4854	29K-218.85	Hà Nội
355	28C-112.21	Hòa Bình	1855	29K-203.00	Hà Nội	3355	26C-149.16	Sơn La	4855	29K-220.19	Hà Nội
356	28C-113.16	Hòa Bình	1856	29K-203.16	Hà Nội	3356	26C-150.69	Sơn La	4856	34A-820.11	Hải Dương
357	28C-115.59	Hòa Bình	1857	29K-203.59	Hà Nội	3357	26C-150.86	Sơn La	4857	34A-821.33	Hải Dương
358	28C-115.79	Hòa Bình	1858	29K-203.86	Hà Nội	3358	26C-151.88	Sơn La	4858	34A-823.22	Hải Dương
359	29K-196.44	Hà Nội	1859	29K-206.26	Hà Nội	3359	26C-152.77	Sơn La	4859	34A-823.26	Hải Dương
360	29K-197.59	Hà Nội	1860	29K-206.38	Hà Nội	3360	26C-152.98	Sơn La	4860	34A-823.66	Hải Dương
361	29K-200.65	Hà Nội	1861	29K-206.88	Hà Nội	3361	26C-153.29	Sơn La	4861	34A-824.19	Hải Dương
362	29K-200.95	Hà Nội	1862	29K-206.89	Hà Nội	3362	26C-153.39	Sơn La	4862	34A-825.00	Hải Dương
363	29K-201.02	Hà Nội	1863	29K-207.85	Hà Nội	3363	26C-153.55	Sơn La	4863	34A-828.09	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
364	29K-201.26	Hà Nội	1864	29K-208.68	Hà Nội	3364	26C-154.55	Sơn La	4864	34A-828.29	Hải Dương
365	29K-201.33	Hà Nội	1865	29K-208.95	Hà Nội	3365	26C-155.83	Sơn La	4865	34A-829.82	Hải Dương
366	29K-201.58	Hà Nội	1866	29K-209.02	Hà Nội	3366	26D-010.15	Sơn La	4866	34A-832.18	Hải Dương
367	29K-201.86	Hà Nội	1867	29K-209.18	Hà Nội	3367	27C-066.36	Điện Biên	4867	34A-832.69	Hải Dương
368	29K-202.18	Hà Nội	1868	29K-209.22	Hà Nội	3368	27C-068.69	Điện Biên	4868	34A-833.89	Hải Dương
369	29K-203.89	Hà Nội	1869	29K-209.68	Hà Nội	3369	27C-069.06	Điện Biên	4869	34A-835.06	Hải Dương
370	29K-204.77	Hà Nội	1870	29K-209.90	Hà Nội	3370	27C-069.77	Điện Biên	4870	34A-835.56	Hải Dương
371	29K-204.95	Hà Nội	1871	29K-210.11	Hà Nội	3371	27C-070.71	Điện Biên	4871	34A-836.26	Hải Dương
372	29K-206.15	Hà Nội	1872	29K-210.28	Hà Nội	3372	27C-070.99	Điện Biên	4872	34A-837.38	Hải Dương
373	29K-206.36	Hà Nội	1873	29K-211.00	Hà Nội	3373	27C-071.00	Điện Biên	4873	34A-838.22	Hải Dương
374	29K-206.66	Hà Nội	1874	29K-211.19	Hà Nội	3374	28A-242.88	Hòa Bình	4874	34A-839.16	Hải Dương
375	29K-206.86	Hà Nội	1875	29K-211.36	Hà Nội	3375	28A-243.11	Hòa Bình	4875	34A-840.89	Hải Dương
376	29K-207.19	Hà Nội	1876	29K-211.55	Hà Nội	3376	28A-243.58	Hòa Bình	4876	34A-842.24	Hải Dương
377	29K-207.35	Hà Nội	1877	29K-212.00	Hà Nội	3377	28A-245.29	Hòa Bình	4877	34A-842.96	Hải Dương
378	29K-207.95	Hà Nội	1878	29K-212.33	Hà Nội	3378	28A-245.68	Hòa Bình	4878	34A-843.77	Hải Dương
379	29K-208.06	Hà Nội	1879	29K-212.95	Hà Nội	3379	28A-246.55	Hòa Bình	4879	34A-844.22	Hải Dương
380	29K-209.20	Hà Nội	1880	29K-213.98	Hà Nội	3380	28A-246.79	Hòa Bình	4880	34A-845.95	Hải Dương
381	29K-209.95	Hà Nội	1881	29K-214.19	Hà Nội	3381	28A-246.95	Hòa Bình	4881	34A-846.65	Hải Dương
382	29K-210.69	Hà Nội	1882	29K-214.25	Hà Nội	3382	28C-109.86	Hòa Bình	4882	34A-846.85	Hải Dương
383	29K-212.35	Hà Nội	1883	29K-214.77	Hà Nội	3383	28C-114.22	Hòa Bình	4883	34A-846.99	Hải Dương
384	29K-212.55	Hà Nội	1884	29K-215.33	Hà Nội	3384	30K-707.69	Hà Nội	4884	34A-847.19	Hải Dương
385	29K-212.85	Hà Nội	1885	29K-215.79	Hà Nội	3385	30L-519.82	Hà Nội	4885	34A-847.74	Hải Dương
386	29K-213.21	Hà Nội	1886	29K-216.21	Hà Nội	3386	29K-195.11	Hà Nội	4886	34A-848.49	Hải Dương
387	29K-214.26	Hà Nội	1887	29K-216.35	Hà Nội	3387	29K-196.09	Hà Nội	4887	34A-848.58	Hải Dương
388	29K-214.69	Hà Nội	1888	29K-216.77	Hà Nội	3388	29K-196.59	Hà Nội	4888	34A-848.65	Hải Dương
389	29K-215.12	Hà Nội	1889	29K-217.17	Hà Nội	3389	29K-196.96	Hà Nội	4889	34A-849.28	Hải Dương
390	29K-216.98	Hà Nội	1890	29K-217.19	Hà Nội	3390	29K-197.19	Hà Nội	4890	34A-852.58	Hải Dương
391	29K-218.59	Hà Nội	1891	29K-217.88	Hà Nội	3391	29K-200.33	Hà Nội	4891	34A-853.22	Hải Dương
392	29K-219.58	Hà Nội	1892	29K-218.06	Hà Nội	3392	29K-201.01	Hà Nội	4892	34A-853.66	Hải Dương
393	29K-219.86	Hà Nội	1893	29K-219.00	Hà Nội	3393	29K-201.16	Hà Nội	4893	34A-853.95	Hải Dương
394	29K-220.09	Hà Nội	1894	29K-219.18	Hà Nội	3394	29K-201.59	Hà Nội	4894	34A-854.11	Hải Dương
395	34A-820.88	Hải Dương	1895	29K-219.26	Hà Nội	3395	29K-202.15	Hà Nội	4895	34A-854.22	Hải Dương
396	34A-821.09	Hải Dương	1896	29K-220.08	Hà Nội	3396	29K-202.36	Hà Nội	4896	34A-854.39	Hải Dương
397	34A-825.16	Hải Dương	1897	34A-821.89	Hải Dương	3397	29K-202.38	Hà Nội	4897	34A-854.54	Hải Dương
398	34A-826.00	Hải Dương	1898	34A-822.66	Hải Dương	3398	29K-203.66	Hà Nội	4898	34A-856.06	Hải Dương
399	34A-826.88	Hải Dương	1899	34A-824.42	Hải Dương	3399	29K-204.16	Hà Nội	4899	34C-400.36	Hải Dương
400	34A-827.08	Hải Dương	1900	34A-825.29	Hải Dương	3400	29K-205.65	Hà Nội	4900	34C-401.96	Hải Dương
401	34A-827.26	Hải Dương	1901	34A-825.79	Hải Dương	3401	29K-205.68	Hà Nội	4901	34C-402.09	Hải Dương
402	34A-828.26	Hải Dương	1902	34A-825.88	Hải Dương	3402	29K-205.83	Hà Nội	4902	34C-403.83	Hải Dương
403	34A-828.96	Hải Dương	1903	34A-826.62	Hải Dương	3403	29K-207.26	Hà Nội	4903	34C-404.26	Hải Dương
404	34A-830.89	Hải Dương	1904	34A-827.79	Hải Dương	3404	29K-207.58	Hà Nội	4904	34C-405.35	Hải Dương
405	34A-831.31	Hải Dương	1905	34A-828.66	Hải Dương	3405	29K-209.36	Hà Nội	4905	34C-405.69	Hải Dương
406	34A-833.16	Hải Dương	1906	34A-829.83	Hải Dương	3406	29K-209.56	Hà Nội	4906	34C-405.99	Hải Dương
407	34A-833.83	Hải Dương	1907	34A-829.92	Hải Dương	3407	29K-209.83	Hà Nội	4907	34C-406.38	Hải Dương
408	34A-834.09	Hải Dương	1908	34A-830.11	Hải Dương	3408	29K-210.35	Hà Nội	4908	34C-406.44	Hải Dương
409	34A-834.16	Hải Dương	1909	34A-831.39	Hải Dương	3409	29K-210.56	Hà Nội	4909	34C-407.58	Hải Dương
410	34A-836.06	Hải Dương	1910	34A-833.35	Hải Dương	3410	29K-210.99	Hà Nội	4910	34C-407.88	Hải Dương
411	34A-836.39	Hải Dương	1911	34A-834.35	Hải Dương	3411	29K-212.12	Hà Nội	4911	34C-408.96	Hải Dương
412	34A-836.89	Hải Dương	1912	34A-835.28	Hải Dương	3412	29K-213.12	Hà Nội	4912	34C-408.99	Hải Dương
413	34A-837.06	Hải Dương	1913	34A-835.39	Hải Dương	3413	29K-213.13	Hà Nội	4913	35A-434.22	Ninh Bình
414	34A-837.58	Hải Dương	1914	34A-836.33	Hải Dương	3414	29K-214.36	Hà Nội	4914	35A-434.36	Ninh Bình
415	34A-837.73	Hải Dương	1915	34A-838.25	Hải Dương	3415	29K-214.95	Hà Nội	4915	35A-435.06	Ninh Bình
416	34A-840.06	Hải Dương	1916	34A-838.56	Hải Dương	3416	29K-215.83	Hà Nội	4916	35A-435.29	Ninh Bình
417	34A-841.77	Hải Dương	1917	34A-838.58	Hải Dương	3417	29K-217.25	Hà Nội	4917	35A-436.77	Ninh Bình
418	34A-842.18	Hải Dương	1918	34A-839.00	Hải Dương	3418	29K-217.59	Hà Nội	4918	35A-436.88	Ninh Bình
419	34A-842.38	Hải Dương	1919	34A-839.35	Hải Dương	3419	29K-217.71	Hà Nội	4919	35A-437.43	Ninh Bình
420	34A-844.79	Hải Dương	1920	34A-839.56	Hải Dương	3420	29K-218.22	Hà Nội	4920	35A-437.79	Ninh Bình
421	34A-845.08	Hải Dương	1921	34A-841.00	Hải Dương	3421	29K-218.39	Hà Nội	4921	35A-437.85	Ninh Bình
422	34A-845.25	Hải Dương	1922	34A-841.69	Hải Dương	3422	29K-220.00	Hà Nội	4922	35A-439.55	Ninh Bình
423	34A-845.85	Hải Dương	1923	34A-842.09	Hải Dương	3423	34A-821.08	Hải Dương	4923	35A-440.25	Ninh Bình
424	34A-846.56	Hải Dương	1924	34A-843.89	Hải Dương	3424	34A-825.08	Hải Dương	4924	35A-440.44	Ninh Bình

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
425	34A-847.28	Hải Dương	1925	34A-843.96	Hải Dương	3425	34A-826.38	Hải Dương	4925	35A-442.28	Ninh Bình
426	34A-847.47	Hải Dương	1926	34A-844.89	Hải Dương	3426	34A-826.59	Hải Dương	4926	35A-442.42	Ninh Bình
427	34A-847.79	Hải Dương	1927	34A-846.55	Hải Dương	3427	34A-829.19	Hải Dương	4927	35A-442.44	Ninh Bình
428	34A-848.26	Hải Dương	1928	34A-847.08	Hải Dương	3428	34A-830.66	Hải Dương	4928	35A-442.65	Ninh Bình
429	34A-848.44	Hải Dương	1929	34A-847.69	Hải Dương	3429	34A-831.58	Hải Dương	4929	35C-165.26	Ninh Bình
430	34A-849.06	Hải Dương	1930	34A-848.36	Hải Dương	3430	34A-831.98	Hải Dương	4930	35C-165.33	Ninh Bình
431	34A-849.15	Hải Dương	1931	34A-849.25	Hải Dương	3431	34A-832.23	Hải Dương	4931	35C-165.86	Ninh Bình
432	34A-849.58	Hải Dương	1932	34A-850.68	Hải Dương	3432	34A-832.44	Hải Dương	4932	35C-166.22	Ninh Bình
433	34A-849.94	Hải Dương	1933	34A-851.39	Hải Dương	3433	34A-832.98	Hải Dương	4933	35C-166.39	Ninh Bình
434	34A-852.53	Hải Dương	1934	34A-851.59	Hải Dương	3434	34A-833.77	Hải Dương	4934	35C-167.18	Ninh Bình
435	34A-853.39	Hải Dương	1935	34A-852.28	Hải Dương	3435	34A-836.77	Hải Dương	4935	35C-169.36	Ninh Bình
436	34A-853.96	Hải Dương	1936	34A-852.68	Hải Dương	3436	34A-837.11	Hải Dương	4936	35C-170.88	Ninh Bình
437	34A-855.16	Hải Dương	1937	34A-852.69	Hải Dương	3437	34A-838.98	Hải Dương	4937	36C-481.22	Thanh Hóa
438	34C-400.38	Hải Dương	1938	34A-852.99	Hải Dương	3438	34A-839.19	Hải Dương	4938	36C-481.39	Thanh Hóa
439	34C-400.55	Hải Dương	1939	34A-853.26	Hải Dương	3439	34A-840.15	Hải Dương	4939	36C-484.38	Thanh Hóa
440	34C-401.08	Hải Dương	1940	34A-855.25	Hải Dương	3440	34A-840.86	Hải Dương	4940	36C-486.55	Thanh Hóa
441	34C-402.08	Hải Dương	1941	34C-400.88	Hải Dương	3441	34A-841.84	Hải Dương	4941	36C-488.58	Thanh Hóa
442	34C-402.15	Hải Dương	1942	34C-402.25	Hải Dương	3442	34A-841.85	Hải Dương	4942	36C-490.11	Thanh Hóa
443	34C-402.19	Hải Dương	1943	34C-402.55	Hải Dương	3443	34A-842.33	Hải Dương	4943	36C-490.38	Thanh Hóa
444	34C-403.04	Hải Dương	1944	34C-403.88	Hải Dương	3444	34A-842.83	Hải Dương	4944	36C-492.44	Thanh Hóa
445	34C-405.68	Hải Dương	1945	34C-406.29	Hải Dương	3445	34A-845.00	Hải Dương	4945	36C-492.66	Thanh Hóa
446	34C-406.06	Hải Dương	1946	34C-408.28	Hải Dương	3446	34A-848.39	Hải Dương	4946	36C-493.08	Thanh Hóa
447	34C-406.65	Hải Dương	1947	34D-034.55	Hải Dương	3447	34A-851.69	Hải Dương	4947	36C-494.09	Thanh Hóa
448	34C-407.33	Hải Dương	1948	34D-035.16	Hải Dương	3448	34A-851.85	Hải Dương	4948	36C-494.38	Thanh Hóa
449	34C-407.83	Hải Dương	1949	35A-433.59	Ninh Bình	3449	34A-853.25	Hải Dương	4949	36C-494.86	Thanh Hóa
450	34C-408.25	Hải Dương	1950	35A-435.34	Ninh Bình	3450	34A-853.69	Hải Dương	4950	36C-496.11	Thanh Hóa
451	34C-408.36	Hải Dương	1951	35A-436.34	Ninh Bình	3451	34A-854.15	Hải Dương	4951	36C-496.89	Thanh Hóa
452	34C-408.56	Hải Dương	1952	35A-436.38	Ninh Bình	3452	34A-854.68	Hải Dương	4952	36C-497.18	Thanh Hóa
453	34D-033.56	Hải Dương	1953	35A-437.11	Ninh Bình	3453	34A-855.28	Hải Dương	4953	36C-497.68	Thanh Hóa
454	34D-033.77	Hải Dương	1954	35A-438.98	Ninh Bình	3454	34A-855.33	Hải Dương	4954	36C-498.18	Thanh Hóa
455	34D-034.22	Hải Dương	1955	35A-439.33	Ninh Bình	3455	34C-400.69	Hải Dương	4955	36C-499.06	Thanh Hóa
456	35A-434.83	Ninh Bình	1956	35A-440.29	Ninh Bình	3456	34C-401.10	Hải Dương	4956	36C-499.16	Thanh Hóa
457	35A-435.08	Ninh Bình	1957	35A-441.22	Ninh Bình	3457	34C-401.39	Hải Dương	4957	36C-499.19	Thanh Hóa
458	35A-435.35	Ninh Bình	1958	35A-443.56	Ninh Bình	3458	34C-401.98	Hải Dương	4958	36C-499.56	Thanh Hóa
459	35A-435.58	Ninh Bình	1959	35C-165.22	Ninh Bình	3459	34C-402.00	Hải Dương	4959	36C-501.16	Thanh Hóa
460	35A-435.88	Ninh Bình	1960	35C-171.00	Ninh Bình	3460	34C-402.11	Hải Dương	4960	36C-501.44	Thanh Hóa
461	35A-436.89	Ninh Bình	1961	35C-171.26	Ninh Bình	3461	34C-403.30	Hải Dương	4961	36C-501.56	Thanh Hóa
462	35A-436.99	Ninh Bình	1962	35C-171.39	Ninh Bình	3462	34C-403.58	Hải Dương	4962	36C-502.08	Thanh Hóa
463	35A-437.00	Ninh Bình	1963	36C-481.88	Thanh Hóa	3463	34C-403.69	Hải Dương	4963	36C-502.86	Thanh Hóa
464	35A-437.59	Ninh Bình	1964	36C-483.55	Thanh Hóa	3464	34C-404.95	Hải Dương	4964	36C-506.56	Thanh Hóa
465	35A-438.16	Ninh Bình	1965	36C-485.16	Thanh Hóa	3465	34C-405.36	Hải Dương	4965	36C-507.19	Thanh Hóa
466	35A-439.93	Ninh Bình	1966	36C-486.99	Thanh Hóa	3466	34C-405.56	Hải Dương	4966	36K-080.77	Thanh Hóa
467	35A-440.28	Ninh Bình	1967	36C-487.36	Thanh Hóa	3467	34C-406.19	Hải Dương	4967	36K-085.19	Thanh Hóa
468	35A-440.88	Ninh Bình	1968	36C-489.59	Thanh Hóa	3468	34C-407.00	Hải Dương	4968	36K-085.33	Thanh Hóa
469	35A-441.36	Ninh Bình	1969	36C-490.79	Thanh Hóa	3469	34C-407.18	Hải Dương	4969	36K-089.79	Thanh Hóa
470	35A-443.35	Ninh Bình	1970	36C-493.55	Thanh Hóa	3470	34C-407.36	Hải Dương	4970	36K-090.58	Thanh Hóa
471	35A-443.36	Ninh Bình	1971	36C-494.22	Thanh Hóa	3471	34C-408.00	Hải Dương	4971	36K-091.33	Thanh Hóa
472	35A-443.96	Ninh Bình	1972	36C-494.68	Thanh Hóa	3472	34C-408.16	Hải Dương	4972	36K-092.69	Thanh Hóa
473	35A-444.01	Ninh Bình	1973	36C-494.79	Thanh Hóa	3473	34D-034.00	Hải Dương	4973	36K-092.77	Thanh Hóa
474	35C-163.79	Ninh Bình	1974	36C-501.00	Thanh Hóa	3474	34D-034.56	Hải Dương	4974	36K-092.79	Thanh Hóa
475	35C-164.55	Ninh Bình	1975	36C-503.19	Thanh Hóa	3475	35A-436.43	Ninh Bình	4975	36K-093.44	Thanh Hóa
476	35C-165.19	Ninh Bình	1976	36C-503.86	Thanh Hóa	3476	35A-437.35	Ninh Bình	4976	36K-094.19	Thanh Hóa
477	35C-165.44	Ninh Bình	1977	36C-504.18	Thanh Hóa	3477	35A-438.09	Ninh Bình	4977	36K-098.19	Thanh Hóa
478	35C-165.55	Ninh Bình	1978	36C-505.44	Thanh Hóa	3478	35A-438.68	Ninh Bình	4978	36K-098.56	Thanh Hóa
479	35C-166.11	Ninh Bình	1979	36C-506.16	Thanh Hóa	3479	35A-438.96	Ninh Bình	4979	36K-100.28	Thanh Hóa
480	35C-167.55	Ninh Bình	1980	36C-506.18	Thanh Hóa	3480	35A-439.38	Ninh Bình	4980	36K-104.83	Thanh Hóa
481	35C-169.08	Ninh Bình	1981	36C-506.58	Thanh Hóa	3481	35A-439.68	Ninh Bình	4981	36K-104.85	Thanh Hóa
482	35C-172.58	Ninh Bình	1982	36C-507.66	Thanh Hóa	3482	35A-440.15	Ninh Bình	4982	36K-104.98	Thanh Hóa
483	36C-481.38	Thanh Hóa	1983	36K-082.66	Thanh Hóa	3483	35A-440.85	Ninh Bình	4983	36K-105.25	Thanh Hóa
484	36C-483.86	Thanh Hóa	1984	36K-084.18	Thanh Hóa	3484	35A-440.98	Ninh Bình	4984	36K-106.39	Thanh Hóa
485	36C-485.89	Thanh Hóa	1985	36K-085.00	Thanh Hóa	3485	35A-441.19	Ninh Bình	4985	36K-108.10	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
486	36C-486.88	Thanh Hóa	1986	36K-087.36	Thanh Hóa	3486	35A-443.16	Ninh Bình	4986	36K-108.25	Thanh Hóa
487	36C-487.44	Thanh Hóa	1987	36K-088.66	Thanh Hóa	3487	35A-443.19	Ninh Bình	4987	36K-108.55	Thanh Hóa
488	36C-487.56	Thanh Hóa	1988	36K-089.09	Thanh Hóa	3488	35A-443.34	Ninh Bình	4988	36K-111.09	Thanh Hóa
489	36C-488.44	Thanh Hóa	1989	36K-090.99	Thanh Hóa	3489	35A-444.19	Ninh Bình	4989	36K-112.12	Thanh Hóa
490	36C-488.79	Thanh Hóa	1990	36K-091.99	Thanh Hóa	3490	35C-163.55	Ninh Bình	4990	36K-112.15	Thanh Hóa
491	36C-489.22	Thanh Hóa	1991	36K-093.09	Thanh Hóa	3491	35C-163.58	Ninh Bình	4991	36K-113.95	Thanh Hóa
492	36C-489.58	Thanh Hóa	1992	36K-093.55	Thanh Hóa	3492	35C-163.85	Ninh Bình	4992	36K-115.95	Thanh Hóa
493	36C-490.22	Thanh Hóa	1993	36K-093.79	Thanh Hóa	3493	35C-164.00	Ninh Bình	4993	36K-116.22	Thanh Hóa
494	36C-491.39	Thanh Hóa	1994	36K-094.18	Thanh Hóa	3494	35C-164.64	Ninh Bình	4994	36K-116.25	Thanh Hóa
495	36C-494.00	Thanh Hóa	1995	36K-097.18	Thanh Hóa	3495	35C-169.19	Ninh Bình	4995	36K-116.56	Thanh Hóa
496	36C-498.59	Thanh Hóa	1996	36K-097.39	Thanh Hóa	3496	35C-169.66	Ninh Bình	4996	36K-116.95	Thanh Hóa
497	36C-499.68	Thanh Hóa	1997	36K-098.59	Thanh Hóa	3497	35C-169.86	Ninh Bình	4997	36K-117.00	Thanh Hóa
498	36C-500.86	Thanh Hóa	1998	36K-100.89	Thanh Hóa	3498	35C-170.09	Ninh Bình	4998	36K-117.06	Thanh Hóa
499	36C-503.09	Thanh Hóa	1999	36K-102.98	Thanh Hóa	3499	35C-171.68	Ninh Bình	4999	36K-117.36	Thanh Hóa
500	36C-506.89	Thanh Hóa	2000	36K-103.26	Thanh Hóa	3500	35C-173.11	Ninh Bình	5000	36K-117.65	Thanh Hóa
501	36C-507.11	Thanh Hóa	2001	36K-103.65	Thanh Hóa	3501	35D-011.59	Ninh Bình	5001	36K-119.88	Thanh Hóa
502	36K-080.18	Thanh Hóa	2002	36K-103.77	Thanh Hóa	3502	36C-483.06	Thanh Hóa	5002	36K-121.29	Thanh Hóa
503	36K-080.55	Thanh Hóa	2003	36K-104.38	Thanh Hóa	3503	36C-483.69	Thanh Hóa	5003	36K-121.77	Thanh Hóa
504	36K-080.58	Thanh Hóa	2004	36K-105.89	Thanh Hóa	3504	36C-485.68	Thanh Hóa	5004	36K-123.55	Thanh Hóa
505	36K-081.88	Thanh Hóa	2005	36K-106.06	Thanh Hóa	3505	36C-487.66	Thanh Hóa	5005	36K-125.00	Thanh Hóa
506	36K-082.33	Thanh Hóa	2006	36K-107.39	Thanh Hóa	3506	36C-488.56	Thanh Hóa	5006	36K-127.99	Thanh Hóa
507	36K-082.69	Thanh Hóa	2007	36K-109.39	Thanh Hóa	3507	36C-492.19	Thanh Hóa	5007	36K-128.12	Thanh Hóa
508	36K-083.09	Thanh Hóa	2008	36K-109.77	Thanh Hóa	3508	36C-493.39	Thanh Hóa	5008	36K-129.09	Thanh Hóa
509	36K-083.16	Thanh Hóa	2009	36K-110.38	Thanh Hóa	3509	36C-493.68	Thanh Hóa	5009	36K-129.19	Thanh Hóa
510	36K-084.33	Thanh Hóa	2010	36K-110.68	Thanh Hóa	3510	36C-495.00	Thanh Hóa	5010	36K-129.86	Thanh Hóa
511	36K-087.19	Thanh Hóa	2011	36K-111.38	Thanh Hóa	3511	36C-495.22	Thanh Hóa	5011	36K-132.33	Thanh Hóa
512	36K-088.55	Thanh Hóa	2012	36K-112.58	Thanh Hóa	3512	36C-496.00	Thanh Hóa	5012	36K-134.34	Thanh Hóa
513	36K-092.00	Thanh Hóa	2013	36K-112.65	Thanh Hóa	3513	36C-497.09	Thanh Hóa	5013	36K-134.59	Thanh Hóa
514	36K-092.16	Thanh Hóa	2014	36K-113.22	Thanh Hóa	3514	36C-498.56	Thanh Hóa	5014	36K-134.85	Thanh Hóa
515	36K-092.18	Thanh Hóa	2015	36K-115.58	Thanh Hóa	3515	36C-499.44	Thanh Hóa	5015	36K-136.00	Thanh Hóa
516	36K-092.44	Thanh Hóa	2016	36K-116.35	Thanh Hóa	3516	36C-499.88	Thanh Hóa	5016	36K-137.09	Thanh Hóa
517	36K-094.39	Thanh Hóa	2017	36K-116.55	Thanh Hóa	3517	36C-500.18	Thanh Hóa	5017	37C-534.53	Nghệ An
518	36K-095.33	Thanh Hóa	2018	36K-117.25	Thanh Hóa	3518	36C-503.79	Thanh Hóa	5018	37C-536.53	Nghệ An
519	36K-096.77	Thanh Hóa	2019	36K-117.69	Thanh Hóa	3519	36C-504.33	Thanh Hóa	5019	37C-537.55	Nghệ An
520	36K-100.44	Thanh Hóa	2020	36K-118.81	Thanh Hóa	3520	36C-507.07	Thanh Hóa	5020	37C-537.77	Nghệ An
521	36K-100.66	Thanh Hóa	2021	36K-119.25	Thanh Hóa	3521	36K-084.68	Thanh Hóa	5021	37C-538.09	Nghệ An
522	36K-100.99	Thanh Hóa	2022	36K-119.89	Thanh Hóa	3522	36K-084.79	Thanh Hóa	5022	37K-344.00	Nghệ An
523	36K-101.16	Thanh Hóa	2023	36K-120.20	Thanh Hóa	3523	36K-085.09	Thanh Hóa	5023	37K-345.00	Nghệ An
524	36K-101.22	Thanh Hóa	2024	36K-120.35	Thanh Hóa	3524	36K-085.22	Thanh Hóa	5024	37K-345.26	Nghệ An
525	36K-102.02	Thanh Hóa	2025	36K-120.98	Thanh Hóa	3525	36K-085.36	Thanh Hóa	5025	37K-347.00	Nghệ An
526	36K-102.25	Thanh Hóa	2026	36K-121.18	Thanh Hóa	3526	36K-085.77	Thanh Hóa	5026	37K-347.19	Nghệ An
527	36K-102.44	Thanh Hóa	2027	36K-122.66	Thanh Hóa	3527	36K-087.68	Thanh Hóa	5027	37K-347.33	Nghệ An
528	36K-103.09	Thanh Hóa	2028	36K-123.12	Thanh Hóa	3528	36K-088.33	Thanh Hóa	5028	37K-347.95	Nghệ An
529	36K-103.69	Thanh Hóa	2029	36K-123.39	Thanh Hóa	3529	36K-089.68	Thanh Hóa	5029	37K-348.36	Nghệ An
530	36K-103.95	Thanh Hóa	2030	36K-123.95	Thanh Hóa	3530	36K-090.09	Thanh Hóa	5030	37K-349.58	Nghệ An
531	36K-104.28	Thanh Hóa	2031	36K-124.38	Thanh Hóa	3531	36K-090.38	Thanh Hóa	5031	37K-349.77	Nghệ An
532	36K-105.08	Thanh Hóa	2032	36K-124.69	Thanh Hóa	3532	36K-092.19	Thanh Hóa	5032	37K-349.79	Nghệ An
533	36K-105.18	Thanh Hóa	2033	36K-124.79	Thanh Hóa	3533	36K-093.18	Thanh Hóa	5033	37K-349.83	Nghệ An
534	36K-107.66	Thanh Hóa	2034	36K-126.21	Thanh Hóa	3534	36K-093.39	Thanh Hóa	5034	37K-350.19	Nghệ An
535	36K-108.36	Thanh Hóa	2035	36K-126.55	Thanh Hóa	3535	36K-093.66	Thanh Hóa	5035	37K-350.25	Nghệ An
536	36K-109.15	Thanh Hóa	2036	36K-127.27	Thanh Hóa	3536	36K-093.93	Thanh Hóa	5036	37K-350.59	Nghệ An
537	36K-109.33	Thanh Hóa	2037	36K-128.69	Thanh Hóa	3537	36K-096.59	Thanh Hóa	5037	37K-351.18	Nghệ An
538	36K-111.57	Thanh Hóa	2038	36K-129.06	Thanh Hóa	3538	36K-098.16	Thanh Hóa	5038	37K-351.85	Nghệ An
539	36K-112.55	Thanh Hóa	2039	36K-129.35	Thanh Hóa	3539	36K-098.79	Thanh Hóa	5039	37K-352.25	Nghệ An
540	36K-112.56	Thanh Hóa	2040	36K-130.15	Thanh Hóa	3540	36K-099.00	Thanh Hóa	5040	37K-353.89	Nghệ An
541	36K-113.83	Thanh Hóa	2041	36K-130.36	Thanh Hóa	3541	36K-100.56	Thanh Hóa	5041	37K-354.18	Nghệ An
542	36K-114.56	Thanh Hóa	2042	36K-130.44	Thanh Hóa	3542	36K-100.69	Thanh Hóa	5042	37K-354.54	Nghệ An
543	36K-114.86	Thanh Hóa	2043	36K-131.33	Thanh Hóa	3543	36K-102.55	Thanh Hóa	5043	37K-355.09	Nghệ An
544	36K-115.36	Thanh Hóa	2044	36K-132.15	Thanh Hóa	3544	36K-102.95	Thanh Hóa	5044	37K-355.28	Nghệ An
545	36K-116.88	Thanh Hóa	2045	36K-132.68	Thanh Hóa	3545	36K-102.99	Thanh Hóa	5045	37K-355.38	Nghệ An
546	36K-117.26	Thanh Hóa	2046	36K-132.89	Thanh Hóa	3546	36K-103.00	Thanh Hóa	5046	37K-355.77	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
547	36K-118.36	Thanh Hóa	2047	36K-134.39	Thanh Hóa	3547	36K-103.44	Thanh Hóa	5047	37K-357.11	Nghệ An
548	36K-120.38	Thanh Hóa	2048	36K-135.13	Thanh Hóa	3548	36K-103.99	Thanh Hóa	5048	37K-357.25	Nghệ An
549	36K-122.33	Thanh Hóa	2049	36K-135.58	Thanh Hóa	3549	36K-104.26	Thanh Hóa	5049	37K-358.65	Nghệ An
550	36K-123.11	Thanh Hóa	2050	37C-534.25	Nghệ An	3550	36K-104.29	Thanh Hóa	5050	37K-358.89	Nghệ An
551	36K-123.98	Thanh Hóa	2051	37C-535.15	Nghệ An	3551	36K-104.58	Thanh Hóa	5051	37K-359.55	Nghệ An
552	36K-124.08	Thanh Hóa	2052	37C-535.79	Nghệ An	3552	36K-105.28	Thanh Hóa	5052	37K-360.59	Nghệ An
553	36K-124.35	Thanh Hóa	2053	37C-536.09	Nghệ An	3553	36K-106.11	Thanh Hóa	5053	37K-360.86	Nghệ An
554	36K-126.79	Thanh Hóa	2054	37C-536.99	Nghệ An	3554	36K-107.85	Thanh Hóa	5054	37K-360.98	Nghệ An
555	36K-127.44	Thanh Hóa	2055	37C-537.08	Nghệ An	3555	36K-109.09	Thanh Hóa	5055	37K-361.44	Nghệ An
556	36K-128.98	Thanh Hóa	2056	37C-539.09	Nghệ An	3556	36K-109.65	Thanh Hóa	5056	37K-362.08	Nghệ An
557	36K-129.33	Thanh Hóa	2057	37K-346.39	Nghệ An	3557	36K-110.59	Thanh Hóa	5057	37K-362.18	Nghệ An
558	36K-129.36	Thanh Hóa	2058	37K-347.18	Nghệ An	3558	36K-111.24	Thanh Hóa	5058	37K-363.15	Nghệ An
559	36K-129.89	Thanh Hóa	2059	37K-347.39	Nghệ An	3559	36K-111.48	Thanh Hóa	5059	37K-363.86	Nghệ An
560	36K-130.13	Thanh Hóa	2060	37K-348.06	Nghệ An	3560	36K-113.13	Thanh Hóa	5060	37K-364.63	Nghệ An
561	36K-130.85	Thanh Hóa	2061	37K-348.38	Nghệ An	3561	36K-113.31	Thanh Hóa	5061	37K-365.16	Nghệ An
562	36K-131.59	Thanh Hóa	2062	37K-348.66	Nghệ An	3562	36K-113.98	Thanh Hóa	5062	37K-366.22	Nghệ An
563	36K-134.69	Thanh Hóa	2063	37K-348.86	Nghệ An	3563	36K-114.29	Thanh Hóa	5063	37K-366.58	Nghệ An
564	36K-135.19	Thanh Hóa	2064	37K-349.39	Nghệ An	3564	36K-114.79	Thanh Hóa	5064	37K-367.15	Nghệ An
565	36K-135.35	Thanh Hóa	2065	37K-349.69	Nghệ An	3565	36K-114.88	Thanh Hóa	5065	37K-367.95	Nghệ An
566	36K-136.33	Thanh Hóa	2066	37K-350.51	Nghệ An	3566	36K-118.18	Thanh Hóa	5066	37K-368.09	Nghệ An
567	37C-533.28	Nghệ An	2067	37K-351.53	Nghệ An	3567	36K-118.85	Thanh Hóa	5067	37K-368.55	Nghệ An
568	37C-533.38	Nghệ An	2068	37K-352.16	Nghệ An	3568	36K-119.29	Thanh Hóa	5068	37K-368.77	Nghệ An
569	37C-535.86	Nghệ An	2069	37K-352.29	Nghệ An	3569	36K-119.36	Thanh Hóa	5069	37K-369.66	Nghệ An
570	37C-536.25	Nghệ An	2070	37K-352.86	Nghệ An	3570	36K-119.86	Thanh Hóa	5070	37K-369.88	Nghệ An
571	37C-538.36	Nghệ An	2071	37K-356.18	Nghệ An	3571	36K-121.06	Thanh Hóa	5071	37K-370.55	Nghệ An
572	37C-538.96	Nghệ An	2072	37K-356.28	Nghệ An	3572	36K-121.36	Thanh Hóa	5072	37K-371.17	Nghệ An
573	37C-538.98	Nghệ An	2073	37K-358.19	Nghệ An	3573	36K-121.89	Thanh Hóa	5073	37K-371.26	Nghệ An
574	37D-040.33	Nghệ An	2074	37K-359.69	Nghệ An	3574	36K-122.59	Thanh Hóa	5074	37K-371.28	Nghệ An
575	37D-040.79	Nghệ An	2075	37K-360.83	Nghệ An	3575	36K-123.22	Thanh Hóa	5075	37K-373.29	Nghệ An
576	37K-344.19	Nghệ An	2076	37K-361.38	Nghệ An	3576	36K-124.65	Thanh Hóa	5076	37K-373.56	Nghệ An
577	37K-344.56	Nghệ An	2077	37K-361.79	Nghệ An	3577	36K-127.66	Thanh Hóa	5077	37K-374.06	Nghệ An
578	37K-344.98	Nghệ An	2078	37K-361.83	Nghệ An	3578	36K-128.09	Thanh Hóa	5078	37K-375.08	Nghệ An
579	37K-345.46	Nghệ An	2079	37K-363.69	Nghệ An	3579	36K-128.39	Thanh Hóa	5079	37K-375.18	Nghệ An
580	37K-345.98	Nghệ An	2080	37K-366.18	Nghệ An	3580	36K-128.77	Thanh Hóa	5080	37K-375.26	Nghệ An
581	37K-346.11	Nghệ An	2081	37K-367.18	Nghệ An	3581	36K-128.79	Thanh Hóa	5081	37K-375.29	Nghệ An
582	37K-346.33	Nghệ An	2082	37K-368.28	Nghệ An	3582	36K-129.08	Thanh Hóa	5082	37K-375.68	Nghệ An
583	37K-346.55	Nghệ An	2083	37K-368.36	Nghệ An	3583	36K-130.03	Thanh Hóa	5083	37K-376.16	Nghệ An
584	37K-346.65	Nghệ An	2084	37K-368.95	Nghệ An	3584	36K-130.09	Thanh Hóa	5084	37K-376.18	Nghệ An
585	37K-347.55	Nghệ An	2085	37K-369.86	Nghệ An	3585	36K-130.66	Thanh Hóa	5085	37K-377.25	Nghệ An
586	37K-348.65	Nghệ An	2086	37K-370.69	Nghệ An	3586	36K-130.98	Thanh Hóa	5086	37K-377.44	Nghệ An
587	37K-350.15	Nghệ An	2087	37K-371.36	Nghệ An	3587	36K-131.26	Thanh Hóa	5087	37K-378.06	Nghệ An
588	37K-353.35	Nghệ An	2088	37K-371.59	Nghệ An	3588	36K-132.29	Thanh Hóa	5088	37K-378.56	Nghệ An
589	37K-353.88	Nghệ An	2089	37K-372.68	Nghệ An	3589	36K-132.31	Thanh Hóa	5089	37K-379.68	Nghệ An
590	37K-354.19	Nghệ An	2090	37K-373.09	Nghệ An	3590	36K-133.89	Thanh Hóa	5090	37K-382.06	Nghệ An
591	37K-354.58	Nghệ An	2091	37K-375.89	Nghệ An	3591	36K-134.28	Thanh Hóa	5091	37K-382.68	Nghệ An
592	37K-357.75	Nghệ An	2092	37K-376.15	Nghệ An	3592	36K-134.95	Thanh Hóa	5092	37K-383.59	Nghệ An
593	37K-359.09	Nghệ An	2093	37K-377.29	Nghệ An	3593	36K-135.08	Thanh Hóa	5093	37K-384.15	Nghệ An
594	37K-361.58	Nghệ An	2094	37K-378.83	Nghệ An	3594	37C-533.56	Nghệ An	5094	37K-384.96	Nghệ An
595	37K-362.59	Nghệ An	2095	37K-381.65	Nghệ An	3595	37C-533.69	Nghệ An	5095	37K-385.08	Nghệ An
596	37K-364.86	Nghệ An	2096	37K-383.65	Nghệ An	3596	37C-533.79	Nghệ An	5096	37K-386.65	Nghệ An
597	37K-365.44	Nghệ An	2097	37K-384.28	Nghệ An	3597	37C-534.34	Nghệ An	5097	38A-625.52	Hà Tĩnh
598	37K-365.58	Nghệ An	2098	37K-384.48	Nghệ An	3598	37C-535.83	Nghệ An	5098	38A-627.86	Hà Tĩnh
599	37K-365.95	Nghệ An	2099	37K-385.33	Nghệ An	3599	37C-535.88	Nghệ An	5099	38A-629.35	Hà Tĩnh
600	37K-367.44	Nghệ An	2100	37K-386.85	Nghệ An	3600	37C-536.26	Nghệ An	5100	38A-632.26	Hà Tĩnh
601	37K-370.07	Nghệ An	2101	38A-627.08	Hà Tĩnh	3601	37C-537.00	Nghệ An	5101	38A-633.56	Hà Tĩnh
602	37K-370.16	Nghệ An	2102	38A-627.35	Hà Tĩnh	3602	37C-537.39	Nghệ An	5102	38A-633.65	Hà Tĩnh
603	37K-370.66	Nghệ An	2103	38A-627.39	Hà Tĩnh	3603	37C-538.15	Nghệ An	5103	38A-634.43	Hà Tĩnh
604	37K-370.77	Nghệ An	2104	38A-627.55	Hà Tĩnh	3604	37K-344.29	Nghệ An	5104	38A-635.39	Hà Tĩnh
605	37K-370.96	Nghệ An	2105	38A-627.79	Hà Tĩnh	3605	37K-345.35	Nghệ An	5105	38A-635.65	Hà Tĩnh
606	37K-372.25	Nghệ An	2106	38A-629.33	Hà Tĩnh	3606	37K-346.43	Nghệ An	5106	38A-636.56	Hà Tĩnh
607	37K-373.66	Nghệ An	2107	38A-630.11	Hà Tĩnh	3607	37K-349.49	Nghệ An	5107	38A-636.65	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
608	37K-374.68	Nghệ An	2108	38A-631.22	Hà Tĩnh	3608	37K-350.16	Nghệ An	5108	38A-637.00	Hà Tĩnh
609	37K-376.33	Nghệ An	2109	38A-631.32	Hà Tĩnh	3609	37K-350.26	Nghệ An	5109	38C-228.26	Hà Tĩnh
610	37K-377.59	Nghệ An	2110	38A-631.38	Hà Tĩnh	3610	37K-350.38	Nghệ An	5110	38C-228.68	Hà Tĩnh
611	37K-378.79	Nghệ An	2111	38A-631.69	Hà Tĩnh	3611	37K-350.86	Nghệ An	5111	38C-228.82	Hà Tĩnh
612	37K-378.95	Nghệ An	2112	38A-631.96	Hà Tĩnh	3612	37K-351.89	Nghệ An	5112	38C-228.86	Hà Tĩnh
613	37K-380.44	Nghệ An	2113	38A-632.35	Hà Tĩnh	3613	37K-353.36	Nghệ An	5113	43A-877.95	Đà Nẵng
614	37K-381.66	Nghệ An	2114	38A-633.77	Hà Tĩnh	3614	37K-353.38	Nghệ An	5114	43A-878.00	Đà Nẵng
615	37K-382.08	Nghệ An	2115	38A-635.99	Hà Tĩnh	3615	37K-353.54	Nghệ An	5115	43A-880.26	Đà Nẵng
616	37K-382.65	Nghệ An	2116	38A-636.18	Hà Tĩnh	3616	37K-353.55	Nghệ An	5116	43A-881.29	Đà Nẵng
617	37K-382.83	Nghệ An	2117	38A-636.63	Hà Tĩnh	3617	37K-353.83	Nghệ An	5117	43A-881.85	Đà Nẵng
618	37K-385.00	Nghệ An	2118	38C-227.72	Hà Tĩnh	3618	37K-353.86	Nghệ An	5118	43A-882.98	Đà Nẵng
619	37K-385.18	Nghệ An	2119	38C-228.39	Hà Tĩnh	3619	37K-356.15	Nghệ An	5119	43A-883.00	Đà Nẵng
620	37K-385.88	Nghệ An	2120	38C-228.56	Hà Tĩnh	3620	37K-357.16	Nghệ An	5120	43A-883.08	Đà Nẵng
621	37K-386.00	Nghệ An	2121	38D-016.25	Hà Tĩnh	3621	37K-358.55	Nghệ An	5121	43A-884.00	Đà Nẵng
622	37K-387.00	Nghệ An	2122	43A-877.66	Đà Nẵng	3622	37K-359.26	Nghệ An	5122	43A-884.22	Đà Nẵng
623	38A-623.28	Hà Tĩnh	2123	43A-877.68	Đà Nẵng	3623	37K-359.28	Nghệ An	5123	43A-885.25	Đà Nẵng
624	38A-624.26	Hà Tĩnh	2124	43A-878.39	Đà Nẵng	3624	37K-359.56	Nghệ An	5124	43A-886.00	Đà Nẵng
625	38A-624.58	Hà Tĩnh	2125	43A-878.59	Đà Nẵng	3625	37K-360.96	Nghệ An	5125	43A-888.04	Đà Nẵng
626	38A-625.38	Hà Tĩnh	2126	43A-879.65	Đà Nẵng	3626	37K-361.26	Nghệ An	5126	43A-888.37	Đà Nẵng
627	38A-625.85	Hà Tĩnh	2127	43A-880.06	Đà Nẵng	3627	37K-361.56	Nghệ An	5127	43A-890.09	Đà Nẵng
628	38A-626.35	Hà Tĩnh	2128	43A-881.36	Đà Nẵng	3628	37K-361.99	Nghệ An	5128	43A-892.18	Đà Nẵng
629	38A-626.58	Hà Tĩnh	2129	43A-882.79	Đà Nẵng	3629	37K-364.06	Nghệ An	5129	43A-892.58	Đà Nẵng
630	38A-627.28	Hà Tĩnh	2130	43A-882.85	Đà Nẵng	3630	37K-365.19	Nghệ An	5130	43A-893.16	Đà Nẵng
631	38A-627.68	Hà Tĩnh	2131	43A-882.89	Đà Nẵng	3631	37K-366.36	Nghệ An	5131	43A-894.06	Đà Nẵng
632	38A-630.22	Hà Tĩnh	2132	43A-883.65	Đà Nẵng	3632	37K-368.16	Nghệ An	5132	43A-894.59	Đà Nẵng
633	38A-630.28	Hà Tĩnh	2133	43A-884.35	Đà Nẵng	3633	37K-368.33	Nghệ An	5133	43A-895.66	Đà Nẵng
634	38A-631.13	Hà Tĩnh	2134	43A-884.96	Đà Nẵng	3634	37K-369.77	Nghệ An	5134	43A-897.66	Đà Nẵng
635	38A-631.33	Hà Tĩnh	2135	43A-885.28	Đà Nẵng	3635	37K-370.98	Nghệ An	5135	43A-898.36	Đà Nẵng
636	38A-631.95	Hà Tĩnh	2136	43A-885.88	Đà Nẵng	3636	37K-372.18	Nghệ An	5136	43A-898.77	Đà Nẵng
637	38A-634.83	Hà Tĩnh	2137	43A-887.15	Đà Nẵng	3637	37K-372.26	Nghệ An	5137	47A-723.59	Đắk Lắk
638	38A-635.96	Hà Tĩnh	2138	43A-887.29	Đà Nẵng	3638	37K-373.16	Nghệ An	5138	47A-725.22	Đắk Lắk
639	38A-636.25	Hà Tĩnh	2139	43A-887.66	Đà Nẵng	3639	37K-373.19	Nghệ An	5139	47A-727.11	Đắk Lắk
640	38A-636.44	Hà Tĩnh	2140	43A-887.99	Đà Nẵng	3640	37K-373.22	Nghệ An	5140	47A-727.33	Đắk Lắk
641	38A-637.26	Hà Tĩnh	2141	43A-889.36	Đà Nẵng	3641	37K-374.22	Nghệ An	5141	47A-727.55	Đắk Lắk
642	38C-227.08	Hà Tĩnh	2142	43A-891.22	Đà Nẵng	3642	37K-374.29	Nghệ An	5142	47A-728.06	Đắk Lắk
643	38C-227.58	Hà Tĩnh	2143	43A-891.99	Đà Nẵng	3643	37K-374.38	Nghệ An	5143	47A-729.89	Đắk Lắk
644	38C-227.66	Hà Tĩnh	2144	43A-893.15	Đà Nẵng	3644	37K-374.88	Nghệ An	5144	47A-730.29	Đắk Lắk
645	38C-228.00	Hà Tĩnh	2145	43A-896.96	Đà Nẵng	3645	37K-376.19	Nghệ An	5145	47A-730.38	Đắk Lắk
646	38C-228.06	Hà Tĩnh	2146	43A-897.16	Đà Nẵng	3646	37K-377.39	Nghệ An	5146	47A-730.39	Đắk Lắk
647	38C-228.22	Hà Tĩnh	2147	47A-720.69	Đắk Lắk	3647	37K-379.00	Nghệ An	5147	47A-730.73	Đắk Lắk
648	38C-229.08	Hà Tĩnh	2148	47A-722.39	Đắk Lắk	3648	37K-381.81	Nghệ An	5148	47A-730.79	Đắk Lắk
649	43A-878.26	Đà Nẵng	2149	47A-723.77	Đắk Lắk	3649	37K-382.58	Nghệ An	5149	47A-730.98	Đắk Lắk
650	43A-880.36	Đà Nẵng	2150	47A-724.08	Đắk Lắk	3650	37K-382.66	Nghệ An	5150	47A-732.28	Đắk Lắk
651	43A-881.16	Đà Nẵng	2151	47A-724.38	Đắk Lắk	3651	37K-383.08	Nghệ An	5151	47A-732.55	Đắk Lắk
652	43A-881.35	Đà Nẵng	2152	47A-725.00	Đắk Lắk	3652	37K-384.66	Nghệ An	5152	47A-732.58	Đắk Lắk
653	43A-882.08	Đà Nẵng	2153	47A-725.44	Đắk Lắk	3653	37K-385.66	Nghệ An	5153	47A-732.95	Đắk Lắk
654	43A-882.38	Đà Nẵng	2154	47A-726.88	Đắk Lắk	3654	37K-386.58	Nghệ An	5154	47A-733.19	Đắk Lắk
655	43A-882.55	Đà Nẵng	2155	47A-727.86	Đắk Lắk	3655	38A-623.66	Hà Tĩnh	5155	47A-733.58	Đắk Lắk
656	43A-883.66	Đà Nẵng	2156	47A-727.89	Đắk Lắk	3656	38A-623.68	Hà Tĩnh	5156	47A-733.66	Đắk Lắk
657	43A-883.84	Đà Nẵng	2157	47A-728.38	Đắk Lắk	3657	38A-626.06	Hà Tĩnh	5157	47A-735.56	Đắk Lắk
658	43A-885.95	Đà Nẵng	2158	47A-729.16	Đắk Lắk	3658	38A-629.86	Hà Tĩnh	5158	47A-737.18	Đắk Lắk
659	43A-886.15	Đà Nẵng	2159	47A-729.33	Đắk Lắk	3659	38A-630.19	Hà Tĩnh	5159	47A-737.58	Đắk Lắk
660	43A-887.78	Đà Nẵng	2160	47A-730.28	Đắk Lắk	3660	38A-630.56	Hà Tĩnh	5160	47A-739.06	Đắk Lắk
661	43A-888.05	Đà Nẵng	2161	47A-731.06	Đắk Lắk	3661	38A-631.00	Hà Tĩnh	5161	47A-740.40	Đắk Lắk
662	43A-888.59	Đà Nẵng	2162	47A-732.09	Đắk Lắk	3662	38A-631.29	Hà Tĩnh	5162	47A-742.43	Đắk Lắk
663	43A-890.96	Đà Nẵng	2163	47A-732.96	Đắk Lắk	3663	38A-632.86	Hà Tĩnh	5163	47A-742.77	Đắk Lắk
664	43A-892.88	Đà Nẵng	2164	47A-733.00	Đắk Lắk	3664	38A-632.98	Hà Tĩnh	5164	47A-744.83	Đắk Lắk
665	43A-894.85	Đà Nẵng	2165	47A-733.25	Đắk Lắk	3665	38A-633.86	Hà Tĩnh	5165	47A-744.85	Đắk Lắk
666	43A-895.79	Đà Nẵng	2166	47A-736.89	Đắk Lắk	3666	38A-635.83	Hà Tĩnh	5166	47A-745.35	Đắk Lắk
667	43A-896.15	Đà Nẵng	2167	47A-737.36	Đắk Lắk	3667	38A-635.85	Hà Tĩnh	5167	47A-746.46	Đắk Lắk
668	43A-896.56	Đà Nẵng	2168	47A-738.09	Đắk Lắk	3668	38C-226.85	Hà Tĩnh	5168	47A-747.28	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
669	43A-898.66	Đà Nẵng	2169	47A-739.38	Đắk Lắk	3669	38C-227.68	Hà Tĩnh	5169	47A-747.83	Đắk Lắk
670	47A-720.86	Đắk Lắk	2170	47A-739.73	Đắk Lắk	3670	38C-229.19	Hà Tĩnh	5170	47A-747.99	Đắk Lắk
671	47A-721.36	Đắk Lắk	2171	47A-739.93	Đắk Lắk	3671	38D-016.38	Hà Tĩnh	5171	47A-749.11	Đắk Lắk
672	47A-723.16	Đắk Lắk	2172	47A-740.41	Đắk Lắk	3672	43A-877.36	Đà Nẵng	5172	47A-749.15	Đắk Lắk
673	47A-723.69	Đắk Lắk	2173	47A-740.56	Đắk Lắk	3673	43A-877.55	Đà Nẵng	5173	47A-749.25	Đắk Lắk
674	47A-724.16	Đắk Lắk	2174	47A-740.79	Đắk Lắk	3674	43A-878.35	Đà Nẵng	5174	47A-750.38	Đắk Lắk
675	47A-724.24	Đắk Lắk	2175	47A-741.39	Đắk Lắk	3675	43A-879.69	Đà Nẵng	5175	47A-751.19	Đắk Lắk
676	47A-726.38	Đắk Lắk	2176	47A-742.74	Đắk Lắk	3676	43A-880.65	Đà Nẵng	5176	47A-751.56	Đắk Lắk
677	47A-726.59	Đắk Lắk	2177	47A-743.06	Đắk Lắk	3677	43A-881.15	Đà Nẵng	5177	47A-751.58	Đắk Lắk
678	47A-726.86	Đắk Lắk	2178	47A-743.56	Đắk Lắk	3678	43A-881.39	Đà Nẵng	5178	47A-752.33	Đắk Lắk
679	47A-727.66	Đắk Lắk	2179	47A-743.95	Đắk Lắk	3679	43A-881.66	Đà Nẵng	5179	47A-752.66	Đắk Lắk
680	47A-728.58	Đắk Lắk	2180	47A-747.22	Đắk Lắk	3680	43A-881.77	Đà Nẵng	5180	47A-752.86	Đắk Lắk
681	47A-728.69	Đắk Lắk	2181	47A-748.06	Đắk Lắk	3681	43A-881.95	Đà Nẵng	5181	47A-754.18	Đắk Lắk
682	47A-729.00	Đắk Lắk	2182	47A-748.25	Đắk Lắk	3682	43A-882.35	Đà Nẵng	5182	47A-754.33	Đắk Lắk
683	47A-730.18	Đắk Lắk	2183	47A-748.77	Đắk Lắk	3683	43A-883.11	Đà Nẵng	5183	47A-755.08	Đắk Lắk
684	47A-730.31	Đắk Lắk	2184	47A-748.89	Đắk Lắk	3684	43A-883.29	Đà Nẵng	5184	47A-755.59	Đắk Lắk
685	47A-730.35	Đắk Lắk	2185	47A-750.36	Đắk Lắk	3685	43A-883.56	Đà Nẵng	5185	47A-756.85	Đắk Lắk
686	47A-731.39	Đắk Lắk	2186	47A-750.59	Đắk Lắk	3686	43A-884.39	Đà Nẵng	5186	47A-756.95	Đắk Lắk
687	47A-731.56	Đắk Lắk	2187	47A-751.36	Đắk Lắk	3687	43A-884.85	Đà Nẵng	5187	47A-757.57	Đắk Lắk
688	47A-731.66	Đắk Lắk	2188	47A-751.65	Đắk Lắk	3688	43A-886.35	Đà Nẵng	5188	47A-759.65	Đắk Lắk
689	47A-732.37	Đắk Lắk	2189	47A-751.75	Đắk Lắk	3689	43A-888.02	Đà Nẵng	5189	47A-759.69	Đắk Lắk
690	47A-734.09	Đắk Lắk	2190	47A-751.95	Đắk Lắk	3690	43A-888.24	Đà Nẵng	5190	47A-759.96	Đắk Lắk
691	47A-734.37	Đắk Lắk	2191	47A-752.18	Đắk Lắk	3691	43A-889.00	Đà Nẵng	5191	47C-357.79	Đắk Lắk
692	47A-734.95	Đắk Lắk	2192	47A-752.56	Đắk Lắk	3692	43A-890.19	Đà Nẵng	5192	47C-359.00	Đắk Lắk
693	47A-736.63	Đắk Lắk	2193	47A-753.11	Đắk Lắk	3693	43A-891.77	Đà Nẵng	5193	47C-359.16	Đắk Lắk
694	47A-736.98	Đắk Lắk	2194	47A-753.39	Đắk Lắk	3694	43A-892.28	Đà Nẵng	5194	47C-359.66	Đắk Lắk
695	47A-737.09	Đắk Lắk	2195	47A-753.59	Đắk Lắk	3695	43A-892.86	Đà Nẵng	5195	47C-359.88	Đắk Lắk
696	47A-737.56	Đắk Lắk	2196	47A-754.45	Đắk Lắk	3696	43A-893.08	Đà Nẵng	5196	47C-361.06	Đắk Lắk
697	47A-737.86	Đắk Lắk	2197	47A-754.56	Đắk Lắk	3697	43A-894.79	Đà Nẵng	5197	47C-364.09	Đắk Lắk
698	47A-738.18	Đắk Lắk	2198	47A-755.16	Đắk Lắk	3698	43A-894.86	Đà Nẵng	5198	47C-366.39	Đắk Lắk
699	47A-740.33	Đắk Lắk	2199	47A-755.26	Đắk Lắk	3699	43A-894.88	Đà Nẵng	5199	47C-366.89	Đắk Lắk
700	47A-740.58	Đắk Lắk	2200	47A-755.33	Đắk Lắk	3700	43A-895.35	Đà Nẵng	5200	47C-370.36	Đắk Lắk
701	47A-740.85	Đắk Lắk	2201	47A-755.69	Đắk Lắk	3701	43A-897.26	Đà Nẵng	5201	47C-370.86	Đắk Lắk
702	47A-742.16	Đắk Lắk	2202	47A-757.55	Đắk Lắk	3702	43A-897.83	Đà Nẵng	5202	47C-370.88	Đắk Lắk
703	47A-742.36	Đắk Lắk	2203	47A-757.75	Đắk Lắk	3703	43C-305.28	Đà Nẵng	5203	47C-371.08	Đắk Lắk
704	47A-742.99	Đắk Lắk	2204	47A-759.26	Đắk Lắk	3704	47A-722.55	Đắk Lắk	5204	47C-371.16	Đắk Lắk
705	47A-743.58	Đắk Lắk	2205	47C-358.19	Đắk Lắk	3705	47A-722.68	Đắk Lắk	5205	47C-372.16	Đắk Lắk
706	47A-744.35	Đắk Lắk	2206	47C-358.99	Đắk Lắk	3706	47A-722.88	Đắk Lắk	5206	47C-372.55	Đắk Lắk
707	47A-744.96	Đắk Lắk	2207	47C-360.18	Đắk Lắk	3707	47A-725.18	Đắk Lắk	5207	47C-373.08	Đắk Lắk
708	47A-744.99	Đắk Lắk	2208	47C-362.89	Đắk Lắk	3708	47A-725.99	Đắk Lắk	5208	47C-373.35	Đắk Lắk
709	47A-746.39	Đắk Lắk	2209	47C-363.68	Đắk Lắk	3709	47A-731.35	Đắk Lắk	5209	47C-373.83	Đắk Lắk
710	47A-747.65	Đắk Lắk	2210	47C-365.11	Đắk Lắk	3710	47A-731.96	Đắk Lắk	5210	47C-374.18	Đắk Lắk
711	47A-748.33	Đắk Lắk	2211	47C-367.33	Đắk Lắk	3711	47A-732.66	Đắk Lắk	5211	47C-374.59	Đắk Lắk
712	47A-748.59	Đắk Lắk	2212	47C-367.76	Đắk Lắk	3712	47A-734.96	Đắk Lắk	5212	47C-375.18	Đắk Lắk
713	47A-748.99	Đắk Lắk	2213	47C-368.56	Đắk Lắk	3713	47A-735.59	Đắk Lắk	5213	47C-375.83	Đắk Lắk
714	47A-749.35	Đắk Lắk	2214	47C-370.58	Đắk Lắk	3714	47A-739.09	Đắk Lắk	5214	47D-014.99	Đắk Lắk
715	47A-750.99	Đắk Lắk	2215	47C-370.66	Đắk Lắk	3715	47A-739.56	Đắk Lắk	5215	49A-695.95	Lâm Đồng
716	47A-752.68	Đắk Lắk	2216	47C-370.70	Đắk Lắk	3716	47A-739.95	Đắk Lắk	5216	49A-697.19	Lâm Đồng
717	47A-754.22	Đắk Lắk	2217	47C-373.99	Đắk Lắk	3717	47A-741.68	Đắk Lắk	5217	49A-697.44	Lâm Đồng
718	47A-754.28	Đắk Lắk	2218	47C-374.16	Đắk Lắk	3718	47A-741.79	Đắk Lắk	5218	49A-697.97	Lâm Đồng
719	47A-755.29	Đắk Lắk	2219	47C-376.00	Đắk Lắk	3719	47A-742.39	Đắk Lắk	5219	49A-698.29	Lâm Đồng
720	47A-755.79	Đắk Lắk	2220	47C-376.06	Đắk Lắk	3720	47A-743.25	Đắk Lắk	5220	49A-698.38	Lâm Đồng
721	47A-755.83	Đắk Lắk	2221	49A-695.29	Lâm Đồng	3721	47A-744.19	Đắk Lắk	5221	49A-698.96	Lâm Đồng
722	47A-756.25	Đắk Lắk	2222	49A-695.79	Lâm Đồng	3722	47A-745.18	Đắk Lắk	5222	49A-699.26	Lâm Đồng
723	47A-756.36	Đắk Lắk	2223	49A-696.58	Lâm Đồng	3723	47A-745.46	Đắk Lắk	5223	49A-702.35	Lâm Đồng
724	47A-756.75	Đắk Lắk	2224	49A-697.98	Lâm Đồng	3724	47A-746.11	Đắk Lắk	5224	49A-702.58	Lâm Đồng
725	47A-757.19	Đắk Lắk	2225	49A-698.99	Lâm Đồng	3725	47A-747.19	Đắk Lắk	5225	49A-703.15	Lâm Đồng
726	47A-757.28	Đắk Lắk	2226	49A-699.36	Lâm Đồng	3726	47A-748.55	Đắk Lắk	5226	49A-703.29	Lâm Đồng
727	47A-758.19	Đắk Lắk	2227	49A-700.22	Lâm Đồng	3727	47A-749.08	Đắk Lắk	5227	49A-703.85	Lâm Đồng
728	47A-758.22	Đắk Lắk	2228	49A-700.66	Lâm Đồng	3728	47A-750.06	Đắk Lắk	5228	49A-704.16	Lâm Đồng
729	47A-759.28	Đắk Lắk	2229	49A-700.68	Lâm Đồng	3729	47A-750.15	Đắk Lắk	5229	49A-704.29	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
730	47A-759.57	Đắk Lắk	2230	49A-701.19	Lâm Đồng	3730	47A-750.16	Đắk Lắk	5230	49A-704.83	Lâm Đồng
731	47C-357.38	Đắk Lắk	2231	49A-701.83	Lâm Đồng	3731	47A-750.95	Đắk Lắk	5231	49A-705.85	Lâm Đồng
732	47C-358.58	Đắk Lắk	2232	49A-702.59	Lâm Đồng	3732	47A-751.28	Đắk Lắk	5232	49A-706.19	Lâm Đồng
733	47C-361.77	Đắk Lắk	2233	49A-704.04	Lâm Đồng	3733	47A-751.83	Đắk Lắk	5233	49A-706.68	Lâm Đồng
734	47C-362.18	Đắk Lắk	2234	49A-705.83	Lâm Đồng	3734	47A-753.00	Đắk Lắk	5234	49A-706.99	Lâm Đồng
735	47C-362.19	Đắk Lắk	2235	49A-707.70	Lâm Đồng	3735	47A-754.16	Đắk Lắk	5235	49A-707.66	Lâm Đồng
736	47C-362.58	Đắk Lắk	2236	49A-707.83	Lâm Đồng	3736	47A-755.95	Đắk Lắk	5236	49A-707.88	Lâm Đồng
737	47C-362.77	Đắk Lắk	2237	49C-366.08	Lâm Đồng	3737	47A-756.19	Đắk Lắk	5237	49A-707.99	Lâm Đồng
738	47C-363.36	Đắk Lắk	2238	49C-367.26	Lâm Đồng	3738	47A-756.26	Đắk Lắk	5238	49C-365.69	Lâm Đồng
739	47C-364.00	Đắk Lắk	2239	49C-367.65	Lâm Đồng	3739	47A-757.06	Đắk Lắk	5239	49C-366.58	Lâm Đồng
740	47C-365.86	Đắk Lắk	2240	51M-004.09	Hồ Chí Minh	3740	47A-758.66	Đắk Lắk	5240	49C-368.00	Lâm Đồng
741	47C-366.11	Đắk Lắk	2241	51M-004.33	Hồ Chí Minh	3741	47A-759.33	Đắk Lắk	5241	49C-368.36	Lâm Đồng
742	47C-367.38	Đắk Lắk	2242	51M-006.88	Hồ Chí Minh	3742	47C-357.18	Đắk Lắk	5242	51M-004.66	Hồ Chí Minh
743	47C-367.39	Đắk Lắk	2243	60C-717.65	Đồng Nai	3743	47C-357.33	Đắk Lắk	5243	51M-004.85	Hồ Chí Minh
744	47C-370.33	Đắk Lắk	2244	60C-719.88	Đồng Nai	3744	47C-357.36	Đắk Lắk	5244	51M-005.28	Hồ Chí Minh
745	47C-374.09	Đắk Lắk	2245	60C-719.89	Đồng Nai	3745	47C-358.89	Đắk Lắk	5245	51M-005.44	Hồ Chí Minh
746	47C-374.38	Đắk Lắk	2246	60C-721.21	Đồng Nai	3746	47C-359.18	Đắk Lắk	5246	51M-006.83	Hồ Chí Minh
747	47C-374.65	Đắk Lắk	2247	60C-721.89	Đồng Nai	3747	47C-359.56	Đắk Lắk	5247	51M-007.22	Hồ Chí Minh
748	47C-374.77	Đắk Lắk	2248	60C-723.06	Đồng Nai	3748	47C-359.95	Đắk Lắk	5248	51M-008.09	Hồ Chí Minh
749	47C-374.79	Đắk Lắk	2249	60C-723.65	Đồng Nai	3749	47C-360.16	Đắk Lắk	5249	60C-717.95	Đồng Nai
750	47C-375.09	Đắk Lắk	2250	60C-723.68	Đồng Nai	3750	47C-361.79	Đắk Lắk	5250	60C-718.35	Đồng Nai
751	47C-375.35	Đắk Lắk	2251	60C-724.18	Đồng Nai	3751	47C-362.55	Đắk Lắk	5251	60C-718.71	Đồng Nai
752	49A-695.22	Lâm Đồng	2252	60C-724.65	Đồng Nai	3752	47C-365.89	Đắk Lắk	5252	60C-719.55	Đồng Nai
753	49A-696.19	Lâm Đồng	2253	60C-725.77	Đồng Nai	3753	47C-366.55	Đắk Lắk	5253	60C-719.56	Đồng Nai
754	49A-696.33	Lâm Đồng	2254	60C-726.65	Đồng Nai	3754	47C-366.56	Đắk Lắk	5254	60C-719.96	Đồng Nai
755	49A-697.85	Lâm Đồng	2255	60C-727.39	Đồng Nai	3755	47C-367.58	Đắk Lắk	5255	60C-720.33	Đồng Nai
756	49A-700.79	Lâm Đồng	2256	60C-727.95	Đồng Nai	3756	47C-368.11	Đắk Lắk	5256	60C-720.35	Đồng Nai
757	49A-700.85	Lâm Đồng	2257	60K-501.33	Đồng Nai	3757	47C-368.77	Đắk Lắk	5257	60C-720.96	Đồng Nai
758	49A-701.15	Lâm Đồng	2258	60K-504.79	Đồng Nai	3758	47C-369.11	Đắk Lắk	5258	60C-721.15	Đồng Nai
759	49A-701.58	Lâm Đồng	2259	60K-504.98	Đồng Nai	3759	47C-369.86	Đắk Lắk	5259	60C-723.18	Đồng Nai
760	49A-701.70	Lâm Đồng	2260	60K-505.85	Đồng Nai	3760	47C-370.44	Đắk Lắk	5260	60C-723.39	Đồng Nai
761	49A-702.55	Lâm Đồng	2261	60K-506.38	Đồng Nai	3761	47C-370.77	Đắk Lắk	5261	60C-724.36	Đồng Nai
762	49A-702.68	Lâm Đồng	2262	60K-506.79	Đồng Nai	3762	47C-371.56	Đắk Lắk	5262	60C-724.39	Đồng Nai
763	49A-702.83	Lâm Đồng	2263	60K-507.19	Đồng Nai	3763	47C-373.11	Đắk Lắk	5263	60C-725.09	Đồng Nai
764	49A-703.04	Lâm Đồng	2264	60K-507.69	Đồng Nai	3764	47C-374.29	Đắk Lắk	5264	60C-725.59	Đồng Nai
765	49A-703.36	Lâm Đồng	2265	60K-508.95	Đồng Nai	3765	47C-374.86	Đắk Lắk	5265	60C-726.88	Đồng Nai
766	49A-703.96	Lâm Đồng	2266	60K-508.98	Đồng Nai	3766	49A-695.69	Lâm Đồng	5266	60C-727.00	Đồng Nai
767	49A-705.44	Lâm Đồng	2267	60K-509.16	Đồng Nai	3767	49A-696.55	Lâm Đồng	5267	60C-727.59	Đồng Nai
768	49A-705.66	Lâm Đồng	2268	60K-512.56	Đồng Nai	3768	49A-697.36	Lâm Đồng	5268	60K-500.98	Đồng Nai
769	49A-706.26	Lâm Đồng	2269	60K-513.15	Đồng Nai	3769	49A-698.00	Lâm Đồng	5269	60K-501.08	Đồng Nai
770	49A-707.16	Lâm Đồng	2270	60K-513.16	Đồng Nai	3770	49A-700.65	Lâm Đồng	5270	60K-501.10	Đồng Nai
771	49A-707.29	Lâm Đồng	2271	60K-513.36	Đồng Nai	3771	49A-702.02	Lâm Đồng	5271	60K-501.98	Đồng Nai
772	49A-707.89	Lâm Đồng	2272	60K-513.39	Đồng Nai	3772	49A-702.89	Lâm Đồng	5272	60K-505.11	Đồng Nai
773	49C-367.88	Lâm Đồng	2273	60K-514.16	Đồng Nai	3773	49A-703.35	Lâm Đồng	5273	60K-505.59	Đồng Nai
774	49C-368.16	Lâm Đồng	2274	60K-515.28	Đồng Nai	3774	49A-705.06	Lâm Đồng	5274	60K-506.26	Đồng Nai
775	49D-011.86	Lâm Đồng	2275	60K-515.35	Đồng Nai	3775	49A-705.19	Lâm Đồng	5275	60K-506.56	Đồng Nai
776	51M-004.25	Hồ Chí Minh	2276	60K-515.36	Đồng Nai	3776	49A-707.98	Lâm Đồng	5276	60K-506.95	Đồng Nai
777	51M-004.39	Hồ Chí Minh	2277	60K-515.56	Đồng Nai	3777	49A-708.16	Lâm Đồng	5277	60K-507.09	Đồng Nai
778	51M-004.98	Hồ Chí Minh	2278	60K-515.79	Đồng Nai	3778	49C-365.65	Lâm Đồng	5278	60K-508.39	Đồng Nai
779	51M-005.50	Hồ Chí Minh	2279	60K-516.18	Đồng Nai	3779	49C-365.99	Lâm Đồng	5279	60K-509.79	Đồng Nai
780	51M-005.95	Hồ Chí Minh	2280	60K-519.00	Đồng Nai	3780	49C-366.18	Lâm Đồng	5280	60K-511.85	Đồng Nai
781	51M-007.26	Hồ Chí Minh	2281	60K-519.28	Đồng Nai	3781	49C-366.56	Lâm Đồng	5281	60K-511.96	Đồng Nai
782	51M-007.69	Hồ Chí Minh	2282	60K-520.38	Đồng Nai	3782	49C-366.96	Lâm Đồng	5282	60K-512.00	Đồng Nai
783	51M-007.86	Hồ Chí Minh	2283	60K-520.96	Đồng Nai	3783	49C-368.15	Lâm Đồng	5283	60K-513.18	Đồng Nai
784	51M-008.06	Hồ Chí Minh	2284	60K-521.19	Đồng Nai	3784	49C-368.35	Lâm Đồng	5284	60K-516.22	Đồng Nai
785	60C-717.44	Đồng Nai	2285	60K-521.29	Đồng Nai	3785	49D-012.01	Lâm Đồng	5285	60K-516.83	Đồng Nai
786	60C-717.71	Đồng Nai	2286	60K-521.56	Đồng Nai	3786	51D-999.56	Hồ Chí Minh	5286	60K-517.06	Đồng Nai
787	60C-718.86	Đồng Nai	2287	60K-522.08	Đồng Nai	3787	51M-004.56	Hồ Chí Minh	5287	60K-517.29	Đồng Nai
788	60C-719.22	Đồng Nai	2288	60K-522.16	Đồng Nai	3788	51M-005.19	Hồ Chí Minh	5288	60K-517.89	Đồng Nai
789	60C-719.33	Đồng Nai	2289	60K-522.83	Đồng Nai	3789	51M-005.88	Hồ Chí Minh	5289	60K-517.99	Đồng Nai
790	60C-720.26	Đồng Nai	2290	60K-523.44	Đồng Nai	3790	60C-718.55	Đồng Nai	5290	60K-519.11	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
791	60C-720.86	Đồng Nai	2291	60K-525.16	Đồng Nai	3791	60C-718.65	Đồng Nai	5291	60K-520.02	Đồng Nai
792	60C-722.36	Đồng Nai	2292	60K-526.15	Đồng Nai	3792	60C-718.68	Đồng Nai	5292	60K-520.98	Đồng Nai
793	60C-722.83	Đồng Nai	2293	60K-528.99	Đồng Nai	3793	60C-719.11	Đồng Nai	5293	60K-521.00	Đồng Nai
794	60C-725.29	Đồng Nai	2294	60K-530.88	Đồng Nai	3794	60C-719.39	Đồng Nai	5294	60K-521.52	Đồng Nai
795	60C-726.55	Đồng Nai	2295	60K-531.06	Đồng Nai	3795	60C-719.83	Đồng Nai	5295	60K-522.00	Đồng Nai
796	60C-726.69	Đồng Nai	2296	60K-533.65	Đồng Nai	3796	60C-720.38	Đồng Nai	5296	60K-522.59	Đồng Nai
797	60C-726.86	Đồng Nai	2297	60K-533.96	Đồng Nai	3797	60C-720.69	Đồng Nai	5297	60K-522.65	Đồng Nai
798	60C-727.38	Đồng Nai	2298	60K-534.39	Đồng Nai	3798	60C-721.00	Đồng Nai	5298	60K-522.98	Đồng Nai
799	60K-500.58	Đồng Nai	2299	60K-535.56	Đồng Nai	3799	60C-721.09	Đồng Nai	5299	60K-526.19	Đồng Nai
800	60K-500.83	Đồng Nai	2300	60K-536.28	Đồng Nai	3800	60C-721.12	Đồng Nai	5300	60K-527.96	Đồng Nai
801	60K-501.38	Đồng Nai	2301	60K-536.55	Đồng Nai	3801	60C-722.15	Đồng Nai	5301	60K-528.52	Đồng Nai
802	60K-501.39	Đồng Nai	2302	60K-540.35	Đồng Nai	3802	60C-722.25	Đồng Nai	5302	60K-530.33	Đồng Nai
803	60K-502.15	Đồng Nai	2303	60K-540.85	Đồng Nai	3803	60C-724.00	Đồng Nai	5303	60K-530.35	Đồng Nai
804	60K-502.55	Đồng Nai	2304	60K-540.89	Đồng Nai	3804	60C-725.85	Đồng Nai	5304	60K-530.38	Đồng Nai
805	60K-502.56	Đồng Nai	2305	60K-542.29	Đồng Nai	3805	60C-727.66	Đồng Nai	5305	60K-530.55	Đồng Nai
806	60K-502.68	Đồng Nai	2306	60K-542.95	Đồng Nai	3806	60K-500.89	Đồng Nai	5306	60K-531.65	Đồng Nai
807	60K-502.85	Đồng Nai	2307	60K-543.43	Đồng Nai	3807	60K-501.56	Đồng Nai	5307	60K-531.68	Đồng Nai
808	60K-503.95	Đồng Nai	2308	60K-544.08	Đồng Nai	3808	60K-502.79	Đồng Nai	5308	60K-531.69	Đồng Nai
809	60K-506.22	Đồng Nai	2309	60K-544.16	Đồng Nai	3809	60K-503.06	Đồng Nai	5309	60K-532.28	Đồng Nai
810	60K-507.33	Đồng Nai	2310	61C-582.56	Bình Dương	3810	60K-503.38	Đồng Nai	5310	60K-532.86	Đồng Nai
811	60K-507.83	Đồng Nai	2311	61C-582.58	Bình Dương	3811	60K-505.09	Đồng Nai	5311	60K-533.58	Đồng Nai
812	60K-508.96	Đồng Nai	2312	61C-583.09	Bình Dương	3812	60K-505.68	Đồng Nai	5312	60K-534.00	Đồng Nai
813	60K-509.22	Đồng Nai	2313	61C-583.28	Bình Dương	3813	60K-505.79	Đồng Nai	5313	60K-534.18	Đồng Nai
814	60K-509.36	Đồng Nai	2314	61C-583.59	Bình Dương	3814	60K-506.19	Đồng Nai	5314	60K-534.28	Đồng Nai
815	60K-509.83	Đồng Nai	2315	61C-583.84	Bình Dương	3815	60K-506.39	Đồng Nai	5315	60K-535.25	Đồng Nai
816	60K-510.83	Đồng Nai	2316	61C-585.79	Bình Dương	3816	60K-506.99	Đồng Nai	5316	60K-536.11	Đồng Nai
817	60K-511.39	Đồng Nai	2317	61C-586.35	Bình Dương	3817	60K-507.28	Đồng Nai	5317	60K-536.56	Đồng Nai
818	60K-512.38	Đồng Nai	2318	61C-587.44	Bình Dương	3818	60K-507.79	Đồng Nai	5318	60K-537.28	Đồng Nai
819	60K-513.38	Đồng Nai	2319	61D-018.77	Bình Dương	3819	60K-508.77	Đồng Nai	5319	60K-537.68	Đồng Nai
820	60K-514.58	Đồng Nai	2320	61D-019.39	Bình Dương	3820	60K-511.29	Đồng Nai	5320	60K-538.18	Đồng Nai
821	60K-515.06	Đồng Nai	2321	61K-408.04	Bình Dương	3821	60K-513.22	Đồng Nai	5321	60K-540.26	Đồng Nai
822	60K-515.16	Đồng Nai	2322	61K-408.08	Bình Dương	3822	60K-513.69	Đồng Nai	5322	60K-540.96	Đồng Nai
823	60K-515.65	Đồng Nai	2323	61K-408.33	Bình Dương	3823	60K-514.08	Đồng Nai	5323	60K-541.38	Đồng Nai
824	60K-516.55	Đồng Nai	2324	61K-409.25	Bình Dương	3824	60K-514.25	Đồng Nai	5324	60K-542.33	Đồng Nai
825	60K-516.59	Đồng Nai	2325	61K-410.10	Bình Dương	3825	60K-517.11	Đồng Nai	5325	60K-542.56	Đồng Nai
826	60K-516.95	Đồng Nai	2326	61K-412.38	Bình Dương	3826	60K-518.81	Đồng Nai	5326	60K-543.36	Đồng Nai
827	60K-516.96	Đồng Nai	2327	61K-412.55	Bình Dương	3827	60K-518.86	Đồng Nai	5327	60K-543.89	Đồng Nai
828	60K-517.09	Đồng Nai	2328	61K-412.77	Bình Dương	3828	60K-520.66	Đồng Nai	5328	60K-544.00	Đồng Nai
829	60K-518.95	Đồng Nai	2329	61K-413.06	Bình Dương	3829	60K-520.99	Đồng Nai	5329	61C-582.39	Bình Dương
830	60K-519.68	Đồng Nai	2330	61K-413.11	Bình Dương	3830	60K-521.18	Đồng Nai	5330	61C-583.36	Bình Dương
831	60K-520.36	Đồng Nai	2331	61K-414.96	Bình Dương	3831	60K-521.35	Đồng Nai	5331	61C-583.38	Bình Dương
832	60K-521.39	Đồng Nai	2332	61K-415.19	Bình Dương	3832	60K-523.66	Đồng Nai	5332	61C-583.88	Bình Dương
833	60K-522.56	Đồng Nai	2333	61K-415.38	Bình Dương	3833	60K-524.26	Đồng Nai	5333	61C-585.39	Bình Dương
834	60K-523.32	Đồng Nai	2334	61K-416.35	Bình Dương	3834	60K-524.56	Đồng Nai	5334	61C-585.55	Bình Dương
835	60K-523.86	Đồng Nai	2335	61K-416.56	Bình Dương	3835	60K-524.69	Đồng Nai	5335	61C-586.16	Bình Dương
836	60K-524.25	Đồng Nai	2336	61K-417.89	Bình Dương	3836	60K-526.26	Đồng Nai	5336	61K-409.28	Bình Dương
837	60K-525.68	Đồng Nai	2337	61K-418.85	Bình Dương	3837	60K-526.65	Đồng Nai	5337	61K-410.66	Bình Dương
838	60K-526.25	Đồng Nai	2338	61K-419.08	Bình Dương	3838	60K-526.83	Đồng Nai	5338	61K-413.15	Bình Dương
839	60K-526.99	Đồng Nai	2339	61K-419.14	Bình Dương	3839	60K-527.66	Đồng Nai	5339	61K-413.18	Bình Dương
840	60K-527.38	Đồng Nai	2340	61K-419.38	Bình Dương	3840	60K-527.85	Đồng Nai	5340	61K-414.35	Bình Dương
841	60K-528.69	Đồng Nai	2341	61K-419.56	Bình Dương	3841	60K-528.89	Đồng Nai	5341	61K-415.22	Bình Dương
842	60K-530.39	Đồng Nai	2342	61K-420.06	Bình Dương	3842	60K-529.88	Đồng Nai	5342	61K-416.55	Bình Dương
843	60K-532.58	Đồng Nai	2343	61K-421.19	Bình Dương	3843	60K-529.95	Đồng Nai	5343	61K-416.99	Bình Dương
844	60K-532.98	Đồng Nai	2344	61K-421.42	Bình Dương	3844	60K-530.03	Đồng Nai	5344	61K-417.59	Bình Dương
845	60K-535.88	Đồng Nai	2345	61K-421.69	Bình Dương	3845	60K-531.38	Đồng Nai	5345	61K-420.24	Bình Dương
846	60K-536.36	Đồng Nai	2346	61K-421.86	Bình Dương	3846	60K-533.86	Đồng Nai	5346	61K-420.88	Bình Dương
847	60K-537.53	Đồng Nai	2347	61K-422.85	Bình Dương	3847	60K-535.08	Đồng Nai	5347	61K-422.33	Bình Dương
848	60K-538.09	Đồng Nai	2348	61K-422.88	Bình Dương	3848	60K-535.09	Đồng Nai	5348	61K-422.38	Bình Dương
849	60K-539.83	Đồng Nai	2349	61K-423.58	Bình Dương	3849	60K-535.65	Đồng Nai	5349	61K-423.42	Bình Dương
850	60K-540.08	Đồng Nai	2350	61K-423.83	Bình Dương	3850	60K-535.86	Đồng Nai	5350	61K-424.22	Bình Dương
851	60K-541.00	Đồng Nai	2351	61K-424.58	Bình Dương	3851	60K-541.88	Đồng Nai	5351	61K-424.24	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
852	60K-541.16	Đồng Nai	2352	61K-424.59	Bình Dương	3852	60K-542.77	Đồng Nai	5352	61K-424.66	Bình Dương
853	60K-542.39	Đồng Nai	2353	61K-424.69	Bình Dương	3853	60K-543.66	Đồng Nai	5353	61K-426.09	Bình Dương
854	60K-543.79	Đồng Nai	2354	61K-424.77	Bình Dương	3854	61C-582.15	Bình Dương	5354	61K-427.26	Bình Dương
855	60K-543.96	Đồng Nai	2355	61K-425.22	Bình Dương	3855	61C-583.25	Bình Dương	5355	61K-428.35	Bình Dương
856	60K-543.99	Đồng Nai	2356	61K-426.36	Bình Dương	3856	61C-583.65	Bình Dương	5356	61K-429.18	Bình Dương
857	61C-582.19	Bình Dương	2357	61K-427.24	Bình Dương	3857	61C-585.66	Bình Dương	5357	61K-429.26	Bình Dương
858	61C-583.33	Bình Dương	2358	61K-428.16	Bình Dương	3858	61C-587.33	Bình Dương	5358	61K-429.35	Bình Dương
859	61C-584.28	Bình Dương	2359	61K-429.08	Bình Dương	3859	61C-587.83	Bình Dương	5359	61K-429.36	Bình Dương
860	61C-585.19	Bình Dương	2360	61K-429.38	Bình Dương	3860	61D-018.96	Bình Dương	5360	61K-430.69	Bình Dương
861	61C-586.09	Bình Dương	2361	61K-430.98	Bình Dương	3861	61D-019.25	Bình Dương	5361	61K-431.38	Bình Dương
862	61C-586.19	Bình Dương	2362	61K-431.06	Bình Dương	3862	61K-408.56	Bình Dương	5362	61K-432.28	Bình Dương
863	61C-586.29	Bình Dương	2363	61K-432.83	Bình Dương	3863	61K-409.79	Bình Dương	5363	61K-433.79	Bình Dương
864	61C-586.99	Bình Dương	2364	61K-433.08	Bình Dương	3864	61K-409.83	Bình Dương	5364	61K-434.66	Bình Dương
865	61C-587.88	Bình Dương	2365	61K-434.22	Bình Dương	3865	61K-410.15	Bình Dương	5365	61K-434.88	Bình Dương
866	61D-019.10	Bình Dương	2366	61K-435.18	Bình Dương	3866	61K-410.95	Bình Dương	5366	61K-435.35	Bình Dương
867	61K-408.68	Bình Dương	2367	61K-435.98	Bình Dương	3867	61K-412.00	Bình Dương	5367	61K-435.38	Bình Dương
868	61K-409.55	Bình Dương	2368	61K-437.34	Bình Dương	3868	61K-412.35	Bình Dương	5368	61K-437.11	Bình Dương
869	61K-410.16	Bình Dương	2369	61K-439.28	Bình Dương	3869	61K-414.88	Bình Dương	5369	61K-437.98	Bình Dương
870	61K-410.39	Bình Dương	2370	61K-439.35	Bình Dương	3870	61K-415.11	Bình Dương	5370	61K-438.99	Bình Dương
871	61K-411.59	Bình Dương	2371	61K-439.96	Bình Dương	3871	61K-415.59	Bình Dương	5371	61K-439.00	Bình Dương
872	61K-411.99	Bình Dương	2372	61K-440.04	Bình Dương	3872	61K-415.66	Bình Dương	5372	61K-439.09	Bình Dương
873	61K-412.06	Bình Dương	2373	61K-440.40	Bình Dương	3873	61K-416.85	Bình Dương	5373	61K-439.89	Bình Dương
874	61K-412.19	Bình Dương	2374	61K-441.83	Bình Dương	3874	61K-417.68	Bình Dương	5374	61K-440.98	Bình Dương
875	61K-414.38	Bình Dương	2375	62A-440.25	Long An	3875	61K-417.69	Bình Dương	5375	61K-441.25	Bình Dương
876	61K-415.41	Bình Dương	2376	62A-440.85	Long An	3876	61K-420.29	Bình Dương	5376	61K-441.29	Bình Dương
877	61K-416.33	Bình Dương	2377	62A-441.36	Long An	3877	61K-421.38	Bình Dương	5377	61K-441.39	Bình Dương
878	61K-417.86	Bình Dương	2378	62A-441.69	Long An	3878	61K-421.59	Bình Dương	5378	62A-439.36	Long An
879	61K-418.33	Bình Dương	2379	62A-442.86	Long An	3879	61K-421.77	Bình Dương	5379	62A-439.44	Long An
880	61K-418.98	Bình Dương	2380	62A-443.09	Long An	3880	61K-421.79	Bình Dương	5380	62A-439.95	Long An
881	61K-420.55	Bình Dương	2381	62A-443.56	Long An	3881	61K-422.79	Bình Dương	5381	62A-440.04	Long An
882	61K-420.86	Bình Dương	2382	62A-443.83	Long An	3882	61K-422.86	Bình Dương	5382	62A-440.89	Long An
883	61K-421.44	Bình Dương	2383	62A-444.12	Long An	3883	61K-422.89	Bình Dương	5383	62A-442.33	Long An
884	61K-422.18	Bình Dương	2384	62A-444.15	Long An	3884	61K-425.36	Bình Dương	5384	62A-443.66	Long An
885	61K-423.00	Bình Dương	2385	62A-444.36	Long An	3885	61K-425.96	Bình Dương	5385	62A-444.26	Long An
886	61K-424.26	Bình Dương	2386	62A-445.28	Long An	3886	61K-426.24	Bình Dương	5386	62A-444.58	Long An
887	61K-426.62	Bình Dương	2387	62A-447.29	Long An	3887	61K-426.27	Bình Dương	5387	62A-445.26	Long An
888	61K-427.28	Bình Dương	2388	62A-448.09	Long An	3888	61K-427.99	Bình Dương	5388	62A-445.36	Long An
889	61K-427.36	Bình Dương	2389	62A-448.18	Long An	3889	61K-429.16	Bình Dương	5389	62A-448.16	Long An
890	61K-428.58	Bình Dương	2390	62A-449.56	Long An	3890	61K-430.19	Bình Dương	5390	62A-448.48	Long An
891	61K-428.95	Bình Dương	2391	62A-449.66	Long An	3891	61K-430.89	Bình Dương	5391	62A-449.09	Long An
892	61K-429.95	Bình Dương	2392	62B-028.16	Long An	3892	61K-431.99	Bình Dương	5392	62C-196.39	Long An
893	61K-430.65	Bình Dương	2393	62C-196.18	Long An	3893	61K-432.33	Bình Dương	5393	62C-196.99	Long An
894	61K-434.25	Bình Dương	2394	62C-199.19	Long An	3894	61K-432.77	Bình Dương	5394	62C-199.00	Long An
895	61K-434.86	Bình Dương	2395	62C-200.39	Long An	3895	61K-433.09	Bình Dương	5395	62C-200.18	Long An
896	61K-436.26	Bình Dương	2396	62C-201.79	Long An	3896	61K-433.56	Bình Dương	5396	62C-201.69	Long An
897	61K-436.28	Bình Dương	2397	62C-202.11	Long An	3897	61K-434.29	Bình Dương	5397	62C-202.18	Long An
898	61K-439.26	Bình Dương	2398	62C-204.55	Long An	3898	61K-434.68	Bình Dương	5398	62C-203.03	Long An
899	61K-439.68	Bình Dương	2399	62C-208.18	Long An	3899	61K-435.95	Bình Dương	5399	62C-204.69	Long An
900	62A-439.34	Long An	2400	62C-209.19	Long An	3900	61K-436.16	Bình Dương	5400	62C-205.68	Long An
901	62A-439.83	Long An	2401	62C-209.36	Long An	3901	61K-437.00	Bình Dương	5401	62C-205.77	Long An
902	62A-441.86	Long An	2402	62C-209.55	Long An	3902	61K-437.43	Bình Dương	5402	62C-206.58	Long An
903	62A-441.95	Long An	2403	63A-303.85	Tiền Giang	3903	61K-438.00	Bình Dương	5403	62C-206.77	Long An
904	62A-442.38	Long An	2404	63A-303.95	Tiền Giang	3904	61K-439.15	Bình Dương	5404	62C-209.18	Long An
905	62A-442.42	Long An	2405	63A-304.22	Tiền Giang	3905	61K-439.43	Bình Dương	5405	62C-210.28	Long An
906	62A-444.06	Long An	2406	63A-304.30	Tiền Giang	3906	61K-440.16	Bình Dương	5406	62C-210.44	Long An
907	62A-445.29	Long An	2407	63C-211.36	Tiền Giang	3907	61K-440.59	Bình Dương	5407	62C-210.65	Long An
908	62A-446.19	Long An	2408	63C-212.77	Tiền Giang	3908	61K-441.66	Bình Dương	5408	63A-302.55	Tiền Giang
909	62A-446.39	Long An	2409	63C-213.38	Tiền Giang	3909	62A-438.86	Long An	5409	63A-304.65	Tiền Giang
910	62A-449.68	Long An	2410	63C-213.66	Tiền Giang	3910	62A-439.16	Long An	5410	63A-304.96	Tiền Giang
911	62B-027.96	Long An	2411	63C-215.26	Tiền Giang	3911	62A-439.38	Long An	5411	63A-305.00	Tiền Giang
912	62C-196.09	Long An	2412	63C-215.85	Tiền Giang	3912	62A-439.59	Long An	5412	63C-212.08	Tiền Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
913	62C-197.68	Long An	2413	63C-217.00	Tiền Giang	3913	62A-440.36	Long An	5413	63C-212.09	Tiền Giang
914	62C-200.22	Long An	2414	63C-218.19	Tiền Giang	3914	62A-441.85	Long An	5414	63C-212.38	Tiền Giang
915	62C-205.59	Long An	2415	63C-218.28	Tiền Giang	3915	62A-443.43	Long An	5415	63C-212.79	Tiền Giang
916	62C-210.33	Long An	2416	63C-218.77	Tiền Giang	3916	62A-446.00	Long An	5416	64B-013.35	Vĩnh Long
917	62D-011.26	Long An	2417	63C-219.39	Tiền Giang	3917	62A-446.33	Long An	5417	64C-117.39	Vĩnh Long
918	63A-302.11	Tiền Giang	2418	64A-192.91	Vĩnh Long	3918	62A-447.35	Long An	5418	64C-117.55	Vĩnh Long
919	63A-302.65	Tiền Giang	2419	64A-192.98	Vĩnh Long	3919	62A-447.96	Long An	5419	64C-117.58	Vĩnh Long
920	63A-303.00	Tiền Giang	2420	64A-193.56	Vĩnh Long	3920	62A-449.55	Long An	5420	64C-119.79	Vĩnh Long
921	63A-303.98	Tiền Giang	2421	64C-115.86	Vĩnh Long	3921	62B-028.18	Long An	5421	64C-120.11	Vĩnh Long
922	63A-304.06	Tiền Giang	2422	64C-116.18	Vĩnh Long	3922	62B-028.20	Long An	5422	64C-121.18	Vĩnh Long
923	63A-304.19	Tiền Giang	2423	64C-117.06	Vĩnh Long	3923	62C-197.97	Long An	5423	65A-457.86	Cần Thơ
924	63A-304.38	Tiền Giang	2424	64C-117.08	Vĩnh Long	3924	62C-199.16	Long An	5424	65A-458.58	Cần Thơ
925	63A-304.77	Tiền Giang	2425	64C-117.89	Vĩnh Long	3925	62C-202.16	Long An	5425	65A-458.68	Cần Thơ
926	63A-305.36	Tiền Giang	2426	64C-118.56	Vĩnh Long	3926	62C-204.18	Long An	5426	65A-459.00	Cần Thơ
927	63A-306.33	Tiền Giang	2427	64D-002.55	Vĩnh Long	3927	62C-204.19	Long An	5427	65A-464.19	Cần Thơ
928	63C-210.56	Tiền Giang	2428	65A-457.11	Cần Thơ	3928	62C-204.22	Long An	5428	65A-464.64	Cần Thơ
929	63C-212.12	Tiền Giang	2429	65A-457.22	Cần Thơ	3929	62C-204.88	Long An	5429	65A-469.11	Cần Thơ
930	63C-212.18	Tiền Giang	2430	65A-457.33	Cần Thơ	3930	62C-205.99	Long An	5430	65A-472.55	Cần Thơ
931	63C-215.39	Tiền Giang	2431	65A-457.55	Cần Thơ	3931	62C-207.00	Long An	5431	65A-473.56	Cần Thơ
932	63C-216.06	Tiền Giang	2432	65A-458.66	Cần Thơ	3932	62C-207.16	Long An	5432	65A-473.89	Cần Thơ
933	63C-216.09	Tiền Giang	2433	65A-459.59	Cần Thơ	3933	62C-210.01	Long An	5433	65A-474.06	Cần Thơ
934	63C-216.15	Tiền Giang	2434	65A-462.06	Cần Thơ	3934	62C-210.12	Long An	5434	65A-475.68	Cần Thơ
935	63C-216.17	Tiền Giang	2435	65A-462.26	Cần Thơ	3935	62C-210.59	Long An	5435	65A-476.55	Cần Thơ
936	63C-216.26	Tiền Giang	2436	65A-462.38	Cần Thơ	3936	63A-301.89	Tiền Giang	5436	65A-482.56	Cần Thơ
937	63C-216.55	Tiền Giang	2437	65A-462.86	Cần Thơ	3937	63A-302.06	Tiền Giang	5437	65A-483.69	Cần Thơ
938	63C-217.19	Tiền Giang	2438	65A-463.56	Cần Thơ	3938	63A-302.77	Tiền Giang	5438	65A-486.33	Cần Thơ
939	63C-217.38	Tiền Giang	2439	65A-464.99	Cần Thơ	3939	63A-303.96	Tiền Giang	5439	65A-489.59	Cần Thơ
940	63C-218.95	Tiền Giang	2440	65A-465.39	Cần Thơ	3940	63A-304.28	Tiền Giang	5440	65A-490.09	Cần Thơ
941	63C-219.19	Tiền Giang	2441	65A-465.68	Cần Thơ	3941	63A-305.05	Tiền Giang	5441	65A-491.18	Cần Thơ
942	64A-193.28	Vĩnh Long	2442	65A-470.58	Cần Thơ	3942	63A-305.08	Tiền Giang	5442	65C-212.11	Cần Thơ
943	64A-193.65	Vĩnh Long	2443	65A-470.88	Cần Thơ	3943	63A-305.44	Tiền Giang	5443	65C-212.33	Cần Thơ
944	64A-193.89	Vĩnh Long	2444	65A-472.79	Cần Thơ	3944	63A-305.56	Tiền Giang	5444	65C-213.89	Cần Thơ
945	64B-013.55	Vĩnh Long	2445	65A-473.16	Cần Thơ	3945	63C-210.99	Tiền Giang	5445	65C-214.00	Cần Thơ
946	64C-115.11	Vĩnh Long	2446	65A-474.66	Cần Thơ	3946	63C-211.86	Tiền Giang	5446	65C-214.06	Cần Thơ
947	64C-118.19	Vĩnh Long	2447	65A-475.08	Cần Thơ	3947	63C-212.85	Tiền Giang	5447	65C-215.15	Cần Thơ
948	64C-119.66	Vĩnh Long	2448	65A-475.66	Cần Thơ	3948	63C-212.86	Tiền Giang	5448	65C-215.59	Cần Thơ
949	64C-120.21	Vĩnh Long	2449	65A-477.58	Cần Thơ	3949	63C-213.13	Tiền Giang	5449	65C-218.18	Cần Thơ
950	64C-120.69	Vĩnh Long	2450	65A-478.18	Cần Thơ	3950	63C-213.22	Tiền Giang	5450	65C-218.59	Cần Thơ
951	64C-120.86	Vĩnh Long	2451	65A-480.22	Cần Thơ	3951	63C-213.77	Tiền Giang	5451	65C-219.55	Cần Thơ
952	64D-002.59	Vĩnh Long	2452	65A-480.80	Cần Thơ	3952	63C-214.89	Tiền Giang	5452	65C-220.20	Cần Thơ
953	65A-458.11	Cần Thơ	2453	65A-481.16	Cần Thơ	3953	63C-215.33	Tiền Giang	5453	65C-222.56	Cần Thơ
954	65A-461.56	Cần Thơ	2454	65A-481.22	Cần Thơ	3954	63C-216.21	Tiền Giang	5454	65C-224.36	Cần Thơ
955	65A-462.33	Cần Thơ	2455	65A-482.66	Cần Thơ	3955	63C-217.17	Tiền Giang	5455	65C-225.59	Cần Thơ
956	65A-462.77	Cần Thơ	2456	65A-483.68	Cần Thơ	3956	63C-218.09	Tiền Giang	5456	65D-006.18	Cần Thơ
957	65A-462.79	Cần Thơ	2457	65A-486.79	Cần Thơ	3957	63C-219.35	Tiền Giang	5457	66A-278.08	Đồng Tháp
958	65A-464.11	Cần Thơ	2458	65A-487.11	Cần Thơ	3958	63C-219.68	Tiền Giang	5458	66A-278.77	Đồng Tháp
959	65A-464.69	Cần Thơ	2459	65A-487.88	Cần Thơ	3959	64A-192.86	Vĩnh Long	5459	66A-278.99	Đồng Tháp
960	65A-466.22	Cần Thơ	2460	65A-490.11	Cần Thơ	3960	64B-013.33	Vĩnh Long	5460	66A-280.19	Đồng Tháp
961	65A-467.11	Cần Thơ	2461	65C-213.09	Cần Thơ	3961	64B-013.58	Vĩnh Long	5461	66A-280.33	Đồng Tháp
962	65A-467.19	Cần Thơ	2462	65C-214.11	Cần Thơ	3962	64C-115.19	Vĩnh Long	5462	66A-280.98	Đồng Tháp
963	65A-468.06	Cần Thơ	2463	65C-215.00	Cần Thơ	3963	64C-115.33	Vĩnh Long	5463	66A-281.59	Đồng Tháp
964	65A-468.11	Cần Thơ	2464	65C-216.56	Cần Thơ	3964	64C-115.55	Vĩnh Long	5464	66A-282.06	Đồng Tháp
965	65A-469.56	Cần Thơ	2465	65C-217.58	Cần Thơ	3965	64C-116.86	Vĩnh Long	5465	66A-283.09	Đồng Tháp
966	65A-471.17	Cần Thơ	2466	65C-220.08	Cần Thơ	3966	64C-119.56	Vĩnh Long	5466	66A-285.28	Đồng Tháp
967	65A-471.36	Cần Thơ	2467	65C-222.25	Cần Thơ	3967	64C-120.28	Vĩnh Long	5467	66A-286.87	Đồng Tháp
968	65A-471.39	Cần Thơ	2468	65C-222.48	Cần Thơ	3968	64C-120.38	Vĩnh Long	5468	66A-287.09	Đồng Tháp
969	65A-471.59	Cần Thơ	2469	65C-226.26	Cần Thơ	3969	64C-121.19	Vĩnh Long	5469	66A-287.33	Đồng Tháp
970	65A-472.19	Cần Thơ	2470	65C-226.44	Cần Thơ	3970	65A-457.06	Cần Thơ	5470	66A-287.68	Đồng Tháp
971	65A-477.68	Cần Thơ	2471	65D-006.26	Cần Thơ	3971	65A-458.18	Cần Thơ	5471	66A-287.82	Đồng Tháp
972	65A-477.69	Cần Thơ	2472	66A-277.36	Đồng Tháp	3972	65A-459.16	Cần Thơ	5472	66C-174.17	Đồng Tháp
973	65A-478.11	Cần Thơ	2473	66A-279.22	Đồng Tháp	3973	65A-459.68	Cần Thơ	5473	66C-175.71	Đồng Tháp

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
974	65A-478.19	Cần Thơ	2474	66A-280.81	Đồng Tháp	3974	65A-459.88	Cần Thơ	5474	66C-176.25	Đồng Tháp
975	65A-479.89	Cần Thơ	2475	66A-281.09	Đồng Tháp	3975	65A-461.61	Cần Thơ	5475	66C-176.29	Đồng Tháp
976	65A-480.68	Cần Thơ	2476	66A-283.84	Đồng Tháp	3976	65A-463.11	Cần Thơ	5476	67A-308.11	An Giang
977	65A-481.44	Cần Thơ	2477	66A-284.06	Đồng Tháp	3977	65A-464.16	Cần Thơ	5477	67A-309.68	An Giang
978	65A-484.19	Cần Thơ	2478	66A-285.11	Đồng Tháp	3978	65A-464.38	Cần Thơ	5478	67A-310.09	An Giang
979	65A-485.77	Cần Thơ	2479	66A-285.33	Đồng Tháp	3979	65A-464.56	Cần Thơ	5479	67A-310.28	An Giang
980	65A-485.99	Cần Thơ	2480	66A-286.09	Đồng Tháp	3980	65A-465.79	Cần Thơ	5480	67C-180.38	An Giang
981	65A-487.08	Cần Thơ	2481	66A-287.78	Đồng Tháp	3981	65A-470.59	Cần Thơ	5481	67C-180.83	An Giang
982	65A-488.09	Cần Thơ	2482	66A-287.89	Đồng Tháp	3982	65A-470.86	Cần Thơ	5482	67C-182.15	An Giang
983	65A-489.19	Cần Thơ	2483	66C-174.65	Đồng Tháp	3983	65A-471.22	Cần Thơ	5483	67C-182.19	An Giang
984	65A-490.59	Cần Thơ	2484	66C-175.36	Đồng Tháp	3984	65A-473.06	Cần Thơ	5484	67D-005.66	An Giang
985	65A-490.86	Cần Thơ	2485	66C-175.96	Đồng Tháp	3985	65A-473.11	Cần Thơ	5485	68A-341.99	Kiên Giang
986	65B-022.06	Cần Thơ	2486	67A-307.29	An Giang	3986	65A-474.99	Cần Thơ	5486	68A-342.06	Kiên Giang
987	65C-212.39	Cần Thơ	2487	67A-307.33	An Giang	3987	65A-475.11	Cần Thơ	5487	68A-342.42	Kiên Giang
988	65C-212.86	Cần Thơ	2488	67A-308.09	An Giang	3988	65A-475.36	Cần Thơ	5488	68A-342.59	Kiên Giang
989	65C-212.88	Cần Thơ	2489	67A-308.16	An Giang	3989	65A-482.44	Cần Thơ	5489	68A-343.16	Kiên Giang
990	65C-214.59	Cần Thơ	2490	67A-308.18	An Giang	3990	65A-483.89	Cần Thơ	5490	68A-343.34	Kiên Giang
991	65C-214.88	Cần Thơ	2491	67A-308.39	An Giang	3991	65A-486.11	Cần Thơ	5491	68A-343.59	Kiên Giang
992	65C-215.19	Cần Thơ	2492	67A-308.79	An Giang	3992	65A-491.22	Cần Thơ	5492	68A-343.99	Kiên Giang
993	65C-215.33	Cần Thơ	2493	67A-309.00	An Giang	3993	65C-211.89	Cần Thơ	5493	68A-345.33	Kiên Giang
994	65C-218.00	Cần Thơ	2494	67A-309.16	An Giang	3994	65C-213.00	Cần Thơ	5494	68A-346.15	Kiên Giang
995	65C-219.38	Cần Thơ	2495	67A-309.22	An Giang	3995	65C-214.68	Cần Thơ	5495	68A-347.55	Kiên Giang
996	65C-221.06	Cần Thơ	2496	67A-309.39	An Giang	3996	65C-215.68	Cần Thơ	5496	68A-347.96	Kiên Giang
997	65C-221.12	Cần Thơ	2497	67A-309.98	An Giang	3997	65C-216.39	Cần Thơ	5497	68A-348.79	Kiên Giang
998	65C-223.00	Cần Thơ	2498	67A-311.59	An Giang	3998	65C-216.58	Cần Thơ	5498	68A-350.08	Kiên Giang
999	65C-224.86	Cần Thơ	2499	67A-312.11	An Giang	3999	65C-216.86	Cần Thơ	5499	68A-350.22	Kiên Giang
1000	65C-224.88	Cần Thơ	2500	67A-312.12	An Giang	4000	65C-217.17	Cần Thơ	5500	68A-351.35	Kiên Giang
1001	65C-225.25	Cần Thơ	2501	67A-314.26	An Giang	4001	65C-220.44	Cần Thơ	5501	68C-170.71	Kiên Giang
1002	65C-226.11	Cần Thơ	2502	67C-179.58	An Giang	4002	65C-221.39	Cần Thơ	5502	68C-171.00	Kiên Giang
1003	65D-006.09	Cần Thơ	2503	67C-180.00	An Giang	4003	65C-222.44	Cần Thơ	5503	68C-171.11	Kiên Giang
1004	66A-277.66	Đồng Tháp	2504	67C-180.28	An Giang	4004	65C-222.77	Cần Thơ	5504	68C-171.59	Kiên Giang
1005	66A-278.55	Đồng Tháp	2505	67C-181.06	An Giang	4005	65C-223.59	Cần Thơ	5505	68C-171.79	Kiên Giang
1006	66A-280.36	Đồng Tháp	2506	67C-181.19	An Giang	4006	65C-225.22	Cần Thơ	5506	68C-172.16	Kiên Giang
1007	66A-281.22	Đồng Tháp	2507	67C-181.96	An Giang	4007	65C-225.66	Cần Thơ	5507	68C-172.29	Kiên Giang
1008	66A-281.88	Đồng Tháp	2508	67D-005.50	An Giang	4008	66A-279.68	Đồng Tháp	5508	69A-162.33	Cà Mau
1009	66A-283.69	Đồng Tháp	2509	68A-341.58	Kiên Giang	4009	66A-280.35	Đồng Tháp	5509	69C-099.09	Cà Mau
1010	66A-284.86	Đồng Tháp	2510	68A-341.68	Kiên Giang	4010	66A-280.77	Đồng Tháp	5510	69C-099.18	Cà Mau
1011	66A-286.59	Đồng Tháp	2511	68A-342.09	Kiên Giang	4011	66A-281.85	Đồng Tháp	5511	70A-543.39	Tây Ninh
1012	66A-286.79	Đồng Tháp	2512	68A-344.00	Kiên Giang	4012	66A-282.08	Đồng Tháp	5512	70A-545.98	Tây Ninh
1013	66A-287.38	Đồng Tháp	2513	68A-344.34	Kiên Giang	4013	66A-282.25	Đồng Tháp	5513	70A-547.98	Tây Ninh
1014	66C-174.79	Đồng Tháp	2514	68A-344.56	Kiên Giang	4014	66A-282.69	Đồng Tháp	5514	70A-548.19	Tây Ninh
1015	66C-176.26	Đồng Tháp	2515	68A-344.66	Kiên Giang	4015	66A-285.85	Đồng Tháp	5515	70A-548.48	Tây Ninh
1016	66C-176.83	Đồng Tháp	2516	68A-344.88	Kiên Giang	4016	66A-286.65	Đồng Tháp	5516	70A-549.35	Tây Ninh
1017	66C-177.06	Đồng Tháp	2517	68A-345.34	Kiên Giang	4017	66C-174.11	Đồng Tháp	5517	70A-549.44	Tây Ninh
1018	66C-177.19	Đồng Tháp	2518	68A-345.39	Kiên Giang	4018	66C-174.58	Đồng Tháp	5518	70A-550.38	Tây Ninh
1019	67A-305.99	An Giang	2519	68A-347.09	Kiên Giang	4019	66C-174.69	Đồng Tháp	5519	70A-552.25	Tây Ninh
1020	67A-306.26	An Giang	2520	68A-348.36	Kiên Giang	4020	66C-175.06	Đồng Tháp	5520	70A-552.36	Tây Ninh
1021	67A-306.77	An Giang	2521	68A-349.28	Kiên Giang	4021	66C-175.22	Đồng Tháp	5521	70A-553.22	Tây Ninh
1022	67A-307.03	An Giang	2522	68A-349.95	Kiên Giang	4022	66C-176.88	Đồng Tháp	5522	70A-554.39	Tây Ninh
1023	67A-307.09	An Giang	2523	68A-350.06	Kiên Giang	4023	66C-177.00	Đồng Tháp	5523	70A-554.59	Tây Ninh
1024	67A-308.38	An Giang	2524	68A-350.69	Kiên Giang	4024	66C-177.16	Đồng Tháp	5524	70C-198.66	Tây Ninh
1025	67A-308.58	An Giang	2525	68A-350.95	Kiên Giang	4025	66C-177.28	Đồng Tháp	5525	70C-198.77	Tây Ninh
1026	67A-308.83	An Giang	2526	68C-170.83	Kiên Giang	4026	67A-306.15	An Giang	5526	70C-200.56	Tây Ninh
1027	67A-308.96	An Giang	2527	68C-171.08	Kiên Giang	4027	67A-306.55	An Giang	5527	70C-201.59	Tây Ninh
1028	67A-309.28	An Giang	2528	68C-171.99	Kiên Giang	4028	67A-306.89	An Giang	5528	70C-202.00	Tây Ninh
1029	67A-310.15	An Giang	2529	69C-099.68	Cà Mau	4029	67A-307.55	An Giang	5529	70C-202.56	Tây Ninh
1030	67A-310.85	An Giang	2530	69C-100.29	Cà Mau	4030	67A-307.85	An Giang	5530	70C-203.77	Tây Ninh
1031	67A-310.89	An Giang	2531	69C-100.89	Cà Mau	4031	67A-308.08	An Giang	5531	70C-203.86	Tây Ninh
1032	67A-312.66	An Giang	2532	69C-101.00	Cà Mau	4032	67A-309.06	An Giang	5532	70C-205.00	Tây Ninh
1033	67C-177.69	An Giang	2533	70A-546.65	Tây Ninh	4033	67A-309.55	An Giang	5533	70C-206.00	Tây Ninh
1034	67C-178.89	An Giang	2534	70A-546.68	Tây Ninh	4034	67A-310.11	An Giang	5534	70C-207.19	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1035	67C-180.16	An Giang	2535	70A-547.89	Tây Ninh	4035	67A-311.12	An Giang	5535	70C-208.11	Tây Ninh
1036	67C-180.39	An Giang	2536	70A-548.99	Tây Ninh	4036	67A-311.36	An Giang	5536	70C-208.79	Tây Ninh
1037	67C-180.68	An Giang	2537	70A-549.25	Tây Ninh	4037	67C-178.16	An Giang	5537	71A-198.56	Bến Tre
1038	67C-180.77	An Giang	2538	70A-549.66	Tây Ninh	4038	67C-179.69	An Giang	5538	71A-199.08	Bến Tre
1039	67C-182.28	An Giang	2539	70A-550.36	Tây Ninh	4039	67C-180.79	An Giang	5539	71A-201.36	Bến Tre
1040	67C-182.38	An Giang	2540	70A-550.55	Tây Ninh	4040	67C-180.80	An Giang	5540	71A-201.65	Bến Tre
1041	67C-182.68	An Giang	2541	70A-550.65	Tây Ninh	4041	67C-181.28	An Giang	5541	71A-201.86	Bến Tre
1042	67C-183.09	An Giang	2542	70A-551.38	Tây Ninh	4042	67C-181.33	An Giang	5542	72A-787.98	Bà Rịa - Vũng Tàu
1043	68A-344.22	Kiên Giang	2543	70A-551.77	Tây Ninh	4043	67C-182.33	An Giang	5543	72A-788.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
1044	68A-344.36	Kiên Giang	2544	70A-551.85	Tây Ninh	4044	67C-182.55	An Giang	5544	72A-789.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
1045	68A-344.68	Kiên Giang	2545	70A-553.16	Tây Ninh	4045	67C-183.25	An Giang	5545	72A-790.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
1046	68A-345.00	Kiên Giang	2546	70A-553.58	Tây Ninh	4046	67D-005.55	An Giang	5546	72A-790.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
1047	68A-346.06	Kiên Giang	2547	70A-554.95	Tây Ninh	4047	68A-341.55	Kiên Giang	5547	72A-790.95	Bà Rịa - Vũng Tàu
1048	68A-346.25	Kiên Giang	2548	70A-555.19	Tây Ninh	4048	68A-343.22	Kiên Giang	5548	72A-791.95	Bà Rịa - Vũng Tàu
1049	68A-346.38	Kiên Giang	2549	70B-030.83	Tây Ninh	4049	68A-345.18	Kiên Giang	5549	72A-791.98	Bà Rịa - Vũng Tàu
1050	68A-346.44	Kiên Giang	2550	70C-198.88	Tây Ninh	4050	68A-345.45	Kiên Giang	5550	72A-793.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
1051	68A-346.59	Kiên Giang	2551	70C-200.66	Tây Ninh	4051	68A-346.19	Kiên Giang	5551	72A-795.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
1052	68A-346.89	Kiên Giang	2552	70C-200.88	Tây Ninh	4052	68A-346.47	Kiên Giang	5552	72A-795.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
1053	68A-349.39	Kiên Giang	2553	70C-202.44	Tây Ninh	4053	68A-351.26	Kiên Giang	5553	72A-795.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
1054	68A-349.49	Kiên Giang	2554	70C-203.19	Tây Ninh	4054	68A-351.39	Kiên Giang	5554	72A-797.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
1055	68C-171.16	Kiên Giang	2555	70C-203.99	Tây Ninh	4055	68C-169.61	Kiên Giang	5555	72A-797.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
1056	68C-172.00	Kiên Giang	2556	70C-204.66	Tây Ninh	4056	68C-169.77	Kiên Giang	5556	72A-799.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
1057	69A-161.96	Cà Mau	2557	70C-205.56	Tây Ninh	4057	68C-170.86	Kiên Giang	5557	72A-799.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
1058	69C-099.59	Cà Mau	2558	70C-205.59	Tây Ninh	4058	68C-171.95	Kiên Giang	5558	72A-799.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
1059	69C-100.99	Cà Mau	2559	70C-206.33	Tây Ninh	4059	69C-099.35	Cà Mau	5559	72A-802.02	Bà Rịa - Vũng Tàu
1060	70A-544.59	Tây Ninh	2560	70C-206.99	Tây Ninh	4060	69C-099.39	Cà Mau	5560	72A-802.15	Bà Rịa - Vũng Tàu
1061	70A-544.65	Tây Ninh	2561	70C-207.38	Tây Ninh	4061	70A-544.08	Tây Ninh	5561	72A-802.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
1062	70A-544.66	Tây Ninh	2562	70C-208.16	Tây Ninh	4062	70A-544.36	Tây Ninh	5562	72A-802.56	Bà Rịa - Vũng Tàu
1063	70A-544.83	Tây Ninh	2563	70C-208.39	Tây Ninh	4063	70A-544.54	Tây Ninh	5563	72D-007.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1064	70A-545.09	Tây Ninh	2564	70C-208.80	Tây Ninh	4064	70A-545.59	Tây Ninh	5564	73A-353.15	Quảng Bình
1065	70A-546.56	Tây Ninh	2565	70C-209.69	Tây Ninh	4065	70A-546.55	Tây Ninh	5565	73A-353.79	Quảng Bình
1066	70A-550.33	Tây Ninh	2566	71A-198.19	Bến Tre	4066	70A-546.83	Tây Ninh	5566	73A-355.69	Quảng Bình
1067	70A-550.68	Tây Ninh	2567	71A-201.20	Bến Tre	4067	70A-549.98	Tây Ninh	5567	73C-178.11	Quảng Bình
1068	70A-550.83	Tây Ninh	2568	71A-201.39	Bến Tre	4068	70A-550.25	Tây Ninh	5568	73C-178.16	Quảng Bình
1069	70A-552.68	Tây Ninh	2569	71A-202.03	Bến Tre	4069	70A-550.96	Tây Ninh	5569	73C-178.58	Quảng Bình
1070	70A-555.07	Tây Ninh	2570	71A-202.15	Bến Tre	4070	70A-551.19	Tây Ninh	5570	73C-178.99	Quảng Bình
1071	70A-555.14	Tây Ninh	2571	72A-787.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4071	70A-552.95	Tây Ninh	5571	73C-181.08	Quảng Bình
1072	70C-198.69	Tây Ninh	2572	72A-788.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	4072	70A-552.96	Tây Ninh	5572	73C-183.58	Quảng Bình
1073	70C-199.38	Tây Ninh	2573	72A-789.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	4073	70A-553.19	Tây Ninh	5573	73C-183.79	Quảng Bình
1074	70C-201.16	Tây Ninh	2574	72A-790.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	4074	70A-553.68	Tây Ninh	5574	73C-184.59	Quảng Bình
1075	70C-201.55	Tây Ninh	2575	72A-790.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4075	70A-553.88	Tây Ninh	5575	74A-262.96	Quảng Trị
1076	70C-201.56	Tây Ninh	2576	72A-790.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	4076	70A-554.15	Tây Ninh	5576	74A-263.28	Quảng Trị
1077	70C-202.08	Tây Ninh	2577	72A-790.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	4077	70A-555.18	Tây Ninh	5577	74A-263.59	Quảng Trị
1078	70C-202.33	Tây Ninh	2578	72A-790.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	4078	70A-555.24	Tây Ninh	5578	74A-263.77	Quảng Trị
1079	70C-204.08	Tây Ninh	2579	72A-791.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4079	70B-031.06	Tây Ninh	5579	74A-263.89	Quảng Trị
1080	70C-204.68	Tây Ninh	2580	72A-791.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4080	70C-198.55	Tây Ninh	5580	74A-263.98	Quảng Trị
1081	70C-205.79	Tây Ninh	2581	72A-792.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4081	70C-198.79	Tây Ninh	5581	74A-264.77	Quảng Trị
1082	70C-207.88	Tây Ninh	2582	72A-792.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	4082	70C-200.68	Tây Ninh	5582	74A-264.79	Quảng Trị
1083	70C-207.99	Tây Ninh	2583	72A-793.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	4083	70C-200.79	Tây Ninh	5583	74A-264.95	Quảng Trị
1084	70C-209.09	Tây Ninh	2584	72A-793.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4084	70C-201.06	Tây Ninh	5584	74A-264.98	Quảng Trị
1085	70C-209.59	Tây Ninh	2585	72A-796.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4085	70C-201.99	Tây Ninh	5585	74A-266.55	Quảng Trị
1086	71A-197.65	Bến Tre	2586	72A-797.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4086	70C-202.22	Tây Ninh	5586	74A-267.58	Quảng Trị
1087	71A-198.22	Bến Tre	2587	72A-799.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4087	70C-202.68	Tây Ninh	5587	74A-267.67	Quảng Trị
1088	71A-199.22	Bến Tre	2588	72A-800.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4088	70C-203.69	Tây Ninh	5588	74A-267.69	Quảng Trị
1089	71A-199.26	Bến Tre	2589	72A-800.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4089	70C-206.56	Tây Ninh	5589	75C-151.58	Thừa Thiên Huế
1090	71A-201.96	Bến Tre	2590	72A-801.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4090	70C-206.58	Tây Ninh	5590	75C-151.66	Thừa Thiên Huế
1091	71A-202.19	Bến Tre	2591	72A-801.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	4091	70C-207.08	Tây Ninh	5591	75C-152.00	Thừa Thiên Huế
1092	71C-129.83	Bến Tre	2592	72A-803.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4092	71A-197.83	Bến Tre	5592	75C-153.38	Thừa Thiên Huế
1093	71C-130.08	Bến Tre	2593	72A-804.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	4093	71A-197.98	Bến Tre	5593	75C-153.56	Thừa Thiên Huế
1094	71D-002.38	Bến Tre	2594	73A-353.08	Quảng Bình	4094	71A-198.08	Bến Tre	5594	76A-309.09	Quảng Ngãi
1095	72A-787.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	2595	73A-354.16	Quảng Bình	4095	71A-198.26	Bến Tre	5595	76A-309.18	Quảng Ngãi

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1096	72A-788.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	2596	73A-354.95	Quảng Bình	4096	71A-198.66	Bến Tre	5596	76A-310.11	Quảng Ngãi
1097	72A-789.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2597	73A-355.29	Quảng Bình	4097	71A-199.16	Bến Tre	5597	76A-310.36	Quảng Ngãi
1098	72A-789.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	2598	73C-178.38	Quảng Bình	4098	71A-199.83	Bến Tre	5598	76A-312.06	Quảng Ngãi
1099	72A-791.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2599	73C-178.55	Quảng Bình	4099	71A-199.85	Bến Tre	5599	76A-312.36	Quảng Ngãi
1100	72A-793.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2600	73C-179.00	Quảng Bình	4100	71A-201.69	Bến Tre	5600	76C-173.18	Quảng Ngãi
1101	72A-793.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	2601	73C-179.18	Quảng Bình	4101	71C-129.86	Bến Tre	5601	76C-173.35	Quảng Ngãi
1102	72A-793.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2602	73C-179.89	Quảng Bình	4102	71C-129.96	Bến Tre	5602	76C-173.95	Quảng Ngãi
1103	72A-794.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	2603	73C-180.06	Quảng Bình	4103	72A-790.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	5603	77A-332.99	Bình Định
1104	72A-795.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2604	73C-182.00	Quảng Bình	4104	72A-791.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	5604	77A-334.36	Bình Định
1105	72A-795.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2605	73C-182.66	Quảng Bình	4105	72A-791.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	5605	77A-334.38	Bình Định
1106	72A-796.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	2606	73C-183.00	Quảng Bình	4106	72A-791.92	Bà Rịa - Vũng Tàu	5606	77A-334.88	Bình Định
1107	72A-796.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2607	73C-184.58	Quảng Bình	4107	72A-792.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	5607	77A-335.11	Bình Định
1108	72A-797.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	2608	73C-185.22	Quảng Bình	4108	72A-793.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	5608	77A-335.89	Bình Định
1109	72A-797.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2609	73C-185.29	Quảng Bình	4109	72A-794.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	5609	77A-335.98	Bình Định
1110	72A-798.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	2610	73C-185.69	Quảng Bình	4110	72A-794.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	5610	77A-336.35	Bình Định
1111	72A-801.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	2611	74A-262.68	Quảng Trị	4111	72A-795.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	5611	77A-336.98	Bình Định
1112	72A-801.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	2612	74A-263.63	Quảng Trị	4112	72A-796.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	5612	77A-338.18	Bình Định
1113	72A-801.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	2613	74A-263.79	Quảng Trị	4113	72A-796.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	5613	77A-338.69	Bình Định
1114	72A-802.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	2614	74A-267.09	Quảng Trị	4114	72A-796.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	5614	77A-340.35	Bình Định
1115	72A-802.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2615	74D-008.26	Quảng Trị	4115	72A-796.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	5615	77A-340.39	Bình Định
1116	72A-802.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	2616	75A-371.28	Thừa Thiên Huế	4116	72A-798.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	5616	77A-340.66	Bình Định
1117	72A-803.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	2617	75C-152.29	Thừa Thiên Huế	4117	72A-800.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	5617	77B-034.38	Bình Định
1118	72A-804.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	2618	75C-152.69	Thừa Thiên Huế	4118	72A-802.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	5618	77C-248.09	Bình Định
1119	72A-804.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2619	75C-153.06	Thừa Thiên Huế	4119	72A-802.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	5619	77C-249.09	Bình Định
1120	72A-804.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	2620	75C-153.29	Thừa Thiên Huế	4120	72A-802.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	5620	77C-249.56	Bình Định
1121	72D-007.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2621	75C-153.39	Thừa Thiên Huế	4121	72A-803.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	5621	77C-250.59	Bình Định
1122	73A-352.52	Quảng Bình	2622	76A-308.06	Quảng Ngãi	4122	72A-804.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5622	77C-251.16	Bình Định
1123	73A-353.18	Quảng Bình	2623	76A-308.28	Quảng Ngãi	4123	72C-229.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	5623	77C-252.09	Bình Định
1124	73A-353.86	Quảng Bình	2624	76A-310.33	Quảng Ngãi	4124	72C-230.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	5624	77D-003.44	Bình Định
1125	73A-354.35	Quảng Bình	2625	76A-310.77	Quảng Ngãi	4125	72D-007.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	5625	78A-201.33	Phú Yên
1126	73A-354.85	Quảng Bình	2626	76A-310.95	Quảng Ngãi	4126	73A-353.69	Quảng Bình	5626	78A-201.95	Phú Yên
1127	73A-354.99	Quảng Bình	2627	76A-310.96	Quảng Ngãi	4127	73A-354.98	Quảng Bình	5627	78A-203.02	Phú Yên
1128	73C-178.33	Quảng Bình	2628	76A-311.25	Quảng Ngãi	4128	73A-355.59	Quảng Bình	5628	78A-204.15	Phú Yên
1129	73C-181.56	Quảng Bình	2629	76A-311.59	Quảng Ngãi	4129	73A-355.66	Quảng Bình	5629	78A-204.77	Phú Yên
1130	73C-184.16	Quảng Bình	2630	76C-174.26	Quảng Ngãi	4130	73A-355.96	Quảng Bình	5630	78A-204.79	Phú Yên
1131	73C-184.44	Quảng Bình	2631	77A-332.59	Bình Định	4131	73C-177.09	Quảng Bình	5631	78B-015.33	Phú Yên
1132	73C-185.56	Quảng Bình	2632	77A-332.89	Bình Định	4132	73C-179.77	Quảng Bình	5632	78C-120.08	Phú Yên
1133	74A-264.16	Quảng Trị	2633	77A-334.85	Bình Định	4133	73C-181.77	Quảng Bình	5633	78C-120.66	Phú Yên
1134	74A-265.96	Quảng Trị	2634	77A-334.99	Bình Định	4134	73C-182.36	Quảng Bình	5634	78D-003.44	Phú Yên
1135	74A-266.38	Quảng Trị	2635	77A-335.18	Bình Định	4135	73C-185.06	Quảng Bình	5635	79A-529.25	Khánh Hòa
1136	74A-267.25	Quảng Trị	2636	77A-336.11	Bình Định	4136	73C-185.09	Quảng Bình	5636	79A-529.95	Khánh Hòa
1137	74C-134.88	Quảng Trị	2637	77A-336.19	Bình Định	4137	73C-185.19	Quảng Bình	5637	79A-531.53	Khánh Hòa
1138	75C-152.39	Thừa Thiên Huế	2638	77A-339.18	Bình Định	4138	73D-005.22	Quảng Bình	5638	79A-534.79	Khánh Hòa
1139	75C-152.98	Thừa Thiên Huế	2639	77A-339.65	Bình Định	4139	74A-264.15	Quảng Trị	5639	79A-535.19	Khánh Hòa
1140	75C-153.16	Thừa Thiên Huế	2640	77A-339.83	Bình Định	4140	74A-264.96	Quảng Trị	5640	79A-535.96	Khánh Hòa
1141	76A-307.88	Quảng Ngãi	2641	77A-341.16	Bình Định	4141	74A-265.22	Quảng Trị	5641	79A-536.63	Khánh Hòa
1142	76A-310.85	Quảng Ngãi	2642	77B-034.36	Bình Định	4142	74A-265.98	Quảng Trị	5642	79A-536.79	Khánh Hòa
1143	76A-311.15	Quảng Ngãi	2643	77B-034.43	Bình Định	4143	74A-266.83	Quảng Trị	5643	79A-536.85	Khánh Hòa
1144	76A-311.31	Quảng Ngãi	2644	77C-246.46	Bình Định	4144	74A-267.19	Quảng Trị	5644	79A-537.29	Khánh Hòa
1145	76C-173.33	Quảng Ngãi	2645	77C-246.89	Bình Định	4145	74A-267.22	Quảng Trị	5645	79A-537.68	Khánh Hòa
1146	76C-173.73	Quảng Ngãi	2646	77C-248.68	Bình Định	4146	74A-267.29	Quảng Trị	5646	79A-538.68	Khánh Hòa
1147	76C-173.98	Quảng Ngãi	2647	77C-249.11	Bình Định	4147	74A-267.62	Quảng Trị	5647	79A-539.65	Khánh Hòa
1148	76C-174.25	Quảng Ngãi	2648	77C-250.51	Bình Định	4148	75C-151.96	Thừa Thiên Huế	5648	79A-540.66	Khánh Hòa
1149	77A-334.98	Bình Định	2649	77C-251.55	Bình Định	4149	75C-152.06	Thừa Thiên Huế	5649	79B-040.18	Khánh Hòa
1150	77A-335.58	Bình Định	2650	77C-252.33	Bình Định	4150	76A-308.89	Quảng Ngãi	5650	79B-040.33	Khánh Hòa
1151	77A-336.22	Bình Định	2651	78A-200.38	Phú Yên	4151	76A-310.79	Quảng Ngãi	5651	79B-040.38	Khánh Hòa
1152	77A-336.38	Bình Định	2652	78A-201.79	Phú Yên	4152	76A-310.99	Quảng Ngãi	5652	79B-040.40	Khánh Hòa
1153	77A-336.44	Bình Định	2653	78A-202.11	Phú Yên	4153	76A-311.35	Quảng Ngãi	5653	79C-212.77	Khánh Hòa
1154	77A-337.15	Bình Định	2654	78A-202.25	Phú Yên	4154	76A-312.12	Quảng Ngãi	5654	79C-213.16	Khánh Hòa
1155	77A-338.68	Bình Định	2655	78A-202.39	Phú Yên	4155	76C-173.15	Quảng Ngãi	5655	79C-213.89	Khánh Hòa
1156	77A-338.83	Bình Định	2656	78A-203.79	Phú Yên	4156	76C-173.96	Quảng Ngãi	5656	79C-214.77	Khánh Hòa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1157	77A-338.85	Bình Định	2657	78A-205.36	Phú Yên	4157	76D-008.85	Quảng Ngãi	5657	79C-214.79	Khánh Hòa
1158	77A-339.06	Bình Định	2658	78A-205.50	Phú Yên	4158	77A-331.83	Bình Định	5658	79C-215.16	Khánh Hòa
1159	77A-339.55	Bình Định	2659	78A-205.88	Phú Yên	4159	77A-332.19	Bình Định	5659	79C-215.66	Khánh Hòa
1160	77A-340.11	Bình Định	2660	78A-205.95	Phú Yên	4160	77A-332.36	Bình Định	5660	79C-215.85	Khánh Hòa
1161	77A-340.19	Bình Định	2661	78A-206.11	Phú Yên	4161	77A-334.19	Bình Định	5661	79C-216.68	Khánh Hòa
1162	77C-249.29	Bình Định	2662	78C-120.22	Phú Yên	4162	77A-334.26	Bình Định	5662	79C-216.77	Khánh Hòa
1163	77C-250.28	Bình Định	2663	78C-120.99	Phú Yên	4163	77A-334.86	Bình Định	5663	79C-217.11	Khánh Hòa
1164	77C-251.95	Bình Định	2664	78C-121.44	Phú Yên	4164	77A-335.19	Bình Định	5664	79C-217.18	Khánh Hòa
1165	77D-003.33	Bình Định	2665	79A-529.16	Khánh Hòa	4165	77A-335.95	Bình Định	5665	79C-217.36	Khánh Hòa
1166	77D-003.35	Bình Định	2666	79A-530.25	Khánh Hòa	4166	77A-336.65	Bình Định	5666	79C-220.08	Khánh Hòa
1167	77D-003.55	Bình Định	2667	79A-531.44	Khánh Hòa	4167	77A-336.85	Bình Định	5667	79C-220.56	Khánh Hòa
1168	78A-200.99	Phú Yên	2668	79A-531.95	Khánh Hòa	4168	77A-336.99	Bình Định	5668	79C-220.66	Khánh Hòa
1169	78A-203.55	Phú Yên	2669	79A-532.29	Khánh Hòa	4169	77A-337.98	Bình Định	5669	79D-007.39	Khánh Hòa
1170	78A-203.65	Phú Yên	2670	79A-534.95	Khánh Hòa	4170	77A-339.85	Bình Định	5670	81A-413.99	Gia Lai
1171	78A-204.26	Phú Yên	2671	79A-535.35	Khánh Hòa	4171	77A-340.41	Bình Định	5671	81A-414.26	Gia Lai
1172	78A-205.16	Phú Yên	2672	79A-535.68	Khánh Hòa	4172	77B-034.35	Bình Định	5672	81A-414.39	Gia Lai
1173	78A-206.08	Phú Yên	2673	79A-537.99	Khánh Hòa	4173	77C-247.89	Bình Định	5673	81A-416.19	Gia Lai
1174	78C-120.11	Phú Yên	2674	79A-538.00	Khánh Hòa	4174	77C-250.15	Bình Định	5674	81A-417.19	Gia Lai
1175	78C-120.28	Phú Yên	2675	79A-539.35	Khánh Hòa	4175	77C-250.25	Bình Định	5675	81A-417.66	Gia Lai
1176	78C-120.83	Phú Yên	2676	79A-540.54	Khánh Hòa	4176	78A-200.44	Phú Yên	5676	81A-417.89	Gia Lai
1177	78C-121.55	Phú Yên	2677	79A-541.86	Khánh Hòa	4177	78A-200.88	Phú Yên	5677	81A-418.28	Gia Lai
1178	79A-528.82	Khánh Hòa	2678	79B-040.15	Khánh Hòa	4178	78A-203.06	Phú Yên	5678	81A-419.14	Gia Lai
1179	79A-530.38	Khánh Hòa	2679	79B-040.36	Khánh Hòa	4179	78A-203.28	Phú Yên	5679	81A-420.35	Gia Lai
1180	79A-531.22	Khánh Hòa	2680	79C-212.68	Khánh Hòa	4180	78A-204.19	Phú Yên	5680	81A-420.59	Gia Lai
1181	79A-532.19	Khánh Hòa	2681	79C-214.86	Khánh Hòa	4181	78A-204.33	Phú Yên	5681	81A-422.19	Gia Lai
1182	79A-532.26	Khánh Hòa	2682	79C-217.56	Khánh Hòa	4182	78A-204.55	Phú Yên	5682	81A-422.25	Gia Lai
1183	79A-533.66	Khánh Hòa	2683	79C-218.22	Khánh Hòa	4183	78A-206.07	Phú Yên	5683	81A-422.68	Gia Lai
1184	79A-534.69	Khánh Hòa	2684	79C-218.59	Khánh Hòa	4184	78B-015.36	Phú Yên	5684	81A-423.42	Gia Lai
1185	79A-535.56	Khánh Hòa	2685	79C-219.69	Khánh Hòa	4185	78B-015.44	Phú Yên	5685	81A-424.66	Gia Lai
1186	79A-535.99	Khánh Hòa	2686	79C-220.22	Khánh Hòa	4186	78C-121.11	Phú Yên	5686	81A-425.15	Gia Lai
1187	79A-536.53	Khánh Hòa	2687	79C-220.83	Khánh Hòa	4187	78C-121.28	Phú Yên	5687	81C-261.36	Gia Lai
1188	79A-537.55	Khánh Hòa	2688	81A-414.15	Gia Lai	4188	79A-530.19	Khánh Hòa	5688	81C-261.86	Gia Lai
1189	79A-538.15	Khánh Hòa	2689	81A-414.89	Gia Lai	4189	79A-530.28	Khánh Hòa	5689	81C-262.95	Gia Lai
1190	79A-538.16	Khánh Hòa	2690	81A-415.08	Gia Lai	4190	79A-530.36	Khánh Hòa	5690	81C-263.63	Gia Lai
1191	79A-538.36	Khánh Hòa	2691	81A-415.86	Gia Lai	4191	79A-531.18	Khánh Hòa	5691	81C-267.25	Gia Lai
1192	79A-538.58	Khánh Hòa	2692	81A-416.85	Gia Lai	4192	79A-531.88	Khánh Hòa	5692	81C-267.67	Gia Lai
1193	79A-539.89	Khánh Hòa	2693	81A-416.95	Gia Lai	4193	79A-531.98	Khánh Hòa	5693	81C-268.66	Gia Lai
1194	79A-542.16	Khánh Hòa	2694	81A-418.65	Gia Lai	4194	79A-533.77	Khánh Hòa	5694	82A-148.88	Kon Tum
1195	79C-213.31	Khánh Hòa	2695	81A-419.06	Gia Lai	4195	79A-535.83	Khánh Hòa	5695	82A-150.50	Kon Tum
1196	79C-213.99	Khánh Hòa	2696	81A-419.22	Gia Lai	4196	79A-535.85	Khánh Hòa	5696	82A-150.69	Kon Tum
1197	79C-214.22	Khánh Hòa	2697	81A-422.33	Gia Lai	4197	79A-538.44	Khánh Hòa	5697	82A-151.29	Kon Tum
1198	79C-215.58	Khánh Hòa	2698	81A-422.89	Gia Lai	4198	79A-538.59	Khánh Hòa	5698	82C-091.92	Kon Tum
1199	79C-215.88	Khánh Hòa	2699	81A-423.23	Gia Lai	4199	79A-541.28	Khánh Hòa	5699	82C-092.15	Kon Tum
1200	79C-217.85	Khánh Hòa	2700	81A-424.15	Gia Lai	4200	79A-541.35	Khánh Hòa	5700	83A-184.39	Sóc Trăng
1201	79C-219.56	Khánh Hòa	2701	81A-424.59	Gia Lai	4201	79A-541.95	Khánh Hòa	5701	83A-184.96	Sóc Trăng
1202	79C-220.88	Khánh Hòa	2702	81A-424.99	Gia Lai	4202	79A-542.18	Khánh Hòa	5702	83A-185.00	Sóc Trăng
1203	81A-414.11	Gia Lai	2703	81C-261.09	Gia Lai	4203	79C-212.79	Khánh Hòa	5703	83A-185.11	Sóc Trăng
1204	81A-414.35	Gia Lai	2704	81C-262.89	Gia Lai	4204	79C-215.68	Khánh Hòa	5704	83A-185.66	Sóc Trăng
1205	81A-414.59	Gia Lai	2705	81C-264.38	Gia Lai	4205	79C-216.79	Khánh Hòa	5705	83C-126.86	Sóc Trăng
1206	81A-414.88	Gia Lai	2706	81C-264.98	Gia Lai	4206	79C-219.16	Khánh Hòa	5706	83C-127.19	Sóc Trăng
1207	81A-415.83	Gia Lai	2707	81C-265.56	Gia Lai	4207	79C-220.21	Khánh Hòa	5707	83D-004.96	Sóc Trăng
1208	81A-415.88	Gia Lai	2708	81C-266.19	Gia Lai	4208	79C-220.96	Khánh Hòa	5708	84A-139.00	Trà Vinh
1209	81A-416.11	Gia Lai	2709	81C-266.77	Gia Lai	4209	81A-414.36	Gia Lai	5709	84B-016.33	Trà Vinh
1210	81A-416.79	Gia Lai	2710	81C-268.88	Gia Lai	4210	81A-414.95	Gia Lai	5710	84B-016.44	Trà Vinh
1211	81A-417.15	Gia Lai	2711	81C-268.98	Gia Lai	4211	81A-416.16	Gia Lai	5711	84C-120.36	Trà Vinh
1212	81A-417.22	Gia Lai	2712	82A-149.39	Kon Tum	4212	81A-417.59	Gia Lai	5712	84C-121.26	Trà Vinh
1213	81A-417.85	Gia Lai	2713	82A-149.88	Kon Tum	4213	81A-418.44	Gia Lai	5713	84D-002.02	Trà Vinh
1214	81A-419.85	Gia Lai	2714	82A-150.28	Kon Tum	4214	81A-419.08	Gia Lai	5714	86A-300.69	Bình Thuận
1215	81A-419.91	Gia Lai	2715	82A-150.29	Kon Tum	4215	81A-419.65	Gia Lai	5715	86A-301.16	Bình Thuận
1216	81A-421.77	Gia Lai	2716	82A-150.96	Kon Tum	4216	81A-420.39	Gia Lai	5716	86A-302.00	Bình Thuận
1217	81A-421.83	Gia Lai	2717	82C-090.96	Kon Tum	4217	81A-421.11	Gia Lai	5717	86A-302.99	Bình Thuận

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1218	81A-423.29	Gia Lai	2718	82C-091.68	Kon Tum	4218	81A-421.15	Gia Lai	5718	86A-303.36	Bình Thuận
1219	81A-424.16	Gia Lai	2719	82C-091.88	Kon Tum	4219	81A-421.39	Gia Lai	5719	86A-305.05	Bình Thuận
1220	81A-424.38	Gia Lai	2720	82C-091.91	Kon Tum	4220	81A-422.11	Gia Lai	5720	86A-306.09	Bình Thuận
1221	81C-261.19	Gia Lai	2721	83A-184.77	Sóc Trăng	4221	81A-422.66	Gia Lai	5721	86A-306.15	Bình Thuận
1222	81C-262.28	Gia Lai	2722	83A-185.09	Sóc Trăng	4222	81A-424.18	Gia Lai	5722	86A-307.69	Bình Thuận
1223	81C-263.83	Gia Lai	2723	83A-185.59	Sóc Trăng	4223	81A-424.22	Gia Lai	5723	86A-308.22	Bình Thuận
1224	81C-265.88	Gia Lai	2724	83C-127.38	Sóc Trăng	4224	81A-424.89	Gia Lai	5724	86A-308.25	Bình Thuận
1225	81C-267.18	Gia Lai	2725	83C-127.65	Sóc Trăng	4225	81A-424.98	Gia Lai	5725	86C-198.44	Bình Thuận
1226	81C-267.22	Gia Lai	2726	83C-127.79	Sóc Trăng	4226	81A-425.18	Gia Lai	5726	86C-199.16	Bình Thuận
1227	81C-267.35	Gia Lai	2727	83C-128.11	Sóc Trăng	4227	81C-262.11	Gia Lai	5727	86C-201.79	Bình Thuận
1228	81C-269.06	Gia Lai	2728	84C-120.66	Trà Vinh	4228	81C-262.85	Gia Lai	5728	86C-203.03	Bình Thuận
1229	82A-150.59	Kon Tum	2729	84C-121.19	Trà Vinh	4229	81C-264.19	Gia Lai	5729	86C-203.26	Bình Thuận
1230	82A-150.86	Kon Tum	2730	85A-140.15	Ninh Thuận	4230	81C-264.55	Gia Lai	5730	86D-002.88	Bình Thuận
1231	82C-091.96	Kon Tum	2731	85A-140.22	Ninh Thuận	4231	81C-264.62	Gia Lai	5731	88A-722.11	Vĩnh Phúc
1232	82D-007.56	Kon Tum	2732	85A-140.69	Ninh Thuận	4232	81C-265.36	Gia Lai	5732	88A-723.25	Vĩnh Phúc
1233	83A-184.99	Sóc Trăng	2733	85A-140.77	Ninh Thuận	4233	81C-266.06	Gia Lai	5733	88A-723.65	Vĩnh Phúc
1234	83A-185.15	Sóc Trăng	2734	85A-140.83	Ninh Thuận	4234	81C-267.62	Gia Lai	5734	88A-723.72	Vĩnh Phúc
1235	83A-185.77	Sóc Trăng	2735	85C-081.15	Ninh Thuận	4235	81C-268.38	Gia Lai	5735	88A-724.29	Vĩnh Phúc
1236	83A-185.83	Sóc Trăng	2736	85C-081.65	Ninh Thuận	4236	81C-268.83	Gia Lai	5736	88A-724.66	Vĩnh Phúc
1237	83A-185.86	Sóc Trăng	2737	86A-299.83	Bình Thuận	4237	81C-269.09	Gia Lai	5737	88A-725.09	Vĩnh Phúc
1238	83D-004.77	Sóc Trăng	2738	86A-300.55	Bình Thuận	4238	82A-148.77	Kon Tum	5738	88A-725.25	Vĩnh Phúc
1239	84C-119.91	Trà Vinh	2739	86A-301.00	Bình Thuận	4239	82A-148.84	Kon Tum	5739	88A-725.44	Vĩnh Phúc
1240	84C-120.26	Trà Vinh	2740	86A-301.29	Bình Thuận	4240	82A-149.22	Kon Tum	5740	88A-725.52	Vĩnh Phúc
1241	85A-139.96	Ninh Thuận	2741	86A-301.55	Bình Thuận	4241	82A-149.69	Kon Tum	5741	88A-727.16	Vĩnh Phúc
1242	85C-081.55	Ninh Thuận	2742	86A-302.69	Bình Thuận	4242	82A-150.06	Kon Tum	5742	88A-727.18	Vĩnh Phúc
1243	86A-301.83	Bình Thuận	2743	86A-302.85	Bình Thuận	4243	82A-150.26	Kon Tum	5743	88A-727.72	Vĩnh Phúc
1244	86A-302.83	Bình Thuận	2744	86A-302.96	Bình Thuận	4244	82C-090.89	Kon Tum	5744	88A-728.65	Vĩnh Phúc
1245	86A-303.30	Bình Thuận	2745	86A-304.03	Bình Thuận	4245	82C-091.58	Kon Tum	5745	88A-730.56	Vĩnh Phúc
1246	86A-304.58	Bình Thuận	2746	86A-304.26	Bình Thuận	4246	83A-183.98	Sóc Trăng	5746	88A-734.96	Vĩnh Phúc
1247	86A-304.83	Bình Thuận	2747	86A-305.06	Bình Thuận	4247	83A-184.11	Sóc Trăng	5747	88A-735.35	Vĩnh Phúc
1248	86A-304.86	Bình Thuận	2748	86A-305.19	Bình Thuận	4248	83A-184.26	Sóc Trăng	5748	88A-737.55	Vĩnh Phúc
1249	86A-305.35	Bình Thuận	2749	86A-305.56	Bình Thuận	4249	83A-185.25	Sóc Trăng	5749	88A-738.06	Vĩnh Phúc
1250	86A-306.59	Bình Thuận	2750	86A-307.83	Bình Thuận	4250	83C-128.33	Sóc Trăng	5750	88A-738.25	Vĩnh Phúc
1251	86A-306.86	Bình Thuận	2751	86A-308.09	Bình Thuận	4251	84A-139.44	Trà Vinh	5751	88A-740.98	Vĩnh Phúc
1252	86A-306.89	Bình Thuận	2752	86A-308.28	Bình Thuận	4252	84C-119.96	Trà Vinh	5752	88A-741.79	Vĩnh Phúc
1253	86A-307.35	Bình Thuận	2753	86B-021.39	Bình Thuận	4253	84C-120.98	Trà Vinh	5753	88C-292.89	Vĩnh Phúc
1254	86A-307.98	Bình Thuận	2754	86C-199.09	Bình Thuận	4254	85C-080.98	Ninh Thuận	5754	88C-293.18	Vĩnh Phúc
1255	86C-197.99	Bình Thuận	2755	86C-199.22	Bình Thuận	4255	85C-081.35	Ninh Thuận	5755	88C-293.59	Vĩnh Phúc
1256	86C-198.19	Bình Thuận	2756	86C-200.86	Bình Thuận	4256	86A-301.26	Bình Thuận	5756	88C-293.85	Vĩnh Phúc
1257	86C-198.26	Bình Thuận	2757	86C-201.77	Bình Thuận	4257	86A-301.30	Bình Thuận	5757	88C-294.25	Vĩnh Phúc
1258	86C-200.11	Bình Thuận	2758	86C-202.18	Bình Thuận	4258	86A-303.11	Bình Thuận	5758	88C-294.98	Vĩnh Phúc
1259	86C-201.06	Bình Thuận	2759	86C-203.39	Bình Thuận	4259	86A-303.56	Bình Thuận	5759	89A-481.38	Hưng Yên
1260	86C-201.19	Bình Thuận	2760	88A-722.00	Vĩnh Phúc	4260	86A-303.65	Bình Thuận	5760	89A-482.18	Hưng Yên
1261	86C-202.35	Bình Thuận	2761	88A-722.58	Vĩnh Phúc	4261	86A-304.99	Bình Thuận	5761	89A-482.39	Hưng Yên
1262	86C-202.65	Bình Thuận	2762	88A-722.66	Vĩnh Phúc	4262	86A-305.39	Bình Thuận	5762	89A-482.82	Hưng Yên
1263	88A-723.11	Vĩnh Phúc	2763	88A-724.39	Vĩnh Phúc	4263	86A-305.68	Bình Thuận	5763	89A-484.48	Hưng Yên
1264	88A-724.19	Vĩnh Phúc	2764	88A-724.99	Vĩnh Phúc	4264	86A-305.99	Bình Thuận	5764	89A-485.28	Hưng Yên
1265	88A-724.42	Vĩnh Phúc	2765	88A-725.28	Vĩnh Phúc	4265	86A-306.16	Bình Thuận	5765	89A-488.35	Hưng Yên
1266	88A-726.27	Vĩnh Phúc	2766	88A-725.72	Vĩnh Phúc	4266	86A-307.33	Bình Thuận	5766	89A-488.55	Hưng Yên
1267	88A-728.06	Vĩnh Phúc	2767	88A-726.85	Vĩnh Phúc	4267	86A-307.89	Bình Thuận	5767	89A-488.95	Hưng Yên
1268	88A-728.38	Vĩnh Phúc	2768	88A-726.86	Vĩnh Phúc	4268	86A-308.19	Bình Thuận	5768	89A-489.00	Hưng Yên
1269	88A-728.68	Vĩnh Phúc	2769	88A-727.86	Vĩnh Phúc	4269	86C-197.58	Bình Thuận	5769	89A-489.06	Hưng Yên
1270	88A-729.92	Vĩnh Phúc	2770	88A-729.38	Vĩnh Phúc	4270	86C-198.56	Bình Thuận	5770	89A-489.28	Hưng Yên
1271	88A-730.44	Vĩnh Phúc	2771	88A-730.03	Vĩnh Phúc	4271	86C-200.19	Bình Thuận	5771	89A-490.58	Hưng Yên
1272	88A-731.28	Vĩnh Phúc	2772	88A-730.69	Vĩnh Phúc	4272	86C-202.26	Bình Thuận	5772	89A-490.68	Hưng Yên
1273	88A-733.55	Vĩnh Phúc	2773	88A-731.26	Vĩnh Phúc	4273	86C-202.56	Bình Thuận	5773	89A-490.89	Hưng Yên
1274	88A-733.68	Vĩnh Phúc	2774	88A-731.36	Vĩnh Phúc	4274	86C-202.59	Bình Thuận	5774	89A-491.26	Hưng Yên
1275	88A-734.26	Vĩnh Phúc	2775	88A-733.09	Vĩnh Phúc	4275	86C-202.79	Bình Thuận	5775	89A-491.56	Hưng Yên
1276	88A-734.39	Vĩnh Phúc	2776	88A-733.28	Vĩnh Phúc	4276	86C-203.06	Bình Thuận	5776	89A-491.69	Hưng Yên
1277	88A-734.83	Vĩnh Phúc	2777	88A-734.35	Vĩnh Phúc	4277	88A-721.56	Vĩnh Phúc	5777	89A-491.91	Hưng Yên
1278	88A-734.95	Vĩnh Phúc	2778	88A-735.36	Vĩnh Phúc	4278	88A-722.28	Vĩnh Phúc	5778	89A-492.26	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1279	88A-735.22	Vĩnh Phúc	2779	88A-735.65	Vĩnh Phúc	4279	88A-725.22	Vĩnh Phúc	5779	89A-493.06	Hưng Yên
1280	88A-736.95	Vĩnh Phúc	2780	88A-737.37	Vĩnh Phúc	4280	88A-725.85	Vĩnh Phúc	5780	89A-493.66	Hưng Yên
1281	88A-737.95	Vĩnh Phúc	2781	88A-740.95	Vĩnh Phúc	4281	88A-726.72	Vĩnh Phúc	5781	89A-493.77	Hưng Yên
1282	88A-738.28	Vĩnh Phúc	2782	88A-741.25	Vĩnh Phúc	4282	88A-727.59	Vĩnh Phúc	5782	89A-494.49	Hưng Yên
1283	88A-738.69	Vĩnh Phúc	2783	88A-741.74	Vĩnh Phúc	4283	88A-727.85	Vĩnh Phúc	5783	89A-495.09	Hưng Yên
1284	88A-739.15	Vĩnh Phúc	2784	88C-292.22	Vĩnh Phúc	4284	88A-728.77	Vĩnh Phúc	5784	89A-495.33	Hưng Yên
1285	88A-739.26	Vĩnh Phúc	2785	88C-292.44	Vĩnh Phúc	4285	88A-728.85	Vĩnh Phúc	5785	89C-325.65	Hưng Yên
1286	88A-739.88	Vĩnh Phúc	2786	88C-294.94	Vĩnh Phúc	4286	88A-729.66	Vĩnh Phúc	5786	89C-327.96	Hưng Yên
1287	88A-740.35	Vĩnh Phúc	2787	89A-481.33	Hưng Yên	4287	88A-730.28	Vĩnh Phúc	5787	89C-328.77	Hưng Yên
1288	88A-741.47	Vĩnh Phúc	2788	89A-483.15	Hưng Yên	4288	88A-730.95	Vĩnh Phúc	5788	89C-328.85	Hưng Yên
1289	88A-742.09	Vĩnh Phúc	2789	89A-484.36	Hưng Yên	4289	88A-730.96	Vĩnh Phúc	5789	89C-328.95	Hưng Yên
1290	88C-293.79	Vĩnh Phúc	2790	89A-484.83	Hưng Yên	4290	88A-731.00	Vĩnh Phúc	5790	89C-329.38	Hưng Yên
1291	88C-294.38	Vĩnh Phúc	2791	89A-484.84	Hưng Yên	4291	88A-731.09	Vĩnh Phúc	5791	89C-330.22	Hưng Yên
1292	88C-294.59	Vĩnh Phúc	2792	89A-485.22	Hưng Yên	4292	88A-732.96	Vĩnh Phúc	5792	89C-330.56	Hưng Yên
1293	89A-482.38	Hưng Yên	2793	89A-487.09	Hưng Yên	4293	88A-733.08	Vĩnh Phúc	5793	89C-330.98	Hưng Yên
1294	89A-483.56	Hưng Yên	2794	89A-487.16	Hưng Yên	4294	88A-734.16	Vĩnh Phúc	5794	89C-332.06	Hưng Yên
1295	89A-485.68	Hưng Yên	2795	89A-487.87	Hưng Yên	4295	88A-734.18	Vĩnh Phúc	5795	89C-332.68	Hưng Yên
1296	89A-486.16	Hưng Yên	2796	89A-488.00	Hưng Yên	4296	88A-734.58	Vĩnh Phúc	5796	89C-333.28	Hưng Yên
1297	89A-486.44	Hưng Yên	2797	89A-489.15	Hưng Yên	4297	88A-736.15	Vĩnh Phúc	5797	89C-333.30	Hưng Yên
1298	89A-487.28	Hưng Yên	2798	89A-489.44	Hưng Yên	4298	88A-736.26	Vĩnh Phúc	5798	89D-019.06	Hưng Yên
1299	89A-488.59	Hưng Yên	2799	89A-489.56	Hưng Yên	4299	88A-736.85	Vĩnh Phúc	5799	89D-019.29	Hưng Yên
1300	89A-489.35	Hưng Yên	2800	89A-489.86	Hưng Yên	4300	88A-737.29	Vĩnh Phúc	5800	90A-265.15	Hà Nam
1301	89A-489.88	Hưng Yên	2801	89A-490.25	Hưng Yên	4301	88A-738.00	Vĩnh Phúc	5801	90A-265.16	Hà Nam
1302	89A-491.89	Hưng Yên	2802	89A-493.18	Hưng Yên	4302	88A-738.22	Vĩnh Phúc	5802	90A-265.62	Hà Nam
1303	89A-492.96	Hưng Yên	2803	89A-494.00	Hưng Yên	4303	88A-739.25	Vĩnh Phúc	5803	90A-266.22	Hà Nam
1304	89A-493.25	Hưng Yên	2804	89A-494.26	Hưng Yên	4304	88A-741.36	Vĩnh Phúc	5804	90A-266.39	Hà Nam
1305	89A-494.36	Hưng Yên	2805	89A-494.99	Hưng Yên	4305	88A-741.56	Vĩnh Phúc	5805	90A-268.25	Hà Nam
1306	89A-494.86	Hưng Yên	2806	89A-495.44	Hưng Yên	4306	88C-293.08	Vĩnh Phúc	5806	90A-269.18	Hà Nam
1307	89A-495.25	Hưng Yên	2807	89C-326.33	Hưng Yên	4307	88C-293.09	Vĩnh Phúc	5807	90A-269.58	Hà Nam
1308	89A-496.15	Hưng Yên	2808	89C-326.36	Hưng Yên	4308	88C-294.11	Vĩnh Phúc	5808	90A-270.29	Hà Nam
1309	89A-497.29	Hưng Yên	2809	89C-326.65	Hưng Yên	4309	88C-294.96	Vĩnh Phúc	5809	90A-270.44	Hà Nam
1310	89A-497.44	Hưng Yên	2810	89C-326.85	Hưng Yên	4310	89A-481.65	Hưng Yên	5810	90A-270.69	Hà Nam
1311	89C-326.77	Hưng Yên	2811	89C-327.16	Hưng Yên	4311	89A-482.79	Hưng Yên	5811	90A-270.96	Hà Nam
1312	89C-327.95	Hưng Yên	2812	89C-328.18	Hưng Yên	4312	89A-482.89	Hưng Yên	5812	90A-271.66	Hà Nam
1313	89C-329.08	Hưng Yên	2813	89C-328.69	Hưng Yên	4313	89A-483.26	Hưng Yên	5813	90A-272.95	Hà Nam
1314	89C-329.23	Hưng Yên	2814	89C-329.86	Hưng Yên	4314	89A-486.99	Hưng Yên	5814	90C-141.89	Hà Nam
1315	89C-329.28	Hưng Yên	2815	89C-330.26	Hưng Yên	4315	89A-487.36	Hưng Yên	5815	90C-142.00	Hà Nam
1316	89C-330.38	Hưng Yên	2816	89C-330.35	Hưng Yên	4316	89A-488.18	Hưng Yên	5816	90C-144.88	Hà Nam
1317	89C-333.23	Hưng Yên	2817	89C-330.44	Hưng Yên	4317	89A-492.36	Hưng Yên	5817	90C-147.56	Hà Nam
1318	90A-264.64	Hà Nam	2818	89C-330.65	Hưng Yên	4318	89A-493.55	Hưng Yên	5818	90C-147.86	Hà Nam
1319	90A-265.19	Hà Nam	2819	89C-331.08	Hưng Yên	4319	89A-493.88	Hưng Yên	5819	90C-148.15	Hà Nam
1320	90A-266.96	Hà Nam	2820	89C-331.83	Hưng Yên	4320	89A-493.93	Hưng Yên	5820	90C-148.19	Hà Nam
1321	90A-267.19	Hà Nam	2821	89C-331.96	Hưng Yên	4321	89A-494.95	Hưng Yên	5821	90C-148.98	Hà Nam
1322	90A-267.66	Hà Nam	2822	89C-333.00	Hưng Yên	4322	89C-325.95	Hưng Yên	5822	92A-403.16	Quảng Nam
1323	90A-267.86	Hà Nam	2823	89C-333.12	Hưng Yên	4323	89C-327.88	Hưng Yên	5823	92A-404.11	Quảng Nam
1324	90A-269.79	Hà Nam	2824	89C-333.27	Hưng Yên	4324	89C-329.26	Hưng Yên	5824	92A-407.08	Quảng Nam
1325	90A-269.95	Hà Nam	2825	90A-265.83	Hà Nam	4325	89C-329.29	Hưng Yên	5825	92A-407.11	Quảng Nam
1326	90A-270.36	Hà Nam	2826	90A-265.89	Hà Nam	4326	89C-329.79	Hưng Yên	5826	92A-407.19	Quảng Nam
1327	90A-270.39	Hà Nam	2827	90A-266.18	Hà Nam	4327	89C-330.39	Hưng Yên	5827	92A-407.59	Quảng Nam
1328	90A-271.38	Hà Nam	2828	90A-267.83	Hà Nam	4328	89C-330.69	Hưng Yên	5828	92A-408.00	Quảng Nam
1329	90A-271.77	Hà Nam	2829	90A-268.19	Hà Nam	4329	89C-330.85	Hưng Yên	5829	92A-408.19	Quảng Nam
1330	90A-271.89	Hà Nam	2830	90A-268.58	Hà Nam	4330	89C-331.89	Hưng Yên	5830	92A-408.25	Quảng Nam
1331	90A-272.39	Hà Nam	2831	90A-270.66	Hà Nam	4331	89C-332.19	Hưng Yên	5831	92A-410.19	Quảng Nam
1332	90A-273.15	Hà Nam	2832	90A-272.98	Hà Nam	4332	89C-333.01	Hưng Yên	5832	92A-410.36	Quảng Nam
1333	90A-273.44	Hà Nam	2833	90A-273.39	Hà Nam	4333	89C-333.07	Hưng Yên	5833	92A-410.44	Quảng Nam
1334	90C-141.99	Hà Nam	2834	90A-273.79	Hà Nam	4334	90A-265.56	Hà Nam	5834	92A-410.88	Quảng Nam
1335	90C-142.38	Hà Nam	2835	90B-009.26	Hà Nam	4335	90A-265.79	Hà Nam	5835	92A-411.08	Quảng Nam
1336	90C-142.59	Hà Nam	2836	90C-142.06	Hà Nam	4336	90A-266.58	Hà Nam	5836	92A-412.09	Quảng Nam
1337	90C-142.88	Hà Nam	2837	90C-143.33	Hà Nam	4337	90A-267.11	Hà Nam	5837	92A-412.29	Quảng Nam
1338	90C-143.11	Hà Nam	2838	90C-144.11	Hà Nam	4338	90A-267.15	Hà Nam	5838	92A-415.28	Quảng Nam
1339	90C-143.69	Hà Nam	2839	90C-145.36	Hà Nam	4339	90A-273.19	Hà Nam	5839	92A-415.66	Quảng Nam

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1340	90C-144.77	Hà Nam	2840	90C-148.14	Hà Nam	4340	90A-273.38	Hà Nam	5840	92A-415.85	Quảng Nam
1341	90C-145.00	Hà Nam	2841	90C-148.25	Hà Nam	4341	90C-141.55	Hà Nam	5841	92A-416.33	Quảng Nam
1342	90C-145.38	Hà Nam	2842	90C-148.69	Hà Nam	4342	90C-141.68	Hà Nam	5842	92B-031.58	Quảng Nam
1343	90C-145.59	Hà Nam	2843	90C-149.18	Hà Nam	4343	90C-142.08	Hà Nam	5843	92C-242.44	Quảng Nam
1344	90C-145.99	Hà Nam	2844	90D-006.56	Hà Nam	4344	90C-142.18	Hà Nam	5844	92C-242.58	Quảng Nam
1345	90C-146.11	Hà Nam	2845	92A-403.38	Quảng Nam	4345	90C-143.99	Hà Nam	5845	92C-243.79	Quảng Nam
1346	90C-147.08	Hà Nam	2846	92A-403.44	Quảng Nam	4346	90C-144.68	Hà Nam	5846	92C-243.86	Quảng Nam
1347	90C-147.59	Hà Nam	2847	92A-403.68	Quảng Nam	4347	90C-145.88	Hà Nam	5847	92C-244.00	Quảng Nam
1348	90C-148.11	Hà Nam	2848	92A-404.86	Quảng Nam	4348	90C-147.68	Hà Nam	5848	92C-244.68	Quảng Nam
1349	90C-148.16	Hà Nam	2849	92A-407.44	Quảng Nam	4349	90C-148.83	Hà Nam	5849	92C-246.16	Quảng Nam
1350	92A-404.18	Quảng Nam	2850	92A-407.56	Quảng Nam	4350	92A-403.86	Quảng Nam	5850	92C-246.22	Quảng Nam
1351	92A-405.89	Quảng Nam	2851	92A-409.11	Quảng Nam	4351	92A-405.00	Quảng Nam	5851	92C-247.38	Quảng Nam
1352	92A-406.16	Quảng Nam	2852	92A-409.56	Quảng Nam	4352	92A-406.07	Quảng Nam	5852	92C-248.39	Quảng Nam
1353	92A-408.98	Quảng Nam	2853	92A-410.29	Quảng Nam	4353	92A-406.86	Quảng Nam	5853	92C-248.59	Quảng Nam
1354	92A-409.69	Quảng Nam	2854	92A-410.35	Quảng Nam	4354	92A-406.98	Quảng Nam	5854	93A-471.68	Bình Phước
1355	92A-409.86	Quảng Nam	2855	92A-411.18	Quảng Nam	4355	92A-406.99	Quảng Nam	5855	93A-472.99	Bình Phước
1356	92A-409.90	Quảng Nam	2856	92A-412.65	Quảng Nam	4356	92A-407.68	Quảng Nam	5856	93A-475.18	Bình Phước
1357	92A-410.15	Quảng Nam	2857	92A-412.68	Quảng Nam	4357	92A-408.11	Quảng Nam	5857	93A-475.22	Bình Phước
1358	92A-410.79	Quảng Nam	2858	92A-413.18	Quảng Nam	4358	92A-408.36	Quảng Nam	5858	93A-476.22	Bình Phước
1359	92A-411.15	Quảng Nam	2859	92A-413.85	Quảng Nam	4359	92A-409.08	Quảng Nam	5859	93A-476.44	Bình Phước
1360	92A-411.25	Quảng Nam	2860	92A-414.38	Quảng Nam	4360	92A-410.01	Quảng Nam	5860	93A-478.25	Bình Phước
1361	92A-411.88	Quảng Nam	2861	92A-414.88	Quảng Nam	4361	92A-410.95	Quảng Nam	5861	93A-479.66	Bình Phước
1362	92A-412.12	Quảng Nam	2862	92A-415.89	Quảng Nam	4362	92A-412.33	Quảng Nam	5862	93A-481.98	Bình Phước
1363	92A-412.26	Quảng Nam	2863	92A-415.99	Quảng Nam	4363	92A-412.85	Quảng Nam	5863	93A-482.11	Bình Phước
1364	92A-412.69	Quảng Nam	2864	92C-243.36	Quảng Nam	4364	92A-414.77	Quảng Nam	5864	93A-482.36	Bình Phước
1365	92A-413.11	Quảng Nam	2865	92C-246.56	Quảng Nam	4365	92A-415.08	Quảng Nam	5865	93A-482.66	Bình Phước
1366	92A-414.00	Quảng Nam	2866	92C-247.06	Quảng Nam	4366	92A-415.18	Quảng Nam	5866	93A-482.83	Bình Phước
1367	92A-414.56	Quảng Nam	2867	92C-248.00	Quảng Nam	4367	92A-415.51	Quảng Nam	5867	93A-483.11	Bình Phước
1368	92A-414.59	Quảng Nam	2868	92C-248.09	Quảng Nam	4368	92B-031.68	Quảng Nam	5868	93A-483.58	Bình Phước
1369	92A-415.39	Quảng Nam	2869	92C-250.29	Quảng Nam	4369	92B-032.44	Quảng Nam	5869	93A-484.06	Bình Phước
1370	92B-032.18	Quảng Nam	2870	93A-471.18	Bình Phước	4370	92C-245.56	Quảng Nam	5870	93A-484.22	Bình Phước
1371	92C-242.56	Quảng Nam	2871	93A-472.56	Bình Phước	4371	92C-246.77	Quảng Nam	5871	93A-485.44	Bình Phước
1372	92C-242.88	Quảng Nam	2872	93A-473.73	Bình Phước	4372	92C-247.86	Quảng Nam	5872	93A-485.65	Bình Phước
1373	92C-245.59	Quảng Nam	2873	93A-473.77	Bình Phước	4373	92C-248.22	Quảng Nam	5873	93A-485.96	Bình Phước
1374	92C-247.56	Quảng Nam	2874	93A-475.16	Bình Phước	4374	92C-248.36	Quảng Nam	5874	93B-018.44	Bình Phước
1375	92C-250.06	Quảng Nam	2875	93A-476.18	Bình Phước	4375	92C-248.48	Quảng Nam	5875	93C-184.85	Bình Phước
1376	92C-250.18	Quảng Nam	2876	93A-476.39	Bình Phước	4376	93A-470.66	Bình Phước	5876	93C-186.00	Bình Phước
1377	93A-470.59	Bình Phước	2877	93A-477.38	Bình Phước	4377	93A-471.71	Bình Phước	5877	93C-186.59	Bình Phước
1378	93A-471.22	Bình Phước	2878	93A-477.55	Bình Phước	4378	93A-472.06	Bình Phước	5878	93C-188.38	Bình Phước
1379	93A-474.26	Bình Phước	2879	93A-477.69	Bình Phước	4379	93A-472.33	Bình Phước	5879	93C-191.16	Bình Phước
1380	93A-475.88	Bình Phước	2880	93A-477.85	Bình Phước	4380	93A-472.58	Bình Phước	5880	93C-191.36	Bình Phước
1381	93A-476.38	Bình Phước	2881	93A-478.55	Bình Phước	4381	93A-473.19	Bình Phước	5881	93C-192.39	Bình Phước
1382	93A-477.66	Bình Phước	2882	93A-478.65	Bình Phước	4382	93A-475.68	Bình Phước	5882	93C-194.16	Bình Phước
1383	93A-477.95	Bình Phước	2883	93A-481.96	Bình Phước	4383	93A-477.11	Bình Phước	5883	93C-194.79	Bình Phước
1384	93A-478.44	Bình Phước	2884	93A-482.19	Bình Phước	4384	93A-478.99	Bình Phước	5884	93D-004.04	Bình Phước
1385	93A-478.59	Bình Phước	2885	93A-483.16	Bình Phước	4385	93A-479.09	Bình Phước	5885	93D-004.09	Bình Phước
1386	93A-479.86	Bình Phước	2886	93A-483.25	Bình Phước	4386	93A-479.65	Bình Phước	5886	94C-078.58	Bạc Liêu
1387	93A-480.81	Bình Phước	2887	93A-483.66	Bình Phước	4387	93A-481.35	Bình Phước	5887	94C-079.08	Bạc Liêu
1388	93A-481.55	Bình Phước	2888	93B-018.36	Bình Phước	4388	93A-482.09	Bình Phước	5888	94C-080.26	Bạc Liêu
1389	93A-483.95	Bình Phước	2889	93B-018.39	Bình Phước	4389	93A-484.09	Bình Phước	5889	94C-080.36	Bạc Liêu
1390	93A-485.88	Bình Phước	2890	93C-184.59	Bình Phước	4390	93A-484.36	Bình Phước	5890	94C-080.65	Bạc Liêu
1391	93C-184.86	Bình Phước	2891	93C-188.08	Bình Phước	4391	93A-484.59	Bình Phước	5891	95B-010.66	Hậu Giang
1392	93C-186.11	Bình Phước	2892	93C-192.44	Bình Phước	4392	93A-485.16	Bình Phước	5892	95C-085.98	Hậu Giang
1393	93C-186.55	Bình Phước	2893	93C-193.33	Bình Phước	4393	93A-486.09	Bình Phước	5893	95C-086.09	Hậu Giang
1394	93C-186.89	Bình Phước	2894	94C-079.66	Bạc Liêu	4394	93B-018.35	Bình Phước	5894	97B-012.29	Bắc Kạn
1395	93C-187.79	Bình Phước	2895	94C-080.11	Bạc Liêu	4395	93C-185.36	Bình Phước	5895	97C-043.00	Bắc Kạn
1396	93C-189.09	Bình Phước	2896	94D-001.83	Bạc Liêu	4396	93C-186.39	Bình Phước	5896	97C-043.18	Bắc Kạn
1397	93C-191.33	Bình Phước	2897	95C-081.33	Hậu Giang	4397	93C-186.56	Bình Phước	5897	97C-044.33	Bắc Kạn
1398	93C-192.11	Bình Phước	2898	95C-083.88	Hậu Giang	4398	93C-187.89	Bình Phước	5898	97D-004.39	Bắc Kạn
1399	93C-195.19	Bình Phước	2899	95C-084.36	Hậu Giang	4399	93C-189.79	Bình Phước	5899	98A-766.19	Bắc Giang
1400	94C-078.68	Bạc Liêu	2900	95D-020.58	Hậu Giang	4400	93C-190.26	Bình Phước	5900	98A-766.26	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1401	95C-083.39	Hậu Giang	2901	97C-040.00	Bắc Kạn	4401	93C-192.66	Bình Phước	5901	98A-768.09	Bắc Giang
1402	95C-084.06	Hậu Giang	2902	97C-041.79	Bắc Kạn	4402	93D-004.06	Bình Phước	5902	98A-768.66	Bắc Giang
1403	95C-084.58	Hậu Giang	2903	97C-042.86	Bắc Kạn	4403	93D-004.18	Bình Phước	5903	98A-769.25	Bắc Giang
1404	95C-085.66	Hậu Giang	2904	97C-043.38	Bắc Kạn	4404	95C-081.22	Hậu Giang	5904	98A-771.88	Bắc Giang
1405	97C-039.69	Bắc Kạn	2905	97C-043.86	Bắc Kạn	4405	95C-081.55	Hậu Giang	5905	98A-772.59	Bắc Giang
1406	97C-040.08	Bắc Kạn	2906	98A-765.65	Bắc Giang	4406	95C-085.69	Hậu Giang	5906	98A-773.06	Bắc Giang
1407	97C-040.69	Bắc Kạn	2907	98A-766.08	Bắc Giang	4407	97A-092.26	Bắc Kạn	5907	98A-773.39	Bắc Giang
1408	97C-041.19	Bắc Kạn	2908	98A-766.79	Bắc Giang	4408	97B-012.18	Bắc Kạn	5908	98A-773.88	Bắc Giang
1409	97C-041.59	Bắc Kạn	2909	98A-768.77	Bắc Giang	4409	97C-042.19	Bắc Kạn	5909	98A-773.98	Bắc Giang
1410	98A-765.69	Bắc Giang	2910	98A-768.99	Bắc Giang	4410	97C-042.66	Bắc Kạn	5910	98A-774.11	Bắc Giang
1411	98A-767.18	Bắc Giang	2911	98A-769.86	Bắc Giang	4411	97C-043.08	Bắc Kạn	5911	98A-774.19	Bắc Giang
1412	98A-767.88	Bắc Giang	2912	98A-770.58	Bắc Giang	4412	97D-004.29	Bắc Kạn	5912	98A-774.22	Bắc Giang
1413	98A-769.95	Bắc Giang	2913	98A-771.95	Bắc Giang	4413	98A-766.11	Bắc Giang	5913	98A-774.58	Bắc Giang
1414	98A-770.25	Bắc Giang	2914	98A-772.68	Bắc Giang	4414	98A-768.18	Bắc Giang	5914	98A-776.22	Bắc Giang
1415	98A-770.83	Bắc Giang	2915	98A-774.83	Bắc Giang	4415	98A-769.06	Bắc Giang	5915	98A-776.38	Bắc Giang
1416	98A-770.99	Bắc Giang	2916	98A-775.11	Bắc Giang	4416	98A-770.28	Bắc Giang	5916	98A-776.55	Bắc Giang
1417	98A-772.38	Bắc Giang	2917	98A-775.15	Bắc Giang	4417	98A-771.25	Bắc Giang	5917	98A-777.01	Bắc Giang
1418	98A-773.11	Bắc Giang	2918	98A-777.46	Bắc Giang	4418	98A-771.69	Bắc Giang	5918	98A-777.19	Bắc Giang
1419	98A-775.36	Bắc Giang	2919	98A-778.08	Bắc Giang	4419	98A-771.83	Bắc Giang	5919	98A-778.00	Bắc Giang
1420	98A-775.86	Bắc Giang	2920	98A-778.11	Bắc Giang	4420	98A-772.65	Bắc Giang	5920	98A-779.11	Bắc Giang
1421	98A-775.96	Bắc Giang	2921	98A-779.19	Bắc Giang	4421	98A-773.74	Bắc Giang	5921	98A-780.77	Bắc Giang
1422	98A-776.19	Bắc Giang	2922	98A-780.66	Bắc Giang	4422	98A-774.96	Bắc Giang	5922	98A-780.80	Bắc Giang
1423	98A-777.06	Bắc Giang	2923	98A-780.85	Bắc Giang	4423	98A-775.33	Bắc Giang	5923	98A-781.35	Bắc Giang
1424	98A-778.28	Bắc Giang	2924	98A-780.86	Bắc Giang	4424	98A-776.29	Bắc Giang	5924	98A-781.79	Bắc Giang
1425	98A-778.58	Bắc Giang	2925	98A-780.95	Bắc Giang	4425	98A-777.18	Bắc Giang	5925	98A-782.36	Bắc Giang
1426	98A-779.22	Bắc Giang	2926	98A-782.85	Bắc Giang	4426	98A-777.27	Bắc Giang	5926	98A-782.86	Bắc Giang
1427	98A-780.29	Bắc Giang	2927	98A-783.00	Bắc Giang	4427	98A-777.34	Bắc Giang	5927	98A-783.83	Bắc Giang
1428	98A-780.35	Bắc Giang	2928	98A-783.25	Bắc Giang	4428	98A-777.59	Bắc Giang	5928	98A-784.22	Bắc Giang
1429	98A-782.29	Bắc Giang	2929	98A-783.56	Bắc Giang	4429	98A-778.66	Bắc Giang	5929	98A-784.77	Bắc Giang
1430	98A-782.98	Bắc Giang	2930	98A-783.79	Bắc Giang	4430	98A-780.78	Bắc Giang	5930	98A-785.78	Bắc Giang
1431	98A-783.55	Bắc Giang	2931	98A-784.58	Bắc Giang	4431	98A-784.33	Bắc Giang	5931	98A-786.28	Bắc Giang
1432	98A-783.65	Bắc Giang	2932	98A-784.83	Bắc Giang	4432	98A-785.18	Bắc Giang	5932	98A-786.65	Bắc Giang
1433	98A-785.26	Bắc Giang	2933	98A-785.28	Bắc Giang	4433	98A-785.35	Bắc Giang	5933	98A-787.16	Bắc Giang
1434	98A-785.83	Bắc Giang	2934	98A-785.68	Bắc Giang	4434	98A-785.98	Bắc Giang	5934	98A-787.98	Bắc Giang
1435	98A-788.39	Bắc Giang	2935	98A-787.65	Bắc Giang	4435	98A-788.15	Bắc Giang	5935	98A-788.09	Bắc Giang
1436	98A-789.06	Bắc Giang	2936	98A-788.56	Bắc Giang	4436	98A-789.66	Bắc Giang	5936	98A-788.38	Bắc Giang
1437	98A-789.35	Bắc Giang	2937	98A-788.59	Bắc Giang	4437	98A-789.87	Bắc Giang	5937	98A-789.86	Bắc Giang
1438	98A-789.83	Bắc Giang	2938	98A-789.69	Bắc Giang	4438	98A-792.35	Bắc Giang	5938	98A-790.86	Bắc Giang
1439	98A-791.09	Bắc Giang	2939	98A-790.38	Bắc Giang	4439	98A-794.09	Bắc Giang	5939	98A-790.97	Bắc Giang
1440	98A-792.98	Bắc Giang	2940	98A-791.00	Bắc Giang	4440	98A-794.65	Bắc Giang	5940	98A-791.39	Bắc Giang
1441	98A-793.25	Bắc Giang	2941	98A-791.97	Bắc Giang	4441	98A-795.35	Bắc Giang	5941	98A-792.59	Bắc Giang
1442	98A-793.85	Bắc Giang	2942	98A-792.08	Bắc Giang	4442	98A-796.19	Bắc Giang	5942	98A-794.59	Bắc Giang
1443	98A-794.36	Bắc Giang	2943	98A-793.09	Bắc Giang	4443	98A-796.36	Bắc Giang	5943	98A-794.97	Bắc Giang
1444	98A-797.56	Bắc Giang	2944	98A-794.19	Bắc Giang	4444	98A-796.59	Bắc Giang	5944	98A-795.16	Bắc Giang
1445	98C-348.06	Bắc Giang	2945	98A-795.09	Bắc Giang	4445	98A-797.26	Bắc Giang	5945	98A-795.19	Bắc Giang
1446	98C-349.22	Bắc Giang	2946	98A-797.29	Bắc Giang	4446	98C-351.68	Bắc Giang	5946	98A-795.39	Bắc Giang
1447	98C-351.69	Bắc Giang	2947	98C-350.33	Bắc Giang	4447	98C-352.22	Bắc Giang	5947	98C-348.33	Bắc Giang
1448	98C-353.29	Bắc Giang	2948	98C-352.15	Bắc Giang	4448	98C-352.55	Bắc Giang	5948	98C-349.19	Bắc Giang
1449	98C-353.36	Bắc Giang	2949	98C-352.33	Bắc Giang	4449	98C-353.53	Bắc Giang	5949	98C-351.28	Bắc Giang
1450	98C-354.68	Bắc Giang	2950	98C-353.25	Bắc Giang	4450	98C-354.38	Bắc Giang	5950	98C-351.85	Bắc Giang
1451	98C-354.85	Bắc Giang	2951	98C-354.28	Bắc Giang	4451	98D-015.19	Bắc Giang	5951	98C-353.15	Bắc Giang
1452	98C-355.16	Bắc Giang	2952	98C-354.53	Bắc Giang	4452	99A-771.68	Bắc Ninh	5952	98C-355.19	Bắc Giang
1453	98D-014.69	Bắc Giang	2953	98C-355.15	Bắc Giang	4453	99A-771.89	Bắc Ninh	5953	99A-772.95	Bắc Ninh
1454	99A-771.85	Bắc Ninh	2954	99A-771.72	Bắc Ninh	4454	99A-772.09	Bắc Ninh	5954	99A-773.73	Bắc Ninh
1455	99A-772.18	Bắc Ninh	2955	99A-772.08	Bắc Ninh	4455	99A-772.16	Bắc Ninh	5955	99A-773.85	Bắc Ninh
1456	99A-772.86	Bắc Ninh	2956	99A-772.88	Bắc Ninh	4456	99A-772.58	Bắc Ninh	5956	99A-773.86	Bắc Ninh
1457	99A-773.06	Bắc Ninh	2957	99A-773.26	Bắc Ninh	4457	99A-774.15	Bắc Ninh	5957	99A-774.29	Bắc Ninh
1458	99A-773.65	Bắc Ninh	2958	99A-773.44	Bắc Ninh	4458	99A-775.76	Bắc Ninh	5958	99A-775.77	Bắc Ninh
1459	99A-774.16	Bắc Ninh	2959	99A-774.96	Bắc Ninh	4459	99A-776.09	Bắc Ninh	5959	99A-776.59	Bắc Ninh
1460	99A-775.00	Bắc Ninh	2960	99A-775.18	Bắc Ninh	4460	99A-777.09	Bắc Ninh	5960	99A-777.58	Bắc Ninh
1461	99A-775.26	Bắc Ninh	2961	99A-775.83	Bắc Ninh	4461	99A-779.00	Bắc Ninh	5961	99A-778.35	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1462	99A-777.28	Bắc Ninh	2962	99A-775.85	Bắc Ninh	4462	99A-779.56	Bắc Ninh	5962	99A-778.58	Bắc Ninh
1463	99A-777.85	Bắc Ninh	2963	99A-776.67	Bắc Ninh	4463	99A-779.89	Bắc Ninh	5963	99A-779.83	Bắc Ninh
1464	99A-778.08	Bắc Ninh	2964	99A-778.11	Bắc Ninh	4464	99A-780.33	Bắc Ninh	5964	99A-781.96	Bắc Ninh
1465	99A-778.79	Bắc Ninh	2965	99A-778.39	Bắc Ninh	4465	99A-780.96	Bắc Ninh	5965	99A-782.19	Bắc Ninh
1466	99A-778.87	Bắc Ninh	2966	99A-779.09	Bắc Ninh	4466	99A-781.28	Bắc Ninh	5966	99A-782.78	Bắc Ninh
1467	99A-779.95	Bắc Ninh	2967	99A-780.81	Bắc Ninh	4467	99A-781.88	Bắc Ninh	5967	99A-783.08	Bắc Ninh
1468	99A-780.06	Bắc Ninh	2968	99A-781.56	Bắc Ninh	4468	99A-782.65	Bắc Ninh	5968	99A-783.26	Bắc Ninh
1469	99A-781.65	Bắc Ninh	2969	99A-782.38	Bắc Ninh	4469	99A-783.11	Bắc Ninh	5969	99A-784.88	Bắc Ninh
1470	99A-781.86	Bắc Ninh	2970	99A-786.16	Bắc Ninh	4470	99A-783.66	Bắc Ninh	5970	99A-786.85	Bắc Ninh
1471	99A-782.82	Bắc Ninh	2971	99A-786.95	Bắc Ninh	4471	99A-783.79	Bắc Ninh	5971	99A-786.89	Bắc Ninh
1472	99A-782.89	Bắc Ninh	2972	99A-787.28	Bắc Ninh	4472	99A-784.65	Bắc Ninh	5972	99A-787.33	Bắc Ninh
1473	99A-783.58	Bắc Ninh	2973	99A-787.36	Bắc Ninh	4473	99A-786.33	Bắc Ninh	5973	99A-787.65	Bắc Ninh
1474	99A-784.06	Bắc Ninh	2974	99A-787.99	Bắc Ninh	4474	99A-786.88	Bắc Ninh	5974	99A-787.88	Bắc Ninh
1475	99A-785.22	Bắc Ninh	2975	99A-789.26	Bắc Ninh	4475	99A-787.98	Bắc Ninh	5975	99A-789.09	Bắc Ninh
1476	99A-785.29	Bắc Ninh	2976	99A-790.09	Bắc Ninh	4476	99A-788.33	Bắc Ninh	5976	99A-790.19	Bắc Ninh
1477	99A-785.39	Bắc Ninh	2977	99A-790.65	Bắc Ninh	4477	99A-789.77	Bắc Ninh	5977	99A-790.69	Bắc Ninh
1478	99A-785.78	Bắc Ninh	2978	99A-791.44	Bắc Ninh	4478	99A-790.38	Bắc Ninh	5978	99A-790.86	Bắc Ninh
1479	99A-785.87	Bắc Ninh	2979	99A-792.56	Bắc Ninh	4479	99A-790.89	Bắc Ninh	5979	99A-791.91	Bắc Ninh
1480	99A-786.87	Bắc Ninh	2980	99A-793.09	Bắc Ninh	4480	99A-791.83	Bắc Ninh	5980	99A-792.68	Bắc Ninh
1481	99A-788.56	Bắc Ninh	2981	99A-793.15	Bắc Ninh	4481	99A-792.08	Bắc Ninh	5981	99A-792.96	Bắc Ninh
1482	99A-789.36	Bắc Ninh	2982	99A-793.18	Bắc Ninh	4482	99A-793.59	Bắc Ninh	5982	99A-795.86	Bắc Ninh
1483	99A-790.77	Bắc Ninh	2983	99A-797.36	Bắc Ninh	4483	99A-793.79	Bắc Ninh	5983	99A-796.16	Bắc Ninh
1484	99A-791.97	Bắc Ninh	2984	99A-798.35	Bắc Ninh	4484	99A-793.95	Bắc Ninh	5984	99A-796.89	Bắc Ninh
1485	99A-792.79	Bắc Ninh	2985	99A-798.83	Bắc Ninh	4485	99A-795.15	Bắc Ninh	5985	99A-797.11	Bắc Ninh
1486	99A-795.09	Bắc Ninh	2986	99A-800.95	Bắc Ninh	4486	99A-796.25	Bắc Ninh	5986	99A-798.25	Bắc Ninh
1487	99A-795.26	Bắc Ninh	2987	99A-801.00	Bắc Ninh	4487	99A-797.59	Bắc Ninh	5987	99A-799.28	Bắc Ninh
1488	99A-795.97	Bắc Ninh	2988	99A-801.22	Bắc Ninh	4488	99A-798.22	Bắc Ninh	5988	99A-799.55	Bắc Ninh
1489	99A-796.88	Bắc Ninh	2989	99C-310.00	Bắc Ninh	4489	99A-798.33	Bắc Ninh	5989	99B-026.83	Bắc Ninh
1490	99A-800.16	Bắc Ninh	2990	99C-311.38	Bắc Ninh	4490	99A-798.77	Bắc Ninh	5990	99C-309.58	Bắc Ninh
1491	99A-801.15	Bắc Ninh	2991	99C-311.95	Bắc Ninh	4491	99A-800.58	Bắc Ninh	5991	99C-309.65	Bắc Ninh
1492	99A-801.16	Bắc Ninh	2992	99C-312.79	Bắc Ninh	4492	99A-801.19	Bắc Ninh	5992	99C-309.69	Bắc Ninh
1493	99C-310.15	Bắc Ninh	2993	99C-312.85	Bắc Ninh	4493	99C-309.99	Bắc Ninh	5993	99C-311.28	Bắc Ninh
1494	99C-310.16	Bắc Ninh	2994	99C-313.89	Bắc Ninh	4494	99C-310.13	Bắc Ninh	5994	99C-311.44	Bắc Ninh
1495	99C-310.55	Bắc Ninh	2995	99C-314.28	Bắc Ninh	4495	99C-310.26	Bắc Ninh	5995	99C-311.58	Bắc Ninh
1496	99C-310.58	Bắc Ninh	2996	99C-315.56	Bắc Ninh	4496	99C-311.16	Bắc Ninh	5996	99C-311.77	Bắc Ninh
1497	99C-313.26	Bắc Ninh	2997	99C-316.00	Bắc Ninh	4497	99C-314.41	Bắc Ninh	5997	99C-312.95	Bắc Ninh
1498	99C-313.83	Bắc Ninh	2998	99D-019.59	Bắc Ninh	4498	99C-314.58	Bắc Ninh	5998	99C-313.18	Bắc Ninh
1499	99D-020.77	Bắc Ninh	2999	99D-020.02	Bắc Ninh	4499	99D-020.36	Bắc Ninh	5999	99D-019.79	Bắc Ninh
1500	99D-021.02	Bắc Ninh	3000	99D-021.12	Bắc Ninh	4500	99D-020.56	Bắc Ninh	6000	99D-020.18	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6001	15K-333.32	Hải Phòng	7501	34A-839.99	Hải Dương	9001	43A-889.89	Đà Nẵng	10501	30L-525.55	Hà Nội
6002	37K-386.86	Nghệ An	7502	37K-357.89	Nghệ An	9002	15K-308.89	Hải Phòng	10502	38A-634.56	Hà Tĩnh
6003	15K-320.00	Hải Phòng	7503	15K-331.11	Hải Phòng	9003	18A-459.97	Nam Định	10503	14A-926.66	Quảng Ninh
6004	15K-325.55	Hải Phòng	7504	17A-466.68	Thái Bình	9004	18A-459.98	Nam Định	10504	14A-930.00	Quảng Ninh
6005	15K-329.96	Hải Phòng	7505	17A-466.69	Thái Bình	9005	19A-577.68	Phú Thọ	10505	15K-314.44	Hải Phòng
6006	15K-333.15	Hải Phòng	7506	19A-666.41	Phú Thọ	9006	19A-666.29	Phú Thọ	10506	15K-319.76	Hải Phòng
6007	15K-333.37	Hải Phòng	7507	19A-666.44	Phú Thọ	9007	20A-797.77	Thái Nguyên	10507	15K-329.29	Hải Phòng
6008	17A-467.89	Thái Bình	7508	19A-666.78	Phú Thọ	9008	20A-799.70	Thái Nguyên	10508	17A-466.89	Thái Bình
6009	19A-579.69	Phú Thọ	7509	20A-799.98	Thái Nguyên	9009	20A-800.03	Thái Nguyên	10509	18A-457.77	Nam Định
6010	19A-653.33	Phú Thọ	7510	24A-292.22	Lào Cai	9010	23A-129.29	Hà Giang	10510	19A-666.26	Phú Thọ
6011	20A-786.66	Thái Nguyên	7511	30L-051.68	Hà Nội	9011	24A-300.03	Lào Cai	10511	19A-666.48	Phú Thọ
6012	30K-866.18	Hà Nội	7512	30L-533.39	Hà Nội	9012	30K-830.00	Hà Nội	10512	19A-666.55	Phú Thọ
6013	30K-921.79	Hà Nội	7513	34A-819.99	Hải Dương	9013	30K-909.86	Hà Nội	10513	20A-787.79	Thái Nguyên
6014	30L-007.79	Hà Nội	7514	36K-099.86	Thanh Hóa	9014	30L-111.45	Hà Nội	10514	20A-806.66	Thái Nguyên
6015	30L-487.77	Hà Nội	7515	37K-355.51	Nghệ An	9015	30L-522.23	Hà Nội	10515	24A-262.63	Lào Cai
6016	30L-517.15	Hà Nội	7516	37K-366.61	Nghệ An	9016	30L-522.28	Hà Nội	10516	26A-219.97	Sơn La
6017	30L-530.00	Hà Nội	7517	37K-374.44	Nghệ An	9017	30L-538.89	Hà Nội	10517	30K-683.85	Hà Nội
6018	34A-834.56	Hải Dương	7518	47A-750.00	Đắk Lắk	9018	30L-542.22	Hà Nội	10518	30K-706.86	Hà Nội
6019	34A-848.86	Hải Dương	7519	49A-699.93	Lâm Đồng	9019	34A-848.88	Hải Dương	10519	30L-069.86	Hà Nội
6020	36K-126.66	Thanh Hóa	7520	51L-077.89	Hồ Chí Minh	9020	35A-442.22	Ninh Bình	10520	30L-500.02	Hà Nội
6021	37K-377.37	Nghệ An	7521	51L-176.86	Hồ Chí Minh	9021	36K-096.66	Thanh Hóa	10521	30L-509.99	Hà Nội
6022	37K-382.82	Nghệ An	7522	51L-222.35	Hồ Chí Minh	9022	37K-346.68	Nghệ An	10522	30L-519.95	Hà Nội
6023	38A-624.44	Hà Tĩnh	7523	60K-541.11	Đồng Nai	9023	37K-363.68	Nghệ An	10523	43A-878.89	Đà Nẵng
6024	43A-886.87	Đà Nẵng	7524	61K-414.44	Bình Dương	9024	37K-378.86	Nghệ An	10524	43A-880.00	Đà Nẵng
6025	43A-888.66	Đà Nẵng	7525	61K-418.88	Bình Dương	9025	37K-378.89	Nghệ An	10525	43A-889.11	Đà Nẵng
6026	43A-889.33	Đà Nẵng	7526	61K-423.33	Bình Dương	9026	37K-384.44	Nghệ An	10526	43A-889.39	Đà Nẵng
6027	43A-889.68	Đà Nẵng	7527	62A-444.42	Long An	9027	38A-625.55	Hà Tĩnh	10527	47A-733.35	Đắk Lắk
6028	47A-738.86	Đắk Lắk	7528	63A-304.44	Tiền Giang	9028	43A-888.44	Đà Nẵng	10528	47A-734.56	Đắk Lắk
6029	49A-696.66	Lâm Đồng	7529	65A-472.22	Cần Thơ	9029	43A-888.60	Đà Nẵng	10529	47A-749.96	Đắk Lắk
6030	60K-533.38	Đồng Nai	7530	65A-486.86	Cần Thơ	9030	43A-888.77	Đà Nẵng	10530	47A-759.99	Đắk Lắk
6031	61K-429.98	Bình Dương	7531	67A-306.19	An Giang	9031	47A-732.22	Đắk Lắk	10531	51M-005.55	Hồ Chí Minh
6032	61K-438.88	Bình Dương	7532	67C-181.11	An Giang	9032	47A-743.33	Đắk Lắk	10532	61K-431.11	Bình Dương
6033	62A-444.45	Long An	7533	70A-548.88	Tây Ninh	9033	49A-699.68	Lâm Đồng	10533	61K-439.98	Bình Dương
6034	65A-458.88	Cần Thơ	7534	70A-552.22	Tây Ninh	9034	51D-999.79	Hồ Chí Minh	10534	62A-356.68	Long An
6035	65A-477.99	Cần Thơ	7535	72A-788.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	9035	66A-277.79	Đồng Tháp	10535	62A-444.46	Long An
6036	67A-307.77	An Giang	7536	78A-202.22	Phú Yên	9036	68A-345.63	Kiên Giang	10536	65A-483.33	Cần Thơ
6037	68A-345.66	Kiên Giang	7537	79A-537.77	Khánh Hòa	9037	70A-555.79	Tây Ninh	10537	71A-199.93	Bến Tre
6038	68A-347.77	Kiên Giang	7538	82A-150.00	Kon Tum	9038	72A-787.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	10538	72A-799.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
6039	70A-546.66	Tây Ninh	7539	86A-299.89	Bình Thuận	9039	72A-799.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	10539	72A-804.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
6040	70A-555.69	Tây Ninh	7540	88A-725.55	Vĩnh Phúc	9040	77A-339.98	Bình Định	10540	77A-339.99	Bình Định
6041	72A-788.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7541	88A-738.86	Vĩnh Phúc	9041	79A-541.11	Khánh Hòa	10541	79A-533.35	Khánh Hòa
6042	77A-333.31	Bình Định	7542	88A-739.98	Vĩnh Phúc	9042	88A-730.00	Vĩnh Phúc	10542	79A-533.38	Khánh Hòa
6043	88A-739.99	Vĩnh Phúc	7543	93A-484.44	Bình Phước	9043	88A-734.44	Vĩnh Phúc	10543	81C-267.89	Gia Lai
6044	93A-482.22	Bình Phước	7544	99A-777.97	Bắc Ninh	9044	90A-273.33	Hà Nam	10544	89A-488.69	Hưng Yên
6045	98A-788.89	Bắc Giang	7545	99A-786.66	Bắc Ninh	9045	98A-768.89	Bắc Giang	10545	90A-270.00	Hà Nam
6046	99A-788.85	Bắc Ninh	7546	99A-792.22	Bắc Ninh	9046	98A-788.66	Bắc Giang	10546	93A-471.11	Bình Phước
6047	99A-800.03	Bắc Ninh	7547	99A-794.79	Bắc Ninh	9047	99A-798.86	Bắc Ninh	10547	93A-475.55	Bình Phước
6048	30L-486.55	Hà Nội	7548	30L-486.56	Hà Nội	9048	30L-486.78	Hà Nội	10548	98A-766.89	Bắc Giang
6049	30L-487.06	Hà Nội	7549	30L-487.19	Hà Nội	9049	30L-487.43	Hà Nội	10549	98A-777.33	Bắc Giang
6050	30L-487.26	Hà Nội	7550	30L-488.59	Hà Nội	9050	30L-487.54	Hà Nội	10550	98A-787.77	Bắc Giang
6051	30L-487.65	Hà Nội	7551	30L-489.35	Hà Nội	9051	30L-488.75	Hà Nội	10551	99A-782.22	Bắc Ninh
6052	30L-487.85	Hà Nội	7552	30L-490.08	Hà Nội	9052	30L-489.80	Hà Nội	10552	30L-487.73	Hà Nội
6053	30L-488.18	Hà Nội	7553	30L-490.29	Hà Nội	9053	30L-490.41	Hà Nội	10553	30L-488.17	Hà Nội
6054	30L-488.25	Hà Nội	7554	30L-490.99	Hà Nội	9054	30L-491.50	Hà Nội	10554	30L-489.02	Hà Nội
6055	30L-489.29	Hà Nội	7555	30L-491.59	Hà Nội	9055	30L-492.27	Hà Nội	10555	30L-490.80	Hà Nội
6056	30L-489.83	Hà Nội	7556	30L-491.86	Hà Nội	9056	30L-493.04	Hà Nội	10556	30L-491.93	Hà Nội
6057	30L-489.85	Hà Nội	7557	30L-492.18	Hà Nội	9057	30L-493.80	Hà Nội	10557	30L-492.64	Hà Nội
6058	30L-491.36	Hà Nội	7558	30L-492.46	Hà Nội	9058	30L-495.02	Hà Nội	10558	30L-492.91	Hà Nội
6059	30L-491.55	Hà Nội	7559	30L-493.56	Hà Nội	9059	30L-495.57	Hà Nội	10559	30L-493.43	Hà Nội
6060	30L-492.99	Hà Nội	7560	30L-493.83	Hà Nội	9060	30L-496.17	Hà Nội	10560	30L-494.84	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6061	30L-494.00	Hà Nội	7561	30L-493.85	Hà Nội	9061	30L-496.37	Hà Nội	10561	30L-495.01	Hà Nội
6062	30L-494.11	Hà Nội	7562	30L-494.29	Hà Nội	9062	30L-496.54	Hà Nội	10562	30L-495.12	Hà Nội
6063	30L-494.79	Hà Nội	7563	30L-496.15	Hà Nội	9063	30L-496.93	Hà Nội	10563	30L-495.46	Hà Nội
6064	30L-497.28	Hà Nội	7564	30L-497.12	Hà Nội	9064	30L-497.34	Hà Nội	10564	30L-495.50	Hà Nội
6065	30L-499.15	Hà Nội	7565	30L-498.26	Hà Nội	9065	30L-497.67	Hà Nội	10565	30L-497.17	Hà Nội
6066	30L-499.16	Hà Nội	7566	30L-500.16	Hà Nội	9066	30L-497.72	Hà Nội	10566	30L-498.05	Hà Nội
6067	30L-499.58	Hà Nội	7567	30L-501.79	Hà Nội	9067	30L-497.73	Hà Nội	10567	30L-498.62	Hà Nội
6068	30L-501.33	Hà Nội	7568	30L-502.06	Hà Nội	9068	30L-500.51	Hà Nội	10568	30L-498.81	Hà Nội
6069	30L-502.79	Hà Nội	7569	30L-502.20	Hà Nội	9069	30L-501.62	Hà Nội	10569	30L-499.53	Hà Nội
6070	30L-503.86	Hà Nội	7570	30L-502.28	Hà Nội	9070	30L-501.87	Hà Nội	10570	30L-501.60	Hà Nội
6071	30L-504.50	Hà Nội	7571	30L-502.29	Hà Nội	9071	30L-501.91	Hà Nội	10571	30L-502.24	Hà Nội
6072	30L-504.55	Hà Nội	7572	30L-502.69	Hà Nội	9072	30L-504.10	Hà Nội	10572	30L-503.12	Hà Nội
6073	30L-504.83	Hà Nội	7573	30L-503.08	Hà Nội	9073	30L-507.12	Hà Nội	10573	30L-503.51	Hà Nội
6074	30L-504.95	Hà Nội	7574	30L-503.58	Hà Nội	9074	30L-507.76	Hà Nội	10574	30L-503.63	Hà Nội
6075	30L-506.33	Hà Nội	7575	30L-503.66	Hà Nội	9075	30L-507.97	Hà Nội	10575	30L-503.84	Hà Nội
6076	30L-506.96	Hà Nội	7576	30L-503.79	Hà Nội	9076	30L-508.07	Hà Nội	10576	30L-504.32	Hà Nội
6077	30L-507.33	Hà Nội	7577	30L-504.04	Hà Nội	9077	30L-508.23	Hà Nội	10577	30L-504.45	Hà Nội
6078	30L-510.96	Hà Nội	7578	30L-504.25	Hà Nội	9078	30L-508.34	Hà Nội	10578	30L-504.52	Hà Nội
6079	30L-511.69	Hà Nội	7579	30L-505.19	Hà Nội	9079	30L-508.84	Hà Nội	10579	30L-504.76	Hà Nội
6080	30L-511.98	Hà Nội	7580	30L-506.05	Hà Nội	9080	30L-509.92	Hà Nội	10580	30L-505.32	Hà Nội
6081	30L-512.29	Hà Nội	7581	30L-507.95	Hà Nội	9081	30L-510.17	Hà Nội	10581	30L-506.01	Hà Nội
6082	30L-513.11	Hà Nội	7582	30L-509.88	Hà Nội	9082	30L-510.70	Hà Nội	10582	30L-506.97	Hà Nội
6083	30L-513.79	Hà Nội	7583	30L-513.56	Hà Nội	9083	30L-511.76	Hà Nội	10583	30L-508.53	Hà Nội
6084	30L-514.15	Hà Nội	7584	30L-514.00	Hà Nội	9084	30L-512.23	Hà Nội	10584	30L-508.87	Hà Nội
6085	30L-514.68	Hà Nội	7585	30L-514.35	Hà Nội	9085	30L-512.24	Hà Nội	10585	30L-509.01	Hà Nội
6086	30L-515.22	Hà Nội	7586	30L-514.36	Hà Nội	9086	30L-513.21	Hà Nội	10586	30L-509.51	Hà Nội
6087	30L-515.28	Hà Nội	7587	30L-514.66	Hà Nội	9087	30L-513.76	Hà Nội	10587	30L-510.27	Hà Nội
6088	30L-519.39	Hà Nội	7588	30L-515.43	Hà Nội	9088	30L-515.54	Hà Nội	10588	30L-510.49	Hà Nội
6089	30L-519.44	Hà Nội	7589	30L-515.76	Hà Nội	9089	30L-518.67	Hà Nội	10589	30L-510.71	Hà Nội
6090	30L-519.96	Hà Nội	7590	30L-516.98	Hà Nội	9090	30L-519.07	Hà Nội	10590	30L-510.84	Hà Nội
6091	30L-522.08	Hà Nội	7591	30L-517.16	Hà Nội	9091	30L-519.92	Hà Nội	10591	30L-511.54	Hà Nội
6092	30L-522.11	Hà Nội	7592	30L-517.33	Hà Nội	9092	30L-520.30	Hà Nội	10592	30L-511.93	Hà Nội
6093	30L-522.56	Hà Nội	7593	30L-518.29	Hà Nội	9093	30L-521.54	Hà Nội	10593	30L-512.72	Hà Nội
6094	30L-523.55	Hà Nội	7594	30L-518.58	Hà Nội	9094	30L-522.74	Hà Nội	10594	30L-513.34	Hà Nội
6095	30L-523.56	Hà Nội	7595	30L-518.79	Hà Nội	9095	30L-523.05	Hà Nội	10595	30L-514.63	Hà Nội
6096	30L-524.77	Hà Nội	7596	30L-519.25	Hà Nội	9096	30L-523.50	Hà Nội	10596	30L-515.20	Hà Nội
6097	30L-525.77	Hà Nội	7597	30L-520.25	Hà Nội	9097	30L-524.23	Hà Nội	10597	30L-515.34	Hà Nội
6098	30L-526.08	Hà Nội	7598	30L-520.39	Hà Nội	9098	30L-525.27	Hà Nội	10598	30L-517.13	Hà Nội
6099	30L-527.33	Hà Nội	7599	30L-522.39	Hà Nội	9099	30L-525.47	Hà Nội	10599	30L-517.61	Hà Nội
6100	30L-528.98	Hà Nội	7600	30L-523.00	Hà Nội	9100	30L-525.63	Hà Nội	10600	30L-518.63	Hà Nội
6101	30L-530.66	Hà Nội	7601	30L-524.98	Hà Nội	9101	30L-526.60	Hà Nội	10601	30L-519.71	Hà Nội
6102	30L-531.29	Hà Nội	7602	30L-525.88	Hà Nội	9102	30L-527.40	Hà Nội	10602	30L-520.17	Hà Nội
6103	30L-531.38	Hà Nội	7603	30L-526.00	Hà Nội	9103	30L-528.41	Hà Nội	10603	30L-520.48	Hà Nội
6104	30L-532.58	Hà Nội	7604	30L-526.03	Hà Nội	9104	30L-528.49	Hà Nội	10604	30L-520.60	Hà Nội
6105	30L-533.08	Hà Nội	7605	30L-526.16	Hà Nội	9105	30L-529.31	Hà Nội	10605	30L-521.04	Hà Nội
6106	30L-533.44	Hà Nội	7606	30L-526.35	Hà Nội	9106	30L-530.04	Hà Nội	10606	30L-521.07	Hà Nội
6107	30L-534.55	Hà Nội	7607	30L-527.11	Hà Nội	9107	30L-531.02	Hà Nội	10607	30L-521.24	Hà Nội
6108	30L-534.66	Hà Nội	7608	30L-527.35	Hà Nội	9108	30L-531.63	Hà Nội	10608	30L-522.60	Hà Nội
6109	30L-534.98	Hà Nội	7609	30L-527.68	Hà Nội	9109	30L-531.70	Hà Nội	10609	30L-522.67	Hà Nội
6110	30L-535.33	Hà Nội	7610	30L-529.15	Hà Nội	9110	30L-532.27	Hà Nội	10610	30L-524.05	Hà Nội
6111	30L-536.69	Hà Nội	7611	30L-529.68	Hà Nội	9111	30L-534.21	Hà Nội	10611	30L-524.14	Hà Nội
6112	30L-537.86	Hà Nội	7612	30L-529.83	Hà Nội	9112	30L-534.60	Hà Nội	10612	30L-525.62	Hà Nội
6113	30L-537.96	Hà Nội	7613	30L-530.28	Hà Nội	9113	30L-534.61	Hà Nội	10613	30L-525.97	Hà Nội
6114	30L-538.68	Hà Nội	7614	30L-532.26	Hà Nội	9114	30L-534.78	Hà Nội	10614	30L-526.93	Hà Nội
6115	30L-539.00	Hà Nội	7615	30L-532.28	Hà Nội	9115	30L-534.97	Hà Nội	10615	30L-527.60	Hà Nội
6116	30L-541.66	Hà Nội	7616	30L-532.81	Hà Nội	9116	30L-537.02	Hà Nội	10616	30L-528.90	Hà Nội
6117	30L-541.79	Hà Nội	7617	30L-533.68	Hà Nội	9117	30L-539.27	Hà Nội	10617	30L-529.01	Hà Nội
6118	30L-542.06	Hà Nội	7618	30L-533.97	Hà Nội	9118	30L-540.31	Hà Nội	10618	30L-529.14	Hà Nội
6119	30L-545.11	Hà Nội	7619	30L-534.29	Hà Nội	9119	30L-541.05	Hà Nội	10619	30L-529.45	Hà Nội
6120	12A-251.52	Lạng Sơn	7620	30L-534.53	Hà Nội	9120	30L-541.64	Hà Nội	10620	30L-531.78	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6121	12A-251.83	Lạng Sơn	7621	30L-535.06	Hà Nội	9121	30L-542.03	Hà Nội	10621	30L-532.01	Hà Nội
6122	12A-251.85	Lạng Sơn	7622	30L-535.38	Hà Nội	9122	30L-543.01	Hà Nội	10622	30L-532.57	Hà Nội
6123	12A-252.08	Lạng Sơn	7623	30L-536.11	Hà Nội	9123	30L-543.52	Hà Nội	10623	30L-533.10	Hà Nội
6124	14A-914.15	Quảng Ninh	7624	30L-536.57	Hà Nội	9124	30L-543.53	Hà Nội	10624	30L-533.24	Hà Nội
6125	14A-915.33	Quảng Ninh	7625	30L-537.20	Hà Nội	9125	30L-544.48	Hà Nội	10625	30L-533.32	Hà Nội
6126	14A-915.83	Quảng Ninh	7626	30L-539.59	Hà Nội	9126	30L-547.30	Hà Nội	10626	30L-533.73	Hà Nội
6127	14A-920.88	Quảng Ninh	7627	30L-540.45	Hà Nội	9127	12A-252.04	Lạng Sơn	10627	30L-534.70	Hà Nội
6128	14A-920.95	Quảng Ninh	7628	30L-540.89	Hà Nội	9128	12A-252.32	Lạng Sơn	10628	30L-535.49	Hà Nội
6129	14A-922.26	Quảng Ninh	7629	30L-541.26	Hà Nội	9129	12D-004.48	Lạng Sơn	10629	30L-535.74	Hà Nội
6130	14A-923.06	Quảng Ninh	7630	30L-541.38	Hà Nội	9130	14A-913.46	Quảng Ninh	10630	30L-535.91	Hà Nội
6131	14A-923.08	Quảng Ninh	7631	30L-541.69	Hà Nội	9131	14A-913.50	Quảng Ninh	10631	30L-536.70	Hà Nội
6132	14A-923.56	Quảng Ninh	7632	30L-542.08	Hà Nội	9132	14A-913.78	Quảng Ninh	10632	30L-536.74	Hà Nội
6133	14A-925.83	Quảng Ninh	7633	30L-543.85	Hà Nội	9133	14A-914.13	Quảng Ninh	10633	30L-537.63	Hà Nội
6134	14A-925.95	Quảng Ninh	7634	30L-545.36	Hà Nội	9134	14A-914.27	Quảng Ninh	10634	30L-537.92	Hà Nội
6135	14A-926.11	Quảng Ninh	7635	30L-546.06	Hà Nội	9135	14A-914.48	Quảng Ninh	10635	30L-540.12	Hà Nội
6136	14A-926.62	Quảng Ninh	7636	12A-251.79	Lạng Sơn	9136	14A-914.50	Quảng Ninh	10636	30L-540.78	Hà Nội
6137	14A-927.11	Quảng Ninh	7637	12A-252.14	Lạng Sơn	9137	14A-916.10	Quảng Ninh	10637	30L-541.62	Hà Nội
6138	14A-927.29	Quảng Ninh	7638	12A-252.15	Lạng Sơn	9138	14A-917.64	Quảng Ninh	10638	30L-541.92	Hà Nội
6139	14A-929.15	Quảng Ninh	7639	12C-136.58	Lạng Sơn	9139	14A-919.47	Quảng Ninh	10639	30L-543.17	Hà Nội
6140	15K-306.22	Hải Phòng	7640	14A-913.91	Quảng Ninh	9140	14A-921.87	Quảng Ninh	10640	30L-543.23	Hà Nội
6141	15K-306.36	Hải Phòng	7641	14A-914.88	Quảng Ninh	9141	14A-923.78	Quảng Ninh	10641	30L-544.21	Hà Nội
6142	15K-306.83	Hải Phòng	7642	14A-915.18	Quảng Ninh	9142	14A-924.17	Quảng Ninh	10642	30L-545.49	Hà Nội
6143	15K-308.85	Hải Phòng	7643	14A-917.06	Quảng Ninh	9143	14A-924.49	Quảng Ninh	10643	30L-545.57	Hà Nội
6144	15K-309.09	Hải Phòng	7644	14A-917.28	Quảng Ninh	9144	14A-925.48	Quảng Ninh	10644	30L-545.81	Hà Nội
6145	15K-310.56	Hải Phòng	7645	14A-917.44	Quảng Ninh	9145	14A-926.75	Quảng Ninh	10645	30L-546.49	Hà Nội
6146	15K-311.79	Hải Phòng	7646	14A-918.39	Quảng Ninh	9146	14A-927.41	Quảng Ninh	10646	30L-546.92	Hà Nội
6147	15K-311.98	Hải Phòng	7647	14A-918.55	Quảng Ninh	9147	14A-928.01	Quảng Ninh	10647	30L-547.12	Hà Nội
6148	15K-313.14	Hải Phòng	7648	14A-919.59	Quảng Ninh	9148	14A-928.51	Quảng Ninh	10648	12A-251.61	Lạng Sơn
6149	15K-313.96	Hải Phòng	7649	14A-920.29	Quảng Ninh	9149	14A-929.51	Quảng Ninh	10649	12C-136.64	Lạng Sơn
6150	15K-315.51	Hải Phòng	7650	14A-920.61	Quảng Ninh	9150	14A-929.61	Quảng Ninh	10650	14A-913.81	Quảng Ninh
6151	15K-315.59	Hải Phòng	7651	14A-920.86	Quảng Ninh	9151	14A-930.01	Quảng Ninh	10651	14A-913.92	Quảng Ninh
6152	15K-315.88	Hải Phòng	7652	14A-921.00	Quảng Ninh	9152	15K-305.60	Hải Phòng	10652	14A-914.46	Quảng Ninh
6153	15K-316.26	Hải Phòng	7653	14A-921.89	Quảng Ninh	9153	15K-307.80	Hải Phòng	10653	14A-914.49	Quảng Ninh
6154	15K-319.33	Hải Phòng	7654	14A-921.95	Quảng Ninh	9154	15K-308.27	Hải Phòng	10654	14A-914.51	Quảng Ninh
6155	15K-321.32	Hải Phòng	7655	14A-924.42	Quảng Ninh	9155	15K-308.63	Hải Phòng	10655	14A-914.61	Quảng Ninh
6156	15K-322.89	Hải Phòng	7656	14A-927.72	Quảng Ninh	9156	15K-308.91	Hải Phòng	10656	14A-914.72	Quảng Ninh
6157	15K-323.11	Hải Phòng	7657	14A-927.91	Quảng Ninh	9157	15K-309.10	Hải Phòng	10657	14A-914.74	Quảng Ninh
6158	15K-323.28	Hải Phòng	7658	14A-928.38	Quảng Ninh	9158	15K-309.37	Hải Phòng	10658	14A-915.37	Quảng Ninh
6159	15K-323.44	Hải Phòng	7659	14A-928.96	Quảng Ninh	9159	15K-310.48	Hải Phòng	10659	14A-915.81	Quảng Ninh
6160	15K-325.39	Hải Phòng	7660	14A-929.16	Quảng Ninh	9160	15K-310.57	Hải Phòng	10660	14A-916.24	Quảng Ninh
6161	15K-326.98	Hải Phòng	7661	14A-929.85	Quảng Ninh	9161	15K-312.04	Hải Phòng	10661	14A-916.47	Quảng Ninh
6162	15K-327.86	Hải Phòng	7662	14A-930.31	Quảng Ninh	9162	15K-313.17	Hải Phòng	10662	14A-916.67	Quảng Ninh
6163	15K-328.98	Hải Phòng	7663	15K-306.55	Hải Phòng	9163	15K-314.24	Hải Phòng	10663	14A-917.30	Quảng Ninh
6164	15K-329.11	Hải Phòng	7664	15K-307.25	Hải Phòng	9164	15K-316.45	Hải Phòng	10664	14A-917.50	Quảng Ninh
6165	15K-331.18	Hải Phòng	7665	15K-307.69	Hải Phòng	9165	15K-316.49	Hải Phòng	10665	14A-917.53	Quảng Ninh
6166	15K-331.22	Hải Phòng	7666	15K-310.06	Hải Phòng	9166	15K-316.53	Hải Phòng	10666	14A-918.57	Quảng Ninh
6167	15K-331.55	Hải Phòng	7667	15K-312.66	Hải Phòng	9167	15K-316.76	Hải Phòng	10667	14A-918.70	Quảng Ninh
6168	15K-332.65	Hải Phòng	7668	15K-312.79	Hải Phòng	9168	15K-317.92	Hải Phòng	10668	14A-919.94	Quảng Ninh
6169	15K-333.14	Hải Phòng	7669	15K-313.38	Hải Phòng	9169	15K-319.43	Hải Phòng	10669	14A-920.24	Quảng Ninh
6170	15K-335.19	Hải Phòng	7670	15K-313.79	Hải Phòng	9170	15K-319.70	Hải Phòng	10670	14A-920.30	Quảng Ninh
6171	15K-335.53	Hải Phòng	7671	15K-314.16	Hải Phòng	9171	15K-320.61	Hải Phòng	10671	14A-920.67	Quảng Ninh
6172	15K-335.65	Hải Phòng	7672	15K-316.39	Hải Phòng	9172	15K-321.05	Hải Phòng	10672	14A-921.30	Quảng Ninh
6173	17A-466.36	Thái Bình	7673	15K-318.44	Hải Phòng	9173	15K-321.27	Hải Phòng	10673	14A-921.51	Quảng Ninh
6174	17A-466.39	Thái Bình	7674	15K-318.66	Hải Phòng	9174	15K-321.47	Hải Phòng	10674	14A-921.61	Quảng Ninh
6175	17A-466.79	Thái Bình	7675	15K-320.28	Hải Phòng	9175	15K-321.54	Hải Phòng	10675	14A-921.75	Quảng Ninh
6176	17A-468.08	Thái Bình	7676	15K-321.33	Hải Phòng	9176	15K-321.70	Hải Phòng	10676	14A-922.94	Quảng Ninh
6177	18A-457.95	Nam Định	7677	15K-323.60	Hải Phòng	9177	15K-322.03	Hải Phòng	10677	14A-923.10	Quảng Ninh
6178	18A-458.58	Nam Định	7678	15K-323.96	Hải Phòng	9178	15K-322.37	Hải Phòng	10678	14A-923.43	Quảng Ninh
6179	18A-458.89	Nam Định	7679	15K-325.86	Hải Phòng	9179	15K-323.03	Hải Phòng	10679	14A-923.63	Quảng Ninh
6180	18A-459.65	Nam Định	7680	15K-326.96	Hải Phòng	9180	15K-323.57	Hải Phòng	10680	14A-925.62	Quảng Ninh

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6181	18A-460.39	Nam Định	7681	15K-328.22	Hải Phòng	9181	15K-323.63	Hải Phòng	10681	14A-926.07	Quảng Ninh
6182	18A-460.58	Nam Định	7682	15K-328.69	Hải Phòng	9182	15K-323.71	Hải Phòng	10682	14A-926.37	Quảng Ninh
6183	18A-460.64	Nam Định	7683	15K-329.19	Hải Phòng	9183	15K-323.74	Hải Phòng	10683	14A-926.94	Quảng Ninh
6184	18A-461.39	Nam Định	7684	15K-329.58	Hải Phòng	9184	15K-324.03	Hải Phòng	10684	14A-927.02	Quảng Ninh
6185	18A-461.59	Nam Định	7685	15K-334.58	Hải Phòng	9185	15K-324.07	Hải Phòng	10685	14A-927.82	Quảng Ninh
6186	18A-462.16	Nam Định	7686	15K-334.99	Hải Phòng	9186	15K-326.30	Hải Phòng	10686	14A-928.14	Quảng Ninh
6187	18A-462.36	Nam Định	7687	17A-465.77	Thái Bình	9187	15K-326.34	Hải Phòng	10687	14A-928.21	Quảng Ninh
6188	18A-462.83	Nam Định	7688	17A-466.19	Thái Bình	9188	15K-326.73	Hải Phòng	10688	14A-928.67	Quảng Ninh
6189	18A-462.99	Nam Định	7689	17A-467.26	Thái Bình	9189	15K-327.46	Hải Phòng	10689	14A-928.80	Quảng Ninh
6190	18A-463.69	Nam Định	7690	17A-467.56	Thái Bình	9190	15K-328.17	Hải Phòng	10690	14A-929.40	Quảng Ninh
6191	18A-464.06	Nam Định	7691	17A-468.19	Thái Bình	9191	15K-328.37	Hải Phòng	10691	14A-930.21	Quảng Ninh
6192	18A-464.35	Nam Định	7692	17A-468.39	Thái Bình	9192	15K-328.62	Hải Phòng	10692	15K-306.49	Hải Phòng
6193	18A-465.36	Nam Định	7693	18A-457.28	Nam Định	9193	15K-329.07	Hải Phòng	10693	15K-307.61	Hải Phòng
6194	18A-466.35	Nam Định	7694	18A-458.26	Nam Định	9194	15K-329.41	Hải Phòng	10694	15K-308.14	Hải Phòng
6195	18A-467.19	Nam Định	7695	18A-459.28	Nam Định	9195	15K-329.51	Hải Phòng	10695	15K-308.74	Hải Phòng
6196	18D-011.56	Nam Định	7696	18A-459.29	Nam Định	9196	15K-329.87	Hải Phòng	10696	15K-309.14	Hải Phòng
6197	19A-653.00	Phú Thọ	7697	18A-460.55	Nam Định	9197	15K-331.01	Hải Phòng	10697	15K-310.30	Hải Phòng
6198	19A-653.38	Phú Thọ	7698	18A-461.35	Nam Định	9198	15K-331.91	Hải Phòng	10698	15K-310.52	Hải Phòng
6199	19A-653.88	Phú Thọ	7699	18A-461.64	Nam Định	9199	15K-332.93	Hải Phòng	10699	15K-310.67	Hải Phòng
6200	19A-654.33	Phú Thọ	7700	18A-462.15	Nam Định	9200	15K-333.10	Hải Phòng	10700	15K-311.01	Hải Phòng
6201	19A-654.54	Phú Thọ	7701	18A-462.38	Nam Định	9201	15K-335.04	Hải Phòng	10701	15K-311.63	Hải Phòng
6202	19A-655.36	Phú Thọ	7702	18A-462.58	Nam Định	9202	15K-335.94	Hải Phòng	10702	15K-311.80	Hải Phòng
6203	19A-655.66	Phú Thọ	7703	18A-463.61	Nam Định	9203	17A-465.74	Thái Bình	10703	15K-312.82	Hải Phòng
6204	19A-656.38	Phú Thọ	7704	18A-465.79	Nam Định	9204	17A-465.97	Thái Bình	10704	15K-314.03	Hải Phòng
6205	19A-657.79	Phú Thọ	7705	18A-466.00	Nam Định	9205	17A-466.12	Thái Bình	10705	15K-314.27	Hải Phòng
6206	19A-659.09	Phú Thọ	7706	18A-466.22	Nam Định	9206	17A-466.70	Thái Bình	10706	15K-316.93	Hải Phòng
6207	19A-659.55	Phú Thọ	7707	18A-466.44	Nam Định	9207	17A-467.27	Thái Bình	10707	15K-317.03	Hải Phòng
6208	19A-659.65	Phú Thọ	7708	18A-466.85	Nam Định	9208	17A-468.05	Thái Bình	10708	15K-317.91	Hải Phòng
6209	19A-660.95	Phú Thọ	7709	18A-467.06	Nam Định	9209	17A-468.48	Thái Bình	10709	15K-319.41	Hải Phòng
6210	19A-661.95	Phú Thọ	7710	18A-467.08	Nam Định	9210	17A-468.52	Thái Bình	10710	15K-319.57	Hải Phòng
6211	19A-662.16	Phú Thọ	7711	18D-011.09	Nam Định	9211	18A-457.05	Nam Định	10711	15K-320.78	Hải Phòng
6212	19A-662.26	Phú Thọ	7712	18D-011.22	Nam Định	9212	18A-457.13	Nam Định	10712	15K-321.40	Hải Phòng
6213	19A-662.59	Phú Thọ	7713	19A-654.16	Phú Thọ	9213	18A-458.13	Nam Định	10713	15K-322.13	Hải Phòng
6214	19A-662.69	Phú Thọ	7714	19A-655.06	Phú Thọ	9214	18A-459.02	Nam Định	10714	15K-322.62	Hải Phòng
6215	19A-662.98	Phú Thọ	7715	19A-655.65	Phú Thọ	9215	18A-459.13	Nam Định	10715	15K-322.91	Hải Phòng
6216	19A-663.15	Phú Thọ	7716	19A-656.05	Phú Thọ	9216	18A-459.32	Nam Định	10716	15K-323.21	Hải Phòng
6217	19A-663.16	Phú Thọ	7717	19A-656.07	Phú Thọ	9217	18A-459.75	Nam Định	10717	15K-323.34	Hải Phòng
6218	19A-663.63	Phú Thọ	7718	19A-656.85	Phú Thọ	9218	18A-460.13	Nam Định	10718	15K-324.10	Hải Phòng
6219	19A-663.99	Phú Thọ	7719	19A-658.25	Phú Thọ	9219	18A-461.04	Nam Định	10719	15K-324.13	Hải Phòng
6220	19A-664.55	Phú Thọ	7720	19A-658.83	Phú Thọ	9220	18A-461.14	Nam Định	10720	15K-324.52	Hải Phòng
6221	19A-664.69	Phú Thọ	7721	19A-659.18	Phú Thọ	9221	18A-461.43	Nam Định	10721	15K-325.49	Hải Phòng
6222	19A-664.86	Phú Thọ	7722	19A-659.68	Phú Thọ	9222	18A-461.71	Nam Định	10722	15K-325.57	Hải Phòng
6223	19A-664.98	Phú Thọ	7723	19A-660.18	Phú Thọ	9223	18A-462.04	Nam Định	10723	15K-326.37	Hải Phòng
6224	19A-665.06	Phú Thọ	7724	19A-660.22	Phú Thọ	9224	18A-462.70	Nam Định	10724	15K-328.12	Hải Phòng
6225	19A-666.27	Phú Thọ	7725	19A-661.66	Phú Thọ	9225	18A-462.91	Nam Định	10725	15K-328.45	Hải Phòng
6226	19A-667.33	Phú Thọ	7726	19A-662.22	Phú Thọ	9226	18A-463.17	Nam Định	10726	15K-328.74	Hải Phòng
6227	19A-668.77	Phú Thọ	7727	19A-663.93	Phú Thọ	9227	18A-464.43	Nam Định	10727	15K-328.81	Hải Phòng
6228	19A-670.18	Phú Thọ	7728	19A-664.06	Phú Thọ	9228	18A-464.45	Nam Định	10728	15K-329.14	Hải Phòng
6229	19A-670.44	Phú Thọ	7729	19A-665.18	Phú Thọ	9229	18A-465.54	Nam Định	10729	15K-329.62	Hải Phòng
6230	19A-671.26	Phú Thọ	7730	19A-665.26	Phú Thọ	9230	18A-465.73	Nam Định	10730	15K-330.20	Hải Phòng
6231	19C-246.29	Phú Thọ	7731	19A-665.57	Phú Thọ	9231	18A-466.04	Nam Định	10731	15K-330.54	Hải Phòng
6232	19C-246.85	Phú Thọ	7732	19A-667.08	Phú Thọ	9232	18A-467.14	Nam Định	10732	15K-330.84	Hải Phòng
6233	19C-246.89	Phú Thọ	7733	19A-668.29	Phú Thọ	9233	18C-166.49	Nam Định	10733	15K-331.49	Hải Phòng
6234	19C-246.98	Phú Thọ	7734	19A-670.69	Phú Thọ	9234	18D-011.41	Nam Định	10734	15K-331.75	Hải Phòng
6235	19C-247.16	Phú Thọ	7735	19A-670.79	Phú Thọ	9235	18D-011.51	Nam Định	10735	15K-332.76	Hải Phòng
6236	19C-248.59	Phú Thọ	7736	19A-670.89	Phú Thọ	9236	19A-652.94	Phú Thọ	10736	15K-333.52	Hải Phòng
6237	19C-248.83	Phú Thọ	7737	19C-246.22	Phú Thọ	9237	19A-653.75	Phú Thọ	10737	15K-333.70	Hải Phòng
6238	20A-786.58	Thái Nguyên	7738	20A-784.56	Thái Nguyên	9238	19A-655.10	Phú Thọ	10738	15K-333.74	Hải Phòng
6239	20A-788.59	Thái Nguyên	7739	20A-785.22	Thái Nguyên	9239	19A-655.27	Phú Thọ	10739	15K-334.23	Hải Phòng
6240	20A-789.66	Thái Nguyên	7740	20A-787.18	Thái Nguyên	9240	19A-655.61	Phú Thọ	10740	15K-335.31	Hải Phòng

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6241	20A-790.66	Thái Nguyên	7741	20A-790.06	Thái Nguyên	9241	19A-655.84	Phú Thọ	10741	15K-335.41	Hải Phòng
6242	20A-791.44	Thái Nguyên	7742	20A-791.09	Thái Nguyên	9242	19A-656.90	Phú Thọ	10742	15K-335.90	Hải Phòng
6243	20A-792.11	Thái Nguyên	7743	20A-791.38	Thái Nguyên	9243	19A-657.02	Phú Thọ	10743	15K-336.31	Hải Phòng
6244	20A-792.15	Thái Nguyên	7744	20A-792.03	Thái Nguyên	9244	19A-658.23	Phú Thọ	10744	17A-466.52	Thái Bình
6245	20A-792.59	Thái Nguyên	7745	20A-792.65	Thái Nguyên	9245	19A-658.30	Phú Thọ	10745	17A-467.01	Thái Bình
6246	20A-794.49	Thái Nguyên	7746	20A-792.74	Thái Nguyên	9246	19A-659.46	Phú Thọ	10746	17A-467.41	Thái Bình
6247	20A-795.22	Thái Nguyên	7747	20A-793.22	Thái Nguyên	9247	19A-660.07	Phú Thọ	10747	17A-467.80	Thái Bình
6248	20A-795.66	Thái Nguyên	7748	20A-794.12	Thái Nguyên	9248	19A-662.21	Phú Thọ	10748	17A-468.23	Thái Bình
6249	20A-797.16	Thái Nguyên	7749	20A-794.29	Thái Nguyên	9249	19A-662.67	Phú Thọ	10749	17A-468.49	Thái Bình
6250	20A-798.58	Thái Nguyên	7750	20A-795.19	Thái Nguyên	9250	19A-662.70	Phú Thọ	10750	18A-457.03	Nam Định
6251	20A-800.56	Thái Nguyên	7751	20A-796.26	Thái Nguyên	9251	19A-664.60	Phú Thọ	10751	18A-457.48	Nam Định
6252	20A-800.58	Thái Nguyên	7752	20A-796.79	Thái Nguyên	9252	19A-664.61	Phú Thọ	10752	18A-458.04	Nam Định
6253	20A-800.66	Thái Nguyên	7753	20A-797.66	Thái Nguyên	9253	19A-665.71	Phú Thọ	10753	18A-459.03	Nam Định
6254	20A-801.96	Thái Nguyên	7754	20A-799.09	Thái Nguyên	9254	19A-665.94	Phú Thọ	10754	18A-459.10	Nam Định
6255	20A-802.29	Thái Nguyên	7755	20A-799.22	Thái Nguyên	9255	19A-667.21	Phú Thọ	10755	18A-460.03	Nam Định
6256	20A-803.99	Thái Nguyên	7756	20A-800.26	Thái Nguyên	9256	19A-667.45	Phú Thọ	10756	18A-460.24	Nam Định
6257	20A-804.04	Thái Nguyên	7757	20A-802.20	Thái Nguyên	9257	19A-668.42	Phú Thọ	10757	18A-461.40	Nam Định
6258	20A-804.80	Thái Nguyên	7758	20A-802.22	Thái Nguyên	9258	19A-669.49	Phú Thọ	10758	18A-461.57	Nam Định
6259	20A-804.85	Thái Nguyên	7759	20A-802.88	Thái Nguyên	9259	19A-669.60	Phú Thọ	10759	18A-461.81	Nam Định
6260	20A-805.98	Thái Nguyên	7760	20A-804.11	Thái Nguyên	9260	19A-670.23	Phú Thọ	10760	18A-462.24	Nam Định
6261	20A-806.06	Thái Nguyên	7761	20A-804.67	Thái Nguyên	9261	19A-670.48	Phú Thọ	10761	18A-462.42	Nam Định
6262	20A-808.00	Thái Nguyên	7762	20A-805.25	Thái Nguyên	9262	19A-670.73	Phú Thọ	10762	18A-462.67	Nam Định
6263	20A-808.29	Thái Nguyên	7763	20A-805.41	Thái Nguyên	9263	19A-670.90	Phú Thọ	10763	18A-462.80	Nam Định
6264	20A-808.38	Thái Nguyên	7764	20A-807.46	Thái Nguyên	9264	19C-246.41	Phú Thọ	10764	18A-463.02	Nam Định
6265	20C-289.11	Thái Nguyên	7765	20A-808.98	Thái Nguyên	9265	19D-012.67	Phú Thọ	10765	18A-463.43	Nam Định
6266	20C-290.56	Thái Nguyên	7766	20A-809.16	Thái Nguyên	9266	20A-791.57	Thái Nguyên	10766	18A-463.76	Nam Định
6267	20C-291.15	Thái Nguyên	7767	20A-809.89	Thái Nguyên	9267	20A-791.62	Thái Nguyên	10767	18A-465.14	Nam Định
6268	20C-291.58	Thái Nguyên	7768	20A-810.26	Thái Nguyên	9268	20A-793.46	Thái Nguyên	10768	18A-465.37	Nam Định
6269	20C-293.36	Thái Nguyên	7769	20A-810.58	Thái Nguyên	9269	20A-794.23	Thái Nguyên	10769	18A-466.20	Nam Định
6270	20C-293.88	Thái Nguyên	7770	20A-810.85	Thái Nguyên	9270	20A-794.45	Thái Nguyên	10770	18D-011.30	Nam Định
6271	20C-294.16	Thái Nguyên	7771	20A-811.29	Thái Nguyên	9271	20A-794.53	Thái Nguyên	10771	19A-654.12	Phú Thọ
6272	20C-294.29	Thái Nguyên	7772	20C-287.87	Thái Nguyên	9272	20A-794.80	Thái Nguyên	10772	19A-654.13	Phú Thọ
6273	20C-294.58	Thái Nguyên	7773	20C-290.58	Thái Nguyên	9273	20A-794.93	Thái Nguyên	10773	19A-654.75	Phú Thọ
6274	20C-295.88	Thái Nguyên	7774	20C-291.96	Thái Nguyên	9274	20A-795.20	Thái Nguyên	10774	19A-654.81	Phú Thọ
6275	21A-208.80	Yên Bái	7775	20C-292.04	Thái Nguyên	9275	20A-795.46	Thái Nguyên	10775	19A-655.23	Phú Thọ
6276	21A-209.85	Yên Bái	7776	20C-292.68	Thái Nguyên	9276	20A-796.02	Thái Nguyên	10776	19A-656.03	Phú Thọ
6277	21C-102.02	Yên Bái	7777	20C-292.77	Thái Nguyên	9277	20A-796.14	Thái Nguyên	10777	19A-656.20	Phú Thọ
6278	21C-102.55	Yên Bái	7778	20C-294.35	Thái Nguyên	9278	20A-797.01	Thái Nguyên	10778	19A-656.74	Phú Thọ
6279	21C-103.06	Yên Bái	7779	20C-295.26	Thái Nguyên	9279	20A-797.40	Thái Nguyên	10779	19A-657.37	Phú Thọ
6280	21C-104.04	Yên Bái	7780	20C-295.35	Thái Nguyên	9280	20A-799.07	Thái Nguyên	10780	19A-657.40	Phú Thọ
6281	21C-104.08	Yên Bái	7781	20C-295.45	Thái Nguyên	9281	20A-800.12	Thái Nguyên	10781	19A-657.81	Phú Thọ
6282	21C-104.26	Yên Bái	7782	20C-295.79	Thái Nguyên	9282	20A-800.75	Thái Nguyên	10782	19A-658.02	Phú Thọ
6283	21C-105.89	Yên Bái	7783	20C-296.06	Thái Nguyên	9283	20A-801.41	Thái Nguyên	10783	19A-658.47	Phú Thọ
6284	22A-250.50	Tuyên Quang	7784	21A-206.68	Yên Bái	9284	20A-802.57	Thái Nguyên	10784	19A-658.84	Phú Thọ
6285	22A-250.65	Tuyên Quang	7785	21A-207.70	Yên Bái	9285	20A-804.57	Thái Nguyên	10785	19A-659.43	Phú Thọ
6286	22A-250.86	Tuyên Quang	7786	21A-207.95	Yên Bái	9286	20A-804.82	Thái Nguyên	10786	19A-659.84	Phú Thọ
6287	22A-251.35	Tuyên Quang	7787	21A-209.26	Yên Bái	9287	20A-804.84	Thái Nguyên	10787	19A-659.90	Phú Thọ
6288	22A-251.55	Tuyên Quang	7788	21A-209.29	Yên Bái	9288	20A-806.64	Thái Nguyên	10788	19A-660.94	Phú Thọ
6289	22A-253.54	Tuyên Quang	7789	21C-102.20	Yên Bái	9289	20A-807.62	Thái Nguyên	10789	19A-661.73	Phú Thọ
6290	22A-253.58	Tuyên Quang	7790	21C-105.59	Yên Bái	9290	20A-807.72	Thái Nguyên	10790	19A-662.47	Phú Thọ
6291	22A-253.83	Tuyên Quang	7791	21C-105.66	Yên Bái	9291	20A-808.05	Thái Nguyên	10791	19A-662.93	Phú Thọ
6292	22A-253.96	Tuyên Quang	7792	21C-106.00	Yên Bái	9292	20A-808.81	Thái Nguyên	10792	19A-663.53	Phú Thọ
6293	22A-255.18	Tuyên Quang	7793	21C-108.08	Yên Bái	9293	20A-810.41	Thái Nguyên	10793	19A-663.92	Phú Thọ
6294	22C-106.22	Tuyên Quang	7794	22A-251.16	Tuyên Quang	9294	20A-811.23	Thái Nguyên	10794	19A-666.51	Phú Thọ
6295	22C-106.56	Tuyên Quang	7795	22A-252.26	Tuyên Quang	9295	20C-291.34	Thái Nguyên	10795	19A-668.10	Phú Thọ
6296	22C-107.09	Tuyên Quang	7796	22A-253.86	Tuyên Quang	9296	20C-291.64	Thái Nguyên	10796	19A-668.32	Phú Thọ
6297	22C-109.26	Tuyên Quang	7797	22A-254.06	Tuyên Quang	9297	20C-294.30	Thái Nguyên	10797	19A-670.20	Phú Thọ
6298	22D-006.60	Tuyên Quang	7798	22A-254.35	Tuyên Quang	9298	20C-295.01	Thái Nguyên	10798	19A-670.51	Phú Thọ
6299	23C-082.18	Hà Giang	7799	22A-254.68	Tuyên Quang	9299	21A-207.51	Yên Bái	10799	19A-670.75	Phú Thọ
6300	23C-084.11	Hà Giang	7800	22A-255.44	Tuyên Quang	9300	21A-207.84	Yên Bái	10800	19C-247.78	Phú Thọ

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6301	23C-085.69	Hà Giang	7801	22A-255.83	Tuyên Quang	9301	21A-208.30	Yên Bái	10801	20A-791.45	Thái Nguyên
6302	24A-290.77	Lào Cai	7802	22C-107.00	Tuyên Quang	9302	21A-208.92	Yên Bái	10802	20A-791.70	Thái Nguyên
6303	24A-292.09	Lào Cai	7803	22C-108.77	Tuyên Quang	9303	21A-210.75	Yên Bái	10803	20A-791.90	Thái Nguyên
6304	24A-292.58	Lào Cai	7804	22C-108.85	Tuyên Quang	9304	21D-003.67	Yên Bái	10804	20A-792.04	Thái Nguyên
6305	24A-293.56	Lào Cai	7805	22C-109.38	Tuyên Quang	9305	22A-250.41	Tuyên Quang	10805	20A-792.48	Thái Nguyên
6306	24A-294.22	Lào Cai	7806	22D-006.66	Tuyên Quang	9306	22A-250.45	Tuyên Quang	10806	20A-792.75	Thái Nguyên
6307	24A-295.36	Lào Cai	7807	23C-086.69	Hà Giang	9307	22A-250.71	Tuyên Quang	10807	20A-792.78	Thái Nguyên
6308	24A-297.68	Lào Cai	7808	23D-004.26	Hà Giang	9308	22A-250.82	Tuyên Quang	10808	20A-793.92	Thái Nguyên
6309	24A-298.06	Lào Cai	7809	24A-291.85	Lào Cai	9309	22A-254.50	Tuyên Quang	10809	20A-794.30	Thái Nguyên
6310	24A-298.68	Lào Cai	7810	24A-292.77	Lào Cai	9310	22C-108.07	Tuyên Quang	10810	20A-794.48	Thái Nguyên
6311	24A-298.69	Lào Cai	7811	24A-293.86	Lào Cai	9311	22C-108.27	Tuyên Quang	10811	20A-795.81	Thái Nguyên
6312	24A-299.36	Lào Cai	7812	24A-293.99	Lào Cai	9312	22C-109.41	Tuyên Quang	10812	20A-796.07	Thái Nguyên
6313	24A-300.35	Lào Cai	7813	24A-294.33	Lào Cai	9313	22D-006.67	Tuyên Quang	10813	20A-798.94	Thái Nguyên
6314	24A-300.85	Lào Cai	7814	24A-294.56	Lào Cai	9314	23C-086.45	Hà Giang	10814	20A-799.63	Thái Nguyên
6315	24A-301.18	Lào Cai	7815	24A-294.59	Lào Cai	9315	24A-301.14	Lào Cai	10815	20A-800.51	Thái Nguyên
6316	24A-304.00	Lào Cai	7816	24A-297.97	Lào Cai	9316	24A-302.10	Lào Cai	10816	20A-801.34	Thái Nguyên
6317	24C-155.77	Lào Cai	7817	24A-299.11	Lào Cai	9317	24A-302.61	Lào Cai	10817	20A-803.43	Thái Nguyên
6318	24C-155.79	Lào Cai	7818	24A-300.29	Lào Cai	9318	24A-303.23	Lào Cai	10818	20A-804.32	Thái Nguyên
6319	26A-218.28	Sơn La	7819	24A-301.33	Lào Cai	9319	24A-303.63	Lào Cai	10819	20A-807.23	Thái Nguyên
6320	26A-218.35	Sơn La	7820	24A-303.17	Lào Cai	9320	24A-303.87	Lào Cai	10820	20A-808.61	Thái Nguyên
6321	26A-219.98	Sơn La	7821	24A-303.26	Lào Cai	9321	24A-303.91	Lào Cai	10821	20A-809.02	Thái Nguyên
6322	26A-220.18	Sơn La	7822	24A-303.66	Lào Cai	9322	24C-155.57	Lào Cai	10822	20A-809.27	Thái Nguyên
6323	26A-221.29	Sơn La	7823	24D-006.22	Lào Cai	9323	24C-156.40	Lào Cai	10823	20C-290.03	Thái Nguyên
6324	26A-222.56	Sơn La	7824	26A-218.21	Sơn La	9324	24C-156.48	Lào Cai	10824	20C-290.10	Thái Nguyên
6325	26B-015.86	Sơn La	7825	26A-218.69	Sơn La	9325	24C-156.94	Lào Cai	10825	20C-291.30	Thái Nguyên
6326	26C-149.11	Sơn La	7826	26A-219.28	Sơn La	9326	24C-157.27	Lào Cai	10826	20C-291.48	Thái Nguyên
6327	26C-150.19	Sơn La	7827	26A-220.20	Sơn La	9327	26A-218.74	Sơn La	10827	20C-291.52	Thái Nguyên
6328	26C-151.44	Sơn La	7828	26A-220.29	Sơn La	9328	26A-220.93	Sơn La	10828	20C-292.42	Thái Nguyên
6329	26C-151.58	Sơn La	7829	26A-221.28	Sơn La	9329	26B-015.71	Sơn La	10829	20C-293.41	Thái Nguyên
6330	26C-152.89	Sơn La	7830	26A-221.44	Sơn La	9330	26B-015.74	Sơn La	10830	20C-293.61	Thái Nguyên
6331	26C-154.22	Sơn La	7831	26A-222.96	Sơn La	9331	26C-152.47	Sơn La	10831	20C-294.17	Thái Nguyên
6332	26C-154.33	Sơn La	7832	26C-147.08	Sơn La	9332	26C-152.61	Sơn La	10832	20C-295.57	Thái Nguyên
6333	26C-154.65	Sơn La	7833	26C-150.00	Sơn La	9333	26C-152.84	Sơn La	10833	20D-028.13	Thái Nguyên
6334	26C-155.06	Sơn La	7834	26C-150.05	Sơn La	9334	26C-154.70	Sơn La	10834	21A-208.31	Yên Bái
6335	26C-155.16	Sơn La	7835	26C-150.79	Sơn La	9335	26C-155.53	Sơn La	10835	21A-209.94	Yên Bái
6336	26C-155.25	Sơn La	7836	26C-151.26	Sơn La	9336	26C-155.92	Sơn La	10836	21A-210.23	Yên Bái
6337	26C-155.65	Sơn La	7837	26C-152.07	Sơn La	9337	27C-070.10	Điện Biên	10837	21A-210.37	Yên Bái
6338	26C-155.96	Sơn La	7838	26C-154.54	Sơn La	9338	27C-070.64	Điện Biên	10838	21A-210.61	Yên Bái
6339	26D-010.29	Sơn La	7839	26C-154.68	Sơn La	9339	27C-070.82	Điện Biên	10839	22A-250.90	Tuyên Quang
6340	27B-010.99	Điện Biên	7840	26C-155.00	Sơn La	9340	27C-070.97	Điện Biên	10840	22A-250.94	Tuyên Quang
6341	27C-067.11	Điện Biên	7841	26C-155.22	Sơn La	9341	27C-071.02	Điện Biên	10841	22A-251.45	Tuyên Quang
6342	27C-068.38	Điện Biên	7842	26C-155.69	Sơn La	9342	28A-243.20	Hòa Bình	10842	22A-251.67	Tuyên Quang
6343	27C-068.89	Điện Biên	7843	26C-156.00	Sơn La	9343	28A-243.51	Hòa Bình	10843	22A-251.73	Tuyên Quang
6344	27C-069.59	Điện Biên	7844	27C-068.44	Điện Biên	9344	28A-243.54	Hòa Bình	10844	22A-252.72	Tuyên Quang
6345	27C-069.96	Điện Biên	7845	27C-068.58	Điện Biên	9345	28A-243.67	Hòa Bình	10845	22A-253.81	Tuyên Quang
6346	27D-003.30	Điện Biên	7846	27C-070.16	Điện Biên	9346	28A-243.76	Hòa Bình	10846	22A-253.82	Tuyên Quang
6347	28A-244.24	Hòa Bình	7847	27C-070.26	Điện Biên	9347	28A-243.82	Hòa Bình	10847	22A-254.17	Tuyên Quang
6348	28A-246.16	Hòa Bình	7848	27C-071.16	Điện Biên	9348	28A-244.21	Hòa Bình	10848	22A-254.46	Tuyên Quang
6349	28A-246.25	Hòa Bình	7849	27D-003.29	Điện Biên	9349	28A-244.64	Hòa Bình	10849	22A-254.87	Tuyên Quang
6350	28C-110.88	Hòa Bình	7850	28A-242.56	Hòa Bình	9350	28A-245.64	Hòa Bình	10850	22A-255.07	Tuyên Quang
6351	28C-111.12	Hòa Bình	7851	28A-242.66	Hòa Bình	9351	28A-245.74	Hòa Bình	10851	22A-255.21	Tuyên Quang
6352	28C-113.18	Hòa Bình	7852	28A-243.25	Hòa Bình	9352	28A-246.14	Hòa Bình	10852	22A-255.74	Tuyên Quang
6353	28C-114.77	Hòa Bình	7853	28A-244.68	Hòa Bình	9353	28A-247.03	Hòa Bình	10853	22A-255.94	Tuyên Quang
6354	29K-192.44	Hà Nội	7854	28A-245.15	Hòa Bình	9354	28B-014.27	Hòa Bình	10854	22C-108.04	Tuyên Quang
6355	29K-192.77	Hà Nội	7855	28B-014.16	Hòa Bình	9355	28C-115.57	Hòa Bình	10855	22C-108.48	Tuyên Quang
6356	29K-196.19	Hà Nội	7856	28C-109.16	Hòa Bình	9356	28C-115.70	Hòa Bình	10856	22C-108.51	Tuyên Quang
6357	29K-197.38	Hà Nội	7857	28C-109.58	Hòa Bình	9357	28C-115.93	Hòa Bình	10857	23C-086.61	Hà Giang
6358	29K-198.86	Hà Nội	7858	28C-109.99	Hòa Bình	9358	28C-115.94	Hòa Bình	10858	23C-086.70	Hà Giang
6359	29K-199.06	Hà Nội	7859	28C-110.66	Hòa Bình	9359	28C-116.43	Hòa Bình	10859	24A-300.70	Lào Cai
6360	29K-200.55	Hà Nội	7860	28C-110.69	Hòa Bình	9360	29K-200.12	Hà Nội	10860	24A-301.53	Lào Cai

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6361	29K-201.06	Hà Nội	7861	28C-111.27	Hòa Bình	9361	29K-200.50	Hà Nội	10861	24A-301.81	Lào Cai
6362	29K-202.02	Hà Nội	7862	28C-112.16	Hòa Bình	9362	29K-200.60	Hà Nội	10862	24A-302.93	Lào Cai
6363	29K-203.19	Hà Nội	7863	28C-112.22	Hòa Bình	9363	29K-200.94	Hà Nội	10863	24A-303.51	Lào Cai
6364	29K-203.35	Hà Nội	7864	28C-114.09	Hòa Bình	9364	29K-201.14	Hà Nội	10864	24C-155.04	Lào Cai
6365	29K-203.98	Hà Nội	7865	28C-116.33	Hòa Bình	9365	29K-201.63	Hà Nội	10865	24C-155.82	Lào Cai
6366	29K-204.38	Hà Nội	7866	29K-192.89	Hà Nội	9366	29K-202.54	Hà Nội	10866	24C-156.23	Lào Cai
6367	29K-204.98	Hà Nội	7867	29K-194.33	Hà Nội	9367	29K-202.70	Hà Nội	10867	24D-006.34	Lào Cai
6368	29K-206.07	Hà Nội	7868	29K-194.94	Hà Nội	9368	29K-203.64	Hà Nội	10868	26A-218.23	Sơn La
6369	29K-206.69	Hà Nội	7869	29K-195.18	Hà Nội	9369	29K-204.46	Hà Nội	10869	26A-218.52	Sơn La
6370	29K-207.39	Hà Nội	7870	29K-201.18	Hà Nội	9370	29K-204.61	Hà Nội	10870	26A-219.13	Sơn La
6371	29K-209.39	Hà Nội	7871	29K-202.16	Hà Nội	9371	29K-204.82	Hà Nội	10871	26A-219.30	Sơn La
6372	29K-210.10	Hà Nội	7872	29K-202.83	Hà Nội	9372	29K-204.90	Hà Nội	10872	26A-219.60	Sơn La
6373	29K-210.21	Hà Nội	7873	29K-203.06	Hà Nội	9373	29K-206.24	Hà Nội	10873	26A-219.75	Sơn La
6374	29K-212.11	Hà Nội	7874	29K-203.96	Hà Nội	9374	29K-206.27	Hà Nội	10874	26A-220.57	Sơn La
6375	29K-214.11	Hà Nội	7875	29K-204.89	Hà Nội	9375	29K-206.92	Hà Nội	10875	26A-220.74	Sơn La
6376	29K-214.59	Hà Nội	7876	29K-205.02	Hà Nội	9376	29K-206.93	Hà Nội	10876	26A-220.81	Sơn La
6377	29K-214.88	Hà Nội	7877	29K-205.44	Hà Nội	9377	29K-207.46	Hà Nội	10877	26A-221.34	Sơn La
6378	29K-215.44	Hà Nội	7878	29K-206.65	Hà Nội	9378	29K-207.78	Hà Nội	10878	26A-221.63	Sơn La
6379	29K-217.18	Hà Nội	7879	29K-207.38	Hà Nội	9379	29K-207.90	Hà Nội	10879	26A-222.50	Sơn La
6380	29K-217.98	Hà Nội	7880	29K-208.00	Hà Nội	9380	29K-209.61	Hà Nội	10880	26A-222.51	Sơn La
6381	29K-218.08	Hà Nội	7881	29K-208.89	Hà Nội	9381	29K-210.04	Hà Nội	10881	26B-015.64	Sơn La
6382	29K-218.09	Hà Nội	7882	29K-209.26	Hà Nội	9382	29K-210.32	Hà Nội	10882	26C-152.42	Sơn La
6383	29K-218.69	Hà Nội	7883	29K-209.55	Hà Nội	9383	29K-210.53	Hà Nội	10883	26C-152.64	Sơn La
6384	29K-218.77	Hà Nội	7884	29K-210.00	Hà Nội	9384	29K-211.71	Hà Nội	10884	26C-152.72	Sơn La
6385	29K-219.88	Hà Nội	7885	29K-211.15	Hà Nội	9385	29K-211.81	Hà Nội	10885	26C-153.48	Sơn La
6386	34A-820.02	Hải Dương	7886	29K-212.16	Hà Nội	9386	29K-212.47	Hà Nội	10886	26C-154.41	Sơn La
6387	34A-820.69	Hải Dương	7887	29K-213.06	Hà Nội	9387	29K-212.87	Hà Nội	10887	26C-154.90	Sơn La
6388	34A-821.86	Hải Dương	7888	29K-213.89	Hà Nội	9388	29K-213.75	Hà Nội	10888	26C-155.10	Sơn La
6389	34A-822.16	Hải Dương	7889	29K-213.95	Hà Nội	9389	29K-214.75	Hà Nội	10889	26C-155.72	Sơn La
6390	34A-822.58	Hải Dương	7890	29K-214.41	Hà Nội	9390	29K-215.20	Hà Nội	10890	26C-155.74	Sơn La
6391	34A-822.59	Hải Dương	7891	29K-216.53	Hà Nội	9391	29K-216.62	Hà Nội	10891	27C-070.93	Điện Biên
6392	34A-823.39	Hải Dương	7892	29K-217.89	Hà Nội	9392	29K-218.62	Hà Nội	10892	27C-071.03	Điện Biên
6393	34A-824.08	Hải Dương	7893	29K-217.95	Hà Nội	9393	29K-219.27	Hà Nội	10893	28A-242.82	Hòa Bình
6394	34A-825.18	Hải Dương	7894	29K-218.12	Hà Nội	9394	34A-825.24	Hải Dương	10894	28A-244.62	Hòa Bình
6395	34A-825.25	Hải Dương	7895	29K-218.21	Hà Nội	9395	34A-827.45	Hải Dương	10895	28A-245.13	Hòa Bình
6396	34A-825.65	Hải Dương	7896	29K-218.65	Hà Nội	9396	34A-828.67	Hải Dương	10896	28B-014.03	Hòa Bình
6397	34A-826.55	Hải Dương	7897	29K-219.09	Hà Nội	9397	34A-828.78	Hải Dương	10897	28B-014.21	Hòa Bình
6398	34A-826.86	Hải Dương	7898	29K-219.32	Hà Nội	9398	34A-828.93	Hải Dương	10898	28C-115.62	Hòa Bình
6399	34A-827.16	Hải Dương	7899	29K-219.47	Hà Nội	9399	34A-829.14	Hải Dương	10899	28C-115.91	Hòa Bình
6400	34A-829.44	Hải Dương	7900	29K-219.98	Hà Nội	9400	34A-830.94	Hải Dương	10900	28C-116.24	Hòa Bình
6401	34A-830.28	Hải Dương	7901	29K-220.18	Hà Nội	9401	34A-831.76	Hải Dương	10901	29K-200.21	Hà Nội
6402	34A-830.59	Hải Dương	7902	34A-819.85	Hải Dương	9402	34A-832.31	Hải Dương	10902	29K-200.37	Hà Nội
6403	34A-830.77	Hải Dương	7903	34A-823.32	Hải Dương	9403	34A-832.48	Hải Dương	10903	29K-200.61	Hà Nội
6404	34A-830.96	Hải Dương	7904	34A-824.18	Hải Dương	9404	34A-833.31	Hải Dương	10904	29K-200.80	Hà Nội
6405	34A-832.56	Hải Dương	7905	34A-827.58	Hải Dương	9405	34A-834.10	Hải Dương	10905	29K-201.93	Hà Nội
6406	34A-833.95	Hải Dương	7906	34A-828.11	Hải Dương	9406	34A-835.63	Hải Dương	10906	29K-203.72	Hà Nội
6407	34A-834.99	Hải Dương	7907	34A-828.39	Hải Dương	9407	34A-836.34	Hải Dương	10907	29K-204.21	Hà Nội
6408	34A-835.44	Hải Dương	7908	34A-828.44	Hải Dương	9408	34A-836.47	Hải Dương	10908	29K-204.34	Hà Nội
6409	34A-837.26	Hải Dương	7909	34A-828.56	Hải Dương	9409	34A-838.12	Hải Dương	10909	29K-205.45	Hà Nội
6410	34A-838.99	Hải Dương	7910	34A-829.86	Hải Dương	9410	34A-839.82	Hải Dương	10910	29K-206.62	Hà Nội
6411	34A-840.36	Hải Dương	7911	34A-830.38	Hải Dương	9411	34A-841.27	Hải Dương	10911	29K-206.91	Hà Nội
6412	34A-840.99	Hải Dương	7912	34A-831.33	Hải Dương	9412	34A-841.49	Hải Dương	10912	29K-207.01	Hà Nội
6413	34A-842.55	Hải Dương	7913	34A-831.41	Hải Dương	9413	34A-841.60	Hải Dương	10913	29K-207.43	Hà Nội
6414	34A-842.84	Hải Dương	7914	34A-835.86	Hải Dương	9414	34A-841.74	Hải Dương	10914	29K-207.47	Hà Nội
6415	34A-843.28	Hải Dương	7915	34A-837.15	Hải Dương	9415	34A-841.80	Hải Dương	10915	29K-207.64	Hà Nội
6416	34A-843.59	Hải Dương	7916	34A-837.83	Hải Dương	9416	34A-842.64	Hải Dương	10916	29K-207.81	Hà Nội
6417	34A-843.66	Hải Dương	7917	34A-839.87	Hải Dương	9417	34A-843.24	Hải Dương	10917	29K-209.21	Hà Nội
6418	34A-844.96	Hải Dương	7918	34A-839.88	Hải Dương	9418	34A-843.46	Hải Dương	10918	29K-209.37	Hà Nội
6419	34A-845.15	Hải Dương	7919	34A-840.29	Hải Dương	9419	34A-843.72	Hải Dương	10919	29K-210.46	Hà Nội
6420	34A-846.11	Hải Dương	7920	34A-840.65	Hải Dương	9420	34A-843.76	Hải Dương	10920	29K-210.67	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6421	34A-848.08	Hải Dương	7921	34A-841.38	Hải Dương	9421	34A-843.80	Hải Dương	10921	29K-210.71	Hà Nội
6422	34A-849.56	Hải Dương	7922	34A-842.56	Hải Dương	9422	34A-843.90	Hải Dương	10922	29K-211.13	Hà Nội
6423	34A-850.33	Hải Dương	7923	34A-843.15	Hải Dương	9423	34A-844.14	Hải Dương	10923	29K-212.43	Hà Nội
6424	34A-854.16	Hải Dương	7924	34A-844.45	Hải Dương	9424	34A-845.57	Hải Dương	10924	29K-212.62	Hà Nội
6425	34A-854.28	Hải Dương	7925	34A-845.16	Hải Dương	9425	34A-845.62	Hải Dương	10925	29K-213.03	Hà Nội
6426	34A-854.86	Hải Dương	7926	34A-845.33	Hải Dương	9426	34A-845.71	Hải Dương	10926	29K-213.07	Hà Nội
6427	34A-855.22	Hải Dương	7927	34A-845.66	Hải Dương	9427	34A-845.93	Hải Dương	10927	29K-213.87	Hà Nội
6428	34A-855.77	Hải Dương	7928	34A-846.52	Hải Dương	9428	34A-847.13	Hải Dương	10928	29K-214.07	Hà Nội
6429	34C-400.25	Hải Dương	7929	34A-847.96	Hải Dương	9429	34A-847.46	Hải Dương	10929	29K-214.49	Hà Nội
6430	34C-401.00	Hải Dương	7930	34A-849.65	Hải Dương	9430	34A-847.76	Hải Dương	10930	29K-215.49	Hà Nội
6431	34C-402.99	Hải Dương	7931	34A-849.83	Hải Dương	9431	34A-847.93	Hải Dương	10931	29K-215.80	Hà Nội
6432	34C-405.40	Hải Dương	7932	34A-850.00	Hải Dương	9432	34A-848.27	Hải Dương	10932	29K-216.10	Hà Nội
6433	34C-405.55	Hải Dương	7933	34A-850.28	Hải Dương	9433	34A-849.24	Hải Dương	10933	29K-216.51	Hà Nội
6434	34C-407.08	Hải Dương	7934	34A-850.89	Hải Dương	9434	34A-849.37	Hải Dương	10934	29K-216.71	Hà Nội
6435	34C-408.35	Hải Dương	7935	34A-851.22	Hải Dương	9435	34A-850.23	Hải Dương	10935	29K-217.74	Hà Nội
6436	34C-408.55	Hải Dương	7936	34A-851.25	Hải Dương	9436	34A-850.30	Hải Dương	10936	29K-217.82	Hà Nội
6437	34C-409.08	Hải Dương	7937	34A-851.51	Hải Dương	9437	34A-850.32	Hải Dương	10937	29K-218.70	Hà Nội
6438	34D-035.11	Hải Dương	7938	34A-851.52	Hải Dương	9438	34A-850.74	Hải Dương	10938	29K-218.74	Hà Nội
6439	35A-433.69	Ninh Bình	7939	34A-852.18	Hải Dương	9439	34A-851.34	Hải Dương	10939	29K-218.94	Hà Nội
6440	35A-434.77	Ninh Bình	7940	34A-853.09	Hải Dương	9440	34A-851.74	Hải Dương	10940	29K-219.23	Hà Nội
6441	35A-438.15	Ninh Bình	7941	34A-854.45	Hải Dương	9441	34A-851.87	Hải Dương	10941	29K-219.92	Hà Nội
6442	35A-438.77	Ninh Bình	7942	34C-400.85	Hải Dương	9442	34A-851.92	Hải Dương	10942	29K-220.17	Hà Nội
6443	35A-438.99	Ninh Bình	7943	34C-401.35	Hải Dương	9443	34A-852.30	Hải Dương	10943	34A-825.76	Hải Dương
6444	35A-439.34	Ninh Bình	7944	34C-402.33	Hải Dương	9444	34A-852.71	Hải Dương	10944	34A-828.14	Hải Dương
6445	35A-439.89	Ninh Bình	7945	34C-402.40	Hải Dương	9445	34A-853.62	Hải Dương	10945	34A-828.17	Hải Dương
6446	35A-440.06	Ninh Bình	7946	34C-402.86	Hải Dương	9446	34A-854.51	Hải Dương	10946	34A-830.45	Hải Dương
6447	35A-440.35	Ninh Bình	7947	34C-404.44	Hải Dương	9447	34A-854.57	Hải Dương	10947	34A-830.47	Hải Dương
6448	35A-440.36	Ninh Bình	7948	34C-404.86	Hải Dương	9448	34A-855.81	Hải Dương	10948	34A-831.48	Hải Dương
6449	35A-440.58	Ninh Bình	7949	34C-404.99	Hải Dương	9449	34C-401.97	Hải Dương	10949	34A-832.17	Hải Dương
6450	35A-441.89	Ninh Bình	7950	34C-405.16	Hải Dương	9450	34C-402.45	Hải Dương	10950	34A-832.49	Hải Dương
6451	35A-442.35	Ninh Bình	7951	34C-405.18	Hải Dương	9451	34C-403.17	Hải Dương	10951	34A-834.46	Hải Dương
6452	35A-443.98	Ninh Bình	7952	34C-406.79	Hải Dương	9452	34C-403.23	Hải Dương	10952	34A-834.94	Hải Dương
6453	35C-165.38	Ninh Bình	7953	34C-406.96	Hải Dương	9453	34C-403.34	Hải Dương	10953	34A-835.05	Hải Dương
6454	35C-166.33	Ninh Bình	7954	34C-408.22	Hải Dương	9454	34C-404.24	Hải Dương	10954	34A-835.41	Hải Dương
6455	35C-168.06	Ninh Bình	7955	34C-408.90	Hải Dương	9455	34C-404.46	Hải Dương	10955	34A-836.87	Hải Dương
6456	35C-168.11	Ninh Bình	7956	35A-434.09	Ninh Bình	9456	34C-404.50	Hải Dương	10956	34A-839.23	Hải Dương
6457	35C-168.33	Ninh Bình	7957	35A-436.55	Ninh Bình	9457	34C-404.74	Hải Dương	10957	34A-839.76	Hải Dương
6458	35C-168.77	Ninh Bình	7958	35A-436.58	Ninh Bình	9458	34C-405.52	Hải Dương	10958	34A-840.20	Hải Dương
6459	35C-169.55	Ninh Bình	7959	35A-437.36	Ninh Bình	9459	34C-406.53	Hải Dương	10959	34A-840.30	Hải Dương
6460	35C-169.58	Ninh Bình	7960	35A-437.49	Ninh Bình	9460	34C-406.57	Hải Dương	10960	34A-840.62	Hải Dương
6461	35C-171.99	Ninh Bình	7961	35A-439.16	Ninh Bình	9461	34C-407.52	Hải Dương	10961	34A-841.50	Hải Dương
6462	35C-172.36	Ninh Bình	7962	35A-439.59	Ninh Bình	9462	35A-434.37	Ninh Bình	10962	34A-841.64	Hải Dương
6463	35C-172.77	Ninh Bình	7963	35A-440.33	Ninh Bình	9463	35A-434.63	Ninh Bình	10963	34A-841.90	Hải Dương
6464	35C-173.73	Ninh Bình	7964	35A-440.79	Ninh Bình	9464	35A-437.10	Ninh Bình	10964	34A-842.01	Hải Dương
6465	36C-480.89	Thanh Hóa	7965	35A-441.68	Ninh Bình	9465	35A-437.41	Ninh Bình	10965	34A-842.34	Hải Dương
6466	36C-482.22	Thanh Hóa	7966	35A-441.98	Ninh Bình	9466	35A-437.48	Ninh Bình	10966	34A-842.72	Hải Dương
6467	36C-483.00	Thanh Hóa	7967	35A-443.06	Ninh Bình	9467	35A-437.80	Ninh Bình	10967	34A-842.94	Hải Dương
6468	36C-483.38	Thanh Hóa	7968	35A-443.83	Ninh Bình	9468	35A-437.94	Ninh Bình	10968	34A-844.82	Hải Dương
6469	36C-485.69	Thanh Hóa	7969	35A-443.86	Ninh Bình	9469	35A-438.61	Ninh Bình	10969	34A-844.87	Hải Dương
6470	36C-489.09	Thanh Hóa	7970	35C-163.66	Ninh Bình	9470	35A-439.62	Ninh Bình	10970	34A-845.17	Hải Dương
6471	36C-490.58	Thanh Hóa	7971	35C-163.99	Ninh Bình	9471	35A-440.45	Ninh Bình	10971	34A-845.41	Hải Dương
6472	36C-492.18	Thanh Hóa	7972	35C-164.08	Ninh Bình	9472	35A-441.75	Ninh Bình	10972	34A-845.50	Hải Dương
6473	36C-493.58	Thanh Hóa	7973	35C-165.16	Ninh Bình	9473	35C-173.40	Ninh Bình	10973	34A-846.12	Hải Dương
6474	36C-496.22	Thanh Hóa	7974	35C-166.38	Ninh Bình	9474	35D-011.72	Ninh Bình	10974	34A-846.78	Hải Dương
6475	36C-497.19	Thanh Hóa	7975	35C-168.44	Ninh Bình	9475	36K-100.81	Thanh Hóa	10975	34A-846.80	Hải Dương
6476	36C-499.36	Thanh Hóa	7976	35C-169.26	Ninh Bình	9476	36K-101.47	Thanh Hóa	10976	34A-846.94	Hải Dương
6477	36C-500.11	Thanh Hóa	7977	35C-169.77	Ninh Bình	9477	36K-102.48	Thanh Hóa	10977	34A-847.60	Hải Dương
6478	36C-505.33	Thanh Hóa	7978	35C-173.33	Ninh Bình	9478	36K-102.60	Thanh Hóa	10978	34A-848.40	Hải Dương
6479	36C-506.00	Thanh Hóa	7979	36C-484.99	Thanh Hóa	9479	36K-102.61	Thanh Hóa	10979	34A-848.47	Hải Dương
6480	36C-506.55	Thanh Hóa	7980	36C-485.06	Thanh Hóa	9480	36K-102.70	Thanh Hóa	10980	34A-848.78	Hải Dương

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6481	36K-080.86	Thanh Hóa	7981	36C-487.22	Thanh Hóa	9481	36K-103.24	Thanh Hóa	10981	34A-849.82	Hải Dương
6482	36K-083.55	Thanh Hóa	7982	36C-488.77	Thanh Hóa	9482	36K-103.40	Thanh Hóa	10982	34A-850.80	Hải Dương
6483	36K-083.79	Thanh Hóa	7983	36C-489.00	Thanh Hóa	9483	36K-103.62	Thanh Hóa	10983	34A-851.42	Hải Dương
6484	36K-084.69	Thanh Hóa	7984	36C-489.08	Thanh Hóa	9484	36K-104.97	Thanh Hóa	10984	34A-851.61	Hải Dương
6485	36K-086.09	Thanh Hóa	7985	36C-489.86	Thanh Hóa	9485	36K-105.17	Thanh Hóa	10985	34A-851.97	Hải Dương
6486	36K-086.44	Thanh Hóa	7986	36C-490.69	Thanh Hóa	9486	36K-106.45	Thanh Hóa	10986	34A-853.46	Hải Dương
6487	36K-089.36	Thanh Hóa	7987	36C-491.58	Thanh Hóa	9487	36K-106.48	Thanh Hóa	10987	34A-854.13	Hải Dương
6488	36K-092.56	Thanh Hóa	7988	36C-496.56	Thanh Hóa	9488	36K-106.52	Thanh Hóa	10988	34C-400.42	Hải Dương
6489	36K-094.22	Thanh Hóa	7989	36C-500.38	Thanh Hóa	9489	36K-107.21	Thanh Hóa	10989	34C-400.60	Hải Dương
6490	36K-095.19	Thanh Hóa	7990	36C-500.99	Thanh Hóa	9490	36K-108.84	Thanh Hóa	10990	34C-400.74	Hải Dương
6491	36K-096.16	Thanh Hóa	7991	36C-504.69	Thanh Hóa	9491	36K-108.91	Thanh Hóa	10991	34C-401.45	Hải Dương
6492	36K-096.38	Thanh Hóa	7992	36C-505.16	Thanh Hóa	9492	36K-109.07	Thanh Hóa	10992	34C-403.31	Hải Dương
6493	36K-096.44	Thanh Hóa	7993	36C-506.44	Thanh Hóa	9493	36K-112.73	Thanh Hóa	10993	34C-403.49	Hải Dương
6494	36K-096.55	Thanh Hóa	7994	36K-080.38	Thanh Hóa	9494	36K-113.76	Thanh Hóa	10994	34C-403.70	Hải Dương
6495	36K-098.38	Thanh Hóa	7995	36K-080.88	Thanh Hóa	9495	36K-115.84	Thanh Hóa	10995	34C-403.76	Hải Dương
6496	36K-099.09	Thanh Hóa	7996	36K-081.18	Thanh Hóa	9496	36K-116.01	Thanh Hóa	10996	34C-404.21	Hải Dương
6497	36K-101.18	Thanh Hóa	7997	36K-081.19	Thanh Hóa	9497	36K-116.41	Thanh Hóa	10997	34C-404.93	Hải Dương
6498	36K-102.88	Thanh Hóa	7998	36K-083.36	Thanh Hóa	9498	36K-116.75	Thanh Hóa	10998	34C-405.60	Hải Dương
6499	36K-103.29	Thanh Hóa	7999	36K-084.56	Thanh Hóa	9499	36K-117.01	Thanh Hóa	10999	34C-405.97	Hải Dương
6500	36K-103.55	Thanh Hóa	8000	36K-087.00	Thanh Hóa	9500	36K-117.21	Thanh Hóa	11000	34C-406.46	Hải Dương
6501	36K-104.22	Thanh Hóa	8001	36K-088.58	Thanh Hóa	9501	36K-118.13	Thanh Hóa	11001	34C-406.73	Hải Dương
6502	36K-104.25	Thanh Hóa	8002	36K-093.77	Thanh Hóa	9502	36K-118.27	Thanh Hóa	11002	34C-406.80	Hải Dương
6503	36K-104.99	Thanh Hóa	8003	36K-094.11	Thanh Hóa	9503	36K-118.32	Thanh Hóa	11003	34C-407.23	Hải Dương
6504	36K-107.25	Thanh Hóa	8004	36K-095.08	Thanh Hóa	9504	36K-118.70	Thanh Hóa	11004	34C-407.94	Hải Dương
6505	36K-107.56	Thanh Hóa	8005	36K-095.44	Thanh Hóa	9505	36K-119.32	Thanh Hóa	11005	34C-408.27	Hải Dương
6506	36K-107.88	Thanh Hóa	8006	36K-100.22	Thanh Hóa	9506	36K-120.53	Thanh Hóa	11006	34C-408.63	Hải Dương
6507	36K-108.01	Thanh Hóa	8007	36K-102.16	Thanh Hóa	9507	36K-120.64	Thanh Hóa	11007	34C-409.02	Hải Dương
6508	36K-108.86	Thanh Hóa	8008	36K-105.77	Thanh Hóa	9508	36K-121.42	Thanh Hóa	11008	34D-035.01	Hải Dương
6509	36K-109.56	Thanh Hóa	8009	36K-106.89	Thanh Hóa	9509	36K-121.78	Thanh Hóa	11009	35A-434.05	Ninh Bình
6510	36K-109.88	Thanh Hóa	8010	36K-107.26	Thanh Hóa	9510	36K-121.81	Thanh Hóa	11010	35A-435.71	Ninh Bình
6511	36K-110.19	Thanh Hóa	8011	36K-108.80	Thanh Hóa	9511	36K-121.82	Thanh Hóa	11011	35A-436.02	Ninh Bình
6512	36K-111.27	Thanh Hóa	8012	36K-109.01	Thanh Hóa	9512	36K-122.41	Thanh Hóa	11012	35A-436.21	Ninh Bình
6513	36K-111.59	Thanh Hóa	8013	36K-109.55	Thanh Hóa	9513	36K-123.54	Thanh Hóa	11013	35A-436.49	Ninh Bình
6514	36K-112.25	Thanh Hóa	8014	36K-109.89	Thanh Hóa	9514	36K-124.17	Thanh Hóa	11014	35A-437.13	Ninh Bình
6515	36K-113.39	Thanh Hóa	8015	36K-110.83	Thanh Hóa	9515	36K-124.67	Thanh Hóa	11015	35A-438.21	Ninh Bình
6516	36K-113.96	Thanh Hóa	8016	36K-112.28	Thanh Hóa	9516	36K-125.04	Thanh Hóa	11016	35A-438.41	Ninh Bình
6517	36K-117.35	Thanh Hóa	8017	36K-112.86	Thanh Hóa	9517	36K-125.41	Thanh Hóa	11017	35A-439.52	Ninh Bình
6518	36K-117.71	Thanh Hóa	8018	36K-114.85	Thanh Hóa	9518	36K-126.48	Thanh Hóa	11018	35A-440.64	Ninh Bình
6519	36K-118.11	Thanh Hóa	8019	36K-115.59	Thanh Hóa	9519	36K-126.60	Thanh Hóa	11019	35A-441.57	Ninh Bình
6520	36K-118.19	Thanh Hóa	8020	36K-116.36	Thanh Hóa	9520	36K-126.63	Thanh Hóa	11020	35A-441.63	Ninh Bình
6521	36K-118.22	Thanh Hóa	8021	36K-118.55	Thanh Hóa	9521	36K-127.34	Thanh Hóa	11021	35A-443.13	Ninh Bình
6522	36K-119.39	Thanh Hóa	8022	36K-118.76	Thanh Hóa	9522	36K-127.41	Thanh Hóa	11022	35A-443.46	Ninh Bình
6523	36K-119.56	Thanh Hóa	8023	36K-120.21	Thanh Hóa	9523	36K-130.74	Thanh Hóa	11023	35A-443.82	Ninh Bình
6524	36K-119.58	Thanh Hóa	8024	36K-120.65	Thanh Hóa	9524	36K-132.34	Thanh Hóa	11024	35C-173.13	Ninh Bình
6525	36K-119.91	Thanh Hóa	8025	36K-120.66	Thanh Hóa	9525	36K-133.14	Thanh Hóa	11025	35C-173.62	Ninh Bình
6526	36K-122.06	Thanh Hóa	8026	36K-121.15	Thanh Hóa	9526	36K-135.03	Thanh Hóa	11026	36K-103.37	Thanh Hóa
6527	36K-122.08	Thanh Hóa	8027	36K-124.15	Thanh Hóa	9527	36K-135.24	Thanh Hóa	11027	36K-103.51	Thanh Hóa
6528	36K-122.58	Thanh Hóa	8028	36K-124.36	Thanh Hóa	9528	36K-135.70	Thanh Hóa	11028	36K-103.75	Thanh Hóa
6529	36K-123.25	Thanh Hóa	8029	36K-125.36	Thanh Hóa	9529	36K-137.03	Thanh Hóa	11029	36K-104.64	Thanh Hóa
6530	36K-123.56	Thanh Hóa	8030	36K-125.56	Thanh Hóa	9530	37C-533.41	Nghệ An	11030	36K-105.21	Thanh Hóa
6531	36K-124.09	Thanh Hóa	8031	36K-126.25	Thanh Hóa	9531	37C-533.91	Nghệ An	11031	36K-105.30	Thanh Hóa
6532	36K-124.22	Thanh Hóa	8032	36K-126.27	Thanh Hóa	9532	37C-534.27	Nghệ An	11032	36K-105.32	Thanh Hóa
6533	36K-124.66	Thanh Hóa	8033	36K-129.15	Thanh Hóa	9533	37C-534.48	Nghệ An	11033	36K-105.40	Thanh Hóa
6534	36K-125.69	Thanh Hóa	8034	36K-131.58	Thanh Hóa	9534	37C-535.01	Nghệ An	11034	36K-106.78	Thanh Hóa
6535	36K-126.44	Thanh Hóa	8035	36K-132.32	Thanh Hóa	9535	37C-535.43	Nghệ An	11035	36K-107.97	Thanh Hóa
6536	36K-126.56	Thanh Hóa	8036	36K-132.35	Thanh Hóa	9536	37C-535.74	Nghệ An	11036	36K-108.07	Thanh Hóa
6537	36K-126.99	Thanh Hóa	8037	36K-133.25	Thanh Hóa	9537	37C-535.84	Nghệ An	11037	36K-108.90	Thanh Hóa
6538	36K-127.16	Thanh Hóa	8038	36K-133.44	Thanh Hóa	9538	37C-536.30	Nghệ An	11038	36K-109.13	Thanh Hóa
6539	36K-128.95	Thanh Hóa	8039	36K-134.15	Thanh Hóa	9539	37C-536.60	Nghệ An	11039	36K-109.71	Thanh Hóa
6540	36K-129.25	Thanh Hóa	8040	36K-135.61	Thanh Hóa	9540	37C-536.74	Nghệ An	11040	36K-109.91	Thanh Hóa

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6541	36K-129.65	Thanh Hóa	8041	36K-135.99	Thanh Hóa	9541	37C-538.37	Nghệ An	11041	36K-110.50	Thanh Hóa
6542	36K-130.56	Thanh Hóa	8042	36K-136.13	Thanh Hóa	9542	37D-040.13	Nghệ An	11042	36K-110.51	Thanh Hóa
6543	36K-131.32	Thanh Hóa	8043	36K-136.18	Thanh Hóa	9543	37D-040.14	Nghệ An	11043	36K-112.02	Thanh Hóa
6544	36K-132.86	Thanh Hóa	8044	36K-136.31	Thanh Hóa	9544	37K-344.78	Nghệ An	11044	36K-112.71	Thanh Hóa
6545	36K-134.00	Thanh Hóa	8045	37C-533.66	Nghệ An	9545	37K-345.30	Nghệ An	11045	36K-112.91	Thanh Hóa
6546	36K-134.43	Thanh Hóa	8046	37C-533.85	Nghệ An	9546	37K-345.97	Nghệ An	11046	36K-113.05	Thanh Hóa
6547	36K-135.33	Thanh Hóa	8047	37C-533.88	Nghệ An	9547	37K-347.46	Nghệ An	11047	36K-114.10	Thanh Hóa
6548	36K-137.11	Thanh Hóa	8048	37C-534.39	Nghệ An	9548	37K-347.53	Nghệ An	11048	36K-114.91	Thanh Hóa
6549	37C-535.18	Nghệ An	8049	37C-535.68	Nghệ An	9549	37K-348.13	Nghệ An	11049	36K-115.17	Thanh Hóa
6550	37C-535.44	Nghệ An	8050	37C-536.06	Nghệ An	9550	37K-350.54	Nghệ An	11050	36K-115.20	Thanh Hóa
6551	37C-535.65	Nghệ An	8051	37C-536.16	Nghệ An	9551	37K-350.73	Nghệ An	11051	36K-115.63	Thanh Hóa
6552	37C-536.29	Nghệ An	8052	37C-536.88	Nghệ An	9552	37K-353.57	Nghệ An	11052	36K-115.71	Thanh Hóa
6553	37C-536.59	Nghệ An	8053	37C-536.96	Nghệ An	9553	37K-353.78	Nghệ An	11053	36K-115.73	Thanh Hóa
6554	37C-537.16	Nghệ An	8054	37C-538.29	Nghệ An	9554	37K-356.63	Nghệ An	11054	36K-115.75	Thanh Hóa
6555	37C-537.59	Nghệ An	8055	37C-538.58	Nghệ An	9555	37K-357.32	Nghệ An	11055	36K-115.87	Thanh Hóa
6556	37C-538.08	Nghệ An	8056	37D-040.09	Nghệ An	9556	37K-357.47	Nghệ An	11056	36K-116.07	Thanh Hóa
6557	37C-539.15	Nghệ An	8057	37K-344.95	Nghệ An	9557	37K-358.03	Nghệ An	11057	36K-117.07	Thanh Hóa
6558	37D-040.06	Nghệ An	8058	37K-345.34	Nghệ An	9558	37K-358.48	Nghệ An	11058	36K-117.34	Thanh Hóa
6559	37D-040.89	Nghệ An	8059	37K-346.06	Nghệ An	9559	37K-359.10	Nghệ An	11059	36K-117.75	Thanh Hóa
6560	37K-345.43	Nghệ An	8060	37K-346.35	Nghệ An	9560	37K-360.21	Nghệ An	11060	36K-120.05	Thanh Hóa
6561	37K-345.86	Nghệ An	8061	37K-348.84	Nghệ An	9561	37K-360.27	Nghệ An	11061	36K-121.52	Thanh Hóa
6562	37K-346.22	Nghệ An	8062	37K-348.96	Nghệ An	9562	37K-360.43	Nghệ An	11062	36K-121.57	Thanh Hóa
6563	37K-346.79	Nghệ An	8063	37K-349.16	Nghệ An	9563	37K-361.17	Nghệ An	11063	36K-121.76	Thanh Hóa
6564	37K-346.88	Nghệ An	8064	37K-351.19	Nghệ An	9564	37K-361.87	Nghệ An	11064	36K-121.90	Thanh Hóa
6565	37K-347.66	Nghệ An	8065	37K-351.23	Nghệ An	9565	37K-362.07	Nghệ An	11065	36K-122.91	Thanh Hóa
6566	37K-347.74	Nghệ An	8066	37K-353.06	Nghệ An	9566	37K-362.31	Nghệ An	11066	36K-122.92	Thanh Hóa
6567	37K-348.00	Nghệ An	8067	37K-353.16	Nghệ An	9567	37K-362.93	Nghệ An	11067	36K-123.10	Thanh Hóa
6568	37K-348.33	Nghệ An	8068	37K-354.33	Nghệ An	9568	37K-363.41	Nghệ An	11068	36K-123.34	Thanh Hóa
6569	37K-349.34	Nghệ An	8069	37K-356.38	Nghệ An	9569	37K-363.80	Nghệ An	11069	36K-123.84	Thanh Hóa
6570	37K-349.56	Nghệ An	8070	37K-359.18	Nghệ An	9570	37K-363.90	Nghệ An	11070	36K-124.34	Thanh Hóa
6571	37K-351.95	Nghệ An	8071	37K-359.89	Nghệ An	9571	37K-365.92	Nghệ An	11071	36K-125.05	Thanh Hóa
6572	37K-351.99	Nghệ An	8072	37K-360.28	Nghệ An	9572	37K-366.43	Nghệ An	11072	36K-125.34	Thanh Hóa
6573	37K-352.26	Nghệ An	8073	37K-360.47	Nghệ An	9573	37K-366.80	Nghệ An	11073	36K-125.87	Thanh Hóa
6574	37K-353.25	Nghệ An	8074	37K-362.85	Nghệ An	9574	37K-366.94	Nghệ An	11074	36K-126.92	Thanh Hóa
6575	37K-354.15	Nghệ An	8075	37K-363.11	Nghệ An	9575	37K-369.41	Nghệ An	11075	36K-128.52	Thanh Hóa
6576	37K-354.22	Nghệ An	8076	37K-363.79	Nghệ An	9576	37K-369.54	Nghệ An	11076	36K-128.60	Thanh Hóa
6577	37K-354.77	Nghệ An	8077	37K-364.79	Nghệ An	9577	37K-369.74	Nghệ An	11077	36K-129.70	Thanh Hóa
6578	37K-358.18	Nghệ An	8078	37K-365.06	Nghệ An	9578	37K-370.82	Nghệ An	11078	36K-129.72	Thanh Hóa
6579	37K-358.95	Nghệ An	8079	37K-366.44	Nghệ An	9579	37K-371.27	Nghệ An	11079	36K-129.74	Thanh Hóa
6580	37K-359.66	Nghệ An	8080	37K-366.47	Nghệ An	9580	37K-372.76	Nghệ An	11080	36K-130.43	Thanh Hóa
6581	37K-360.19	Nghệ An	8081	37K-367.55	Nghệ An	9581	37K-372.78	Nghệ An	11081	36K-130.72	Thanh Hóa
6582	37K-361.35	Nghệ An	8082	37K-367.85	Nghệ An	9582	37K-373.01	Nghệ An	11082	36K-131.92	Thanh Hóa
6583	37K-361.59	Nghệ An	8083	37K-368.26	Nghệ An	9583	37K-373.23	Nghệ An	11083	36K-132.97	Thanh Hóa
6584	37K-361.68	Nghệ An	8084	37K-369.15	Nghệ An	9584	37K-373.87	Nghệ An	11084	36K-133.45	Thanh Hóa
6585	37K-361.86	Nghệ An	8085	37K-369.82	Nghệ An	9585	37K-374.27	Nghệ An	11085	36K-133.92	Thanh Hóa
6586	37K-362.44	Nghệ An	8086	37K-370.71	Nghệ An	9586	37K-374.72	Nghệ An	11086	36K-134.02	Thanh Hóa
6587	37K-362.65	Nghệ An	8087	37K-371.85	Nghệ An	9587	37K-375.81	Nghệ An	11087	36K-134.04	Thanh Hóa
6588	37K-362.83	Nghệ An	8088	37K-373.35	Nghệ An	9588	37K-376.97	Nghệ An	11088	36K-134.32	Thanh Hóa
6589	37K-365.18	Nghệ An	8089	37K-374.83	Nghệ An	9589	37K-377.20	Nghệ An	11089	36K-134.57	Thanh Hóa
6590	37K-366.08	Nghệ An	8090	37K-374.96	Nghệ An	9590	37K-378.54	Nghệ An	11090	36K-134.67	Thanh Hóa
6591	37K-366.39	Nghệ An	8091	37K-375.95	Nghệ An	9591	37K-378.61	Nghệ An	11091	36K-134.71	Thanh Hóa
6592	37K-370.25	Nghệ An	8092	37K-377.06	Nghệ An	9592	37K-378.64	Nghệ An	11092	36K-135.21	Thanh Hóa
6593	37K-370.39	Nghệ An	8093	37K-377.66	Nghệ An	9593	37K-378.94	Nghệ An	11093	36K-135.42	Thanh Hóa
6594	37K-370.59	Nghệ An	8094	37K-377.86	Nghệ An	9594	37K-380.01	Nghệ An	11094	36K-136.21	Thanh Hóa
6595	37K-371.25	Nghệ An	8095	37K-378.45	Nghệ An	9595	37K-380.87	Nghệ An	11095	36K-136.24	Thanh Hóa
6596	37K-371.56	Nghệ An	8096	37K-379.06	Nghệ An	9596	37K-382.07	Nghệ An	11096	36K-136.50	Thanh Hóa
6597	37K-372.09	Nghệ An	8097	37K-379.34	Nghệ An	9597	37K-383.48	Nghệ An	11097	36K-136.84	Thanh Hóa
6598	37K-372.28	Nghệ An	8098	37K-379.95	Nghệ An	9598	37K-383.74	Nghệ An	11098	36K-136.87	Thanh Hóa
6599	37K-372.73	Nghệ An	8099	37K-380.83	Nghệ An	9599	37K-383.80	Nghệ An	11099	36K-136.94	Thanh Hóa
6600	37K-375.77	Nghệ An	8100	37K-381.55	Nghệ An	9600	37K-385.17	Nghệ An	11100	37C-533.49	Nghệ An

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6601	37K-378.33	Nghệ An	8101	37K-381.68	Nghệ An	9601	37K-385.80	Nghệ An	11101	37C-536.70	Nghệ An
6602	37K-382.16	Nghệ An	8102	37K-381.88	Nghệ An	9602	37K-386.23	Nghệ An	11102	37C-536.71	Nghệ An
6603	37K-383.77	Nghệ An	8103	37K-381.95	Nghệ An	9603	38A-623.48	Hà Tĩnh	11103	37C-538.41	Nghệ An
6604	37K-385.11	Nghệ An	8104	37K-382.44	Nghệ An	9604	38A-625.31	Hà Tĩnh	11104	37D-040.49	Nghệ An
6605	37K-385.79	Nghệ An	8105	37K-382.59	Nghệ An	9605	38A-625.80	Hà Tĩnh	11105	37K-344.23	Nghệ An
6606	38A-623.29	Hà Tĩnh	8106	37K-382.86	Nghệ An	9606	38A-626.84	Hà Tĩnh	11106	37K-344.24	Nghệ An
6607	38A-623.59	Hà Tĩnh	8107	37K-383.18	Nghệ An	9607	38A-627.54	Hà Tĩnh	11107	37K-344.80	Nghệ An
6608	38A-624.16	Hà Tĩnh	8108	37K-383.68	Nghệ An	9608	38A-630.94	Hà Tĩnh	11108	37K-345.10	Nghệ An
6609	38A-624.28	Hà Tĩnh	8109	37K-384.38	Nghệ An	9609	38A-632.04	Hà Tĩnh	11109	37K-345.81	Nghệ An
6610	38A-625.89	Hà Tĩnh	8110	37K-384.49	Nghệ An	9610	38A-632.13	Hà Tĩnh	11110	37K-346.14	Nghệ An
6611	38A-627.98	Hà Tĩnh	8111	37K-384.69	Nghệ An	9611	38A-633.32	Hà Tĩnh	11111	37K-346.21	Nghệ An
6612	38A-628.44	Hà Tĩnh	8112	37K-384.84	Nghệ An	9612	38A-634.10	Hà Tĩnh	11112	37K-346.50	Nghệ An
6613	38A-629.62	Hà Tĩnh	8113	37K-384.85	Nghệ An	9613	38A-634.17	Hà Tĩnh	11113	37K-346.94	Nghệ An
6614	38A-632.08	Hà Tĩnh	8114	37K-386.89	Nghệ An	9614	38A-634.75	Hà Tĩnh	11114	37K-347.07	Nghệ An
6615	38A-632.22	Hà Tĩnh	8115	37K-386.98	Nghệ An	9615	38A-635.52	Hà Tĩnh	11115	37K-348.52	Nghệ An
6616	38A-632.36	Hà Tĩnh	8116	38A-624.06	Hà Tĩnh	9616	38A-636.60	Hà Tĩnh	11116	37K-348.92	Nghệ An
6617	38A-633.11	Hà Tĩnh	8117	38A-625.09	Hà Tĩnh	9617	38A-636.70	Hà Tĩnh	11117	37K-350.52	Nghệ An
6618	38A-633.38	Hà Tĩnh	8118	38A-625.58	Hà Tĩnh	9618	38A-636.78	Hà Tĩnh	11118	37K-352.94	Nghệ An
6619	38A-633.79	Hà Tĩnh	8119	38A-627.25	Hà Tĩnh	9619	38A-636.97	Hà Tĩnh	11119	37K-353.82	Nghệ An
6620	38A-634.66	Hà Tĩnh	8120	38A-628.33	Hà Tĩnh	9620	38C-228.72	Hà Tĩnh	11120	37K-354.47	Nghệ An
6621	38A-634.96	Hà Tĩnh	8121	38A-628.59	Hà Tĩnh	9621	38D-016.27	Hà Tĩnh	11121	37K-355.45	Nghệ An
6622	38A-636.79	Hà Tĩnh	8122	38A-631.26	Hà Tĩnh	9622	43A-879.76	Đà Nẵng	11122	37K-355.70	Nghệ An
6623	38C-227.85	Hà Tĩnh	8123	38A-631.44	Hà Tĩnh	9623	43A-880.40	Đà Nẵng	11123	37K-356.14	Nghệ An
6624	38C-229.11	Hà Tĩnh	8124	38A-631.99	Hà Tĩnh	9624	43A-880.41	Đà Nẵng	11124	37K-356.82	Nghệ An
6625	43A-877.44	Đà Nẵng	8125	38A-632.39	Hà Tĩnh	9625	43A-881.02	Đà Nẵng	11125	37K-357.01	Nghệ An
6626	43A-877.65	Đà Nẵng	8126	38A-632.85	Hà Tĩnh	9626	43A-881.61	Đà Nẵng	11126	37K-357.04	Nghệ An
6627	43A-878.96	Đà Nẵng	8127	38A-632.99	Hà Tĩnh	9627	43A-882.12	Đà Nẵng	11127	37K-357.13	Nghệ An
6628	43A-879.08	Đà Nẵng	8128	38A-633.59	Hà Tĩnh	9628	43A-883.45	Đà Nẵng	11128	37K-357.54	Nghệ An
6629	43A-881.38	Đà Nẵng	8129	38A-634.85	Hà Tĩnh	9629	43A-883.53	Đà Nẵng	11129	37K-357.91	Nghệ An
6630	43A-881.79	Đà Nẵng	8130	38A-635.77	Hà Tĩnh	9630	43A-883.70	Đà Nẵng	11130	37K-358.41	Nghệ An
6631	43A-882.44	Đà Nẵng	8131	38C-227.79	Hà Tĩnh	9631	43A-884.07	Đà Nẵng	11131	37K-358.60	Nghệ An
6632	43A-882.96	Đà Nẵng	8132	38C-227.83	Hà Tĩnh	9632	43A-884.12	Đà Nẵng	11132	37K-358.73	Nghệ An
6633	43A-883.28	Đà Nẵng	8133	38C-229.00	Hà Tĩnh	9633	43A-884.14	Đà Nẵng	11133	37K-359.13	Nghệ An
6634	43A-884.36	Đà Nẵng	8134	43A-877.83	Đà Nẵng	9634	43A-884.76	Đà Nẵng	11134	37K-360.57	Nghệ An
6635	43A-884.55	Đà Nẵng	8135	43A-879.09	Đà Nẵng	9635	43A-885.04	Đà Nẵng	11135	37K-360.75	Nghệ An
6636	43A-884.95	Đà Nẵng	8136	43A-879.22	Đà Nẵng	9636	43A-885.57	Đà Nẵng	11136	37K-362.27	Nghệ An
6637	43A-885.22	Đà Nẵng	8137	43A-879.29	Đà Nẵng	9637	43A-885.75	Đà Nẵng	11137	37K-362.43	Nghệ An
6638	43A-885.35	Đà Nẵng	8138	43A-879.60	Đà Nẵng	9638	43A-885.76	Đà Nẵng	11138	37K-364.82	Nghệ An
6639	43A-886.95	Đà Nẵng	8139	43A-879.77	Đà Nẵng	9639	43A-886.17	Đà Nẵng	11139	37K-366.41	Nghệ An
6640	43A-890.38	Đà Nẵng	8140	43A-879.88	Đà Nẵng	9640	43A-886.90	Đà Nẵng	11140	37K-367.80	Nghệ An
6641	43A-890.83	Đà Nẵng	8141	43A-880.66	Đà Nẵng	9641	43A-887.02	Đà Nẵng	11141	37K-368.64	Nghệ An
6642	43A-891.26	Đà Nẵng	8142	43A-884.59	Đà Nẵng	9642	43A-887.72	Đà Nẵng	11142	37K-369.03	Nghệ An
6643	43A-891.55	Đà Nẵng	8143	43A-885.33	Đà Nẵng	9643	43A-888.63	Đà Nẵng	11143	37K-369.10	Nghệ An
6644	43A-891.98	Đà Nẵng	8144	43A-885.85	Đà Nẵng	9644	43A-890.12	Đà Nẵng	11144	37K-369.32	Nghệ An
6645	43A-893.83	Đà Nẵng	8145	43A-886.59	Đà Nẵng	9645	43A-890.40	Đà Nẵng	11145	37K-369.42	Nghệ An
6646	43A-895.18	Đà Nẵng	8146	43A-890.28	Đà Nẵng	9646	43A-890.61	Đà Nẵng	11146	37K-369.50	Nghệ An
6647	43A-895.98	Đà Nẵng	8147	43A-890.55	Đà Nẵng	9647	43A-891.76	Đà Nẵng	11147	37K-371.81	Nghệ An
6648	43A-896.18	Đà Nẵng	8148	43A-890.56	Đà Nẵng	9648	43A-892.14	Đà Nẵng	11148	37K-372.92	Nghệ An
6649	43A-897.15	Đà Nẵng	8149	43A-894.19	Đà Nẵng	9649	43A-892.63	Đà Nẵng	11149	37K-373.70	Nghệ An
6650	43A-897.99	Đà Nẵng	8150	43A-894.68	Đà Nẵng	9650	43A-892.70	Đà Nẵng	11150	37K-373.76	Nghệ An
6651	43A-898.79	Đà Nẵng	8151	43A-895.11	Đà Nẵng	9651	43A-893.42	Đà Nẵng	11151	37K-375.43	Nghệ An
6652	47A-721.38	Đắk Lắk	8152	43A-897.00	Đà Nẵng	9652	43A-893.87	Đà Nẵng	11152	37K-375.72	Nghệ An
6653	47A-721.88	Đắk Lắk	8153	43A-897.36	Đà Nẵng	9653	43A-894.61	Đà Nẵng	11153	37K-376.46	Nghệ An
6654	47A-728.33	Đắk Lắk	8154	43A-898.55	Đà Nẵng	9654	43A-894.80	Đà Nẵng	11154	37K-376.62	Nghệ An
6655	47A-729.22	Đắk Lắk	8155	47A-721.16	Đắk Lắk	9655	43A-895.48	Đà Nẵng	11155	37K-377.48	Nghệ An
6656	47A-730.37	Đắk Lắk	8156	47A-721.79	Đắk Lắk	9656	43A-895.80	Đà Nẵng	11156	37K-379.03	Nghệ An
6657	47A-731.22	Đắk Lắk	8157	47A-724.19	Đắk Lắk	9657	43A-896.01	Đà Nẵng	11157	37K-379.41	Nghệ An
6658	47A-731.73	Đắk Lắk	8158	47A-725.38	Đắk Lắk	9658	43A-896.53	Đà Nẵng	11158	37K-380.31	Nghệ An
6659	47A-732.86	Đắk Lắk	8159	47A-725.66	Đắk Lắk	9659	43A-897.37	Đà Nẵng	11159	37K-381.57	Nghệ An
6660	47A-732.88	Đắk Lắk	8160	47A-727.18	Đắk Lắk	9660	43A-897.49	Đà Nẵng	11160	37K-381.93	Nghệ An

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6661	47A-733.56	Đắk Lắk	8161	47A-729.11	Đắk Lắk	9661	43A-897.71	Đà Nẵng	11161	37K-382.45	Nghệ An
6662	47A-733.77	Đắk Lắk	8162	47A-729.86	Đắk Lắk	9662	43A-898.72	Đà Nẵng	11162	37K-383.43	Nghệ An
6663	47A-734.11	Đắk Lắk	8163	47A-731.50	Đắk Lắk	9663	43A-898.76	Đà Nẵng	11163	37K-383.62	Nghệ An
6664	47A-735.39	Đắk Lắk	8164	47A-731.99	Đắk Lắk	9664	47A-730.20	Đắk Lắk	11164	37K-383.72	Nghệ An
6665	47A-736.83	Đắk Lắk	8165	47A-732.18	Đắk Lắk	9665	47A-730.80	Đắk Lắk	11165	37K-384.42	Nghệ An
6666	47A-738.22	Đắk Lắk	8166	47A-732.38	Đắk Lắk	9666	47A-730.84	Đắk Lắk	11166	37K-384.97	Nghệ An
6667	47A-738.25	Đắk Lắk	8167	47A-735.18	Đắk Lắk	9667	47A-731.23	Đắk Lắk	11167	37K-385.61	Nghệ An
6668	47A-739.36	Đắk Lắk	8168	47A-735.38	Đắk Lắk	9668	47A-731.72	Đắk Lắk	11168	37K-385.91	Nghệ An
6669	47A-739.59	Đắk Lắk	8169	47A-735.65	Đắk Lắk	9669	47A-732.53	Đắk Lắk	11169	37K-386.32	Nghệ An
6670	47A-740.39	Đắk Lắk	8170	47A-737.28	Đắk Lắk	9670	47A-732.54	Đắk Lắk	11170	37K-386.60	Nghệ An
6671	47A-744.16	Đắk Lắk	8171	47A-738.00	Đắk Lắk	9671	47A-732.64	Đắk Lắk	11171	37K-386.71	Nghệ An
6672	47A-745.29	Đắk Lắk	8172	47A-738.35	Đắk Lắk	9672	47A-733.27	Đắk Lắk	11172	38A-623.60	Hà Tĩnh
6673	47A-745.54	Đắk Lắk	8173	47A-738.37	Đắk Lắk	9673	47A-734.62	Đắk Lắk	11173	38A-624.63	Hà Tĩnh
6674	47A-745.58	Đắk Lắk	8174	47A-738.58	Đắk Lắk	9674	47A-735.84	Đắk Lắk	11174	38A-625.97	Hà Tĩnh
6675	47A-745.77	Đắk Lắk	8175	47A-739.29	Đắk Lắk	9675	47A-736.02	Đắk Lắk	11175	38A-626.20	Hà Tĩnh
6676	47A-746.00	Đắk Lắk	8176	47A-739.35	Đắk Lắk	9676	47A-736.48	Đắk Lắk	11176	38A-627.50	Hà Tĩnh
6677	47A-746.38	Đắk Lắk	8177	47A-739.86	Đắk Lắk	9677	47A-736.52	Đắk Lắk	11177	38A-627.87	Hà Tĩnh
6678	47A-747.26	Đắk Lắk	8178	47A-739.90	Đắk Lắk	9678	47A-736.87	Đắk Lắk	11178	38A-628.31	Hà Tĩnh
6679	47A-749.18	Đắk Lắk	8179	47A-741.41	Đắk Lắk	9679	47A-736.93	Đắk Lắk	11179	38A-628.37	Hà Tĩnh
6680	47A-749.94	Đắk Lắk	8180	47A-741.44	Đắk Lắk	9680	47A-737.60	Đắk Lắk	11180	38A-628.41	Hà Tĩnh
6681	47A-750.29	Đắk Lắk	8181	47A-741.56	Đắk Lắk	9681	47A-737.61	Đắk Lắk	11181	38A-628.52	Hà Tĩnh
6682	47A-750.50	Đắk Lắk	8182	47A-742.00	Đắk Lắk	9682	47A-737.70	Đắk Lắk	11182	38A-629.80	Hà Tĩnh
6683	47A-751.26	Đắk Lắk	8183	47A-743.89	Đắk Lắk	9683	47A-738.51	Đắk Lắk	11183	38A-630.82	Hà Tĩnh
6684	47A-752.89	Đắk Lắk	8184	47A-744.56	Đắk Lắk	9684	47A-739.52	Đắk Lắk	11184	38A-630.87	Hà Tĩnh
6685	47A-753.09	Đắk Lắk	8185	47A-746.18	Đắk Lắk	9685	47A-741.90	Đắk Lắk	11185	38A-631.64	Hà Tĩnh
6686	47A-753.26	Đắk Lắk	8186	47A-746.86	Đắk Lắk	9686	47A-742.01	Đắk Lắk	11186	38A-631.72	Hà Tĩnh
6687	47A-753.77	Đắk Lắk	8187	47A-747.33	Đắk Lắk	9687	47A-742.14	Đắk Lắk	11187	38A-631.94	Hà Tĩnh
6688	47A-755.00	Đắk Lắk	8188	47A-748.62	Đắk Lắk	9688	47A-742.49	Đắk Lắk	11188	38A-633.75	Hà Tĩnh
6689	47A-757.25	Đắk Lắk	8189	47A-748.66	Đắk Lắk	9689	47A-742.53	Đắk Lắk	11189	38A-634.05	Hà Tĩnh
6690	47A-758.58	Đắk Lắk	8190	47A-751.29	Đắk Lắk	9690	47A-742.61	Đắk Lắk	11190	38A-634.52	Hà Tĩnh
6691	47A-759.25	Đắk Lắk	8191	47A-751.51	Đắk Lắk	9691	47A-745.02	Đắk Lắk	11191	38A-634.74	Hà Tĩnh
6692	47C-358.06	Đắk Lắk	8192	47A-751.89	Đắk Lắk	9692	47A-745.32	Đắk Lắk	11192	38A-636.27	Hà Tĩnh
6693	47C-359.36	Đắk Lắk	8193	47A-752.35	Đắk Lắk	9693	47A-745.41	Đắk Lắk	11193	38C-226.72	Hà Tĩnh
6694	47C-359.86	Đắk Lắk	8194	47A-753.91	Đắk Lắk	9694	47A-746.07	Đắk Lắk	11194	38C-226.74	Hà Tĩnh
6695	47C-359.99	Đắk Lắk	8195	47A-753.96	Đắk Lắk	9695	47A-746.53	Đắk Lắk	11195	38C-227.45	Hà Tĩnh
6696	47C-361.61	Đắk Lắk	8196	47A-753.97	Đắk Lắk	9696	47A-746.67	Đắk Lắk	11196	38C-228.37	Hà Tĩnh
6697	47C-363.44	Đắk Lắk	8197	47A-754.29	Đắk Lắk	9697	47A-747.04	Đắk Lắk	11197	43A-878.75	Đà Nẵng
6698	47C-363.59	Đắk Lắk	8198	47A-755.96	Đắk Lắk	9698	47A-747.70	Đắk Lắk	11198	43A-879.47	Đà Nẵng
6699	47C-363.86	Đắk Lắk	8199	47A-756.28	Đắk Lắk	9699	47A-747.78	Đắk Lắk	11199	43A-879.48	Đà Nẵng
6700	47C-363.88	Đắk Lắk	8200	47A-757.44	Đắk Lắk	9700	47A-747.80	Đắk Lắk	11200	43A-879.51	Đà Nẵng
6701	47C-364.18	Đắk Lắk	8201	47A-758.08	Đắk Lắk	9701	47A-748.34	Đắk Lắk	11201	43A-880.27	Đà Nẵng
6702	47C-364.59	Đắk Lắk	8202	47A-758.29	Đắk Lắk	9702	47A-749.21	Đắk Lắk	11202	43A-880.37	Đà Nẵng
6703	47C-365.59	Đắk Lắk	8203	47C-357.59	Đắk Lắk	9703	47A-750.42	Đắk Lắk	11203	43A-880.93	Đà Nẵng
6704	47C-367.08	Đắk Lắk	8204	47C-358.56	Đắk Lắk	9704	47A-751.13	Đắk Lắk	11204	43A-881.34	Đà Nẵng
6705	47C-371.35	Đắk Lắk	8205	47C-361.66	Đắk Lắk	9705	47A-752.40	Đắk Lắk	11205	43A-883.62	Đà Nẵng
6706	47C-371.59	Đắk Lắk	8206	47C-362.39	Đắk Lắk	9706	47A-754.04	Đắk Lắk	11206	43A-883.90	Đà Nẵng
6707	47C-371.66	Đắk Lắk	8207	47C-366.19	Đắk Lắk	9707	47A-754.27	Đắk Lắk	11207	43A-884.01	Đà Nẵng
6708	47C-372.89	Đắk Lắk	8208	47C-367.79	Đắk Lắk	9708	47A-757.47	Đắk Lắk	11208	43A-884.13	Đà Nẵng
6709	47C-373.96	Đắk Lắk	8209	47C-368.39	Đắk Lắk	9709	47A-757.61	Đắk Lắk	11209	43A-884.72	Đà Nẵng
6710	47C-375.06	Đắk Lắk	8210	47C-368.99	Đắk Lắk	9710	47A-757.80	Đắk Lắk	11210	43A-884.91	Đà Nẵng
6711	47C-375.16	Đắk Lắk	8211	47C-369.68	Đắk Lắk	9711	47A-758.07	Đắk Lắk	11211	43A-885.03	Đà Nẵng
6712	47C-375.98	Đắk Lắk	8212	47C-370.94	Đắk Lắk	9712	47A-759.64	Đắk Lắk	11212	43A-886.23	Đà Nẵng
6713	49A-696.00	Lâm Đồng	8213	47C-371.39	Đắk Lắk	9713	47A-759.74	Đắk Lắk	11213	43A-888.75	Đà Nẵng
6714	49A-696.11	Lâm Đồng	8214	47C-371.83	Đắk Lắk	9714	47A-759.94	Đắk Lắk	11214	43A-890.02	Đà Nẵng
6715	49A-696.56	Lâm Đồng	8215	47C-371.95	Đắk Lắk	9715	47A-760.01	Đắk Lắk	11215	43A-891.23	Đà Nẵng
6716	49A-696.85	Lâm Đồng	8216	47C-371.99	Đắk Lắk	9716	47A-760.23	Đắk Lắk	11216	43A-891.90	Đà Nẵng
6717	49A-697.18	Lâm Đồng	8217	47C-372.08	Đắk Lắk	9717	47C-371.45	Đắk Lắk	11217	43A-892.61	Đà Nẵng
6718	49A-697.59	Lâm Đồng	8218	47C-373.09	Đắk Lắk	9718	47C-372.31	Đắk Lắk	11218	43A-893.01	Đà Nẵng
6719	49A-697.83	Lâm Đồng	8219	47C-374.22	Đắk Lắk	9719	47C-372.51	Đắk Lắk	11219	43A-895.43	Đà Nẵng
6720	49A-698.68	Lâm Đồng	8220	47C-374.56	Đắk Lắk	9720	47C-372.82	Đắk Lắk	11220	43A-896.21	Đà Nẵng

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6721	49A-698.83	Lâm Đồng	8221	47C-374.95	Đắk Lắk	9721	47C-372.90	Đắk Lắk	11221	43A-896.24	Đà Nẵng
6722	49A-699.28	Lâm Đồng	8222	47C-375.25	Đắk Lắk	9722	47C-373.02	Đắk Lắk	11222	43A-896.92	Đà Nẵng
6723	49A-699.35	Lâm Đồng	8223	47D-015.11	Đắk Lắk	9723	47C-373.32	Đắk Lắk	11223	43A-897.72	Đà Nẵng
6724	49A-701.08	Lâm Đồng	8224	49A-695.39	Lâm Đồng	9724	47C-373.50	Đắk Lắk	11224	43A-898.31	Đà Nẵng
6725	49A-701.25	Lâm Đồng	8225	49A-696.15	Lâm Đồng	9725	47C-373.91	Đắk Lắk	11225	43A-898.32	Đà Nẵng
6726	49A-702.00	Lâm Đồng	8226	49A-698.94	Lâm Đồng	9726	47C-374.27	Đắk Lắk	11226	43A-898.71	Đà Nẵng
6727	49A-702.26	Lâm Đồng	8227	49A-700.77	Lâm Đồng	9727	47C-374.78	Đắk Lắk	11227	47A-731.64	Đắk Lắk
6728	49A-703.00	Lâm Đồng	8228	49A-700.86	Lâm Đồng	9728	47C-375.01	Đắk Lắk	11228	47A-731.76	Đắk Lắk
6729	49A-703.03	Lâm Đồng	8229	49A-700.95	Lâm Đồng	9729	47C-375.24	Đắk Lắk	11229	47A-731.82	Đắk Lắk
6730	49A-703.89	Lâm Đồng	8230	49A-701.16	Lâm Đồng	9730	49A-696.21	Lâm Đồng	11230	47A-732.62	Đắk Lắk
6731	49A-704.06	Lâm Đồng	8231	49A-701.86	Lâm Đồng	9731	49A-696.50	Lâm Đồng	11231	47A-733.63	Đắk Lắk
6732	49A-704.19	Lâm Đồng	8232	49A-701.96	Lâm Đồng	9732	49A-696.72	Lâm Đồng	11232	47A-733.64	Đắk Lắk
6733	49A-704.39	Lâm Đồng	8233	49A-702.44	Lâm Đồng	9733	49A-696.80	Lâm Đồng	11233	47A-734.67	Đắk Lắk
6734	49A-705.16	Lâm Đồng	8234	49A-703.66	Lâm Đồng	9734	49A-697.64	Lâm Đồng	11234	47A-735.03	Đắk Lắk
6735	49A-705.26	Lâm Đồng	8235	49A-705.95	Lâm Đồng	9735	49A-698.51	Lâm Đồng	11235	47A-735.50	Đắk Lắk
6736	49A-707.06	Lâm Đồng	8236	49A-706.16	Lâm Đồng	9736	49A-699.48	Lâm Đồng	11236	47A-735.92	Đắk Lắk
6737	49A-707.28	Lâm Đồng	8237	49A-706.22	Lâm Đồng	9737	49A-699.57	Lâm Đồng	11237	47A-736.23	Đắk Lắk
6738	49A-707.38	Lâm Đồng	8238	49A-706.56	Lâm Đồng	9738	49A-700.12	Lâm Đồng	11238	47A-736.45	Đắk Lắk
6739	49A-707.55	Lâm Đồng	8239	49A-707.86	Lâm Đồng	9739	49A-700.31	Lâm Đồng	11239	47A-737.74	Đắk Lắk
6740	49A-708.19	Lâm Đồng	8240	49A-708.28	Lâm Đồng	9740	49A-700.37	Lâm Đồng	11240	47A-738.42	Đắk Lắk
6741	49A-708.25	Lâm Đồng	8241	49A-708.38	Lâm Đồng	9741	49A-700.53	Lâm Đồng	11241	47A-738.91	Đắk Lắk
6742	49C-366.09	Lâm Đồng	8242	49C-365.68	Lâm Đồng	9742	49A-700.82	Lâm Đồng	11242	47A-740.01	Đắk Lắk
6743	49C-368.39	Lâm Đồng	8243	49C-365.98	Lâm Đồng	9743	49A-701.62	Lâm Đồng	11243	47A-740.24	Đắk Lắk
6744	49C-368.63	Lâm Đồng	8244	49C-367.29	Lâm Đồng	9744	49A-701.93	Lâm Đồng	11244	47A-741.31	Đắk Lắk
6745	49D-011.99	Lâm Đồng	8245	49C-367.79	Lâm Đồng	9745	49A-702.53	Lâm Đồng	11245	47A-743.76	Đắk Lắk
6746	51M-006.44	Hồ Chí Minh	8246	49C-367.98	Lâm Đồng	9746	49A-703.20	Lâm Đồng	11246	47A-743.97	Đắk Lắk
6747	51M-006.79	Hồ Chí Minh	8247	51D-999.34	Hồ Chí Minh	9747	49A-703.47	Lâm Đồng	11247	47A-744.14	Đắk Lắk
6748	51M-006.89	Hồ Chí Minh	8248	51D-999.66	Hồ Chí Minh	9748	49A-704.02	Lâm Đồng	11248	47A-744.21	Đắk Lắk
6749	51M-006.98	Hồ Chí Minh	8249	51E-322.55	Hồ Chí Minh	9749	49A-705.71	Lâm Đồng	11249	47A-745.80	Đắk Lắk
6750	51M-008.19	Hồ Chí Minh	8250	51M-004.79	Hồ Chí Minh	9750	49A-706.24	Lâm Đồng	11250	47A-746.05	Đắk Lắk
6751	60C-717.58	Đồng Nai	8251	51M-005.08	Hồ Chí Minh	9751	49A-706.92	Lâm Đồng	11251	47A-746.24	Đắk Lắk
6752	60C-717.85	Đồng Nai	8252	51M-005.71	Hồ Chí Minh	9752	49A-708.43	Lâm Đồng	11252	47A-747.31	Đắk Lắk
6753	60C-719.16	Đồng Nai	8253	51M-007.08	Hồ Chí Minh	9753	49C-365.73	Lâm Đồng	11253	47A-747.50	Đắk Lắk
6754	60C-719.38	Đồng Nai	8254	60C-717.55	Đồng Nai	9754	49C-365.74	Lâm Đồng	11254	47A-747.53	Đắk Lắk
6755	60C-720.58	Đồng Nai	8255	60C-717.56	Đồng Nai	9755	49C-366.57	Lâm Đồng	11255	47A-748.21	Đắk Lắk
6756	60C-721.56	Đồng Nai	8256	60C-717.79	Đồng Nai	9756	49C-366.87	Lâm Đồng	11256	47A-748.51	Đắk Lắk
6757	60C-721.65	Đồng Nai	8257	60C-719.20	Đồng Nai	9757	49C-367.23	Lâm Đồng	11257	47A-748.81	Đắk Lắk
6758	60C-721.77	Đồng Nai	8258	60C-719.35	Đồng Nai	9758	49C-367.90	Lâm Đồng	11258	47A-749.10	Đắk Lắk
6759	60C-722.38	Đồng Nai	8259	60C-719.59	Đồng Nai	9759	49C-368.01	Lâm Đồng	11259	47A-749.87	Đắk Lắk
6760	60C-722.86	Đồng Nai	8260	60C-719.70	Đồng Nai	9760	49C-368.03	Lâm Đồng	11260	47A-749.90	Đắk Lắk
6761	60C-723.35	Đồng Nai	8261	60C-720.02	Đồng Nai	9761	49C-368.30	Lâm Đồng	11261	47A-750.17	Đắk Lắk
6762	60C-724.25	Đồng Nai	8262	60C-720.34	Đồng Nai	9762	49D-011.81	Lâm Đồng	11262	47A-751.32	Đắk Lắk
6763	60C-725.08	Đồng Nai	8263	60C-720.49	Đồng Nai	9763	51E-322.50	Hồ Chí Minh	11263	47A-752.34	Đắk Lắk
6764	60C-725.38	Đồng Nai	8264	60C-720.79	Đồng Nai	9764	51M-004.13	Hồ Chí Minh	11264	47A-752.62	Đắk Lắk
6765	60C-726.06	Đồng Nai	8265	60C-721.06	Đồng Nai	9765	51M-005.12	Hồ Chí Minh	11265	47A-753.52	Đắk Lắk
6766	60C-726.72	Đồng Nai	8266	60C-721.85	Đồng Nai	9766	51M-006.31	Hồ Chí Minh	11266	47A-753.80	Đắk Lắk
6767	60C-727.22	Đồng Nai	8267	60C-724.85	Đồng Nai	9767	51M-006.49	Hồ Chí Minh	11267	47A-754.51	Đắk Lắk
6768	60C-727.58	Đồng Nai	8268	60C-725.52	Đồng Nai	9768	51M-007.57	Hồ Chí Minh	11268	47A-754.60	Đắk Lắk
6769	60K-500.55	Đồng Nai	8269	60C-726.68	Đồng Nai	9769	60C-717.78	Đồng Nai	11269	47A-754.70	Đắk Lắk
6770	60K-502.69	Đồng Nai	8270	60C-726.99	Đồng Nai	9770	60C-718.34	Đồng Nai	11270	47A-755.24	Đắk Lắk
6771	60K-503.58	Đồng Nai	8271	60K-501.16	Đồng Nai	9771	60C-718.93	Đồng Nai	11271	47A-756.21	Đắk Lắk
6772	60K-503.77	Đồng Nai	8272	60K-502.88	Đồng Nai	9772	60C-720.12	Đồng Nai	11272	47A-756.64	Đắk Lắk
6773	60K-505.35	Đồng Nai	8273	60K-503.85	Đồng Nai	9773	60C-721.50	Đồng Nai	11273	47A-756.72	Đắk Lắk
6774	60K-505.38	Đồng Nai	8274	60K-506.86	Đồng Nai	9774	60C-721.74	Đồng Nai	11274	47A-758.02	Đắk Lắk
6775	60K-506.06	Đồng Nai	8275	60K-507.26	Đồng Nai	9775	60C-721.92	Đồng Nai	11275	47A-758.23	Đắk Lắk
6776	60K-506.09	Đồng Nai	8276	60K-508.16	Đồng Nai	9776	60C-722.71	Đồng Nai	11276	47A-758.34	Đắk Lắk
6777	60K-507.16	Đồng Nai	8277	60K-508.46	Đồng Nai	9777	60C-723.97	Đồng Nai	11277	47A-758.64	Đắk Lắk
6778	60K-508.99	Đồng Nai	8278	60K-508.80	Đồng Nai	9778	60C-724.05	Đồng Nai	11278	47A-759.27	Đắk Lắk
6779	60K-511.18	Đồng Nai	8279	60K-509.19	Đồng Nai	9779	60C-724.32	Đồng Nai	11279	47A-760.20	Đắk Lắk
6780	60K-511.26	Đồng Nai	8280	60K-510.49	Đồng Nai	9780	60C-725.01	Đồng Nai	11280	47C-371.40	Đắk Lắk

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6781	60K-511.83	Đồng Nai	8281	60K-511.58	Đồng Nai	9781	60C-725.02	Đồng Nai	11281	47C-372.30	Đắk Lắk
6782	60K-514.77	Đồng Nai	8282	60K-511.59	Đồng Nai	9782	60C-725.10	Đồng Nai	11282	47C-372.60	Đắk Lắk
6783	60K-514.95	Đồng Nai	8283	60K-512.29	Đồng Nai	9783	60C-725.42	Đồng Nai	11283	47C-372.62	Đắk Lắk
6784	60K-517.39	Đồng Nai	8284	60K-512.77	Đồng Nai	9784	60C-727.12	Đồng Nai	11284	47C-372.94	Đắk Lắk
6785	60K-517.88	Đồng Nai	8285	60K-512.95	Đồng Nai	9785	60K-500.62	Đồng Nai	11285	47C-373.48	Đắk Lắk
6786	60K-518.65	Đồng Nai	8286	60K-513.86	Đồng Nai	9786	60K-501.61	Đồng Nai	11286	47C-375.41	Đắk Lắk
6787	60K-518.77	Đồng Nai	8287	60K-514.41	Đồng Nai	9787	60K-502.12	Đồng Nai	11287	47C-375.53	Đắk Lắk
6788	60K-521.26	Đồng Nai	8288	60K-514.79	Đồng Nai	9788	60K-502.47	Đồng Nai	11288	47C-375.67	Đắk Lắk
6789	60K-521.28	Đồng Nai	8289	60K-514.89	Đồng Nai	9789	60K-502.80	Đồng Nai	11289	47C-376.07	Đắk Lắk
6790	60K-521.59	Đồng Nai	8290	60K-514.98	Đồng Nai	9790	60K-502.93	Đồng Nai	11290	47D-015.02	Đắk Lắk
6791	60K-525.36	Đồng Nai	8291	60K-516.65	Đồng Nai	9791	60K-503.10	Đồng Nai	11291	49A-695.62	Lâm Đồng
6792	60K-525.89	Đồng Nai	8292	60K-517.17	Đồng Nai	9792	60K-503.23	Đồng Nai	11292	49A-695.71	Lâm Đồng
6793	60K-526.08	Đồng Nai	8293	60K-517.85	Đồng Nai	9793	60K-503.60	Đồng Nai	11293	49A-696.17	Lâm Đồng
6794	60K-527.00	Đồng Nai	8294	60K-518.46	Đồng Nai	9794	60K-503.70	Đồng Nai	11294	49A-697.71	Lâm Đồng
6795	60K-528.33	Đồng Nai	8295	60K-518.47	Đồng Nai	9795	60K-503.74	Đồng Nai	11295	49A-698.75	Lâm Đồng
6796	60K-529.15	Đồng Nai	8296	60K-519.09	Đồng Nai	9796	60K-504.43	Đồng Nai	11296	49A-700.21	Lâm Đồng
6797	60K-529.55	Đồng Nai	8297	60K-519.33	Đồng Nai	9797	60K-505.75	Đồng Nai	11297	49A-700.87	Lâm Đồng
6798	60K-530.58	Đồng Nai	8298	60K-521.33	Đồng Nai	9798	60K-505.82	Đồng Nai	11298	49A-705.43	Lâm Đồng
6799	60K-532.53	Đồng Nai	8299	60K-521.44	Đồng Nai	9799	60K-505.84	Đồng Nai	11299	49A-706.48	Lâm Đồng
6800	60K-532.65	Đồng Nai	8300	60K-521.83	Đồng Nai	9800	60K-508.04	Đồng Nai	11300	51M-004.78	Hồ Chí Minh
6801	60K-533.00	Đồng Nai	8301	60K-522.52	Đồng Nai	9801	60K-509.01	Đồng Nai	11301	51M-005.49	Hồ Chí Minh
6802	60K-533.15	Đồng Nai	8302	60K-523.08	Đồng Nai	9802	60K-510.50	Đồng Nai	11302	51M-007.13	Hồ Chí Minh
6803	60K-535.22	Đồng Nai	8303	60K-523.25	Đồng Nai	9803	60K-511.01	Đồng Nai	11303	51M-007.48	Hồ Chí Minh
6804	60K-535.58	Đồng Nai	8304	60K-523.58	Đồng Nai	9804	60K-511.87	Đồng Nai	11304	60C-717.84	Đồng Nai
6805	60K-536.85	Đồng Nai	8305	60K-524.10	Đồng Nai	9805	60K-512.64	Đồng Nai	11305	60C-719.45	Đồng Nai
6806	60K-539.93	Đồng Nai	8306	60K-524.16	Đồng Nai	9806	60K-512.75	Đồng Nai	11306	60C-719.52	Đồng Nai
6807	60K-540.15	Đồng Nai	8307	60K-525.22	Đồng Nai	9807	60K-512.92	Đồng Nai	11307	60C-720.04	Đồng Nai
6808	60K-540.22	Đồng Nai	8308	60K-527.28	Đồng Nai	9808	60K-514.49	Đồng Nai	11308	60C-722.01	Đồng Nai
6809	60K-541.39	Đồng Nai	8309	60K-527.39	Đồng Nai	9809	60K-514.75	Đồng Nai	11309	60C-722.13	Đồng Nai
6810	60K-541.56	Đồng Nai	8310	60K-527.51	Đồng Nai	9810	60K-514.87	Đồng Nai	11310	60C-722.64	Đồng Nai
6811	60K-542.18	Đồng Nai	8311	60K-528.19	Đồng Nai	9811	60K-515.07	Đồng Nai	11311	60C-723.12	Đồng Nai
6812	60K-542.58	Đồng Nai	8312	60K-529.00	Đồng Nai	9812	60K-515.93	Đồng Nai	11312	60C-723.71	Đồng Nai
6813	60K-543.44	Đồng Nai	8313	60K-529.25	Đồng Nai	9813	60K-516.48	Đồng Nai	11313	60C-724.53	Đồng Nai
6814	60K-543.88	Đồng Nai	8314	60K-529.39	Đồng Nai	9814	60K-516.76	Đồng Nai	11314	60C-725.13	Đồng Nai
6815	61C-583.15	Bình Dương	8315	60K-530.68	Đồng Nai	9815	60K-516.84	Đồng Nai	11315	60C-725.97	Đồng Nai
6816	61C-583.99	Bình Dương	8316	60K-530.79	Đồng Nai	9816	60K-517.01	Đồng Nai	11316	60C-726.71	Đồng Nai
6817	61C-584.77	Bình Dương	8317	60K-531.96	Đồng Nai	9817	60K-517.94	Đồng Nai	11317	60C-727.43	Đồng Nai
6818	61C-585.16	Bình Dương	8318	60K-531.98	Đồng Nai	9818	60K-518.14	Đồng Nai	11318	60K-500.61	Đồng Nai
6819	61C-585.86	Bình Dương	8319	60K-533.29	Đồng Nai	9819	60K-518.53	Đồng Nai	11319	60K-501.74	Đồng Nai
6820	61C-586.89	Bình Dương	8320	60K-534.15	Đồng Nai	9820	60K-521.60	Đồng Nai	11320	60K-502.27	Đồng Nai
6821	61D-018.83	Bình Dương	8321	60K-535.15	Đồng Nai	9821	60K-522.01	Đồng Nai	11321	60K-502.34	Đồng Nai
6822	61K-407.95	Bình Dương	8322	60K-535.99	Đồng Nai	9822	60K-522.03	Đồng Nai	11322	60K-502.52	Đồng Nai
6823	61K-408.66	Bình Dương	8323	60K-536.33	Đồng Nai	9823	60K-522.30	Đồng Nai	11323	60K-502.53	Đồng Nai
6824	61K-409.29	Bình Dương	8324	60K-537.44	Đồng Nai	9824	60K-522.90	Đồng Nai	11324	60K-502.74	Đồng Nai
6825	61K-409.96	Bình Dương	8325	60K-537.73	Đồng Nai	9825	60K-524.12	Đồng Nai	11325	60K-502.75	Đồng Nai
6826	61K-410.08	Bình Dương	8326	60K-537.98	Đồng Nai	9826	60K-524.31	Đồng Nai	11326	60K-503.21	Đồng Nai
6827	61K-410.59	Bình Dương	8327	60K-538.15	Đồng Nai	9827	60K-525.80	Đồng Nai	11327	60K-503.24	Đồng Nai
6828	61K-410.86	Bình Dương	8328	60K-538.44	Đồng Nai	9828	60K-525.87	Đồng Nai	11328	60K-503.87	Đồng Nai
6829	61K-410.96	Bình Dương	8329	60K-539.95	Đồng Nai	9829	60K-526.48	Đồng Nai	11329	60K-504.17	Đồng Nai
6830	61K-411.28	Bình Dương	8330	60K-540.04	Đồng Nai	9830	60K-527.07	Đồng Nai	11330	60K-505.52	Đồng Nai
6831	61K-411.35	Bình Dương	8331	60K-541.22	Đồng Nai	9831	60K-528.49	Đồng Nai	11331	60K-507.49	Đồng Nai
6832	61K-413.13	Bình Dương	8332	60K-541.25	Đồng Nai	9832	60K-528.84	Đồng Nai	11332	60K-507.61	Đồng Nai
6833	61K-413.26	Bình Dương	8333	60K-543.56	Đồng Nai	9833	60K-529.05	Đồng Nai	11333	60K-507.97	Đồng Nai
6834	61K-414.85	Bình Dương	8334	60K-543.69	Đồng Nai	9834	60K-529.12	Đồng Nai	11334	60K-508.02	Đồng Nai
6835	61K-415.09	Bình Dương	8335	61C-582.02	Bình Dương	9835	60K-529.20	Đồng Nai	11335	60K-508.14	Đồng Nai
6836	61K-415.85	Bình Dương	8336	61C-582.79	Bình Dương	9836	60K-531.12	Đồng Nai	11336	60K-508.41	Đồng Nai
6837	61K-416.16	Bình Dương	8337	61C-584.12	Bình Dương	9837	60K-531.46	Đồng Nai	11337	60K-509.04	Đồng Nai
6838	61K-416.19	Bình Dương	8338	61C-584.99	Bình Dương	9838	60K-532.17	Đồng Nai	11338	60K-509.67	Đồng Nai
6839	61K-416.59	Bình Dương	8339	61C-585.08	Bình Dương	9839	60K-532.84	Đồng Nai	11339	60K-510.07	Đồng Nai
6840	61K-417.17	Bình Dương	8340	61C-585.25	Bình Dương	9840	60K-533.31	Đồng Nai	11340	60K-510.45	Đồng Nai

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6841	61K-417.65	Bình Dương	8341	61C-585.35	Bình Dương	9841	60K-533.87	Đồng Nai	11341	60K-511.41	Đồng Nai
6842	61K-419.55	Bình Dương	8342	61C-586.33	Bình Dương	9842	60K-534.23	Đồng Nai	11342	60K-512.62	Đồng Nai
6843	61K-420.28	Bình Dương	8343	61C-587.85	Bình Dương	9843	60K-535.80	Đồng Nai	11343	60K-514.74	Đồng Nai
6844	61K-420.56	Bình Dương	8344	61K-408.00	Bình Dương	9844	60K-536.05	Đồng Nai	11344	60K-516.73	Đồng Nai
6845	61K-420.98	Bình Dương	8345	61K-408.38	Bình Dương	9845	60K-536.31	Đồng Nai	11345	60K-517.21	Đồng Nai
6846	61K-421.28	Bình Dương	8346	61K-409.00	Bình Dương	9846	60K-536.87	Đồng Nai	11346	60K-517.46	Đồng Nai
6847	61K-421.65	Bình Dương	8347	61K-410.07	Bình Dương	9847	60K-536.92	Đồng Nai	11347	60K-517.81	Đồng Nai
6848	61K-422.58	Bình Dương	8348	61K-412.36	Bình Dương	9848	60K-537.24	Đồng Nai	11348	60K-518.48	Đồng Nai
6849	61K-422.59	Bình Dương	8349	61K-413.19	Bình Dương	9849	60K-537.46	Đồng Nai	11349	60K-519.48	Đồng Nai
6850	61K-422.83	Bình Dương	8350	61K-413.41	Bình Dương	9850	60K-537.84	Đồng Nai	11350	60K-520.60	Đồng Nai
6851	61K-423.24	Bình Dương	8351	61K-414.26	Bình Dương	9851	60K-538.67	Đồng Nai	11351	60K-520.92	Đồng Nai
6852	61K-423.56	Bình Dương	8352	61K-414.79	Bình Dương	9852	60K-538.73	Đồng Nai	11352	60K-521.10	Đồng Nai
6853	61K-424.16	Bình Dương	8353	61K-415.28	Bình Dương	9853	60K-540.13	Đồng Nai	11353	60K-521.71	Đồng Nai
6854	61K-424.18	Bình Dương	8354	61K-416.36	Bình Dương	9854	60K-540.30	Đồng Nai	11354	60K-522.91	Đồng Nai
6855	61K-425.11	Bình Dương	8355	61K-417.14	Bình Dương	9855	60K-540.51	Đồng Nai	11355	60K-523.91	Đồng Nai
6856	61K-425.66	Bình Dương	8356	61K-418.39	Bình Dương	9856	60K-541.97	Đồng Nai	11356	60K-524.14	Đồng Nai
6857	61K-426.83	Bình Dương	8357	61K-419.36	Bình Dương	9857	60K-542.37	Đồng Nai	11357	60K-524.49	Đồng Nai
6858	61K-428.42	Bình Dương	8358	61K-423.99	Bình Dương	9858	60K-542.60	Đồng Nai	11358	60K-525.64	Đồng Nai
6859	61K-429.19	Bình Dương	8359	61K-424.06	Bình Dương	9859	61C-583.53	Bình Dương	11359	60K-527.13	Đồng Nai
6860	61K-430.26	Bình Dương	8360	61K-425.83	Bình Dương	9860	61C-583.54	Bình Dương	11360	60K-527.21	Đồng Nai
6861	61K-431.29	Bình Dương	8361	61K-426.96	Bình Dương	9861	61C-583.87	Bình Dương	11361	60K-527.43	Đồng Nai
6862	61K-432.39	Bình Dương	8362	61K-427.22	Bình Dương	9862	61C-584.27	Bình Dương	11362	60K-528.27	Đồng Nai
6863	61K-432.58	Bình Dương	8363	61K-427.27	Bình Dương	9863	61C-584.76	Bình Dương	11363	60K-528.97	Đồng Nai
6864	61K-432.59	Bình Dương	8364	61K-428.11	Bình Dương	9864	61C-585.24	Bình Dương	11364	60K-529.03	Đồng Nai
6865	61K-434.35	Bình Dương	8365	61K-428.77	Bình Dương	9865	61C-585.41	Bình Dương	11365	60K-529.87	Đồng Nai
6866	61K-435.43	Bình Dương	8366	61K-428.96	Bình Dương	9866	61C-585.61	Bình Dương	11366	60K-530.42	Đồng Nai
6867	61K-435.53	Bình Dương	8367	61K-429.10	Bình Dương	9867	61C-586.91	Bình Dương	11367	60K-531.02	Đồng Nai
6868	61K-436.00	Bình Dương	8368	61K-429.55	Bình Dương	9868	61C-587.90	Bình Dương	11368	60K-531.14	Đồng Nai
6869	61K-436.08	Bình Dương	8369	61K-430.00	Bình Dương	9869	61D-018.97	Bình Dương	11369	60K-531.84	Đồng Nai
6870	61K-436.18	Bình Dương	8370	61K-432.32	Bình Dương	9870	61K-408.02	Bình Dương	11370	60K-532.27	Đồng Nai
6871	61K-437.88	Bình Dương	8371	61K-434.07	Bình Dương	9871	61K-408.21	Bình Dương	11371	60K-532.70	Đồng Nai
6872	61K-438.19	Bình Dương	8372	61K-434.19	Bình Dương	9872	61K-411.32	Bình Dương	11372	60K-532.93	Đồng Nai
6873	61K-438.77	Bình Dương	8373	61K-434.38	Bình Dương	9873	61K-412.87	Bình Dương	11373	60K-533.61	Đồng Nai
6874	61K-438.89	Bình Dương	8374	61K-434.51	Bình Dương	9874	61K-412.97	Bình Dương	11374	60K-533.80	Đồng Nai
6875	61K-440.06	Bình Dương	8375	61K-435.34	Bình Dương	9875	61K-413.24	Bình Dương	11375	60K-534.17	Đồng Nai
6876	61K-440.28	Bình Dương	8376	61K-436.11	Bình Dương	9876	61K-413.71	Bình Dương	11376	60K-535.20	Đồng Nai
6877	61K-440.38	Bình Dương	8377	61K-436.35	Bình Dương	9877	61K-413.90	Bình Dương	11377	60K-535.23	Đồng Nai
6878	61K-441.65	Bình Dương	8378	61K-438.65	Bình Dương	9878	61K-414.54	Bình Dương	11378	60K-536.41	Đồng Nai
6879	62A-440.44	Long An	8379	61K-438.75	Bình Dương	9879	61K-416.23	Bình Dương	11379	60K-536.62	Đồng Nai
6880	62A-441.16	Long An	8380	61K-439.66	Bình Dương	9880	61K-417.13	Bình Dương	11380	60K-537.80	Đồng Nai
6881	62A-441.65	Long An	8381	61K-440.23	Bình Dương	9881	61K-417.37	Bình Dương	11381	60K-538.13	Đồng Nai
6882	62A-442.18	Long An	8382	62A-439.98	Long An	9882	61K-417.42	Bình Dương	11382	60K-539.20	Đồng Nai
6883	62A-442.39	Long An	8383	62A-441.06	Long An	9883	61K-417.97	Bình Dương	11383	60K-539.87	Đồng Nai
6884	62A-442.85	Long An	8384	62A-441.89	Long An	9884	61K-418.12	Bình Dương	11384	60K-540.92	Đồng Nai
6885	62A-444.07	Long An	8385	62A-442.36	Long An	9885	61K-419.62	Bình Dương	11385	60K-541.10	Đồng Nai
6886	62A-444.37	Long An	8386	62A-443.22	Long An	9886	61K-419.71	Bình Dương	11386	60K-541.40	Đồng Nai
6887	62A-445.85	Long An	8387	62A-443.38	Long An	9887	61K-420.50	Bình Dương	11387	60K-541.50	Đồng Nai
6888	62A-445.98	Long An	8388	62A-444.09	Long An	9888	61K-420.84	Bình Dương	11388	61C-582.23	Bình Dương
6889	62A-446.15	Long An	8389	62A-447.48	Long An	9889	61K-420.87	Bình Dương	11389	61C-582.62	Bình Dương
6890	62A-447.09	Long An	8390	62A-448.22	Long An	9890	61K-421.52	Bình Dương	11390	61C-582.87	Bình Dương
6891	62A-447.38	Long An	8391	62A-448.29	Long An	9891	61K-421.63	Bình Dương	11391	61C-583.05	Bình Dương
6892	62A-447.39	Long An	8392	62A-448.53	Long An	9892	61K-422.72	Bình Dương	11392	61C-583.30	Bình Dương
6893	62A-448.59	Long An	8393	62A-448.68	Long An	9893	61K-422.91	Bình Dương	11393	61C-587.71	Bình Dương
6894	62A-448.77	Long An	8394	62A-449.08	Long An	9894	61K-424.13	Bình Dương	11394	61D-018.80	Bình Dương
6895	62A-449.33	Long An	8395	62C-197.33	Long An	9895	61K-425.43	Bình Dương	11395	61D-019.27	Bình Dương
6896	62B-028.06	Long An	8396	62C-197.69	Long An	9896	61K-426.40	Bình Dương	11396	61K-408.24	Bình Dương
6897	62C-195.68	Long An	8397	62C-198.56	Long An	9897	61K-426.64	Bình Dương	11397	61K-408.34	Bình Dương
6898	62C-198.98	Long An	8398	62C-199.08	Long An	9898	61K-427.62	Bình Dương	11398	61K-408.37	Bình Dương
6899	62C-199.06	Long An	8399	62C-200.02	Long An	9899	61K-429.03	Bình Dương	11399	61K-409.10	Bình Dương
6900	62C-199.56	Long An	8400	62C-200.86	Long An	9900	61K-429.20	Bình Dương	11400	61K-409.50	Bình Dương

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6901	62C-200.69	Long An	8401	62C-201.19	Long An	9901	61K-429.63	Bình Dương	11401	61K-410.30	Bình Dương
6902	62C-200.79	Long An	8402	62C-203.00	Long An	9902	61K-430.01	Bình Dương	11402	61K-410.42	Bình Dương
6903	62C-201.88	Long An	8403	62C-203.33	Long An	9903	61K-432.71	Bình Dương	11403	61K-411.46	Bình Dương
6904	62C-204.11	Long An	8404	62C-203.86	Long An	9904	61K-433.60	Bình Dương	11404	61K-411.50	Bình Dương
6905	62C-204.38	Long An	8405	62C-203.88	Long An	9905	61K-434.21	Bình Dương	11405	61K-413.32	Bình Dương
6906	62C-206.56	Long An	8406	62C-204.04	Long An	9906	61K-435.37	Bình Dương	11406	61K-414.82	Bình Dương
6907	62C-207.58	Long An	8407	62C-205.38	Long An	9907	61K-436.57	Bình Dương	11407	61K-417.64	Bình Dương
6908	62C-207.99	Long An	8408	62C-205.79	Long An	9908	61K-436.97	Bình Dương	11408	61K-418.34	Bình Dương
6909	62C-208.16	Long An	8409	62C-209.44	Long An	9909	61K-437.45	Bình Dương	11409	61K-418.37	Bình Dương
6910	62C-209.09	Long An	8410	62D-011.39	Long An	9910	61K-438.62	Bình Dương	11410	61K-418.61	Bình Dương
6911	62C-210.36	Long An	8411	63A-302.45	Tiền Giang	9911	61K-438.63	Bình Dương	11411	61K-419.23	Bình Dương
6912	63A-302.39	Tiền Giang	8412	63A-302.83	Tiền Giang	9912	61K-438.81	Bình Dương	11412	61K-419.78	Bình Dương
6913	63A-304.15	Tiền Giang	8413	63A-303.04	Tiền Giang	9913	61K-440.46	Bình Dương	11413	61K-420.10	Bình Dương
6914	63A-305.35	Tiền Giang	8414	63A-304.49	Tiền Giang	9914	61K-440.52	Bình Dương	11414	61K-421.04	Bình Dương
6915	63A-305.83	Tiền Giang	8415	63A-305.03	Tiền Giang	9915	62A-439.02	Long An	11415	61K-422.82	Bình Dương
6916	63C-209.59	Tiền Giang	8416	63A-305.06	Tiền Giang	9916	62A-439.10	Long An	11416	61K-423.12	Bình Dương
6917	63C-210.09	Tiền Giang	8417	63A-305.66	Tiền Giang	9917	62A-439.47	Long An	11417	61K-423.57	Bình Dương
6918	63C-210.79	Tiền Giang	8418	63A-305.85	Tiền Giang	9918	62A-439.84	Long An	11418	61K-424.94	Bình Dương
6919	63C-211.16	Tiền Giang	8419	63A-306.39	Tiền Giang	9919	62A-440.30	Long An	11419	61K-425.97	Bình Dương
6920	63C-214.79	Tiền Giang	8420	63C-211.06	Tiền Giang	9920	62A-440.71	Long An	11420	61K-426.67	Bình Dương
6921	63C-216.36	Tiền Giang	8421	63C-212.21	Tiền Giang	9921	62A-440.93	Long An	11421	61K-426.92	Bình Dương
6922	63C-217.58	Tiền Giang	8422	63C-212.68	Tiền Giang	9922	62A-440.97	Long An	11422	61K-427.01	Bình Dương
6923	63C-217.79	Tiền Giang	8423	63C-213.00	Tiền Giang	9923	62A-441.31	Long An	11423	61K-427.14	Bình Dương
6924	63C-217.83	Tiền Giang	8424	63C-215.38	Tiền Giang	9924	62A-441.34	Long An	11424	61K-428.41	Bình Dương
6925	63C-218.12	Tiền Giang	8425	63C-216.19	Tiền Giang	9925	62A-441.94	Long An	11425	61K-430.10	Bình Dương
6926	63C-218.33	Tiền Giang	8426	63C-216.83	Tiền Giang	9926	62A-442.53	Long An	11426	61K-430.17	Bình Dương
6927	63C-218.56	Tiền Giang	8427	63C-216.96	Tiền Giang	9927	62A-442.64	Long An	11427	61K-430.46	Bình Dương
6928	63D-008.86	Tiền Giang	8428	63C-217.44	Tiền Giang	9928	62A-443.13	Long An	11428	61K-430.52	Bình Dương
6929	64A-193.85	Vĩnh Long	8429	63C-218.06	Tiền Giang	9929	62A-443.21	Long An	11429	61K-430.71	Bình Dương
6930	64A-194.33	Vĩnh Long	8430	63C-218.18	Tiền Giang	9930	62A-443.73	Long An	11430	61K-430.80	Bình Dương
6931	64C-117.38	Vĩnh Long	8431	63C-218.89	Tiền Giang	9931	62A-444.31	Long An	11431	61K-430.97	Bình Dương
6932	64C-117.99	Vĩnh Long	8432	63C-219.66	Tiền Giang	9932	62A-444.93	Long An	11432	61K-431.47	Bình Dương
6933	64C-119.69	Vĩnh Long	8433	63D-008.79	Tiền Giang	9933	62A-445.17	Long An	11433	61K-433.14	Bình Dương
6934	64C-120.96	Vĩnh Long	8434	64A-193.19	Vĩnh Long	9934	62A-445.51	Long An	11434	61K-433.45	Bình Dương
6935	64D-002.56	Vĩnh Long	8435	64C-117.17	Vĩnh Long	9935	62A-448.91	Long An	11435	61K-435.05	Bình Dương
6936	65A-458.59	Cần Thơ	8436	64C-117.36	Vĩnh Long	9936	62A-449.04	Long An	11436	61K-436.80	Bình Dương
6937	65A-458.86	Cần Thơ	8437	64C-119.00	Vĩnh Long	9937	62A-449.63	Long An	11437	61K-437.76	Bình Dương
6938	65A-459.39	Cần Thơ	8438	64C-120.77	Vĩnh Long	9938	62C-210.45	Long An	11438	61K-437.78	Bình Dương
6939	65A-460.44	Cần Thơ	8439	64C-120.88	Vĩnh Long	9939	62D-011.24	Long An	11439	61K-438.03	Bình Dương
6940	65A-460.55	Cần Thơ	8440	65A-457.89	Cần Thơ	9940	62D-011.32	Long An	11440	61K-441.76	Bình Dương
6941	65A-460.88	Cần Thơ	8441	65A-459.18	Cần Thơ	9941	62D-011.42	Long An	11441	61K-441.90	Bình Dương
6942	65A-462.18	Cần Thơ	8442	65A-459.86	Cần Thơ	9942	62D-011.45	Long An	11442	62A-439.32	Long An
6943	65A-463.63	Cần Thơ	8443	65A-461.39	Cần Thơ	9943	62D-011.47	Long An	11443	62A-439.57	Long An
6944	65A-465.86	Cần Thơ	8444	65A-461.68	Cần Thơ	9944	63A-302.41	Tiền Giang	11444	62A-440.10	Long An
6945	65A-466.59	Cần Thơ	8445	65A-462.11	Cần Thơ	9945	63A-303.10	Tiền Giang	11445	62A-442.12	Long An
6946	65A-467.33	Cần Thơ	8446	65A-463.44	Cần Thơ	9946	63A-303.14	Tiền Giang	11446	62A-442.91	Long An
6947	65A-467.44	Cần Thơ	8447	65A-463.58	Cần Thơ	9947	63A-303.52	Tiền Giang	11447	62A-443.41	Long An
6948	65A-471.44	Cần Thơ	8448	65A-464.66	Cần Thơ	9948	63A-303.84	Tiền Giang	11448	62A-443.50	Long An
6949	65A-472.09	Cần Thơ	8449	65A-466.06	Cần Thơ	9949	63A-304.27	Tiền Giang	11449	62A-444.91	Long An
6950	65A-473.58	Cần Thơ	8450	65A-467.22	Cần Thơ	9950	63A-304.52	Tiền Giang	11450	62A-445.91	Long An
6951	65A-475.39	Cần Thơ	8451	65A-468.33	Cần Thơ	9951	63A-304.71	Tiền Giang	11451	62A-446.84	Long An
6952	65A-475.59	Cần Thơ	8452	65A-468.38	Cần Thơ	9952	63A-305.71	Tiền Giang	11452	62A-448.21	Long An
6953	65A-475.86	Cần Thơ	8453	65A-468.55	Cần Thơ	9953	63A-305.82	Tiền Giang	11453	62A-448.82	Long An
6954	65A-475.89	Cần Thơ	8454	65A-471.71	Cần Thơ	9954	63A-305.84	Tiền Giang	11454	62C-210.30	Long An
6955	65A-476.09	Cần Thơ	8455	65A-477.44	Cần Thơ	9955	63A-306.24	Tiền Giang	11455	62C-210.49	Long An
6956	65A-477.00	Cần Thơ	8456	65A-479.09	Cần Thơ	9956	63A-306.32	Tiền Giang	11456	63A-302.23	Tiền Giang
6957	65A-478.99	Cần Thơ	8457	65A-481.66	Cần Thơ	9957	63C-217.73	Tiền Giang	11457	63B-029.93	Tiền Giang
6958	65A-479.55	Cần Thơ	8458	65A-482.79	Cần Thơ	9958	63C-217.74	Tiền Giang	11458	63C-216.04	Tiền Giang
6959	65A-479.58	Cần Thơ	8459	65A-483.16	Cần Thơ	9959	63C-217.75	Tiền Giang	11459	63C-216.82	Tiền Giang
6960	65A-480.19	Cần Thơ	8460	65A-484.00	Cần Thơ	9960	63C-218.67	Tiền Giang	11460	63C-217.47	Tiền Giang

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6961	65A-483.59	Cần Thơ	8461	65A-484.36	Cần Thơ	9961	64A-194.01	Vĩnh Long	11461	63C-218.73	Tiền Giang
6962	65A-484.33	Cần Thơ	8462	65A-489.69	Cần Thơ	9962	64C-120.31	Vĩnh Long	11462	63C-219.41	Tiền Giang
6963	65A-484.79	Cần Thơ	8463	65B-021.86	Cần Thơ	9963	64C-120.67	Vĩnh Long	11463	63D-008.82	Tiền Giang
6964	65A-485.09	Cần Thơ	8464	65B-021.95	Cần Thơ	9964	64C-120.84	Vĩnh Long	11464	64A-193.84	Vĩnh Long
6965	65A-485.44	Cần Thơ	8465	65C-212.09	Cần Thơ	9965	65B-021.81	Cần Thơ	11465	64C-120.80	Vĩnh Long
6966	65A-485.85	Cần Thơ	8466	65C-213.79	Cần Thơ	9966	65B-022.07	Cần Thơ	11466	64C-121.03	Vĩnh Long
6967	65A-486.58	Cần Thơ	8467	65C-215.66	Cần Thơ	9967	65B-022.10	Cần Thơ	11467	65D-006.10	Cần Thơ
6968	65A-487.36	Cần Thơ	8468	65C-215.69	Cần Thơ	9968	65D-006.05	Cần Thơ	11468	66A-280.48	Đồng Tháp
6969	65A-487.89	Cần Thơ	8469	65C-216.09	Cần Thơ	9969	66A-280.05	Đồng Tháp	11469	66A-282.41	Đồng Tháp
6970	65A-488.58	Cần Thơ	8470	65C-217.89	Cần Thơ	9970	66A-280.31	Đồng Tháp	11470	66A-282.53	Đồng Tháp
6971	65A-489.58	Cần Thơ	8471	65C-218.16	Cần Thơ	9971	66A-280.61	Đồng Tháp	11471	66A-282.94	Đồng Tháp
6972	65A-491.16	Cần Thơ	8472	65C-220.89	Cần Thơ	9972	66A-281.64	Đồng Tháp	11472	66A-283.03	Đồng Tháp
6973	65B-021.83	Cần Thơ	8473	65C-222.08	Cần Thơ	9973	66A-282.14	Đồng Tháp	11473	66A-283.31	Đồng Tháp
6974	65C-212.44	Cần Thơ	8474	65C-222.35	Cần Thơ	9974	66A-282.51	Đồng Tháp	11474	66A-284.62	Đồng Tháp
6975	65C-213.13	Cần Thơ	8475	65C-222.38	Cần Thơ	9975	66A-283.10	Đồng Tháp	11475	66A-284.80	Đồng Tháp
6976	65C-213.66	Cần Thơ	8476	65C-223.09	Cần Thơ	9976	66A-283.30	Đồng Tháp	11476	66A-284.97	Đồng Tháp
6977	65C-214.79	Cần Thơ	8477	65C-223.58	Cần Thơ	9977	66A-283.81	Đồng Tháp	11477	66A-285.62	Đồng Tháp
6978	65C-214.89	Cần Thơ	8478	65C-224.68	Cần Thơ	9978	66A-283.87	Đồng Tháp	11478	66A-285.90	Đồng Tháp
6979	65C-215.08	Cần Thơ	8479	65C-226.08	Cần Thơ	9979	66A-283.90	Đồng Tháp	11479	66A-285.92	Đồng Tháp
6980	65C-215.99	Cần Thơ	8480	65C-226.55	Cần Thơ	9980	66A-284.21	Đồng Tháp	11480	66A-285.94	Đồng Tháp
6981	65C-216.36	Cần Thơ	8481	66A-279.38	Đồng Tháp	9981	66A-286.05	Đồng Tháp	11481	66C-175.72	Đồng Tháp
6982	65C-217.36	Cần Thơ	8482	66A-280.08	Đồng Tháp	9982	66A-286.13	Đồng Tháp	11482	66C-176.64	Đồng Tháp
6983	65C-219.88	Cần Thơ	8483	66A-280.32	Đồng Tháp	9983	66A-286.20	Đồng Tháp	11483	66C-177.32	Đồng Tháp
6984	65C-220.88	Cần Thơ	8484	66A-280.89	Đồng Tháp	9984	66A-286.42	Đồng Tháp	11484	67A-306.73	An Giang
6985	65C-222.69	Cần Thơ	8485	66A-281.02	Đồng Tháp	9985	66A-286.53	Đồng Tháp	11485	67A-307.34	An Giang
6986	65C-225.18	Cần Thơ	8486	66A-281.14	Đồng Tháp	9986	66A-286.67	Đồng Tháp	11486	67A-308.14	An Giang
6987	65C-225.38	Cần Thơ	8487	66A-282.22	Đồng Tháp	9987	66A-287.21	Đồng Tháp	11487	67A-308.82	An Giang
6988	65C-225.55	Cần Thơ	8488	66A-283.19	Đồng Tháp	9988	66C-175.23	Đồng Tháp	11488	67A-308.91	An Giang
6989	66A-278.44	Đồng Tháp	8489	66A-283.55	Đồng Tháp	9989	66C-175.24	Đồng Tháp	11489	67A-309.34	An Giang
6990	66A-279.16	Đồng Tháp	8490	66A-283.58	Đồng Tháp	9990	66C-175.74	Đồng Tháp	11490	67A-309.73	An Giang
6991	66A-279.59	Đồng Tháp	8491	66A-285.68	Đồng Tháp	9991	66C-175.94	Đồng Tháp	11491	67A-310.54	An Giang
6992	66A-279.89	Đồng Tháp	8492	66A-285.83	Đồng Tháp	9992	66C-176.43	Đồng Tháp	11492	67A-310.67	An Giang
6993	66A-280.85	Đồng Tháp	8493	66A-286.82	Đồng Tháp	9993	67A-305.82	An Giang	11493	67A-311.41	An Giang
6994	66A-281.35	Đồng Tháp	8494	66A-287.88	Đồng Tháp	9994	67A-306.64	An Giang	11494	67A-311.50	An Giang
6995	66A-281.55	Đồng Tháp	8495	66C-174.83	Đồng Tháp	9995	67A-307.41	An Giang	11495	67A-313.21	An Giang
6996	66A-282.39	Đồng Tháp	8496	66C-175.05	Đồng Tháp	9996	67A-307.73	An Giang	11496	67A-313.40	An Giang
6997	66A-283.08	Đồng Tháp	8497	66C-175.18	Đồng Tháp	9997	67A-308.52	An Giang	11497	67A-313.73	An Giang
6998	66A-283.11	Đồng Tháp	8498	66C-175.55	Đồng Tháp	9998	67A-309.14	An Giang	11498	67C-181.43	An Giang
6999	66A-284.16	Đồng Tháp	8499	66C-175.59	Đồng Tháp	9999	67A-309.31	An Giang	11499	67C-181.97	An Giang
7000	66A-284.28	Đồng Tháp	8500	66C-176.39	Đồng Tháp	10000	67A-312.01	An Giang	11500	67C-183.20	An Giang
7001	66A-285.26	Đồng Tháp	8501	67A-306.95	An Giang	10001	67A-312.43	An Giang	11501	67D-005.46	An Giang
7002	66A-285.95	Đồng Tháp	8502	67A-309.77	An Giang	10002	67A-312.75	An Giang	11502	67D-005.51	An Giang
7003	66A-287.39	Đồng Tháp	8503	67A-309.88	An Giang	10003	67A-314.03	An Giang	11503	68A-344.05	Kiên Giang
7004	66A-288.06	Đồng Tháp	8504	67A-311.24	An Giang	10004	67C-180.53	An Giang	11504	68A-344.20	Kiên Giang
7005	66A-288.08	Đồng Tháp	8505	67A-311.77	An Giang	10005	67C-182.54	An Giang	11505	68A-344.40	Kiên Giang
7006	66C-174.44	Đồng Tháp	8506	67A-312.18	An Giang	10006	67C-182.94	An Giang	11506	68A-344.67	Kiên Giang
7007	66C-174.96	Đồng Tháp	8507	67A-312.39	An Giang	10007	67D-005.49	An Giang	11507	68A-344.97	Kiên Giang
7008	66C-176.58	Đồng Tháp	8508	67A-313.32	An Giang	10008	67D-005.61	An Giang	11508	68A-346.45	Kiên Giang
7009	66C-176.69	Đồng Tháp	8509	67A-313.56	An Giang	10009	68A-344.01	Kiên Giang	11509	68A-347.32	Kiên Giang
7010	67A-305.85	An Giang	8510	67A-313.72	An Giang	10010	68A-345.27	Kiên Giang	11510	68A-347.61	Kiên Giang
7011	67A-306.25	An Giang	8511	67C-177.39	An Giang	10011	68A-345.57	Kiên Giang	11511	68A-347.64	Kiên Giang
7012	67A-306.99	An Giang	8512	67C-178.77	An Giang	10012	68A-345.71	Kiên Giang	11512	68A-347.78	Kiên Giang
7013	67A-307.18	An Giang	8513	67C-179.09	An Giang	10013	68A-345.76	Kiên Giang	11513	68A-347.91	Kiên Giang
7014	67A-307.36	An Giang	8514	67C-181.44	An Giang	10014	68A-347.12	Kiên Giang	11514	68A-348.01	Kiên Giang
7015	67A-308.00	An Giang	8515	67C-181.66	An Giang	10015	68A-348.03	Kiên Giang	11515	68A-348.23	Kiên Giang
7016	67A-308.89	An Giang	8516	67C-182.00	An Giang	10016	68A-349.48	Kiên Giang	11516	68A-348.80	Kiên Giang
7017	67A-309.25	An Giang	8517	68A-341.59	Kiên Giang	10017	68A-350.40	Kiên Giang	11517	68A-349.76	Kiên Giang
7018	67A-309.85	An Giang	8518	68A-344.98	Kiên Giang	10018	68A-350.84	Kiên Giang	11518	68A-349.80	Kiên Giang
7019	67A-310.10	An Giang	8519	68A-345.09	Kiên Giang	10019	68C-169.27	Kiên Giang	11519	68A-350.27	Kiên Giang
7020	67A-311.15	An Giang	8520	68A-345.89	Kiên Giang	10020	68C-170.21	Kiên Giang	11520	68A-350.81	Kiên Giang

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7021	67A-311.25	An Giang	8521	68A-346.58	Kiên Giang	10021	68C-171.12	Kiên Giang	11521	68A-350.94	Kiên Giang
7022	67A-312.15	An Giang	8522	68A-347.65	Kiên Giang	10022	68C-171.45	Kiên Giang	11522	68A-351.63	Kiên Giang
7023	67A-312.56	An Giang	8523	68A-348.71	Kiên Giang	10023	68C-171.54	Kiên Giang	11523	68C-169.46	Kiên Giang
7024	67A-312.59	An Giang	8524	68A-349.16	Kiên Giang	10024	69C-099.17	Cà Mau	11524	68C-169.47	Kiên Giang
7025	67A-312.79	An Giang	8525	68A-349.85	Kiên Giang	10025	69C-099.53	Cà Mau	11525	68C-169.60	Kiên Giang
7026	67C-179.16	An Giang	8526	68A-351.15	Kiên Giang	10026	69C-099.82	Cà Mau	11526	68C-170.73	Kiên Giang
7027	67C-179.36	An Giang	8527	68C-169.24	Kiên Giang	10027	69C-100.23	Cà Mau	11527	68C-171.14	Kiên Giang
7028	67C-180.09	An Giang	8528	68C-169.25	Kiên Giang	10028	70A-543.23	Tây Ninh	11528	69A-162.01	Cà Mau
7029	67C-180.29	An Giang	8529	68C-169.58	Kiên Giang	10029	70A-546.03	Tây Ninh	11529	69A-162.10	Cà Mau
7030	67C-181.35	An Giang	8530	68C-169.98	Kiên Giang	10030	70A-546.43	Tây Ninh	11530	69A-162.14	Cà Mau
7031	67C-182.08	An Giang	8531	68C-170.68	Kiên Giang	10031	70A-546.60	Tây Ninh	11531	69C-100.13	Cà Mau
7032	67C-182.11	An Giang	8532	68C-171.15	Kiên Giang	10032	70A-546.93	Tây Ninh	11532	70A-543.47	Tây Ninh
7033	68A-341.86	Kiên Giang	8533	68C-171.18	Kiên Giang	10033	70A-547.04	Tây Ninh	11533	70A-543.50	Tây Ninh
7034	68A-342.00	Kiên Giang	8534	68C-171.42	Kiên Giang	10034	70A-547.40	Tây Ninh	11534	70A-543.73	Tây Ninh
7035	68A-342.79	Kiên Giang	8535	69A-162.00	Cà Mau	10035	70A-549.51	Tây Ninh	11535	70A-546.20	Tây Ninh
7036	68A-343.06	Kiên Giang	8536	69C-099.56	Cà Mau	10036	70A-550.81	Tây Ninh	11536	70A-547.24	Tây Ninh
7037	68A-343.55	Kiên Giang	8537	69C-099.85	Cà Mau	10037	70A-551.24	Tây Ninh	11537	70A-547.70	Tây Ninh
7038	68A-343.79	Kiên Giang	8538	70A-543.84	Tây Ninh	10038	70A-551.61	Tây Ninh	11538	70A-548.10	Tây Ninh
7039	68A-343.86	Kiên Giang	8539	70A-544.38	Tây Ninh	10039	70A-552.41	Tây Ninh	11539	70A-548.76	Tây Ninh
7040	68A-343.88	Kiên Giang	8540	70A-544.68	Tây Ninh	10040	70A-552.81	Tây Ninh	11540	70A-549.04	Tây Ninh
7041	68A-345.56	Kiên Giang	8541	70A-545.28	Tây Ninh	10041	70A-553.87	Tây Ninh	11541	70A-549.63	Tây Ninh
7042	68A-346.08	Kiên Giang	8542	70A-545.88	Tây Ninh	10042	70A-554.51	Tây Ninh	11542	70A-549.92	Tây Ninh
7043	68A-347.00	Kiên Giang	8543	70A-546.25	Tây Ninh	10043	70A-555.63	Tây Ninh	11543	70A-550.57	Tây Ninh
7044	68A-347.66	Kiên Giang	8544	70A-547.65	Tây Ninh	10044	70C-209.53	Tây Ninh	11544	70A-550.62	Tây Ninh
7045	68A-348.00	Kiên Giang	8545	70A-548.15	Tây Ninh	10045	70C-209.75	Tây Ninh	11545	70A-551.40	Tây Ninh
7046	68A-348.34	Kiên Giang	8546	70A-548.33	Tây Ninh	10046	71A-198.41	Bến Tre	11546	70A-551.64	Tây Ninh
7047	68A-349.98	Kiên Giang	8547	70A-549.06	Tây Ninh	10047	71A-198.45	Bến Tre	11547	70A-552.72	Tây Ninh
7048	68A-351.33	Kiên Giang	8548	70A-549.20	Tây Ninh	10048	71A-198.49	Bến Tre	11548	70A-553.14	Tây Ninh
7049	68C-170.08	Kiên Giang	8549	70A-550.11	Tây Ninh	10049	71A-198.90	Bến Tre	11549	70A-553.50	Tây Ninh
7050	68C-170.11	Kiên Giang	8550	70A-550.18	Tây Ninh	10050	71A-199.31	Bến Tre	11550	70A-554.20	Tây Ninh
7051	69C-099.83	Cà Mau	8551	70A-550.56	Tây Ninh	10051	71A-199.34	Bến Tre	11551	70A-554.24	Tây Ninh
7052	70A-543.83	Tây Ninh	8552	70A-552.33	Tây Ninh	10052	71A-199.45	Bến Tre	11552	70A-554.71	Tây Ninh
7053	70A-544.35	Tây Ninh	8553	70A-552.66	Tây Ninh	10053	71A-200.47	Bến Tre	11553	70A-555.41	Tây Ninh
7054	70A-544.99	Tây Ninh	8554	70A-553.66	Tây Ninh	10054	71A-201.53	Bến Tre	11554	70D-007.81	Tây Ninh
7055	70A-545.06	Tây Ninh	8555	70A-554.55	Tây Ninh	10055	71A-201.61	Bến Tre	11555	71A-198.64	Bến Tre
7056	70A-545.25	Tây Ninh	8556	70A-554.86	Tây Ninh	10056	71A-201.72	Bến Tre	11556	71A-198.87	Bến Tre
7057	70A-545.29	Tây Ninh	8557	70A-554.97	Tây Ninh	10057	72A-788.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	11557	71A-199.02	Bến Tre
7058	70A-548.54	Tây Ninh	8558	70C-199.08	Tây Ninh	10058	72A-788.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	11558	71A-199.49	Bến Tre
7059	70A-548.84	Tây Ninh	8559	70C-201.38	Tây Ninh	10059	72A-789.41	Bà Rịa - Vũng Tàu	11559	71A-201.17	Bến Tre
7060	70A-548.95	Tây Ninh	8560	70C-202.16	Tây Ninh	10060	72A-789.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	11560	71A-201.31	Bến Tre
7061	70A-549.94	Tây Ninh	8561	70C-203.03	Tây Ninh	10061	72A-789.93	Bà Rịa - Vũng Tàu	11561	71A-201.41	Bến Tre
7062	70A-550.35	Tây Ninh	8562	70C-204.18	Tây Ninh	10062	72A-790.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	11562	71A-201.45	Bến Tre
7063	70A-550.59	Tây Ninh	8563	70C-204.89	Tây Ninh	10063	72A-790.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	11563	71A-201.78	Bến Tre
7064	70A-552.39	Tây Ninh	8564	70C-205.22	Tây Ninh	10064	72A-790.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	11564	71A-202.01	Bến Tre
7065	70A-553.83	Tây Ninh	8565	70C-209.13	Tây Ninh	10065	72A-790.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	11565	71A-202.05	Bến Tre
7066	70A-554.09	Tây Ninh	8566	70C-209.27	Tây Ninh	10066	72A-793.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	11566	71A-202.07	Bến Tre
7067	70A-554.66	Tây Ninh	8567	70C-209.76	Tây Ninh	10067	72A-793.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	11567	72A-787.90	Bà Rịa - Vũng Tàu
7068	70C-200.39	Tây Ninh	8568	71A-198.95	Bến Tre	10068	72A-795.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	11568	72A-788.30	Bà Rịa - Vũng Tàu
7069	70C-201.01	Tây Ninh	8569	71A-200.56	Bến Tre	10069	72A-796.30	Bà Rịa - Vũng Tàu	11569	72A-788.31	Bà Rịa - Vũng Tàu
7070	70C-201.79	Tây Ninh	8570	71A-200.86	Bến Tre	10070	72A-796.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	11570	72A-789.01	Bà Rịa - Vũng Tàu
7071	70C-202.36	Tây Ninh	8571	71A-200.98	Bến Tre	10071	72A-796.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	11571	72A-791.27	Bà Rịa - Vũng Tàu
7072	70C-203.08	Tây Ninh	8572	71A-201.56	Bến Tre	10072	72A-797.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	11572	72A-791.63	Bà Rịa - Vũng Tàu
7073	70C-204.04	Tây Ninh	8573	71A-202.18	Bến Tre	10073	72A-798.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	11573	72A-791.93	Bà Rịa - Vũng Tàu
7074	70C-204.86	Tây Ninh	8574	71D-002.55	Bến Tre	10074	72A-798.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	11574	72A-792.31	Bà Rịa - Vũng Tàu
7075	70C-205.11	Tây Ninh	8575	71D-002.59	Bến Tre	10075	72A-798.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	11575	72A-793.67	Bà Rịa - Vũng Tàu
7076	70C-205.77	Tây Ninh	8576	72A-788.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	10076	72A-799.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	11576	72A-793.90	Bà Rịa - Vũng Tàu
7077	70C-206.22	Tây Ninh	8577	72A-791.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	10077	72A-801.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	11577	72A-794.12	Bà Rịa - Vũng Tàu
7078	70C-206.44	Tây Ninh	8578	72A-795.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	10078	72A-801.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	11578	72A-794.30	Bà Rịa - Vũng Tàu
7079	70C-206.77	Tây Ninh	8579	72A-796.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	10079	72A-802.51	Bà Rịa - Vũng Tàu	11579	72A-794.31	Bà Rịa - Vũng Tàu
7080	70C-206.89	Tây Ninh	8580	72A-796.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	10080	72A-802.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	11580	72A-794.34	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7081	70C-207.68	Tây Ninh	8581	72A-796.54	Bà Rịa - Vũng Tàu	10081	72A-803.27	Bà Rịa - Vũng Tàu	11581	72A-796.41	Bà Rịa - Vũng Tàu
7082	70C-208.44	Tây Ninh	8582	72A-797.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	10082	72A-804.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	11582	72A-796.93	Bà Rịa - Vũng Tàu
7083	70C-209.06	Tây Ninh	8583	72A-797.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	10083	72D-007.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	11583	72A-797.82	Bà Rịa - Vũng Tàu
7084	70C-209.38	Tây Ninh	8584	72A-798.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	10084	73A-352.74	Quảng Bình	11584	72A-798.30	Bà Rịa - Vũng Tàu
7085	70D-007.85	Tây Ninh	8585	72A-799.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	10085	73A-353.57	Quảng Bình	11585	72A-799.20	Bà Rịa - Vũng Tàu
7086	70D-007.86	Tây Ninh	8586	72A-799.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	10086	73A-354.32	Quảng Bình	11586	72A-800.20	Bà Rịa - Vũng Tàu
7087	70D-008.09	Tây Ninh	8587	72A-800.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	10087	73A-355.49	Quảng Bình	11587	72A-801.07	Bà Rịa - Vũng Tàu
7088	71A-197.69	Bến Tre	8588	72A-800.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	10088	73A-355.64	Quảng Bình	11588	72A-802.10	Bà Rịa - Vũng Tàu
7089	71A-200.11	Bến Tre	8589	72A-800.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	10089	73A-355.74	Quảng Bình	11589	72A-803.49	Bà Rịa - Vũng Tàu
7090	71A-200.79	Bến Tre	8590	72A-801.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	10090	73A-356.04	Quảng Bình	11590	72C-230.27	Bà Rịa - Vũng Tàu
7091	71A-200.99	Bến Tre	8591	72A-801.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	10091	73C-185.23	Quảng Bình	11591	73A-352.48	Quảng Bình
7092	71A-201.77	Bến Tre	8592	72A-802.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	10092	73C-185.51	Quảng Bình	11592	73A-353.32	Quảng Bình
7093	71A-202.00	Bến Tre	8593	72A-802.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	10093	73D-005.02	Quảng Bình	11593	73A-353.71	Quảng Bình
7094	72A-789.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	8594	72A-803.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	10094	74A-262.91	Quảng Trị	11594	73A-354.02	Quảng Bình
7095	72A-789.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	8595	72C-229.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	10095	74A-263.80	Quảng Trị	11595	73A-354.40	Quảng Bình
7096	72A-790.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	8596	72C-230.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	10096	74A-264.47	Quảng Trị	11596	73A-354.46	Quảng Bình
7097	72A-790.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	8597	73A-352.86	Quảng Bình	10097	74A-265.14	Quảng Trị	11597	73A-354.67	Quảng Bình
7098	72A-791.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	8598	73A-353.54	Quảng Bình	10098	74A-265.21	Quảng Trị	11598	73A-354.74	Quảng Bình
7099	72A-792.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	8599	73A-354.15	Quảng Bình	10099	74A-265.34	Quảng Trị	11599	73A-355.04	Quảng Bình
7100	72A-793.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	8600	73A-354.96	Quảng Bình	10100	74A-265.48	Quảng Trị	11600	73A-355.82	Quảng Bình
7101	72A-794.49	Bà Rịa - Vũng Tàu	8601	73A-355.65	Quảng Bình	10101	74A-265.61	Quảng Trị	11601	73C-185.64	Quảng Bình
7102	72A-794.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	8602	73A-355.83	Quảng Bình	10102	74A-265.63	Quảng Trị	11602	73C-185.76	Quảng Bình
7103	72A-796.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	8603	73A-356.00	Quảng Bình	10103	74A-266.17	Quảng Trị	11603	74A-263.12	Quảng Trị
7104	72A-797.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	8604	73C-178.00	Quảng Bình	10104	74A-266.61	Quảng Trị	11604	74A-263.50	Quảng Trị
7105	72A-797.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	8605	73C-179.44	Quảng Bình	10105	74A-267.04	Quảng Trị	11605	74A-263.71	Quảng Trị
7106	72A-797.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	8606	73C-181.88	Quảng Bình	10106	74A-267.23	Quảng Trị	11606	74A-263.94	Quảng Trị
7107	72A-797.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	8607	73C-182.68	Quảng Bình	10107	74A-267.48	Quảng Trị	11607	74A-264.05	Quảng Trị
7108	72A-801.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	8608	73C-183.18	Quảng Bình	10108	74A-267.75	Quảng Trị	11608	74A-264.75	Quảng Trị
7109	72A-801.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	8609	74A-262.69	Quảng Trị	10109	75A-371.43	Thừa Thiên Huế	11609	74A-264.93	Quảng Trị
7110	72A-801.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	8610	74A-263.01	Quảng Trị	10110	75A-371.47	Thừa Thiên Huế	11610	74A-265.02	Quảng Trị
7111	72A-802.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	8611	74A-265.18	Quảng Trị	10111	75C-151.70	Thừa Thiên Huế	11611	74A-265.32	Quảng Trị
7112	72A-803.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	8612	74A-266.08	Quảng Trị	10112	75C-151.75	Thừa Thiên Huế	11612	74A-266.57	Quảng Trị
7113	72A-803.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	8613	74A-266.26	Quảng Trị	10113	75C-151.93	Thừa Thiên Huế	11613	74A-267.05	Quảng Trị
7114	72A-804.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	8614	74A-266.28	Quảng Trị	10114	75C-151.94	Thừa Thiên Huế	11614	75A-371.61	Thừa Thiên Huế
7115	72C-229.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	8615	74A-266.39	Quảng Trị	10115	75C-152.05	Thừa Thiên Huế	11615	75C-152.03	Thừa Thiên Huế
7116	72C-229.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	8616	75A-371.33	Thừa Thiên Huế	10116	75C-152.12	Thừa Thiên Huế	11616	75C-152.47	Thừa Thiên Huế
7117	72C-230.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	8617	75C-152.18	Thừa Thiên Huế	10117	75C-152.80	Thừa Thiên Huế	11617	75C-152.50	Thừa Thiên Huế
7118	72C-230.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	8618	75C-152.88	Thừa Thiên Huế	10118	75C-153.47	Thừa Thiên Huế	11618	75C-153.10	Thừa Thiên Huế
7119	73A-353.39	Quảng Bình	8619	75C-153.09	Thừa Thiên Huế	10119	75C-153.63	Thừa Thiên Huế	11619	75C-153.64	Thừa Thiên Huế
7120	73A-353.59	Quảng Bình	8620	76A-307.99	Quảng Ngãi	10120	76A-308.20	Quảng Ngãi	11620	75C-153.70	Thừa Thiên Huế
7121	73A-354.83	Quảng Bình	8621	76A-308.30	Quảng Ngãi	10121	76A-309.01	Quảng Ngãi	11621	75D-006.12	Thừa Thiên Huế
7122	73A-355.08	Quảng Bình	8622	76A-309.22	Quảng Ngãi	10122	76A-309.20	Quảng Ngãi	11622	75D-006.21	Thừa Thiên Huế
7123	73C-178.08	Quảng Bình	8623	76A-311.08	Quảng Ngãi	10123	76A-311.48	Quảng Ngãi	11623	76A-307.87	Quảng Ngãi
7124	73C-178.87	Quảng Bình	8624	76C-173.71	Quảng Ngãi	10124	76A-312.04	Quảng Ngãi	11624	76A-308.02	Quảng Ngãi
7125	73C-179.16	Quảng Bình	8625	76C-174.24	Quảng Ngãi	10125	76A-312.20	Quảng Ngãi	11625	76A-309.67	Quảng Ngãi
7126	73C-182.99	Quảng Bình	8626	76C-174.36	Quảng Ngãi	10126	76C-174.41	Quảng Ngãi	11626	76A-310.74	Quảng Ngãi
7127	73C-184.09	Quảng Bình	8627	77A-332.11	Bình Định	10127	76C-174.50	Quảng Ngãi	11627	76A-310.81	Quảng Ngãi
7128	73C-185.00	Quảng Bình	8628	77A-332.56	Bình Định	10128	77A-332.04	Bình Định	11628	76A-311.42	Quảng Ngãi
7129	73C-185.11	Quảng Bình	8629	77A-332.95	Bình Định	10129	77A-332.34	Bình Định	11629	76A-311.71	Quảng Ngãi
7130	73D-005.16	Quảng Bình	8630	77A-333.28	Bình Định	10130	77A-332.78	Bình Định	11630	76A-311.78	Quảng Ngãi
7131	74A-265.08	Quảng Trị	8631	77A-335.23	Bình Định	10131	77A-333.63	Bình Định	11631	76A-312.27	Quảng Ngãi
7132	74A-265.69	Quảng Trị	8632	77A-336.25	Bình Định	10132	77A-336.91	Bình Định	11632	76A-312.30	Quảng Ngãi
7133	74A-265.85	Quảng Trị	8633	77A-337.19	Bình Định	10133	77A-338.10	Bình Định	11633	76C-173.21	Quảng Ngãi
7134	74A-266.18	Quảng Trị	8634	77A-337.31	Bình Định	10134	77A-338.14	Bình Định	11634	76C-174.10	Quảng Ngãi
7135	74A-266.95	Quảng Trị	8635	77A-337.85	Bình Định	10135	77A-338.49	Bình Định	11635	76C-174.49	Quảng Ngãi
7136	75A-371.39	Thừa Thiên Huế	8636	77A-338.99	Bình Định	10136	77A-339.81	Bình Định	11636	77A-332.37	Bình Định
7137	75C-151.85	Thừa Thiên Huế	8637	77A-339.35	Bình Định	10137	77A-340.54	Bình Định	11637	77A-332.61	Bình Định
7138	75C-151.86	Thừa Thiên Huế	8638	77A-340.33	Bình Định	10138	77A-341.21	Bình Định	11638	77A-332.64	Bình Định
7139	75C-152.28	Thừa Thiên Huế	8639	77C-246.99	Bình Định	10139	77C-249.02	Bình Định	11639	77A-332.71	Bình Định
7140	75D-006.16	Thừa Thiên Huế	8640	77C-247.55	Bình Định	10140	77C-249.74	Bình Định	11640	77A-333.10	Bình Định

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7141	76A-308.09	Quảng Ngãi	8641	77C-247.69	Bình Định	10141	77C-250.34	Bình Định	11641	77A-333.84	Bình Định
7142	76A-309.26	Quảng Ngãi	8642	77C-249.15	Bình Định	10142	77C-251.70	Bình Định	11642	77A-335.31	Bình Định
7143	76A-309.36	Quảng Ngãi	8643	77C-251.19	Bình Định	10143	77C-251.92	Bình Định	11643	77A-335.32	Bình Định
7144	76A-309.55	Quảng Ngãi	8644	77C-252.08	Bình Định	10144	77D-003.42	Bình Định	11644	77A-335.47	Bình Định
7145	76A-309.66	Quảng Ngãi	8645	78A-200.96	Phú Yên	10145	78A-200.74	Phú Yên	11645	77A-335.49	Bình Định
7146	76A-310.83	Quảng Ngãi	8646	78A-202.36	Phú Yên	10146	78A-201.81	Phú Yên	11646	77A-335.57	Bình Định
7147	76A-310.86	Quảng Ngãi	8647	78A-202.79	Phú Yên	10147	78A-201.91	Phú Yên	11647	77A-335.60	Bình Định
7148	76A-312.18	Quảng Ngãi	8648	78A-203.11	Phú Yên	10148	78A-202.41	Phú Yên	11648	77A-335.90	Bình Định
7149	76A-312.19	Quảng Ngãi	8649	78A-203.16	Phú Yên	10149	78A-202.54	Phú Yên	11649	77A-336.84	Bình Định
7150	76C-173.09	Quảng Ngãi	8650	78A-203.83	Phú Yên	10150	78A-202.67	Phú Yên	11650	77A-338.37	Bình Định
7151	77A-331.86	Bình Định	8651	78A-203.84	Phú Yên	10151	78A-203.23	Phú Yên	11651	77A-338.87	Bình Định
7152	77A-332.35	Bình Định	8652	78A-204.65	Phú Yên	10152	78A-204.01	Phú Yên	11652	77A-339.24	Bình Định
7153	77A-333.57	Bình Định	8653	78A-204.85	Phú Yên	10153	78A-204.53	Phú Yên	11653	77A-340.07	Bình Định
7154	77A-334.83	Bình Định	8654	78A-206.29	Phú Yên	10154	78A-205.75	Phú Yên	11654	77A-340.62	Bình Định
7155	77A-335.66	Bình Định	8655	78C-121.09	Phú Yên	10155	78A-205.87	Phú Yên	11655	77C-249.40	Bình Định
7156	77A-336.63	Bình Định	8656	78C-121.69	Phú Yên	10156	78B-015.45	Phú Yên	11656	77C-250.32	Bình Định
7157	77A-337.06	Bình Định	8657	78C-122.06	Phú Yên	10157	78C-120.97	Phú Yên	11657	77C-250.94	Bình Định
7158	77A-338.11	Bình Định	8658	79A-528.77	Khánh Hòa	10158	78C-121.13	Phú Yên	11658	77C-251.76	Bình Định
7159	77A-338.39	Bình Định	8659	79A-529.28	Khánh Hòa	10159	78D-003.40	Phú Yên	11659	77C-252.03	Bình Định
7160	77A-338.56	Bình Định	8660	79A-530.35	Khánh Hòa	10160	79A-528.92	Khánh Hòa	11660	78A-200.97	Phú Yên
7161	77A-340.06	Bình Định	8661	79A-530.88	Khánh Hòa	10161	79A-529.12	Khánh Hòa	11661	78A-201.30	Phú Yên
7162	77A-341.06	Bình Định	8662	79A-530.98	Khánh Hòa	10162	79A-529.72	Khánh Hòa	11662	78A-201.51	Phú Yên
7163	77A-341.29	Bình Định	8663	79A-532.90	Khánh Hòa	10163	79A-530.32	Khánh Hòa	11663	78A-202.21	Phú Yên
7164	77B-034.34	Bình Định	8664	79A-534.18	Khánh Hòa	10164	79A-530.94	Khánh Hòa	11664	78A-202.63	Phú Yên
7165	77C-247.39	Bình Định	8665	79A-534.68	Khánh Hòa	10165	79A-530.97	Khánh Hòa	11665	78A-204.84	Phú Yên
7166	77C-247.68	Bình Định	8666	79A-535.28	Khánh Hòa	10166	79A-531.21	Khánh Hòa	11666	78A-204.94	Phú Yên
7167	77C-248.33	Bình Định	8667	79A-535.48	Khánh Hòa	10167	79A-532.57	Khánh Hòa	11667	78A-205.13	Phú Yên
7168	77C-249.00	Bình Định	8668	79A-536.71	Khánh Hòa	10168	79A-535.02	Khánh Hòa	11668	78A-205.61	Phú Yên
7169	77C-249.85	Bình Định	8669	79A-538.37	Khánh Hòa	10169	79A-535.13	Khánh Hòa	11669	78A-206.10	Phú Yên
7170	77C-249.88	Bình Định	8670	79A-539.92	Khánh Hòa	10170	79A-535.24	Khánh Hòa	11670	78B-015.47	Phú Yên
7171	77C-250.44	Bình Định	8671	79A-541.33	Khánh Hòa	10171	79A-536.04	Khánh Hòa	11671	78C-120.01	Phú Yên
7172	77C-250.83	Bình Định	8672	79C-213.19	Khánh Hòa	10172	79A-537.70	Khánh Hòa	11672	79A-529.87	Khánh Hòa
7173	77C-251.28	Bình Định	8673	79C-215.59	Khánh Hòa	10173	79A-538.17	Khánh Hòa	11673	79A-530.21	Khánh Hòa
7174	78A-202.08	Phú Yên	8674	79C-216.58	Khánh Hòa	10174	79A-538.51	Khánh Hòa	11674	79A-532.52	Khánh Hòa
7175	78A-202.18	Phú Yên	8675	79C-216.85	Khánh Hòa	10175	79A-539.51	Khánh Hòa	11675	79A-533.24	Khánh Hòa
7176	78A-202.66	Phú Yên	8676	79C-217.00	Khánh Hòa	10176	79A-540.30	Khánh Hòa	11676	79A-533.97	Khánh Hòa
7177	78A-202.85	Phú Yên	8677	79C-217.77	Khánh Hòa	10177	79A-541.93	Khánh Hòa	11677	79A-534.52	Khánh Hòa
7178	78A-203.35	Phú Yên	8678	79C-218.19	Khánh Hòa	10178	79C-220.01	Khánh Hòa	11678	79A-535.74	Khánh Hòa
7179	78A-203.89	Phú Yên	8679	79C-220.09	Khánh Hòa	10179	79D-007.49	Khánh Hòa	11679	79A-536.10	Khánh Hòa
7180	78A-204.83	Phú Yên	8680	81A-414.29	Gia Lai	10180	81A-414.01	Gia Lai	11680	79A-536.43	Khánh Hòa
7181	78A-204.98	Phú Yên	8681	81A-414.56	Gia Lai	10181	81A-414.31	Gia Lai	11681	79A-536.47	Khánh Hòa
7182	78A-205.68	Phú Yên	8682	81A-414.86	Gia Lai	10182	81A-414.62	Gia Lai	11682	79A-536.73	Khánh Hòa
7183	78A-205.99	Phú Yên	8683	81A-415.22	Gia Lai	10183	81A-415.05	Gia Lai	11683	79A-536.82	Khánh Hòa
7184	78C-121.22	Phú Yên	8684	81A-416.41	Gia Lai	10184	81A-416.05	Gia Lai	11684	79A-536.93	Khánh Hòa
7185	78C-121.36	Phú Yên	8685	81A-417.17	Gia Lai	10185	81A-419.01	Gia Lai	11685	79A-537.31	Khánh Hòa
7186	78C-122.00	Phú Yên	8686	81A-419.29	Gia Lai	10186	81A-419.93	Gia Lai	11686	79A-537.45	Khánh Hòa
7187	78D-003.28	Phú Yên	8687	81A-419.58	Gia Lai	10187	81A-420.32	Gia Lai	11687	79A-539.76	Khánh Hòa
7188	79A-529.33	Khánh Hòa	8688	81A-419.92	Gia Lai	10188	81A-420.37	Gia Lai	11688	79A-540.20	Khánh Hòa
7189	79A-529.44	Khánh Hòa	8689	81A-420.36	Gia Lai	10189	81A-420.87	Gia Lai	11689	79A-542.02	Khánh Hòa
7190	79A-529.83	Khánh Hòa	8690	81A-421.79	Gia Lai	10190	81A-423.53	Gia Lai	11690	81A-415.01	Gia Lai
7191	79A-530.03	Khánh Hòa	8691	81A-423.25	Gia Lai	10191	81A-423.64	Gia Lai	11691	81A-415.07	Gia Lai
7192	79A-531.29	Khánh Hòa	8692	81A-423.66	Gia Lai	10192	81A-424.50	Gia Lai	11692	81A-415.17	Gia Lai
7193	79A-531.89	Khánh Hòa	8693	81A-424.48	Gia Lai	10193	81A-425.13	Gia Lai	11693	81A-415.21	Gia Lai
7194	79A-533.22	Khánh Hòa	8694	81C-261.85	Gia Lai	10194	81C-261.21	Gia Lai	11694	81A-415.49	Gia Lai
7195	79A-533.44	Khánh Hòa	8695	81C-262.57	Gia Lai	10195	81C-261.41	Gia Lai	11695	81A-415.82	Gia Lai
7196	79A-533.99	Khánh Hòa	8696	81C-263.26	Gia Lai	10196	81C-261.72	Gia Lai	11696	81A-416.64	Gia Lai
7197	79A-534.06	Khánh Hòa	8697	81C-263.96	Gia Lai	10197	81C-262.21	Gia Lai	11697	81A-416.81	Gia Lai
7198	79A-534.28	Khánh Hòa	8698	81C-264.69	Gia Lai	10198	81C-262.87	Gia Lai	11698	81A-417.40	Gia Lai
7199	79A-534.29	Khánh Hòa	8699	81C-265.62	Gia Lai	10199	81C-263.45	Gia Lai	11699	81A-417.48	Gia Lai
7200	79A-534.36	Khánh Hòa	8700	81C-265.96	Gia Lai	10200	81C-263.94	Gia Lai	11700	81A-417.72	Gia Lai

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7201	79A-534.53	Khánh Hòa	8701	81C-266.98	Gia Lai	10201	81C-264.03	Gia Lai	11701	81A-417.75	Gia Lai
7202	79A-536.09	Khánh Hòa	8702	81C-267.68	Gia Lai	10202	81C-264.71	Gia Lai	11702	81A-419.23	Gia Lai
7203	79A-538.22	Khánh Hòa	8703	81C-268.35	Gia Lai	10203	81C-264.78	Gia Lai	11703	81A-419.34	Gia Lai
7204	79A-538.53	Khánh Hòa	8704	81C-269.62	Gia Lai	10204	81C-265.23	Gia Lai	11704	81A-419.94	Gia Lai
7205	79A-539.00	Khánh Hòa	8705	82A-148.78	Kon Tum	10205	81C-265.76	Gia Lai	11705	81A-420.41	Gia Lai
7206	79A-540.65	Khánh Hòa	8706	82A-148.79	Kon Tum	10206	81C-266.74	Gia Lai	11706	81A-421.51	Gia Lai
7207	79A-541.45	Khánh Hòa	8707	82A-148.95	Kon Tum	10207	81C-267.04	Gia Lai	11707	81A-421.61	Gia Lai
7208	79A-541.88	Khánh Hòa	8708	82A-150.19	Kon Tum	10208	81C-267.42	Gia Lai	11708	81A-421.72	Gia Lai
7209	79C-214.85	Khánh Hòa	8709	82A-151.35	Kon Tum	10209	81C-268.67	Gia Lai	11709	81A-424.78	Gia Lai
7210	79C-216.00	Khánh Hòa	8710	82C-090.86	Kon Tum	10210	81C-269.04	Gia Lai	11710	81A-425.12	Gia Lai
7211	79C-216.89	Khánh Hòa	8711	82C-090.91	Kon Tum	10211	81C-269.07	Gia Lai	11711	81B-024.94	Gia Lai
7212	79C-219.86	Khánh Hòa	8712	82C-090.99	Kon Tum	10212	81C-269.31	Gia Lai	11712	81C-261.17	Gia Lai
7213	79C-219.99	Khánh Hòa	8713	82C-091.16	Kon Tum	10213	82A-150.07	Kon Tum	11713	81C-261.67	Gia Lai
7214	81A-414.19	Gia Lai	8714	82C-091.43	Kon Tum	10214	82A-150.13	Kon Tum	11714	81C-264.42	Gia Lai
7215	81A-414.28	Gia Lai	8715	83A-185.16	Sóc Trăng	10215	82A-150.31	Kon Tum	11715	81C-264.48	Gia Lai
7216	81A-415.99	Gia Lai	8716	83C-126.83	Sóc Trăng	10216	82A-150.57	Kon Tum	11716	81C-264.49	Gia Lai
7217	81A-416.65	Gia Lai	8717	83C-127.13	Sóc Trăng	10217	82A-151.21	Kon Tum	11717	81C-264.97	Gia Lai
7218	81A-417.16	Gia Lai	8718	83C-128.55	Sóc Trăng	10218	82C-090.74	Kon Tum	11718	81C-265.71	Gia Lai
7219	81A-417.29	Gia Lai	8719	84A-138.83	Trà Vinh	10219	82D-007.75	Kon Tum	11719	81C-266.93	Gia Lai
7220	81A-417.79	Gia Lai	8720	84A-138.99	Trà Vinh	10220	82D-007.81	Kon Tum	11720	81C-267.75	Gia Lai
7221	81A-418.09	Gia Lai	8721	84C-119.76	Trà Vinh	10221	83A-185.23	Sóc Trăng	11721	81C-269.57	Gia Lai
7222	81A-418.66	Gia Lai	8722	84C-121.20	Trà Vinh	10222	83A-185.41	Sóc Trăng	11722	82A-148.82	Kon Tum
7223	81A-419.11	Gia Lai	8723	85A-139.86	Ninh Thuận	10223	83C-127.04	Sóc Trăng	11723	82A-149.62	Kon Tum
7224	81A-420.22	Gia Lai	8724	86A-300.68	Bình Thuận	10224	83C-127.34	Sóc Trăng	11724	82A-150.34	Kon Tum
7225	81A-421.58	Gia Lai	8725	86A-300.77	Bình Thuận	10225	83C-127.67	Sóc Trăng	11725	82A-150.67	Kon Tum
7226	81A-421.95	Gia Lai	8726	86A-301.77	Bình Thuận	10226	83C-127.87	Sóc Trăng	11726	82A-151.12	Kon Tum
7227	81B-024.79	Gia Lai	8727	86A-301.95	Bình Thuận	10227	83C-128.48	Sóc Trăng	11727	82C-091.34	Kon Tum
7228	81C-261.39	Gia Lai	8728	86A-301.96	Bình Thuận	10228	83C-128.74	Sóc Trăng	11728	82C-091.47	Kon Tum
7229	81C-262.98	Gia Lai	8729	86A-303.15	Bình Thuận	10229	84A-138.67	Trà Vinh	11729	82D-007.54	Kon Tum
7230	81C-264.16	Gia Lai	8730	86A-303.99	Bình Thuận	10230	84A-138.70	Trà Vinh	11730	83A-183.78	Sóc Trăng
7231	81C-264.22	Gia Lai	8731	86A-304.96	Bình Thuận	10231	84C-119.51	Trà Vinh	11731	83A-184.76	Sóc Trăng
7232	81C-264.66	Gia Lai	8732	86A-305.36	Bình Thuận	10232	84C-119.64	Trà Vinh	11732	83A-185.02	Sóc Trăng
7233	81C-265.08	Gia Lai	8733	86A-306.55	Bình Thuận	10233	84C-119.73	Trà Vinh	11733	83A-185.32	Sóc Trăng
7234	81C-265.39	Gia Lai	8734	86A-307.56	Bình Thuận	10234	85A-139.40	Ninh Thuận	11734	83C-128.78	Sóc Trăng
7235	81C-265.95	Gia Lai	8735	86C-198.66	Bình Thuận	10235	85A-139.90	Ninh Thuận	11735	84A-138.92	Trà Vinh
7236	81C-266.67	Gia Lai	8736	86C-198.69	Bình Thuận	10236	85A-140.52	Ninh Thuận	11736	84C-119.30	Trà Vinh
7237	81C-267.33	Gia Lai	8737	86C-199.39	Bình Thuận	10237	85A-140.54	Ninh Thuận	11737	84D-001.90	Trà Vinh
7238	81C-268.16	Gia Lai	8738	86C-199.68	Bình Thuận	10238	85A-140.61	Ninh Thuận	11738	85A-139.27	Ninh Thuận
7239	81C-268.19	Gia Lai	8739	86C-201.28	Bình Thuận	10239	85A-140.78	Ninh Thuận	11739	85A-139.34	Ninh Thuận
7240	81C-268.55	Gia Lai	8740	86C-201.53	Bình Thuận	10240	85A-140.92	Ninh Thuận	11740	85A-139.63	Ninh Thuận
7241	82A-149.00	Kon Tum	8741	86C-201.59	Bình Thuận	10241	85C-081.23	Ninh Thuận	11741	85A-140.42	Ninh Thuận
7242	82A-149.36	Kon Tum	8742	86C-202.09	Bình Thuận	10242	85C-081.31	Ninh Thuận	11742	85A-140.63	Ninh Thuận
7243	82A-149.96	Kon Tum	8743	86C-202.98	Bình Thuận	10243	85C-081.45	Ninh Thuận	11743	85A-140.64	Ninh Thuận
7244	82A-150.36	Kon Tum	8744	86C-203.15	Bình Thuận	10244	85D-003.41	Ninh Thuận	11744	85A-140.84	Ninh Thuận
7245	82A-151.18	Kon Tum	8745	88A-721.55	Vĩnh Phúc	10245	86A-300.71	Bình Thuận	11745	85D-003.34	Ninh Thuận
7246	82C-091.44	Kon Tum	8746	88A-722.06	Vĩnh Phúc	10246	86A-300.90	Bình Thuận	11746	86A-300.10	Bình Thuận
7247	82C-091.90	Kon Tum	8747	88A-722.99	Vĩnh Phúc	10247	86A-301.23	Bình Thuận	11747	86A-300.34	Bình Thuận
7248	83A-184.65	Sóc Trăng	8748	88A-725.80	Vĩnh Phúc	10248	86A-302.01	Bình Thuận	11748	86A-303.21	Bình Thuận
7249	83C-126.44	Sóc Trăng	8749	88A-727.65	Vĩnh Phúc	10249	86A-302.34	Bình Thuận	11749	86A-303.23	Bình Thuận
7250	83C-127.25	Sóc Trăng	8750	88A-728.46	Vĩnh Phúc	10250	86A-302.46	Bình Thuận	11750	86A-303.51	Bình Thuận
7251	83C-128.08	Sóc Trăng	8751	88A-729.09	Vĩnh Phúc	10251	86A-303.41	Bình Thuận	11751	86A-303.73	Bình Thuận
7252	83C-128.19	Sóc Trăng	8752	88A-729.58	Vĩnh Phúc	10252	86A-304.24	Bình Thuận	11752	86A-306.23	Bình Thuận
7253	83C-128.22	Sóc Trăng	8753	88A-731.13	Vĩnh Phúc	10253	86A-307.12	Bình Thuận	11753	86A-306.46	Bình Thuận
7254	83C-128.28	Sóc Trăng	8754	88A-731.29	Vĩnh Phúc	10254	86A-307.42	Bình Thuận	11754	86C-200.90	Bình Thuận
7255	83C-128.59	Sóc Trăng	8755	88A-731.32	Vĩnh Phúc	10255	86A-307.54	Bình Thuận	11755	86C-201.30	Bình Thuận
7256	84C-120.44	Trà Vinh	8756	88A-733.21	Vĩnh Phúc	10256	86A-307.94	Bình Thuận	11756	86C-201.71	Bình Thuận
7257	84C-121.00	Trà Vinh	8757	88A-733.36	Vĩnh Phúc	10257	86A-308.05	Bình Thuận	11757	86C-202.72	Bình Thuận
7258	84C-121.11	Trà Vinh	8758	88A-733.77	Vĩnh Phúc	10258	86A-308.37	Bình Thuận	11758	86C-203.43	Bình Thuận
7259	85A-140.06	Ninh Thuận	8759	88A-735.15	Vĩnh Phúc	10259	86B-021.45	Bình Thuận	11759	86D-002.81	Bình Thuận
7260	85A-140.39	Ninh Thuận	8760	88A-735.18	Vĩnh Phúc	10260	86B-021.48	Bình Thuận	11760	86D-002.82	Bình Thuận

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7261	85D-003.25	Ninh Thuận	8761	88A-737.85	Vĩnh Phúc	10261	86C-201.76	Bình Thuận	11761	88A-721.64	Vĩnh Phúc
7262	86A-300.22	Bình Thuận	8762	88A-740.89	Vĩnh Phúc	10262	86C-202.51	Bình Thuận	11762	88A-721.67	Vĩnh Phúc
7263	86A-300.99	Bình Thuận	8763	88A-740.99	Vĩnh Phúc	10263	86C-203.81	Bình Thuận	11763	88A-721.97	Vĩnh Phúc
7264	86A-302.56	Bình Thuận	8764	88A-741.54	Vĩnh Phúc	10264	86D-002.90	Bình Thuận	11764	88A-722.24	Vĩnh Phúc
7265	86A-302.86	Bình Thuận	8765	88A-741.85	Vĩnh Phúc	10265	86D-002.92	Bình Thuận	11765	88A-722.52	Vĩnh Phúc
7266	86A-304.95	Bình Thuận	8766	88A-742.00	Vĩnh Phúc	10266	88A-721.57	Vĩnh Phúc	11766	88A-722.61	Vĩnh Phúc
7267	86B-021.29	Bình Thuận	8767	88C-292.28	Vĩnh Phúc	10267	88A-723.91	Vĩnh Phúc	11767	88A-722.84	Vĩnh Phúc
7268	86C-196.79	Bình Thuận	8768	88C-292.59	Vĩnh Phúc	10268	88A-724.12	Vĩnh Phúc	11768	88A-723.02	Vĩnh Phúc
7269	86C-197.09	Bình Thuận	8769	88C-293.32	Vĩnh Phúc	10269	88A-725.07	Vĩnh Phúc	11769	88A-724.54	Vĩnh Phúc
7270	86C-197.18	Bình Thuận	8770	88C-293.88	Vĩnh Phúc	10270	88A-726.50	Vĩnh Phúc	11770	88A-724.87	Vĩnh Phúc
7271	86C-201.35	Bình Thuận	8771	88C-294.16	Vĩnh Phúc	10271	88A-727.02	Vĩnh Phúc	11771	88A-727.01	Vĩnh Phúc
7272	86C-202.69	Bình Thuận	8772	88C-294.44	Vĩnh Phúc	10272	88A-727.93	Vĩnh Phúc	11772	88A-727.37	Vĩnh Phúc
7273	86C-203.22	Bình Thuận	8773	88C-295.28	Vĩnh Phúc	10273	88A-728.90	Vĩnh Phúc	11773	88A-728.61	Vĩnh Phúc
7274	86C-203.28	Bình Thuận	8774	89A-481.25	Hưng Yên	10274	88A-730.01	Vĩnh Phúc	11774	88A-729.81	Vĩnh Phúc
7275	86C-203.38	Bình Thuận	8775	89A-481.35	Hưng Yên	10275	88A-731.05	Vĩnh Phúc	11775	88A-730.17	Vĩnh Phúc
7276	86D-002.69	Bình Thuận	8776	89A-481.95	Hưng Yên	10276	88A-732.87	Vĩnh Phúc	11776	88A-730.46	Vĩnh Phúc
7277	88A-723.58	Vĩnh Phúc	8777	89A-482.09	Hưng Yên	10277	88A-733.93	Vĩnh Phúc	11777	88A-730.71	Vĩnh Phúc
7278	88A-724.89	Vĩnh Phúc	8778	89A-483.08	Hưng Yên	10278	88A-734.91	Vĩnh Phúc	11778	88A-731.04	Vĩnh Phúc
7279	88A-725.95	Vĩnh Phúc	8779	89A-483.18	Hưng Yên	10279	88A-736.17	Vĩnh Phúc	11779	88A-731.52	Vĩnh Phúc
7280	88A-726.55	Vĩnh Phúc	8780	89A-483.99	Hưng Yên	10280	88A-736.40	Vĩnh Phúc	11780	88A-732.62	Vĩnh Phúc
7281	88A-726.69	Vĩnh Phúc	8781	89A-484.06	Hưng Yên	10281	88A-737.41	Vĩnh Phúc	11781	88A-732.64	Vĩnh Phúc
7282	88A-727.19	Vĩnh Phúc	8782	89A-486.38	Hưng Yên	10282	88A-737.71	Vĩnh Phúc	11782	88A-732.97	Vĩnh Phúc
7283	88A-727.27	Vĩnh Phúc	8783	89A-486.39	Hưng Yên	10283	88A-737.78	Vĩnh Phúc	11783	88A-733.53	Vĩnh Phúc
7284	88A-727.89	Vĩnh Phúc	8784	89A-486.77	Hưng Yên	10284	88A-738.13	Vĩnh Phúc	11784	88A-734.42	Vĩnh Phúc
7285	88A-728.19	Vĩnh Phúc	8785	89A-488.28	Hưng Yên	10285	88A-738.41	Vĩnh Phúc	11785	88A-734.81	Vĩnh Phúc
7286	88A-728.44	Vĩnh Phúc	8786	89A-488.30	Hưng Yên	10286	88A-739.14	Vĩnh Phúc	11786	88A-736.49	Vĩnh Phúc
7287	88A-729.55	Vĩnh Phúc	8787	89A-490.00	Hưng Yên	10287	88A-739.49	Vĩnh Phúc	11787	88A-738.75	Vĩnh Phúc
7288	88A-730.29	Vĩnh Phúc	8788	89A-491.19	Hưng Yên	10288	88A-739.76	Vĩnh Phúc	11788	88A-739.04	Vĩnh Phúc
7289	88A-730.65	Vĩnh Phúc	8789	89A-491.25	Hưng Yên	10289	88A-739.90	Vĩnh Phúc	11789	88A-739.67	Vĩnh Phúc
7290	88A-730.77	Vĩnh Phúc	8790	89A-491.29	Hưng Yên	10290	88A-740.78	Vĩnh Phúc	11790	88A-740.57	Vĩnh Phúc
7291	88A-732.25	Vĩnh Phúc	8791	89A-492.95	Hưng Yên	10291	88A-742.34	Vĩnh Phúc	11791	88A-741.87	Vĩnh Phúc
7292	88A-732.37	Vĩnh Phúc	8792	89A-493.11	Hưng Yên	10292	88A-742.57	Vĩnh Phúc	11792	88C-292.31	Vĩnh Phúc
7293	88A-735.39	Vĩnh Phúc	8793	89A-494.39	Hưng Yên	10293	89A-481.50	Hưng Yên	11793	88C-292.62	Vĩnh Phúc
7294	88A-735.68	Vĩnh Phúc	8794	89A-494.56	Hưng Yên	10294	89A-481.80	Hưng Yên	11794	88C-293.01	Vĩnh Phúc
7295	88A-735.73	Vĩnh Phúc	8795	89A-495.15	Hưng Yên	10295	89A-482.30	Hưng Yên	11795	88C-293.67	Vĩnh Phúc
7296	88A-736.44	Vĩnh Phúc	8796	89A-495.99	Hưng Yên	10296	89A-483.21	Hưng Yên	11796	88C-294.23	Vĩnh Phúc
7297	88A-737.09	Vĩnh Phúc	8797	89A-496.06	Hưng Yên	10297	89A-483.24	Hưng Yên	11797	88C-294.60	Vĩnh Phúc
7298	88A-737.58	Vĩnh Phúc	8798	89A-496.22	Hưng Yên	10298	89A-483.27	Hưng Yên	11798	88C-295.32	Vĩnh Phúc
7299	88A-737.79	Vĩnh Phúc	8799	89A-497.03	Hưng Yên	10299	89A-484.05	Hưng Yên	11799	89A-481.40	Hưng Yên
7300	88A-738.95	Vĩnh Phúc	8800	89C-326.06	Hưng Yên	10300	89A-484.45	Hưng Yên	11800	89A-482.21	Hưng Yên
7301	88A-739.86	Vĩnh Phúc	8801	89C-327.15	Hưng Yên	10301	89A-485.60	Hưng Yên	11801	89A-483.13	Hưng Yên
7302	88A-740.11	Vĩnh Phúc	8802	89C-327.22	Hưng Yên	10302	89A-485.94	Hưng Yên	11802	89A-483.97	Hưng Yên
7303	88A-740.56	Vĩnh Phúc	8803	89C-328.82	Hưng Yên	10303	89A-487.07	Hưng Yên	11803	89A-485.70	Hưng Yên
7304	88A-740.65	Vĩnh Phúc	8804	89C-329.85	Hưng Yên	10304	89A-487.10	Hưng Yên	11804	89A-486.31	Hưng Yên
7305	88A-740.85	Vĩnh Phúc	8805	89C-330.06	Hưng Yên	10305	89A-487.51	Hưng Yên	11805	89A-486.40	Hưng Yên
7306	88A-741.44	Vĩnh Phúc	8806	89C-330.19	Hưng Yên	10306	89A-488.03	Hưng Yên	11806	89A-486.72	Hưng Yên
7307	88A-741.98	Vĩnh Phúc	8807	89C-330.33	Hưng Yên	10307	89A-488.73	Hưng Yên	11807	89A-488.04	Hưng Yên
7308	88C-293.06	Vĩnh Phúc	8808	89C-330.58	Hưng Yên	10308	89A-489.73	Hưng Yên	11808	89A-488.12	Hưng Yên
7309	88C-293.94	Vĩnh Phúc	8809	89C-330.66	Hưng Yên	10309	89A-490.10	Hưng Yên	11809	89A-488.40	Hưng Yên
7310	88C-294.18	Vĩnh Phúc	8810	89C-330.68	Hưng Yên	10310	89A-491.30	Hưng Yên	11810	89A-489.92	Hưng Yên
7311	89A-481.22	Hưng Yên	8811	89C-331.44	Hưng Yên	10311	89A-491.81	Hưng Yên	11811	89A-491.10	Hưng Yên
7312	89A-481.39	Hưng Yên	8812	89C-332.02	Hưng Yên	10312	89A-493.12	Hưng Yên	11812	89A-491.31	Hưng Yên
7313	89A-481.81	Hưng Yên	8813	89C-332.40	Hưng Yên	10313	89A-493.23	Hưng Yên	11813	89A-491.76	Hưng Yên
7314	89A-481.99	Hưng Yên	8814	89C-332.46	Hưng Yên	10314	89A-493.32	Hưng Yên	11814	89A-491.82	Hưng Yên
7315	89A-482.33	Hưng Yên	8815	89C-333.16	Hưng Yên	10315	89A-496.01	Hưng Yên	11815	89A-492.52	Hưng Yên
7316	89A-482.85	Hưng Yên	8816	89C-333.26	Hưng Yên	10316	89A-496.20	Hưng Yên	11816	89A-492.70	Hưng Yên
7317	89A-482.96	Hưng Yên	8817	89C-333.32	Hưng Yên	10317	89A-496.57	Hưng Yên	11817	89A-493.03	Hưng Yên
7318	89A-483.25	Hưng Yên	8818	90A-265.38	Hà Nam	10318	89C-325.75	Hưng Yên	11818	89A-496.41	Hưng Yên
7319	89A-484.68	Hưng Yên	8819	90A-265.75	Hà Nam	10319	89C-325.80	Hưng Yên	11819	89A-497.17	Hưng Yên
7320	89A-485.86	Hưng Yên	8820	90A-266.09	Hà Nam	10320	89C-325.84	Hưng Yên	11820	89C-326.13	Hưng Yên

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7321	89A-486.87	Hưng Yên	8821	90A-266.38	Hà Nam	10321	89C-325.93	Hưng Yên	11821	89C-326.41	Hưng Yên
7322	89A-487.38	Hưng Yên	8822	90A-267.96	Hà Nam	10322	89C-326.72	Hưng Yên	11822	89C-327.37	Hưng Yên
7323	89A-487.58	Hưng Yên	8823	90A-268.15	Hà Nam	10323	89C-327.45	Hưng Yên	11823	89C-329.04	Hưng Yên
7324	89A-489.18	Hưng Yên	8824	90A-269.12	Hà Nam	10324	89C-327.81	Hưng Yên	11824	89C-329.50	Hưng Yên
7325	89A-490.69	Hưng Yên	8825	90A-270.15	Hà Nam	10325	89C-327.92	Hưng Yên	11825	89C-330.21	Hưng Yên
7326	89A-490.95	Hưng Yên	8826	90A-270.56	Hà Nam	10326	89C-328.13	Hưng Yên	11826	89C-331.20	Hưng Yên
7327	89A-491.11	Hưng Yên	8827	90A-271.35	Hà Nam	10327	89C-329.02	Hưng Yên	11827	89C-331.54	Hưng Yên
7328	89A-491.28	Hưng Yên	8828	90A-272.00	Hà Nam	10328	89C-330.34	Hưng Yên	11828	89C-332.14	Hưng Yên
7329	89A-492.55	Hưng Yên	8829	90A-272.08	Hà Nam	10329	89C-330.64	Hưng Yên	11829	89D-019.31	Hưng Yên
7330	89A-493.28	Hưng Yên	8830	90A-272.49	Hà Nam	10330	89C-330.73	Hưng Yên	11830	90A-265.01	Hà Nam
7331	89A-494.25	Hưng Yên	8831	90A-272.86	Hà Nam	10331	89C-330.92	Hưng Yên	11831	90A-265.02	Hà Nam
7332	89A-496.18	Hưng Yên	8832	90A-273.37	Hà Nam	10332	89C-331.01	Hưng Yên	11832	90A-266.20	Hà Nam
7333	89A-496.49	Hưng Yên	8833	90A-273.58	Hà Nam	10333	89C-331.72	Hưng Yên	11833	90A-266.40	Hà Nam
7334	89A-497.28	Hưng Yên	8834	90A-273.66	Hà Nam	10334	89C-332.30	Hưng Yên	11834	90A-267.46	Hà Nam
7335	89C-326.99	Hưng Yên	8835	90C-141.39	Hà Nam	10335	89C-332.91	Hưng Yên	11835	90A-268.75	Hà Nam
7336	89C-327.25	Hưng Yên	8836	90C-143.18	Hà Nam	10336	89C-333.10	Hưng Yên	11836	90A-270.05	Hà Nam
7337	89C-327.44	Hưng Yên	8837	90C-146.16	Hà Nam	10337	89D-018.97	Hưng Yên	11837	90A-271.41	Hà Nam
7338	89C-327.83	Hưng Yên	8838	90C-146.44	Hà Nam	10338	89D-019.41	Hưng Yên	11838	90A-271.67	Hà Nam
7339	89C-328.11	Hưng Yên	8839	90C-147.09	Hà Nam	10339	90A-265.50	Hà Nam	11839	90A-271.80	Hà Nam
7340	89C-328.32	Hưng Yên	8840	90C-147.89	Hà Nam	10340	90A-266.82	Hà Nam	11840	90A-271.93	Hà Nam
7341	89C-328.39	Hưng Yên	8841	90C-148.88	Hà Nam	10341	90A-267.57	Hà Nam	11841	90A-272.02	Hà Nam
7342	89C-329.55	Hưng Yên	8842	90C-149.25	Hà Nam	10342	90A-267.75	Hà Nam	11842	90A-272.12	Hà Nam
7343	89C-330.31	Hưng Yên	8843	92A-404.69	Quảng Nam	10343	90A-268.23	Hà Nam	11843	90C-148.67	Hà Nam
7344	89C-332.44	Hưng Yên	8844	92A-405.44	Quảng Nam	10344	90A-269.02	Hà Nam	11844	92A-406.02	Quảng Nam
7345	89C-332.56	Hưng Yên	8845	92A-407.16	Quảng Nam	10345	90A-269.13	Hà Nam	11845	92A-407.49	Quảng Nam
7346	89C-333.17	Hưng Yên	8846	92A-409.00	Quảng Nam	10346	90A-269.47	Hà Nam	11846	92A-408.02	Quảng Nam
7347	89D-019.10	Hưng Yên	8847	92A-410.26	Quảng Nam	10347	90A-270.17	Hà Nam	11847	92A-408.07	Quảng Nam
7348	89D-019.39	Hưng Yên	8848	92A-410.28	Quảng Nam	10348	90A-270.20	Hà Nam	11848	92A-409.03	Quảng Nam
7349	90A-264.86	Hà Nam	8849	92A-412.83	Quảng Nam	10349	90A-271.50	Hà Nam	11849	92A-410.53	Quảng Nam
7350	90A-265.58	Hà Nam	8850	92A-413.38	Quảng Nam	10350	90A-271.52	Hà Nam	11850	92A-410.97	Quảng Nam
7351	90A-266.26	Hà Nam	8851	92A-413.86	Quảng Nam	10351	90A-272.24	Hà Nam	11851	92A-412.32	Quảng Nam
7352	90A-266.85	Hà Nam	8852	92A-415.47	Quảng Nam	10352	90A-272.61	Hà Nam	11852	92A-413.05	Quảng Nam
7353	90A-267.25	Hà Nam	8853	92A-416.17	Quảng Nam	10353	90A-272.71	Hà Nam	11853	92A-414.07	Quảng Nam
7354	90A-270.09	Hà Nam	8854	92B-031.69	Quảng Nam	10354	90A-272.76	Hà Nam	11854	92A-414.23	Quảng Nam
7355	90A-272.89	Hà Nam	8855	92B-031.88	Quảng Nam	10355	90A-273.54	Hà Nam	11855	92A-414.64	Quảng Nam
7356	90C-143.39	Hà Nam	8856	92B-032.39	Quảng Nam	10356	90A-273.82	Hà Nam	11856	92A-414.94	Quảng Nam
7357	90C-144.69	Hà Nam	8857	92C-243.06	Quảng Nam	10357	90B-009.23	Hà Nam	11857	92A-415.72	Quảng Nam
7358	90C-144.79	Hà Nam	8858	92C-243.43	Quảng Nam	10358	90C-148.93	Hà Nam	11858	92C-250.12	Quảng Nam
7359	90C-146.88	Hà Nam	8859	92C-243.77	Quảng Nam	10359	90C-148.94	Hà Nam	11859	93A-477.62	Bình Phước
7360	90C-147.88	Hà Nam	8860	92C-245.44	Quảng Nam	10360	90C-149.20	Hà Nam	11860	93A-479.07	Bình Phước
7361	90C-148.18	Hà Nam	8861	92C-246.06	Quảng Nam	10361	90C-149.27	Hà Nam	11861	93A-479.60	Bình Phước
7362	90C-148.35	Hà Nam	8862	92C-246.66	Quảng Nam	10362	90D-006.67	Hà Nam	11862	93A-479.67	Bình Phước
7363	92A-403.66	Quảng Nam	8863	93A-471.69	Bình Phước	10363	92A-406.46	Quảng Nam	11863	93A-480.01	Bình Phước
7364	92A-405.79	Quảng Nam	8864	93A-473.00	Bình Phước	10364	92A-407.24	Quảng Nam	11864	93A-480.05	Bình Phước
7365	92A-406.96	Quảng Nam	8865	93A-473.16	Bình Phước	10365	92A-408.24	Quảng Nam	11865	93A-480.57	Bình Phước
7366	92A-407.86	Quảng Nam	8866	93A-473.55	Bình Phước	10366	92A-412.57	Quảng Nam	11866	93A-480.70	Bình Phước
7367	92A-408.59	Quảng Nam	8867	93A-473.59	Bình Phước	10367	92A-412.91	Quảng Nam	11867	93A-480.94	Bình Phước
7368	92A-409.66	Quảng Nam	8868	93A-474.38	Bình Phước	10368	92A-413.64	Quảng Nam	11868	93A-481.45	Bình Phước
7369	92A-409.77	Quảng Nam	8869	93A-474.77	Bình Phước	10369	92A-413.75	Quảng Nam	11869	93A-482.12	Bình Phước
7370	92A-410.16	Quảng Nam	8870	93A-475.39	Bình Phước	10370	92A-413.92	Quảng Nam	11870	93A-483.34	Bình Phước
7371	92A-411.33	Quảng Nam	8871	93A-475.66	Bình Phước	10371	92A-415.12	Quảng Nam	11871	93A-483.47	Bình Phước
7372	92A-411.59	Quảng Nam	8872	93A-475.79	Bình Phước	10372	92A-415.30	Quảng Nam	11872	93A-484.81	Bình Phước
7373	92A-412.06	Quảng Nam	8873	93A-477.09	Bình Phước	10373	92C-250.20	Quảng Nam	11873	93A-485.20	Bình Phước
7374	92A-414.14	Quảng Nam	8874	93A-477.47	Bình Phước	10374	93A-477.76	Bình Phước	11874	93A-486.12	Bình Phước
7375	92C-242.19	Quảng Nam	8875	93A-478.47	Bình Phước	10375	93A-477.80	Bình Phước	11875	93A-486.21	Bình Phước
7376	92C-244.08	Quảng Nam	8876	93A-479.06	Bình Phước	10376	93A-478.71	Bình Phước	11876	93B-018.23	Bình Phước
7377	92C-245.11	Quảng Nam	8877	93A-479.74	Bình Phước	10377	93A-479.37	Bình Phước	11877	93D-004.07	Bình Phước
7378	92C-246.09	Quảng Nam	8878	93A-479.84	Bình Phước	10378	93A-479.73	Bình Phước	11878	94C-080.57	Bạc Liêu
7379	92C-246.68	Quảng Nam	8879	93A-480.36	Bình Phước	10379	93A-481.74	Bình Phước	11879	94D-001.90	Bạc Liêu
7380	92C-249.49	Quảng Nam	8880	93A-481.24	Bình Phước	10380	93A-483.02	Bình Phước	11880	94D-001.97	Bạc Liêu

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7381	92C-249.99	Quảng Nam	8881	93A-482.88	Bình Phước	10381	93A-483.03	Bình Phước	11881	95C-085.49	Hậu Giang
7382	93A-471.08	Bình Phước	8882	93A-482.96	Bình Phước	10382	93A-483.54	Bình Phước	11882	97D-004.37	Bắc Kạn
7383	93A-472.00	Bình Phước	8883	93A-483.19	Bình Phước	10383	93A-483.76	Bình Phước	11883	97D-004.49	Bắc Kạn
7384	93A-472.19	Bình Phước	8884	93A-483.83	Bình Phước	10384	93A-484.21	Bình Phước	11884	97D-004.50	Bắc Kạn
7385	93A-474.22	Bình Phước	8885	93A-484.19	Bình Phước	10385	93A-484.52	Bình Phước	11885	98A-765.91	Bắc Giang
7386	93A-474.88	Bình Phước	8886	93A-484.66	Bình Phước	10386	93A-485.10	Bình Phước	11886	98A-766.21	Bắc Giang
7387	93A-475.08	Bình Phước	8887	93A-485.06	Bình Phước	10387	93A-485.13	Bình Phước	11887	98A-767.14	Bắc Giang
7388	93A-475.89	Bình Phước	8888	93A-485.78	Bình Phước	10388	93A-485.31	Bình Phước	11888	98A-768.17	Bắc Giang
7389	93A-476.77	Bình Phước	8889	93A-485.85	Bình Phước	10389	93A-485.42	Bình Phước	11889	98A-768.49	Bắc Giang
7390	93A-479.35	Bình Phước	8890	93C-185.89	Bình Phước	10390	93A-485.43	Bình Phước	11890	98A-769.62	Bắc Giang
7391	93A-479.85	Bình Phước	8891	93C-187.77	Bình Phước	10391	94D-002.01	Bạc Liêu	11891	98A-770.12	Bắc Giang
7392	93A-479.99	Bình Phước	8892	93C-188.33	Bình Phước	10392	95C-085.37	Hậu Giang	11892	98A-770.64	Bắc Giang
7393	93A-482.59	Bình Phước	8893	93C-189.38	Bình Phước	10393	95C-086.03	Hậu Giang	11893	98A-770.84	Bắc Giang
7394	93A-482.84	Bình Phước	8894	93C-191.39	Bình Phước	10394	95C-086.13	Hậu Giang	11894	98A-771.49	Bắc Giang
7395	93A-483.84	Bình Phước	8895	93C-194.68	Bình Phước	10395	95D-020.48	Hậu Giang	11895	98A-771.70	Bắc Giang
7396	93A-483.85	Bình Phước	8896	93C-195.44	Bình Phước	10396	97B-012.27	Bắc Kạn	11896	98A-772.37	Bắc Giang
7397	93A-484.25	Bình Phước	8897	93D-004.08	Bình Phước	10397	98A-768.52	Bắc Giang	11897	98A-772.41	Bắc Giang
7398	93A-484.38	Bình Phước	8898	94C-080.09	Bạc Liêu	10398	98A-769.37	Bắc Giang	11898	98A-772.43	Bắc Giang
7399	93A-485.99	Bình Phước	8899	95B-010.89	Hậu Giang	10399	98A-771.91	Bắc Giang	11899	98A-773.02	Bắc Giang
7400	93C-185.11	Bình Phước	8900	95C-081.66	Hậu Giang	10400	98A-772.46	Bắc Giang	11900	98A-773.49	Bắc Giang
7401	93C-186.06	Bình Phước	8901	95C-084.84	Hậu Giang	10401	98A-772.67	Bắc Giang	11901	98A-773.54	Bắc Giang
7402	93C-188.11	Bình Phước	8902	97B-012.36	Bắc Kạn	10402	98A-773.04	Bắc Giang	11902	98A-774.62	Bắc Giang
7403	93C-188.39	Bình Phước	8903	97C-039.86	Bắc Kạn	10403	98A-774.20	Bắc Giang	11903	98A-775.52	Bắc Giang
7404	93C-189.85	Bình Phước	8904	97C-041.55	Bắc Kạn	10404	98A-775.51	Bắc Giang	11904	98A-775.60	Bắc Giang
7405	93C-190.85	Bình Phước	8905	97C-043.66	Bắc Kạn	10405	98A-776.17	Bắc Giang	11905	98A-776.20	Bắc Giang
7406	93C-191.69	Bình Phước	8906	97D-004.38	Bắc Kạn	10406	98A-776.91	Bắc Giang	11906	98A-776.73	Bắc Giang
7407	94C-079.68	Bạc Liêu	8907	98A-765.90	Bắc Giang	10407	98A-777.52	Bắc Giang	11907	98A-776.97	Bắc Giang
7408	94D-002.02	Bạc Liêu	8908	98A-766.22	Bắc Giang	10408	98A-777.81	Bắc Giang	11908	98A-778.67	Bắc Giang
7409	95B-010.86	Hậu Giang	8909	98A-766.32	Bắc Giang	10409	98A-778.27	Bắc Giang	11909	98A-779.60	Bắc Giang
7410	95C-081.68	Hậu Giang	8910	98A-766.56	Bắc Giang	10410	98A-778.30	Bắc Giang	11910	98A-780.23	Bắc Giang
7411	95C-081.88	Hậu Giang	8911	98A-767.00	Bắc Giang	10411	98A-778.32	Bắc Giang	11911	98A-781.76	Bắc Giang
7412	95C-083.55	Hậu Giang	8912	98A-767.96	Bắc Giang	10412	98A-779.53	Bắc Giang	11912	98A-781.97	Bắc Giang
7413	95C-083.59	Hậu Giang	8913	98A-768.11	Bắc Giang	10413	98A-779.84	Bắc Giang	11913	98A-783.05	Bắc Giang
7414	95C-084.18	Hậu Giang	8914	98A-768.29	Bắc Giang	10414	98A-781.46	Bắc Giang	11914	98A-783.41	Bắc Giang
7415	95C-085.88	Hậu Giang	8915	98A-768.55	Bắc Giang	10415	98A-782.53	Bắc Giang	11915	98A-783.90	Bắc Giang
7416	97C-041.14	Bắc Kạn	8916	98A-769.11	Bắc Giang	10416	98A-782.67	Bắc Giang	11916	98A-785.04	Bắc Giang
7417	97C-041.22	Bắc Kạn	8917	98A-769.88	Bắc Giang	10417	98A-782.72	Bắc Giang	11917	98A-785.21	Bắc Giang
7418	97C-043.55	Bắc Kạn	8918	98A-770.11	Bắc Giang	10418	98A-785.23	Bắc Giang	11918	98A-785.61	Bắc Giang
7419	98A-767.44	Bắc Giang	8919	98A-770.70	Bắc Giang	10419	98A-785.62	Bắc Giang	11919	98A-786.03	Bắc Giang
7420	98A-768.00	Bắc Giang	8920	98A-771.72	Bắc Giang	10420	98A-786.21	Bắc Giang	11920	98A-786.24	Bắc Giang
7421	98A-769.26	Bắc Giang	8921	98A-771.85	Bắc Giang	10421	98A-787.94	Bắc Giang	11921	98A-787.03	Bắc Giang
7422	98A-771.66	Bắc Giang	8922	98A-773.59	Bắc Giang	10422	98A-788.67	Bắc Giang	11922	98A-787.32	Bắc Giang
7423	98A-772.15	Bắc Giang	8923	98A-773.66	Bắc Giang	10423	98A-789.01	Bắc Giang	11923	98A-787.50	Bắc Giang
7424	98A-772.55	Bắc Giang	8924	98A-774.16	Bắc Giang	10424	98A-790.60	Bắc Giang	11924	98A-787.91	Bắc Giang
7425	98A-772.77	Bắc Giang	8925	98A-774.79	Bắc Giang	10425	98A-790.82	Bắc Giang	11925	98A-788.20	Bắc Giang
7426	98A-775.18	Bắc Giang	8926	98A-775.29	Bắc Giang	10426	98A-791.07	Bắc Giang	11926	98A-789.42	Bắc Giang
7427	98A-776.59	Bắc Giang	8927	98A-775.88	Bắc Giang	10427	98A-792.50	Bắc Giang	11927	98A-789.50	Bắc Giang
7428	98A-777.14	Bắc Giang	8928	98A-776.16	Bắc Giang	10428	98A-792.63	Bắc Giang	11928	98A-789.91	Bắc Giang
7429	98A-777.85	Bắc Giang	8929	98A-777.12	Bắc Giang	10429	98A-795.05	Bắc Giang	11929	98A-790.12	Bắc Giang
7430	98A-778.44	Bắc Giang	8930	98A-777.25	Bắc Giang	10430	98A-795.70	Bắc Giang	11930	98A-791.12	Bắc Giang
7431	98A-778.87	Bắc Giang	8931	98A-780.18	Bắc Giang	10431	98A-795.76	Bắc Giang	11931	98A-791.87	Bắc Giang
7432	98A-779.16	Bắc Giang	8932	98A-782.05	Bắc Giang	10432	98A-797.42	Bắc Giang	11932	98A-792.91	Bắc Giang
7433	98A-779.36	Bắc Giang	8933	98A-783.44	Bắc Giang	10433	98C-351.40	Bắc Giang	11933	98A-793.17	Bắc Giang
7434	98A-781.58	Bắc Giang	8934	98A-783.58	Bắc Giang	10434	98C-351.70	Bắc Giang	11934	98A-793.24	Bắc Giang
7435	98A-781.83	Bắc Giang	8935	98A-785.19	Bắc Giang	10435	98C-351.97	Bắc Giang	11935	98A-794.05	Bắc Giang
7436	98A-782.56	Bắc Giang	8936	98A-785.33	Bắc Giang	10436	98C-352.93	Bắc Giang	11936	98A-794.90	Bắc Giang
7437	98A-783.09	Bắc Giang	8937	98A-785.57	Bắc Giang	10437	98C-353.49	Bắc Giang	11937	98A-795.61	Bắc Giang
7438	98A-784.00	Bắc Giang	8938	98A-786.91	Bắc Giang	10438	98C-353.57	Bắc Giang	11938	98A-795.78	Bắc Giang
7439	98A-784.25	Bắc Giang	8939	98A-786.99	Bắc Giang	10439	98C-353.78	Bắc Giang	11939	98A-797.02	Bắc Giang
7440	98A-784.48	Bắc Giang	8940	98A-787.75	Bắc Giang	10440	98C-353.80	Bắc Giang	11940	98C-351.72	Bắc Giang

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7441	98A-786.83	Bắc Giang	8941	98A-788.29	Bắc Giang	10441	98C-354.46	Bắc Giang	11941	98C-352.78	Bắc Giang
7442	98A-787.35	Bắc Giang	8942	98A-788.44	Bắc Giang	10442	99A-772.67	Bắc Ninh	11942	98C-354.12	Bắc Giang
7443	98A-787.69	Bắc Giang	8943	98A-790.66	Bắc Giang	10443	99A-772.78	Bắc Ninh	11943	99A-772.02	Bắc Ninh
7444	98A-788.08	Bắc Giang	8944	98A-791.22	Bắc Giang	10444	99A-773.34	Bắc Ninh	11944	99A-772.49	Bắc Ninh
7445	98A-790.06	Bắc Giang	8945	98A-793.18	Bắc Giang	10445	99A-773.72	Bắc Ninh	11945	99A-772.63	Bắc Ninh
7446	98A-790.15	Bắc Giang	8946	98A-793.36	Bắc Giang	10446	99A-773.94	Bắc Ninh	11946	99A-772.97	Bắc Ninh
7447	98A-791.44	Bắc Giang	8947	98A-794.94	Bắc Giang	10447	99A-774.05	Bắc Ninh	11947	99A-773.10	Bắc Ninh
7448	98A-792.00	Bắc Giang	8948	98A-794.99	Bắc Giang	10448	99A-774.43	Bắc Ninh	11948	99A-773.12	Bắc Ninh
7449	98A-792.09	Bắc Giang	8949	98A-796.06	Bắc Giang	10449	99A-775.81	Bắc Ninh	11949	99A-774.10	Bắc Ninh
7450	98A-792.28	Bắc Giang	8950	98C-351.51	Bắc Giang	10450	99A-776.45	Bắc Ninh	11950	99A-774.97	Bắc Ninh
7451	98A-792.33	Bắc Giang	8951	98C-351.56	Bắc Giang	10451	99A-776.90	Bắc Ninh	11951	99A-776.41	Bắc Ninh
7452	98C-350.16	Bắc Giang	8952	98C-351.66	Bắc Giang	10452	99A-777.94	Bắc Ninh	11952	99A-778.48	Bắc Ninh
7453	98C-350.66	Bắc Giang	8953	98C-352.52	Bắc Giang	10453	99A-778.02	Bắc Ninh	11953	99A-778.72	Bắc Ninh
7454	98C-351.25	Bắc Giang	8954	98C-355.00	Bắc Giang	10454	99A-778.75	Bắc Ninh	11954	99A-778.97	Bắc Ninh
7455	98C-351.77	Bắc Giang	8955	98C-355.09	Bắc Giang	10455	99A-779.40	Bắc Ninh	11955	99A-779.76	Bắc Ninh
7456	98C-353.09	Bắc Giang	8956	99A-773.11	Bắc Ninh	10456	99A-779.49	Bắc Ninh	11956	99A-780.02	Bắc Ninh
7457	98C-355.18	Bắc Giang	8957	99A-773.29	Bắc Ninh	10457	99A-779.67	Bắc Ninh	11957	99A-781.45	Bắc Ninh
7458	98C-355.25	Bắc Giang	8958	99A-773.56	Bắc Ninh	10458	99A-779.82	Bắc Ninh	11958	99A-782.46	Bắc Ninh
7459	99A-772.15	Bắc Ninh	8959	99A-775.08	Bắc Ninh	10459	99A-780.50	Bắc Ninh	11959	99A-783.31	Bắc Ninh
7460	99A-772.55	Bắc Ninh	8960	99A-775.99	Bắc Ninh	10460	99A-781.10	Bắc Ninh	11960	99A-783.76	Bắc Ninh
7461	99A-773.83	Bắc Ninh	8961	99A-776.16	Bắc Ninh	10461	99A-781.34	Bắc Ninh	11961	99A-784.01	Bắc Ninh
7462	99A-773.96	Bắc Ninh	8962	99A-777.01	Bắc Ninh	10462	99A-781.57	Bắc Ninh	11962	99A-784.42	Bắc Ninh
7463	99A-776.11	Bắc Ninh	8963	99A-777.02	Bắc Ninh	10463	99A-782.54	Bắc Ninh	11963	99A-784.49	Bắc Ninh
7464	99A-776.86	Bắc Ninh	8964	99A-777.35	Bắc Ninh	10464	99A-783.70	Bắc Ninh	11964	99A-784.62	Bắc Ninh
7465	99A-777.04	Bắc Ninh	8965	99A-777.45	Bắc Ninh	10465	99A-784.51	Bắc Ninh	11965	99A-784.97	Bắc Ninh
7466	99A-779.65	Bắc Ninh	8966	99A-778.18	Bắc Ninh	10466	99A-784.70	Bắc Ninh	11966	99A-785.63	Bắc Ninh
7467	99A-780.69	Bắc Ninh	8967	99A-778.85	Bắc Ninh	10467	99A-785.05	Bắc Ninh	11967	99A-785.75	Bắc Ninh
7468	99A-781.69	Bắc Ninh	8968	99A-780.65	Bắc Ninh	10468	99A-785.31	Bắc Ninh	11968	99A-785.76	Bắc Ninh
7469	99A-782.98	Bắc Ninh	8969	99A-781.09	Bắc Ninh	10469	99A-787.47	Bắc Ninh	11969	99A-787.27	Bắc Ninh
7470	99A-783.09	Bắc Ninh	8970	99A-781.85	Bắc Ninh	10470	99A-788.17	Bắc Ninh	11970	99A-787.74	Bắc Ninh
7471	99A-784.25	Bắc Ninh	8971	99A-783.56	Bắc Ninh	10471	99A-788.43	Bắc Ninh	11971	99A-787.90	Bắc Ninh
7472	99A-784.48	Bắc Ninh	8972	99A-785.95	Bắc Ninh	10472	99A-788.74	Bắc Ninh	11972	99A-788.14	Bắc Ninh
7473	99A-786.44	Bắc Ninh	8973	99A-787.56	Bắc Ninh	10473	99A-789.23	Bắc Ninh	11973	99A-788.45	Bắc Ninh
7474	99A-787.00	Bắc Ninh	8974	99A-788.15	Bắc Ninh	10474	99A-789.92	Bắc Ninh	11974	99A-790.31	Bắc Ninh
7475	99A-787.58	Bắc Ninh	8975	99A-788.19	Bắc Ninh	10475	99A-789.93	Bắc Ninh	11975	99A-790.34	Bắc Ninh
7476	99A-787.87	Bắc Ninh	8976	99A-789.69	Bắc Ninh	10476	99A-790.32	Bắc Ninh	11976	99A-790.72	Bắc Ninh
7477	99A-789.16	Bắc Ninh	8977	99A-789.70	Bắc Ninh	10477	99A-790.71	Bắc Ninh	11977	99A-792.13	Bắc Ninh
7478	99A-792.92	Bắc Ninh	8978	99A-789.78	Bắc Ninh	10478	99A-791.10	Bắc Ninh	11978	99A-792.24	Bắc Ninh
7479	99A-793.28	Bắc Ninh	8979	99A-791.88	Bắc Ninh	10479	99A-791.64	Bắc Ninh	11979	99A-792.94	Bắc Ninh
7480	99A-793.88	Bắc Ninh	8980	99A-792.85	Bắc Ninh	10480	99A-792.27	Bắc Ninh	11980	99A-793.17	Bắc Ninh
7481	99A-793.94	Bắc Ninh	8981	99A-793.98	Bắc Ninh	10481	99A-792.32	Bắc Ninh	11981	99A-794.71	Bắc Ninh
7482	99A-794.55	Bắc Ninh	8982	99A-794.99	Bắc Ninh	10482	99A-793.13	Bắc Ninh	11982	99A-795.52	Bắc Ninh
7483	99A-794.96	Bắc Ninh	8983	99A-795.88	Bắc Ninh	10483	99A-794.14	Bắc Ninh	11983	99A-796.24	Bắc Ninh
7484	99A-796.08	Bắc Ninh	8984	99A-796.11	Bắc Ninh	10484	99A-796.27	Bắc Ninh	11984	99A-797.13	Bắc Ninh
7485	99A-798.59	Bắc Ninh	8985	99A-796.83	Bắc Ninh	10485	99A-797.41	Bắc Ninh	11985	99A-797.17	Bắc Ninh
7486	99A-799.22	Bắc Ninh	8986	99A-797.06	Bắc Ninh	10486	99A-798.72	Bắc Ninh	11986	99A-798.92	Bắc Ninh
7487	99B-026.95	Bắc Ninh	8987	99A-798.82	Bắc Ninh	10487	99A-799.13	Bắc Ninh	11987	99A-800.47	Bắc Ninh
7488	99C-310.19	Bắc Ninh	8988	99A-799.29	Bắc Ninh	10488	99A-800.60	Bắc Ninh	11988	99A-800.71	Bắc Ninh
7489	99C-310.56	Bắc Ninh	8989	99A-800.11	Bắc Ninh	10489	99A-800.84	Bắc Ninh	11989	99C-309.40	Bắc Ninh
7490	99C-311.09	Bắc Ninh	8990	99A-801.01	Bắc Ninh	10490	99A-801.07	Bắc Ninh	11990	99C-311.52	Bắc Ninh
7491	99C-311.86	Bắc Ninh	8991	99C-309.78	Bắc Ninh	10491	99A-801.20	Bắc Ninh	11991	99C-313.23	Bắc Ninh
7492	99C-311.96	Bắc Ninh	8992	99C-309.79	Bắc Ninh	10492	99B-026.94	Bắc Ninh	11992	99C-313.78	Bắc Ninh
7493	99C-312.11	Bắc Ninh	8993	99C-310.29	Bắc Ninh	10493	99C-311.62	Bắc Ninh	11993	99C-313.80	Bắc Ninh
7494	99C-312.44	Bắc Ninh	8994	99C-312.48	Bắc Ninh	10494	99C-311.92	Bắc Ninh	11994	99C-314.62	Bắc Ninh
7495	99C-313.65	Bắc Ninh	8995	99C-315.55	Bắc Ninh	10495	99C-313.21	Bắc Ninh	11995	99C-315.24	Bắc Ninh
7496	99C-313.88	Bắc Ninh	8996	99C-315.69	Bắc Ninh	10496	99C-313.41	Bắc Ninh	11996	99C-315.54	Bắc Ninh
7497	99C-314.16	Bắc Ninh	8997	99C-316.19	Bắc Ninh	10497	99C-314.87	Bắc Ninh	11997	99C-315.72	Bắc Ninh
7498	99C-315.85	Bắc Ninh	8998	99D-020.16	Bắc Ninh	10498	99C-314.93	Bắc Ninh	11998	99C-315.91	Bắc Ninh
7499	99C-316.09	Bắc Ninh	8999	99D-020.59	Bắc Ninh	10499	99C-315.80	Bắc Ninh	11999	99C-315.93	Bắc Ninh
7500	99D-019.91	Bắc Ninh	9000	99D-021.06	Bắc Ninh	10500	99D-021.04	Bắc Ninh	12000	99D-021.07	Bắc Ninh